10720

BẢNG TRA CHỮ NÔM

HÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI * HÀ NỘI 1976

BẢNG TRA CHỮ NÔM

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

旅榮卷

BẢNG TRA CHỮ NÔM

THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1976

LỜI GIỚI THIỆU

Để phục vụ các bạn đọc tài liệu chữ nôm và để góp phần vào việc nghiên cứu chữ nôm, chúng tôi đã tổ chức biên soạn « Bảng tra chữ nôm » này.

Bảng gồm có 8187 chữ dùng để ghi hơn một vạn hai nghìn tiếng là từ hoặc là bộ phận của từ thường dùng trong tiếng Việt.

Bảng tra này không những thu thập những « chữ nôm chân chính », mà còn thu thập cả những chữ Hán được dùng để ghi tiếng ta nữa. Bởi vì muốn đọc văn bản nôm thì không thể không biết đọc những « chữ Hán » như vậy.

Các chữ trong bảng tra được thu thập chủ yếu từ các tác phẩm sau đây : 1) **Ức trai thi tập** *(A. 131)* (*) *;* **2) Lê triều Nguyễn tướng công gia huấn ca** *(AB. 33) ;* **3) Bạch vân am thi tập** *(AB. 157) ; 4)* **Truyền kỳ mạn lục** *(A. 25) ; 5)* **Hồng đức quốc âm thi tập** *(VNV. 489) ; 6)* **Nhị độ mai** *(AB. 350) ; 7)* **Kim Vân Kiều** *(VNB. 27) ; 8)* **Vương Kim diễn tự truyện** *(AB. 234) ; 9)* **Đoạn trường tân thanh** *(AB. 12) ; 10) ;* **Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca** *(AB. 5) ; 11)* **Đại nam quốc sử diễn ca** *(AB. 1) ; 12)* **Hiếu kinh quốc ngữ ca** *(VNV. 60) ; 13)* **Gia lễ** *(AB. 572) ; 14)* **Quốc văn tùng ký** *(AB. 383) ; 15)* **Đông dương quốc âm ca** *(A. 2378).*

(*) Ký hiệu sách của Thư viện Khoa học xã hội.

Chữ nôm là thứ chữ cổ chưa hề được tiêu chuẩn hóa, vì vậy tuy có nguyên tắc cấu tạo chung nhưng vẫn thường có những cách viết không hoàn toàn thống nhất. Những chữ nôm khác nhau tìm thấy trong các tác phẩm trên nói chung đều được thu thập cả, chỉ trừ một số trường hợp cá biệt khẳng định là viết nhầm hoặc viết sai mà thôi.

Bảng tra này gồm có hai phần: phần thứ nhất dùng để tra cách đọc chữ nôm, phần thứ hai dùng để tra cách viết các chữ nôm ghi ở phần thứ nhất.

Trong phần thứ nhất trên chiều dọc của bảng tra, các chữ được sắp xếp theo số nét từ ít đến nhiều. Những chữ cùng số nét thì sắp xếp theo thứ tự các bộ chữ Hán. Những chữ chỉ khác nhau về vị trí của các bộ phận cũng xem là những chữ khác nhau, ví dụ: 銮 , 𡗶 , 𡈽 *, là ba chữ « ngồi » khác nhau. Những chữ khác nhau cùng số nét, cùng bộ nhưng dùng để ghi cùng một tiếng thì được xếp cạnh nhau để độc giả tiện so sánh, ví dụ:* 渡 , 滿 *(số 3488, 3489) đều đọc là* **biển** *(biển cả).*

Trên hàng ngang, cột bên trái của chữ ghi số thứ tự, cột bên phải ghi âm nôm hoặc âm Hán - Việt viết theo chữ quốc ngữ, tiếp theo là ví dụ. Chữ quốc ngữ ghi âm nôm nhất loạt không in ngả, chữ quốc ngữ ghi âm Hán - Việt thì in ngả. Song chỉ âm Hán - Việt nào được dùng trong tiếng ta, hoặc đồng nhất với âm nôm thì mới có ví dụ đi kèm (vd : số 1943, 埃 *—* **Ai** *— những ai, số 1937,* 哪 *—* **Ná** *— nấn ná,...) ; còn những âm Hán - Việt khác thì không có ví dụ đi kèm (vd : số 1123,* 拙 *—* **Chuyết**, *số 2122,* 柣 *—* **Trất**). *Chính ở trường hợp sau, thường có sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa chữ Hán và « chữ nôm chân chính ». Ví dụ*

chữ 𠯿 *âm Hán - Việt là* **yết**, *âm nôm là* **nhăn** *do thanh phù* 因 **nhân** *và nghĩa* 口 **khẩu** *tạo thành.*

Ví dụ nêu ra trong bảng tra cốt sao gọn, đủ rõ nghĩa là được, cho nên nói chung không trích dẫn theo nguyên văn tác phẩm. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp dẫn nguyên văn, nếu xét thấy đoạn trích từ nguyên tác gọn hơn và rõ nghĩa hơn ví dụ tự đặt, như « ngọn cỏ dàu dàu » (ví dụ về chữ **dàu**, *số 1200), « lời nói tri tri » (ví dụ về chữ* **tri**, *số 1262) ...Trong một số trường hợp rất hạn chế, ví dụ được thay bằng chú thích, vì xét thấy ở đây chú thích tiết kiệm hơn. Chú thích bao giờ cũng đặt trong dấu ngoặc đơn, ví dụ « Min » (là ta, tôi) — số 5810 : « Trẫm » (nhà vua tự xưng) — số 2106 :... Ở đây, nói chung mỗi chữ nôm chỉ có một ví dụ kèm theo. Đáng lẽ khi gặp các trường hợp đồng âm, cũng cần nêu ví dụ, nhưng làm như thế e rằng sẽ quá dài.*

Phần thứ hai trong bảng tra ghi lại bằng chữ quốc ngữ tất cả các tiếng tương ứng với chữ nôm trong phần thứ nhất, và sắp xếp theo thứ tự A, B, C... Con số ghi sau mỗi tiếng viết bằng chữ quốc ngữ là số thứ tự của chữ nôm trong phần thứ nhất.

***

Trong quá trình biên soạn « Bảng tra chữ nôm » này, công tác thu thập tư liệu chữ nôm do các đồng chí Phùng Uông, Đào Thản và Hồ Lê tiến hành với sự tham gia ý kiến của các cụ Cao Xuân Huy, Nguyễn Kỳ Nam và Nguyễn Đức Vân. Việc sắp xếp, chỉnh lý, bổ sung những tư liệu đã thu thập và lập thành bản thảo chủ yếu do đồng chí Hồ Lê tiến hành với sự tham gia ý kiến của các cụ Lê Thước, Cao Xuân Huy.

Đồng chí Đặng Thai Mai đã quan tâm đến công trình này ngay từ đầu và đã trực tiếp giúp đỡ những người biên soạn.

Các đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Kim Thản, Hoàng Phê cũng đã xem bản thảo và góp nhiều ý kiến bổ ích.

Lẽ ra, một quyển tự điển chữ nôm thật tốt phải được tiến hành trên cơ sở thu thập tư liệu đầy đủ trong tất cả các tác phẩm chữ nôm hiện có ở ta. Đây là công việc rất lớn và khó khăn, đòi hỏi nhiều người am hiểu tham gia với nhiều phương tiện và điều kiện cần thiết. Song, hoàn cảnh vừa qua chưa cho phép đặt ra một việc làm với qui mô như thế. Vì vậy, mặc dầu Viện ngôn ngữ học thấy còn phải hoàn thiện « Bảng tra » này nhưng cho rằng vẫn nên xuất bản để phục vụ bạn đọc, và coi đây là bước đầu để tiến đến biên soạn một quyển tự điển chữ nôm lớn sau này.

VIỆN NGÔN NGỮ HỌC
Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam

PHẦN THỨ NHẤT

CÁCH ĐỌC CHỮ NÔM

1 nét

1 一 *NHẤT* nhất định
NHẮT lắt nhắt

2 丿 *PHIỆT*
PHẢY gió phe phẩy
PHẾT phết hồ
PHIẾT phiết quạt
PHÚT phút chốc

3 乙 *ẤT*
ÁT nói át đi
ẮC đầy ăng ắc
ẮT ắt là
HẮT hắt hủi

2 nét

4 丁 *ĐINH* tráng đinh
ĐỨA đứa con

5 七 *THẤT* thất thểu

6 乃 *NÃI*
NẢI tay nải
NÃY ban nãy
NẢY nóng nảy
NÁY áy náy
NẤY ai nấy
NỚI nới rộng

7 乂 *NGHỆ* củ nghệ

8 九 *CỬU* cửu tuyền

9 了 *LIỄU* kết liễu
LÉO khéo léo
LỀU lều thều
LẾU lếu láo
LÍU dính líu

10 二 *NHỊ* nhuần nhị

11 人 *NHÂN* nhân đạo

12 入 *NHẬP* nhập nhằng
NHẠP tạp nhạp

13 八 *BÁT* bát nháo

14 几 *KỶ* kỷ trà
GHẾ ghế ngồi
KỄ kễ hở
KẺ kẻ kia
KỸ kỹ càng

15 刀 *ĐAO* lao đao
DAO con dao
ĐEO đeo đuổi

16 刁 *ĐIÊU* điêu ngoa

17 力 *LỰC* lực điền
SỨC sức lực
SỰC sực nhớ
SỤT nhai sụt sụt

18 十 *THẬP* khách thập phương, thập thò

19 卜 *BỐC* ăn bốc
VỐC vốc nước

20  *HỰU* LẠI — lại ra đi

3 nét

21  *VẠN* VẠN — muôn vạn; vô vàn

22  *TRƯỢNG* — ba, bốn trượng

23  *TAM* — nồi tam bành, anh tam (là anh em)

24  *THƯỢNG* — nón thượng

25  *HẠ* — hạ thổ

26  *DỮ* — hung dữ

27  *CÁ* — con cá

28  *A* — chạy a vào

29  *HOÀN* — cao đơn hoàn tán
HÒN — hòn đá

30  *XOA* — quỷ dạ xoa

31  ẤY — người ấy

32  *CỬU* — vĩnh cửu

33  *KHẤT* — khất kha khất khưởng
KHẮT — khắt khe

34  *DÃ* — dã dề
DẠ — vàng dạ
GIÃ — giã gạo

35  *XÚC* SỤC — sục sạo

36  *VU* — vu vơ

37  *VONG* — vong mạng

38  *NGỘT* — ngột ngạt

39  NGẮT — lặng ngắt
HẮT — hắt hiu
HỚT — hớt ha hớt hải

40  *PHÀM* — phàm ăn

41  *NHẬN* NHẪN — nhận chìm; nhẫn xuống

42  *THƯỢC* *CHƯỚC* — mưu chước
GIUỘC — một giuộc

43  *THIÊN* — thiên vạn

44  *TRẤP* TRẬP — trập tai

45  *KHẨU* — ứng khẩu

46 土 *THỔ* thuế điền thổ

47 士 *SĨ* kẻ sĩ

48 夕 *TỊCH* đêm trừ tịch

49 大 *ĐẠI* đồn đại
DÃY một dãy

50 女 *NỮ* nam nữ
NHỠ nhỡ việc
NỠ nỡ nào
NỚ trên nớ
NỢ nợ nần
NỮA còn nữa
LỠ lỡ làng

51 子 *TỬ* phụ tử
TÍ giờ tí

52 寸 *THỐN* thiếu thốn
DỐN dón chân
SỐN đái sớn
THUỐN thuốn mặt
XỐN xốn xang

53 小 *TIỂU* chú tiểu

54 尸 *THI* thi hài
THẦY thầy ma

55 山 *SAN* san sẻ
SƠN sơn khê

56 川 *XUYÊN* sơn xuyên

57 工 *CÔNG* công việc
CONG cong queo
CÔÔNG côông kènh
GÒNG gồng gánh
TRONG trong ngoài

58 巳 *TỊ* giờ tị

59 已 *DĨ* dĩ nhiên

60 己 *KỶ* ích kỷ

61 巾 *CÂN* cân đai
KHĂN khăn áo
KHĂN lần khăn

62 干 *CAN* can ngăn
CƠN cơn sầu

63 弋 *DẶC* dài dằng dặc
DÁC dáo dác
DẠC dạc dài
NHÁC nhớn nhác
NHẮC nhắc lên
RẠC bệ rạc

64 弓 *CUNG* cung tên
CONG cong queo

65 才 *TÀI* tài ba

66 彐 *KỆ* mặc kệ
KẸ cọ kẹ, kẹ vào

4 nét

67 不 *BẤT* bất thình lình

68 丐 *CÁI* bò cái, cái nhà

69 丑 *SỬU* tuổi sửu
SẤU quả sấu
XẤU xấu xí
GIẤU cất giấu

70 中 *TRUNG* trung tâm
TRONG ở trong
TRUỒNG đường truồng

71 丰 *PHONG* phong phú

72 丹 *ĐAN* đan tâm
ĐƠN

73 之 *CHI* làm chi ?
GÌ chuyện gì ?
GIẢY giây phút

74 予 *DƯ*
NHỬ nát nhừ

75 亿 Ý, Ỷ
ẤY ấy là

76 亞 Ấ
ÚT em út

77 云 *VÂN* phân vân

78 互 *HỖ* hỗ trợ
HỒ xấu hổ

79 五 *NGŨ* ngã ngũ

80 井 *TỈNH* phép tỉnh điền
TỈN cái hũ, cái tỉn

81 亢 *CANG* cang trực
KHẢNG khảng tảng

82 什 *THẬP* thập thò

83 仁 *NHÂN* nhân đức

84 仃 *ĐINH* linh đinh
DỪNG đừng lại
ĐÀNH đành lòng
ĐẦN đỡ đần
ĐỨA đứa con
ĐỪNG đừng trêu

85 仄 *TRẮC* trúc trắc

86 仆 *PHỐC*
BỌC bao bọc
PHÓC nhảy phóc

87 仇 *CỪU* cừu hận

88 今 *KIM* kim chỉ

89 介 *GIỚI* sảng giới

90 仍 *NHƯNG* nhưng mà
NHẮNG lắng nhắng
NHẲNG nhủng nhẳng
NHỮNG những điều

91 元 *NGUYÊN* tết nguyên đán

92 内 *NỘI* ông nội
NÒI nòi giống
NỖI nỗi niềm
NÓI nói năng
NỤI chắc nụi

93 公 *CÔNG* con công

94 六 *LỤC* lục đục
LÚC một lúc

95 兮 *HỀ* cười hề hề

96 冗 *NHŨNG* nhũng nhẵng
NHÕNG nhõng nhẽo
NHÙNG nhùng nhằng

97 凶 *HUNG* hung dữ

98 分 *PHÂN* phân vân
PHẦN một phần
PHẬN phận mình

99 切 *THIẾT* thiết tha
SIẾT siết chặt
THIẾC thùng thiếc
THƯỚT thướt tha

100 勿 *VẬT* vật ngã
VẶT vặt vãnh
VẤT vất đi

101 仉 KẺ kẻ này kẻ nọ

102 化 *HÓA* ruộng hóa
HUẾ thành Huế

103 冴 LEO trong leo lẻo
LẺO trong leo lẻo

104 匹 *THẤT* thất thểu

105 卅 *TẠP* gỗ tạp

106 升 *THĂNG* thành Thăng long
THƯNG thưng đấu

107 午 *NGỌ* giờ ngọ
NGÕ cửa ngõ
NGỎ ngỏ ý

108 卞 *BIỆN*
BÈN bèn nói rằng

109 厄 *ÁCH* anh ách
ẠCH ọc ạch
ỊCH ình ịch

110 凤 *PHONG* phong ba bão táp

111 及 *CẬP* lập cập
GẶP gặp gỡ
KÍP kíp ra đi
KỊP đến kịp
VẬP vập trán

112 友 *HỮU* bằng hữu

113 反 *PHẢN* làm phản

114 双 *SONG* song le
song song

115 壬 *NHÂM*
NHÁM nhám tay
NHĂM nhăm nhe
NHẮM nhắm vào
RÂM ràm mát

116 天 *THIÊN* huyền thiên

117 太 *THÁI* thái quá

118 夫 *PHU* phu phen
tạp dịch

119 夭 *YÊU*
YỂU chết yểu
EO eo óc, eo sèo
ÍU iu ĩu

120 孔 *KHỔNG* đạo Khổng
HỎNG hư hỏng
HỔNG lỗ hổng
KHỎNG lỏng khỏng
KHỦNG khủng khỉnh

121 吃 HẮT hắt hơi
GẮT gắt gỏng

122 女 ĐĨ đĩ thỏa

123 少 *THIỂU* thiểu thốn
THIỂU thiểu não
THẸO một thẹo
THẾU thất thểu
THỈU bần thỉu

124 丆 CỤT cụt đầu

125 乞 NGẤT ngất trời
NGẮT xanh ngắt
NGẶT ngặt nghèo

126 尹 *DOÃN* phủ doãn

127 尺 *XÍCH* xích lại
XÁCH mang xách
XẾ xế chiều
XỆCH méo xệch
XỊCH xịch cửa

128 巴 *BA*
BƠ bơ phờ

129 屯 *ĐỒN* đồn đại
Đôn
CHỒN chồn chân
DỒN đồn dập
NHỦN nhún mình
SỒN sồn sồn
THỦN thùn thụt

130 帀 *TẤP* bão táp

131 幻 *HUYỄN* huyễn tưởng
HOẺN toen hoẻn

132 弔 *ĐIẾU* điếu tang

133 引 *DẪN* dẫn dắt
DỢN dợn sóng
GIỠN đùa giỡn

134 心 *TÂM* tâm trạng
TẤM tấm tức

135 戈 *QUA* can qua
QUƠ quơ gậy
QUỜ quờ tay

136 户 *HỘ* hộ tịch
HỌ tên họ

137 手 *THỦ* thúc thủ

138 扎 *TRÁT* trát vách
TRẠT dính trạt vào
TRƯỚT trượt qua

139 支 *CHI* chi ly
CHỀ nặng chề chề
XÊ xê xích

140 文 *VĂN* văn chương
VON chon von

141 斗 *ĐẨU* sao bắc đẩu
ĐẤU đấu thóc

142 斤 *CÂN* cân đối
RÌU búa rìu

143 方 *PHƯƠNG* bốn phương
VUÔNG vuông vức

144 日 *NHẬT* cách nhật
NHẶT khoan nhặt

145 曰 *VIẾT* viết thiếp
VẠT vạt đi
VẾT dấu vết
VÍT vít lại

146 月 *NGUYỆT* vừng nguyệt

147 木 *MỘC* thợ mộc
MÓC moi móc
MỌC mọc lên
MỐC lên mốc
MỤC mục ra

148 欠 *KHIẾM* khiếm nhã

149 歹 *ĐÃI*
NGẠT ngột ngạt
NGẶT ngặt nghèo

150 止 *CHỈ* đình chỉ

151 毋 *VÔ* vô vọng

152 比 *TỈ* tỉ dụ
TỊ sửy tị

153 毛 *MAO* lông mao
MÀO mào gà
MAU mau chóng

154 氏 *THỊ* vô danh thị

155 水 *THỦY* thủy tai

156 氿 *ƯỚT* ướt át

157 火 *HỎA* hỏa hoạn

158 尣 *LÀM* làm lụng

159 瓜 *TRẢO*
TRẢU dầu trảu
VUỐT nanh vuốt

160 片 *PHIẾN* phiến đá
PHIỆN thuốc phiện

161 牙 *NHA* manh nha
NGÀ ngà voi

162 犬 *KHUYỂN* thân khuyển mã

163 王 *VƯƠNG* vương vấn
VƯƠNG vướng chân

164 尤 *DÂM*
ĐEM đem đi

5 nét

165 丕 *PHI*
BẬY bậy bạ
PHỈ phỉ nguyền
VẦY ngâu vầy
VẬY như vậy

166 且 *THẢ* thả ra

167 𠂤 *ÍT* ít ỏi
ỊT ụt ịt

168 世 *THẾ* thế sự
THÁ cái thá gì
THÉ the thé
THỂ có thể

169 丘 *KHẬU*
KHƯU
KHEO khẳng kheo

170 丙 *BÍNH*
BIẾNG biếng nhác

171 主 *CHỦ* chủ nhà
CHÚA chúa tôi

172 𠂇 ĐÃ đã làm, đã khát

173 乍 *SẠ*
CHẠ chung chạ

174 乎 *HỒ* cơ hồ

175 乏 *PHẠP*
BẤP bấp bênh
MẤP mấp máy
MẶP chắc mặp
PHẶP chém phặp
PHẬP phập phồng
PHỐP phốp pháp
PHÚP đập phúp
phúp
PHỤP lọt phụp

176 仝 *ĐỒNG*
GIỒNG đất giồng

177 仝 *TRÙM* ông trùm

178 仔 *TỬ* tử tế

179 仕 *SĨ*
SĂI sãi vãi
SẢI sải tay
SẢY sàng sảy
SẼ di se sẽ
SẺ chim sẻ
SỄ sễ xuống
SỈ đen sì

180 他 *THA* tha phương cầu thực
THẢ thật thà
THÈ thè lè
THƠ thơ thẩn

181 伏 *TRƯỢNG*
DƯỢNG chú dượng

182 付 *PHÓ* phó thác
PHÚ trời phú cho...

183 仙 *TIÊN* tiên phật

184 代 *ĐẠI* đồn đại
ĐỜI ở đời
RƯỢI buồn rười rượi

185 令 *LỆNH* ra lệnh
LANH lanh lảnh
LÀNH tốt lành
LÊNH lênh đênh
LÌNH thình lình

186 以 *DĨ* dĩ nhiên

187 兄 *HUYNH* tình huynh đệ

188 回 *HỒI* đi một hồi

189 册 *SÁCH* đọc sách

190 冉 *NHIỄM*
NHẺM nói nhem nhẻm
NHẸM giấu nhẹm
NHIỆM mầu nhiệm

191 冤 ĐĂM đăm chiêu
ĐEM đem đến
ĐƠM đơm cá
LƠM đặt lơm

192 冬 *ĐÔNG* mùa đông

193 出 *XUẤT* xuất quỉ nhập thần

194 刊 *SAN* san bằng

195 刊 THON thon thon
THỒN thồn thức

Nặt + đao
196 刓 GỌT gọt đầu

197 功 *CÔNG* công lao

198 加 *GIA* gia giảm

199 匈 *HUNG* hung bạo

200 包 *BAO* bao bọc

201 北 *BẮC* phương bắc
BÁC chú bác
BẤC gió bấc
BẠC bạc cửa
BƯỚC bước tới

202 匝 *TÁP*
TẤP tới tấp

203 半 *BÁN* bán sống bán chết
BƯỞNG bưởng bỉnh

204 卅 *TẤP* tấp nập

205 占 *CHIÊM* lúa chiêm
CHIẾM chiếm lấy
CHÀM chàm mặt
CHĂM chăm chỉ
CHẾM chễm chệ
CHÍM chúm chím
GIẾM giấu giếm

206 卯 *MÃO*
MẪU mẫu mực
MÉO méo mó
MẸO giờ mẹo

207 仰 *NGANG* ngang nhiên
NGÀNG ngỡ ngàng

208 去 *KHỨ* quá khứ
KHỬ trừ khử

209 古 *CỔ* truyện cổ tích
CỖ cỗ bàn

210 句 *CÚ* keo cú

211 另 *LÁNH* xa lánh
LIẾNG vốn liếng
LÍNH lính quýnh
TRÁNH tránh xa

212 叨 ĐAU đau thương, đau đáu

213 叩 *KHẤU* khấu đầu
KHẠO khờ khạo

214 只 *CHỈ* chỉ có

215 叫 *KHIẾU* khiếu nại
KÊU kêu rên
KÍU kíu kít

216 召 *TRIỆU*
CHẸO chèo chẹo
CHỊU chịu lời
GIẸO giẹo giọ
TRỊU nặng trìu trịu
XẠU xạu mặt

217 叭 *BÁ* bá ngọ
BÁT bát ngát
BỚT ăn bớt
BỢT bợt chợt

218 叮 *ĐINH* đinh ninh
ĐIẾNG đau điếng

219 可 *KHẢ* khả năng
KHÁ khá giả

220 台 *ĐÀI* đài cao
ĐÀY đầu đày
THAY vui thay
THƠI thảnh thơi

221 叱 *SẤT* sất sá
SỚT sớt bớt
SỨT sứt mẻ

222 叼 LÉO khéo léo
LẾU lếu láo
LÍU líu lo
LỊU nói lịu
RÉO réo lên

223 叹 NHẮP nhắp rượu
nhắp mắt
NHÓP góp nhóp

224 叻 SỤT nhai sụt sụt

225 史 *SỬ* pho sử

226 右 *HỮU* tả hữu

227 司 *TƯ* tư đồ
TI công ti

228 号 *HIỆU* hiệu lệnh

229 囚 *TÙ* cầm tù

230 四 *TỨ* tam tứ núi
TỚ thầy tớ
TƯ điều thứ tư

231 圣 *THÁNH* ông thánh

232 外 *NGOẠI* bà ngoại
NGOÀI bèn ngoài
NGOẢI ngắc ngoải
NGOÁI năm ngoái

233 央 *ƯƠNG* trung ương

234 失 *THẤT* thất sắc
THẮT thắt lại

235 尔 *NHĨ*
NỀ nề nang

236 奴 *NÔ* nô lệ
NO no đủ
NÓ chúng nó
NỌ này nọ

237 奶 *NÃI*
NÁI lợn nái

238 孛 *DỰNG*
DẶNG dùng dằng
DỪNG dừng dưng

239 宁 *TRỮ* tàng trữ

240 宂 *NHŨNG* tham nhũng

241 对 *ĐỐI* đối đãi
ĐÓI đói kém

242 尼 *NÊ* lấy nề
NÀY lúc này
NI tăng ni
NƠI nơi kia

243  NGÚT nghi ngút

244  *TẢ* tả tơi

245  *XẢO* xảo quyệt

246  *CỰ* cự phách
CỰA cựa gà

247  *THỊ* thành thị

248  *BỐ* bao bố, bố cái.
BÔ vải bô

249  *BÌNH* bất bình
BẰNG bằng lòng

250  *ẤU* thơ ấu

251  *NHỊ*
NHẸ nhẹ nhàng

252  *PHẤT* phất phơ

253  *TẤT* tất nhiên
ẮT ắt phải

254  *ĐAO* lao đao
ĐAU đau đớn

255  ĐÀNH đành lòng

256  *MẬU*
MÔ mồ côi

257 *PHỐC* đá phốc
BỐC bốc lên
BUỐT buốt răng
VỌC vọc nước
VỤC vục xuống

258  ĐEO đeo đuổi
ĐÈO đèo bòng

259 *BÁI*
BÁT bát ngát
BẮT bắt bớ
BỚT ăn bớt

260 NHẤP nhấp mắt, nằm chẳng nhấp
NHẸP tẹp nhẹp

261  *ĐẢ* ẩu đả
ĐÁNH đánh nhau

262 *NHƯNG*
NẢY nảy chồi

263 TRÍU trĩu xuống
TRÌU trìu mến

264 CHÀNG chàng trai

265  *XÍCH* bài xích
XỊCH xịch cửa
XỆCH méo xệch

266 旦 *ĐÁN* nguyên đán
ĐẮN đắn đo
ĐẾN đi đến

267 未 *VỊ* vị tất
MÙI giờ mùi

268 末 *MẠT* mạt kiếp

269 本 *BẢN* bản xã
BỘN bề bộn
BỦN bủn xỉn
VỐN vốn vẹn
VỐN vốn liếng

270 札 *TRÁT* trơ trát
TRỚT trớt môi

271 朸 ỚT cây ớt

272 正 *CHÍNH* chính đáng
CHỄNH chễnh choáng

273 母 *MẪU* tình mẫu tử
MẸ cha mẹ

274 民 *DÂN* người dân
RẪN dạ rân

275 永 *VĨNH* vĩnh viễn
VÁNH chóng vánh
VẮNG văng vẳng
VẮNG xa vắng
VỀNH vểnh ràu
VIỄNG viếng thăm

276 氷 *BĂNG* băng giá
BĂN băn khoăn
BẰNG bằng khuâng
VẮNG văng vẳng

277 氿 NGẤT lặng ngắt

278 汀 *ĐINH*
ĐỀNH lênh đênh

279 汁 *TRẤP*
CHẤP chấp chới

280 汐 LẺO xanh leo lẻo
LẼO lạnh lẽo

281 汎 LẦY lầy lội

282 汏 NHỚP nhớp nhúa

283 汍 VỤC vục uống

284 犯 *PHẠM* phạm lỗi

285 奶 NÁI lợn nái

286 玄 *HUYỀN* đen huyền

287 玉 *NGỌC* hòn ngọc

288 瓜 *QUA* trái khổ qua
DƯA muối dưa

289 瓦 *NGÕA* thợ ngõa
NGÓI nhà ngói

290 甘 *CAM* cam chịu

291 生 *SINH* sinh mệnh
SANH sắm sanh
SIÊNG siêng năng
XÈNH xênh xang
XINH xinh đẹp

292 用 *DỤNG* vô dụng
DÙNG đồ dùng
GIÙM làm giùm
RÙNG rùng rùng

293 艺 ỚT cày ớt

294 田 *ĐIỀN* tá điền

295 由 *DO* nguyên do

296 甲 *GIÁP* áo giáp
GIẸP giẹp lép
KÉP áo kép
NHÁP nhớp nhát

297 疋 *THẤT*
SẤT sất sá

298 白 *BẠCH* tách bạch

299 皮 *BÌ* bì lợn
BỀ bề bộn
VỪA vừa phải

300 皿 *MÃNH*
MẢNH mảnh đất
MẢNG mảng quên
MỊN mịn màng

301 目 *MỤC* mục kích
MỤT mọc mụt

302 矛 *MÂU* xà mâu
MẤU mấu vào

303 矢 *THỈ* thủ thỉ
TẺ lẻ tẻ

304 石 *THẠCH* thạch bàn

305 示 *THỊ* yết thị

306 穴 *HUYỆT* đào huyệt

307 立 *LẬP* tự lập
LỤP lụp xụp
SẬP sập xuống

6 nét

308 丞 *THỪA* thừa thãi

309 屹 ẮT ắt là

310 去 *ĐÂU* ở đâu
ĐIÊU

311 亙 *CẢNG*
CẲNG cẳng chân
CỨNG cứng rắn
GẮNG gắng công

312 交 *GIAO* giao cho

313 亥 *HỢI* tuổi hợi

314 侬 NÔI giống nòi

315 仰 *NGƯỠNG* ngưỡng mộ
NGẪNG nghễnh ngãng
NGẢNG ngẳng lại
NGẲNG ngẳng cổ

316 仵 *NGỖ* ngỗ ngịch

317 件 *KIỆN* kiện hàng
KỊN đen kịn

318 价 *GIÁ* vật giá

319 任 *NHẬM*
NHIỆM bổ nhiệm
NHẬM nhầm lẫn
NHẦM tính nhầm

320 份 *PHẦN* một phần

321 仿 *PHẢNG* phảng phất
PHẲNG bằng phẳng

322 企 *XÍ* xí xóa

323 伊 *Y* tên của y
Ỉ ỉ ạch

324 伎 *KỸ* kỹ nữ

325 伍 *NGŨ* quân ngũ

326 伏 *PHỤC* phục vào một chỗ

327 伐 *PHẠT* phạt cây cối

328 休 *HƯU* về hưu

329 伒 MẤY mấy đứa

330 会 *HỘI* hội họp

331 兆 *TRIỆU* triệu chứng

332 兇 *HUNG* hung dữ

333 充 *SUNG* sung sức

334 先 *TIÊN* trước tiên

335 光 *QUANG* quang đãng

336 全 *TOÀN* toàn vẹn
TUYỀN đen tuyền

337 共 *CỘNG* tính cộng
CÙNG cùng nhau
CỤNG cụng đầu
GỌNG gọng kính

338 再 *TÁI* tái phát
TÁY táy máy

339 冰 *BĂNG* băng tuyết
BĂN băn khoăn
BẰNG bằng khuâng
PHĂNG kéo phăng

340 次 *THỨ* thứ nhất
THỚ thớ thịt

341 冲 *XUNG* nộ khí xung thiên
TRONG trong
XỐNG áo xống

342 决 *QUYẾT* quyết chí

343 刎 *VẪN* tự vẫn
VẮNG vắng vẳng
VẪN vẫn đục

344 刑 *HÌNH* hành hình

345 刺 CHÂM châm kim
ĐÂM đâm chết

346 列 *LIỆT*
LÍT lít dít
LỊT li lịt
LƯỚT lướt qua
RỊT ràng rịt

347 劣 *LIỆT* tè liệt
LỆT lẹt đẹt

348 匡 *KHUÔNG*
KHUÔN khuôn phép

349 印 *ẤN* treo ấn từ quan
IN in sách

350 危 *NGUY* nguy hiểm
NGOAY ngoay ngoảy
NGOE ngo ngoe

351 灰 *HOI* hoi hóp
HUI hui hút

352 吁 *HU* khóc hu hu
VU vu vu
VÙ vù vù

353 吒 *CHÁ*
CHA cha mẹ
SÁ sất sá

354 吪 DÀ dần dà
DÃ dã dề
GIÃ từ giã

355 吧 DỀ dề xem
RĨ rầu rĩ
RỈ rủ rỉ

356 吃 *NGẬT*
HẮC hắc lờ
HẤT hất đi
HỚT nói hớt, hớt tóc
KHẬT khật khưỡng
NGẬT thơm ngát
NGẶT việc ngặt
ỰC nuốt ực

357 吭 NGỨT nghi ngứt

358  NHỨC nhức nhối
DẬY sóng dậy

359  XIN xin làm

360  XÔN xôn xao

361  *CÁC* các nơi
CẮC lắc cắc
GẠC gỡ gạc
GẶT gặt đầu

362  *HỢP* hợp tan
CÁP quà cáp
CÓP ki cóp
GÓP góp nhặt
GỘP gộp lại
HỌP họp nhau

363  *CÁT* cát hung

364  *ĐỒNG* đồng lòng
ĐÙNG sấm đùng đùng

365 *DANH* danh giá
RANH rắp ranh

366 *HẬU* truyện có hậu

367  *LẠI* quan lại
LƯỠI ba tấc lưỡi

368 *THỔ* thổ tả
NHỔ nhổ ra

369 *HƯỚNG* phương hướng

370  *HÁCH* hống hách

371  *NHÂN* nhân lúc ấy
NHẴN nhọc nhằn

372  *TẠI* tại sao...

373 CONG cái cong

374 *DĨ*
DÃY một dãy
DẼ đất dẽ
DẺ hạt dẻ

375  HÒN hòn đất

376  HŨ cái hũ

377  *KHUÊ*
KHOAI củ khoai
QUE que củi
QUÊ quê mùa

378  *VU* vu vơ
VÒ vò chĩnh
VÙA vừa vào

379 *ĐỊA* độc địa

380 *ĐA* con đa đa
ĐƠ ngay đơ

381  *TÚC* túc trái

382 夷 *DI* man di
DAI nói dai
GÌ làm gì

383 夸 *KHOA* khoa chân múa tay

384 奸 *GIAN* gian giảo

385 好 *HẢO* hảo tâm
HIẾU hiếu thắng
HÃO hão huyền
HÁU háu ăn
HẾU trắng hếu

386 如 *NHƯ* như vậy
NHƠ nhởn nhơ

387 妃 *PHI* cung phi

388 字 *TỰ* văn tự
CHỮ chữ viết

389 存 *TỒN* sinh tồn
DỒN dồn dã
SỒN đẻ sồn sồn

390 宇 *VŨ* vũ trụ
VÕ vò võ

391 安 *AN* an cư lạc nghiệp
YÊN ngồi yên

392 寺 *TỰ* miếu tự
CHÙA chùa chiền

393 尖 *TIÊM* tiêm thuốc phiện

394 当 *ĐƯƠNG* đương đầu
ĐANG đang làm

395 屹 *NGẬT*
NGẤT cao ngất

396 岁 *TUẾ* vạn tuế

397 尽 *TẬN* vô tận

398 州 *CHÂU* châu đầu lại

399 帆 *PHÀM*
BUỒM cánh buồm
BUỒNG buồng gan

400 年 *NIÊN* bách niên giai lão
NĂM năm tháng
NÊN làm nên

401 丕 *VÀI* vài ba
VÀ một và

402 庄 *TRANG* một trang tài tử
CHĂNG biết chăng ?
CHẲNG chẳng phải
DẶNG dặng hằng
GIẰNG giằng co

403 宵 KHUYA đêm khuya

404 式 *THỨC* thức ăn
SỨC mặc sức

405 忙 *MANG*
MÀNG không màng đến, mơ màng

406 忙 NHÁC biếng nhác

407 忸 NHỚ thương nhớ

408 忱 RƯỢU rượu ra

409 忖 THỒN thồn thức
XỐN xốn xang

410 戍 *TUẤT* tuổi tuất

411 戍 *THÚ* lính thú

412 戎 *NHUNG*
NHONG nhong nhóng
NHỎNG nhỏng nhẻo

413 成 *THÀNH* thành công
THÌNH thình lình

414 托 *THÁC* ký thác
THỐC đánh thốc vào
THƯỚT lướt thướt

415 扛 *GIANG*
CĂNG căng ra
DÀNG dễ dàng
GIẰNG giằng lại

416 扣 *KHẤU* khấu lương
KHÂU khâu vá

417 扔 NHẬN nhận chìm

418 扦 (Thủ + Thiên)
CHEN chen nhau
XEN xen vào
XIÊN xỏ xiên

419 执 *CHẤP* tranh chấp
CHỘP chộp lấy

420 扶 DÁC dáo dác
DẮT dắt tay
NHẮC nhắc nhở
RẮC gieo rắc

421 村 THUỐN thuốn đất

422 扢 GẶT gặt đầu
HẾCH mũi hếch
NGẮT ngắt bông hoa
NGẮC đầu ngắc lên
NGẤT ngất trời

423 扼 GIẦY giầy xuống giếng thơi
GIẢY giảy cỏ
RẦY run rầy
RẼ rẽ thúy chia uyên

424 扯 NHỒ nhổ mạ

425 扪 NGHĨ suy nghĩ

426 扶 RƯỢN rượn đực

427 抆 *XOA* xoa bóp
XÓA xóa đi

428 抔 VO vo lại, vo tròn
VÒ vò tơ

429 收 *THU* thu nhặt
THÂU thâu đêm
THO chịu tho
THÒ thò ra

430 攷 *KHẢO* tra khảo

431 齐 *TỀ* chỉnh tề

432 旨 *CHỈ* chăm chỉ

433 早 *TẢO* tần tảo

434 旬 *TUẦN* tuần trăng

435 旭 *HÚC*
HÓC hóc hiểm

436 曰 VẾT tìm vết
VÓT chót vót

437 朮 MỌC cây mọc

438 曲 *KHÚC* khúc gỗ
khúc khuỷu

439 曳 *DUỆ*
DÁI khôn cho người ta dái
DẤY dấy lên
DƯỢI dưới dượi

440 有 *HỮU*
HỠI hỡi ôi !

441 朱 *CHU* chu đáo
CHẦU chầu mỏ
CHO đưa cho
CHÕ chõ vào

442 朴 *PHÁC* chất phác
PHẮC im phăng phắc
VÓC vóc người

443 朵 *ĐÓA* đóa hoa

444 朽 *HỦ* củ hủ

445 机 *CƠ* cơ mật

446 扔 NẢY nảy mầm

447 欢 *HOAN* hoan hỉ

446 此 *THỬ*
THUỞ thuở ấy
THỬA thửa ruộng

449 死 *TỬ* tử thần

450 汐 *TỊCH*
TÁCH nhỏ tí tách

451 汜 ĐÃI đãi dầu
DẪY đầy dẫy
RỈ rỉ ra

452 汲 NGẬP ngập ngừng

453 沅 NGỤT ngùn ngụt

454 汕 *SÁN*
SƯƠN sươn mảu

455 汚 *Ô* ô danh
Ố hoen ố

456 汎 *PHIẾM* nói chuyện phiếm
VÀM vàm rạch

457 汝 *NHỮ*
NHỞ nhắc nhở
NHỚ nhớ ra
NHỞI chơi nhởi
NHỬ nhử chim
NHỬ nhử mồi

458 江 *GIANG* giang sơn
GIĂNG giăng ra
NHĂNG lăng nhăng

459 池 *TRÌ*
ĐỊA đầm địa
TRẦY trầy da
TRỀ tràn trề

460 汊 XÒA xòa ra

461 灼 NẢY nóng nảy

462 灯 *ĐĂNG* hội hoa đăng

463 灼 SÁNG sáng tỏa

464 灰 *KHÔI*
HÔI mồ hôi
HOI hôi hoi
VÔI bình vôi

465 牟 *MÂU*
MÀU màu sắc
MẦU mầu nhiệm

466 牰 SĂN săn bắn

467 牸 TỬ sư tử

468 百 *BÁCH* bách niên giai lão
BÁ bá ngọ

469 礼 *LỄ* lễ nghi
LÃI lời lãi
LẠY lạy van
LẪY lừng lẫy
LẬY lầy bầy
LẺ lẻ tẻ
LỀ kể lề

470 竹 *TRÚC* gậy trúc

471 缶 *PHẪU*
PHỄU cái phễu

472 羊 *DƯƠNG* con sơn dương

473 羽 *VŨ* lông vũ
VÕ vò võ

474 疒 NGẤT chết ngất

475 糹 GẶT cấy gặt

476 老 *LÃO* ông lão
LẢO lảo đảo
LẢU lảu thông
LÁU láu lỉnh
RẢU cảu rảu

477 考 *KHẢO* khảo hạch

478 耒 *LỘI*
DOI doi đất
LỜI lời ra
LỢI chẳng lợi ai
LỒI lồi lõm
RÒI rạch ròi
RỜI làm rời

479 耳 *NHĨ* màng nhĩ
NHÃI nhãi ranh
NHẢI lải nhải

480 肉 *NHỤC* cốt nhục

481 𠂉 VÓC vóc người

482 臣 *THẦN* bầu thần

483 自 *TỰ* tự mình
TỪ từ đời xưa

484 至 *CHÍ* chí hiếu

485 臼 *CỮU*
CỐI cối xay

486 舌 *THIỆT* khẩu thiệt
vô bằng

487 艮 *CẤN*
CẢN cản trở
NGĂN ngăn đón
NGẮN ngắn ngủi
NGẦN ngần ngơ
NGẤN có ngấn
NGỒN ngồn ngang

488 色 *SẮC* màu sắc
SẮC sắc sỡ

489 艸 *THẢO* thảo mộc
THÁU viết tháu

490 艾 *NGẢI* cây ngải cứu
NGHỆ ngạo nghễ
NGHỆ củ nghệ

491 芍 LÈU lều tranh

492 虫 *TRÙNG* côn trùng

493 血 *HUYẾT* huyết mạch
HOẾT đỏ hoét
TIẾT cắt tiết

491 行 *HÀNH* thi hành
HẠNH đức hạnh
HÀNG sắp hàng
NGÀNH ngọn ngành

495 衣 Y y phục

496 西 *TÂY* phương tây

497 邶 MƯƠNG mương rãnh

498 门小 MỌN lẽ mọn

499 边 *BIÊN* biên cương
BÊN bên này
VEN ven bờ

500 陂 THOẢI thoai thoải

7 nét

501 两 *LƯỠNG* lưỡng lự
LẠNG nửa cân tám lạng

502 极 CỤP cụp đuôi

503 舛 BÈN bèn nói

504 舛 BÈN bèn nói

505 串 *XUYẾN* xao xuyến

506 乱 *LOẠN* nổi loạn
LOÀN lăng loàn

507 旭 CHÍN chín chục

508 亨 *HANH* hanh nắng

509 伯 *BÁ* anh em thúc bá
BÁC chú bác

510 你 *NỄ*
NẺ nứt nẻ
NÉ né mình
NỀ kính nể
NỆ câu nệ

511 伴 *BẠN* chúng bạn

512 伶 *LINH*
LANH lanh chanh
NHANH tinh nhanh
RANH con ranh
RÀNH rành mạch
RẢNH rảnh rang
RÌNH rình mò

513 佂 BỢM bợm già

514 似 *TỰ*
TỢ môi tợ thoa son
TỰA nương tựa

515 佃 *ĐIỀN* tá điền

516 位 *VỊ* vị thứ
VÌ làm vì

517 低 *ĐÊ*
ĐAY đay nghiến
ĐÀY đày đó

518 住 *TRÚ* trú chân
TRỌ ở trọ

519 侫 *NINH* nịnh nọt
NẠNH tị nạnh
NẾN cây nến

520 佐 *TÁ* phò tá

521 体 *THỂ* thân thể

522 余 *DƯ*
DỜ dật dờ

523 侫 NI tăng ni

524 做 NÓ chúng nó

525 伽 *GIÀ* cửa già

526 侀 TỚ đầy tớ

527 佚 *DẬT* ẩn dật

528 佛 *PHẬT* đức phật

529 作 *TÁC* tuổi tác

530 俑 ĐỤNG đụng chạm

531 罕 HẢN hẳn ta

532 克 *KHẮC* khắc khoải

533 兌 *ĐOÁI* đoái thương
ĐOÀI

534 免 *MIỄN* miễn sao
MẤY tôi mấy anh
MẾN yêu mến

535 兎 *THỐ*
THỎ con thỏ

536 兵 *BINH* binh linh
BỆNH bấp bệnh

537 興 *HƯNG* hưng thịnh

538 治 *DÃ* dã dề

539 冷 *LÃNH* lãnh cung
LẠNH lạnh lẽo
LỆNH lệnh đệnh
LIỀNG liềng xiềng
LINH lung linh
RÃNH rãnh nước

540 況 *HƯỚNG* huống chi

541 凋 RÒNG chảy ròng ròng
RÙNG rùng mình

542 凹 SẬP sập gụ

543 刪 *SAN* san sẻ

544  *PHÁN* phán rằng

545  *BIỆT* đi biệt
BÉT hạng bét
BẾT bê bết
BỆT ngồi bệt
BỊT bịt lại
BIẾT hiểu biết

546 *KIẾP*
CƯỚP kẻ cướp

547  *BAO*
BÀO bào gỗ

548  *LỢI* ích lợi
LỜI lời lãi

549 CHÉM chém chết

550  CHÉM chém chết

551  PHAY dao phay

552  ĐỨT chặt đứt

553  XẺO cắt xẻo

554 *TRỢ* trợ lực
RỢ mọi rợ

555  RÁNG ráng sức

556  SIÊNG siêng năng

557  *THIỆU*
THẸO thiên thẹo

558 *CỪ* đức cù lao

559 THẾ thế lực

560  VÀO đi vào

561  *HẠP*
HÁP hấp nắng
HỘP cái hộp

562  *THIỆU*
NGOẸO ngoẹo đầu

563  *KHƯỚC* khước từ

564 *TỨC* tức là, tức tối

565  *QUÂN* người quân tử

566  *LẬN* lận đận
LẦN lần khần
LẦN lần lộn
LẦN lần thần
LẤN lấn lướt
RẦN cần rần

567 ÀO ào ào
ẠO ao ực

568 吟
NGÂM ngâm nga
GẶM gặm cỏ
GẪM gẫm suy
NGĂM đen ngăm ngăm
NGĂN can ngăn
NGẪM ngẫm nghĩ
NGẬM ngậm miệng

569 否
PHỦ phủ nhận
BĨ bĩ cực thái lai

570 吩
PHÂN
PHÀN phàn nàn

571 含
HÀM hàm ơn

572 吮
DUYỆN
GIỎN nói gion giỏn

573 呈
TRÌNH đi thưa về trình
CHIỀNG chiềng làng
CHƯỜNG chán chường
TRIỀNG trùng triềng

574 吳
NGÔ đầu Ngô mình Sở
NGO ngo ngoe

575 吵
SẢO sắc sảo
THỀU thất thều

576 吶
NỘT
NÓI nói năng

577 吳
NÓI nói năng

578 吸
HẤP hấp thu
CẠP bọ cạp
CỘP lộp cộp
HỚP một hớp
HÚP húp canh
HÚT hút thuốc

579 咁
CĂM rét căm căm

580 呂
DÌU dập dìu
DÍU dan díu
TRĨU nặng trĩu

581 吨
ĐỐN hèn đốn
ĐỒN đồn đại
ĐỦN mối đùn
RỘN rộn rực
XỒN xồn xồn

582 吹
XÚY
XI xi ỉa
XOE tròn xoe
XÔI xa xôi
XƠI xơi cơm
XUÊ xuê xoa
XÙI lùi xùi

583 吻
VẪN
VẶN vặn vơ
VẶT vặt vãnh

584 谷
CỐC lốc cốc
GÓC một góc

585 吼
HỐNG hống hách
HỒNG lỗ hồng

586 吱
CHI
CHÊ chê bai

587 吐 CHỬI chửi mắng
XỈ xỉ vả

588 吾 *NGÔ*
NGO ngo ngoe

589 告 *CÁO* cáo từ
CÁU cáu bẳn
KIẾU xin kiếu

590 呀 *NHA* nha cam
NHÁ nhá xương

591 呂 *LÃ*
LẢ lả đi
LỠ lỡ làng
LỬ mệt lử
LỪA lần lừa
RẢ rôm rả
RỨA như rứa
TRẢ trả nợ
TRỞ trở lại

592 呆 *NGÃI*
NGỐC thằng ngốc
NGÓC ngóc ngách

593 呎 *XÍCH*
XẾCH nói xếch mẻ

594 吗 GÁY gà gáy

595 听 *THÍNH* rất thính tai
XÍNH xúng xính

596 听 DÀNH dỗ dành

597 呣 ĐÍU liu đíu

598 吆 EO eo óc

599 呐 DẶN dặn dò
THẦN thần thơ
THỪNG lừng thừng

600 吔 HAI một hai.

601 吭 LÓC khóc lóc

602 吣 MAU mau chóng

603 吧 MÉP mồm mép
MỚP mắc mớp
PHỤP đánh phụp vào

604 吸 NGÁT bát ngát
NGẠT ngào ngạt

605 吟 NGỎ ngỏ ý
NGÕ cửa ngõ
NGÔ ngô nghê

606 呃 NHÁCH dại nhách

607 吪 NGOA chẳng ngoa

608 吣 NHẤM nhấm nháp
NHỒM ăn nhồm nhàm

609 吟 RÈ chuông rè
HỀ cười hề hề

610 TĂM tăm hơi
TẦM nói tầm phào
TẤM tấm tắc

611  TƯỜU nói tưởu, con tưởu

612  UỐNG uống nước

613  *BA* nói bô lô ba la
BƠ bơ phờ
VÀ tủ và
VÀI vài phen

614  VO kêu vo vo

615 XÁU láu xáu

616 *SONG* song cửa

617  *KHỐN* khốn khổ

618  *VIÊN* hoa viên
VƯỜN trong vườn

619 *PHẦN* phần mộ
VUN vun trồng

620  LÓC làn lóc

621  *CHỈ*
XỞI xởi lởi, đất xởi

622 *PHẢN*
PHẲNG đất phẳng

623  *QUÂN* quân bình

624  *PHƯỜNG* phường trò ; một phường

625  *KHẢM* khảm xà cừ
KHĂM chơi khăm
KHÓM khóm cỏ
KHÚM khúm núm

626 NỒI nồi rang
NỘI đồng nội

627  *HOẠI* hủy hoại
HOAI phân hoai
HOẢI bải hoải tay chân

628  *KHANH*
GANH đua ganh

629 PHÂN bỏ phân

630  TUM lùm tum

631  *TRÁNG* trai tráng

632  *XÁC*
XẠC xào xạc

633  *THANH* thanh âm

634  TRỜI trời đất

635  *SUYỄN*
XẺN dè xẻn

636  *GIÁP* giáp mặt
XÁP xáp lại

637  *ĐỐ* đố kỵ, đố biết

638  *KỸ* kỹ nữ
ĐĨ con đĩ

639 *YÊU* yêu quái

640 GÁI trai gái

641  *DIỆU* tuyệt diệu
DÌU dập dìu
DỊU dịu dàng
XẸO xiên xẹo

642  *TRANG* trang điểm

643 *THỎA* thỏa lòng
THÕA đĩ thõa

644  NHẤT chuột nhắt

645  *HIẾU* có hiếu

646 *BỘT*
BỤT hiền như bụt
VỤT bay vút

647  *TỐNG* đời nhà Tống

648  *LAO* lao xao
LÀO lào thào
SAO làm sao ?

649 *HOÀN* hoàn toàn

650 *THỌ* tuổi thọ

651 *VĨ*
VÃI sãi vãi

652 *CỤC* cục diện
CỘC cộc cằn
CUỘC cuộc cờ
GỤC gục xuống
NGÚC ngúc ngắc

653  ĐÙN mối đùn

654  *NGẬP* ngập ngừng
GẬP gập ghềnh
NGẤP ngấp ghé
NGỢP ngợp trời
NHẤP nhấp nhô

655  *SẦM* sầm uất
SUM sum sê
XỜM bờm xờm

656  NÚI núi non

657  *CỦ* hòn củ lao (tức là hòn đảo nhỏ)

658 来 *LAI* lai láng
LAY lay động
LƠI lả lơi

659 巡 *TUẦN* đi tuần

660 𠂤 BƠ bơ vơ

661 巴三 BA ba mươi

662 危 *NGUY* nguy hiểm

663 帛 BUA phản bua
VUA vua chúa

664 希 *HY* hy vọng
HE hăm he
HÈ tè hè
HƠI hơi đỏ

665 帊方 PHƯỚN cờ phướn

666 平 VÀNG vững vàng
BĂNG bằng phẳng

667 床 *SÀNG* sẵn sàng
GIÀN giàn bếp
GIƯỜNG giường thờ
SƯỜNG sường sượng

668 序 *TỰ*
TỰA lời tựa

669 庇 ĐỤN đụn rơm

670 延 *DIÊN*
DAN dan tay
DANG dở dang

671 廷 *ĐÌNH* linh đình

672 弄 *LỘNG* lộng quyền
LÓNG nói lóng
LỒNG lồng lộn
LUỒNG luồng nước

673 弟 *ĐỆ* tình huynh đệ

674 彣 VẰN vằn vện

675 形 *HÌNH* hình bóng

676 彷 *BÀNG* bẽ bàng
PHẢNG phảng phất
PHẲNG phẳng lặng

677 役 *DỊCH* phục dịch
VIỆC việc làm

678 忌 *KỴ* đố kỵ
CẠY lo cày cạy
CẬY nhờ cậy

679 忍 *NHẪN* nhẫn tâm
NHỊN nhịn đói
NHỮNG những người

680  *THẮC* thắc thỏm

681  *CHÍ* có chí

682  *VONG* vong ơn

683  *NGỖ* ngỗ nghịch

684  *KHOÁI* khoái chí
KHUẤY khuấy lên

685  KHẢNG khảng khái

686  *THẦM* nói thầm
CHẮM nhìn chằm chặp

687  *NỮU*
NỤC cá nục

688  *THẮC* thắc thỏm

689  NHẮM nhằm đúng
NHẰM nhằm lẫn

690 *NUỐI* tiếc nuối

691  SẦU sầu đạ sầu lòng

692  *THÀNH* thành công

693  *NGÃ* ngã xuống
NGẢ ngả tư

694  *GIỚI* sáng giới

695  BẮT bắt cá
BỚT thêm bớt
BỨT bứt rứt

696 *BIỆN*
BỆN bện bù nhìn
PHỆN phện đòn

697  CẮP cắp lấy
CHẮP chắp tay
ĐẬP đập lúa
GẮP gắp lửa
GẤP gấp khúc
GHÉP ghép lại
KẸP kẹp ở giữa

698  *XẢ* xong xả
CHẢI chải đầu
CHẺ chẻ tre
GIẪY giẫy cỏ
XỚI xới lên

699 *PHÙ*
HỦA hủa vào
PHÒ phò vua
VÙA vùa lại

700 *PHÊ* phê trát
PHE chia phe

701  *ÁCH* tức anh ách

702 DẪN dẫn ba hèo

703 技 *KỸ* kỹ xảo
GẢY gảy đàn
GÃY gãy cành
GHẾ gọn ghẽ
KẺ kẻ tóc
KỀ kề lề

704 抄 *SAO* sao chép
XAO nước xao đầu vịt

705 抉 *QUYẾT*
KHOÉT khoét mắt
QUÉT quét sạch
QUẸT quẹt qua quẹt lại

706 扽 *ĐỐN* đổ đốn ra
DỌN dọn dẹp
DỒN dồn dập

707 把 *BẢ* bả lả
BÃ cặn bã
BẠ bậy bạ
BỠ bỡ ngỡ
BỮA bữa ăn
VÃ vật vã
VẢ xỉ vả
VỠ vỡ về

708 抑 *ỨC* ấm ức
ỰC ạo ực

709 抒 *TRỮ* trữ tình

710 投 *ĐẦU* đầu hàng
NHẦU nhầu nát

711 拎 *CẦM* cầm tay

712 抗 *KHÁNG* kháng cự

713 抯 GIẠM giạm vợ

714 折 *CHIẾT* chiết cây
CHẸT chết chẹt
CHỆCH chệch qua một bên
CHẾT bị chết
CHỊT chịt lấy cổ
GIẾT giết mất
NHÉT nhét vào
NHÍT nhăng nhít
SIẾT rèn siết
XÍT bọ xít
XIẾT chảy xiết

715 抹 MÓC moi móc

716 抬 NÂNG tay nâng ngang mày

717 抭 NGẮT ngắt bông
tái ngắt

718 抈 NGOẮT ngoắt lại

719 抇 NHẶT nhặt lấy

720 抏 PHANG phang ngang

721 抪 *BẢN*
BẴN bẵn gắt

722 找 *TRẢO*
QUƠ quơ củi

723  VẪN nó vẫn làm
VẶN vặn lại

724  VẮT vắt lèn

725  VÉT vét bùn
VỚT vớt lèn

726  VỤC vục uống

727  *PHAO* cầu phao
PHÀO phều phào
PHAU trắng phau

728  *CẢI* rau cải
CÃI cãi cọ
GỬI gửi đi

729  *CÔNG* công kích

730 *HẠN* hạn hán

731  KHUYA canh khuya

732  *THỜI* thời tiết

733 KHUYA khuya khoắt

734  NHẶT thưa, nhặt

735  *CANH* canh khuya

736  *CAN*
CÁN cán cuốc
CƠN cơn gió

737  *VU* cây tầm vu

738  Ô cái ô đựng trầu

739  *LÝ* đào lý

740  *HẠNH* quả hạnh đào

741  *THÔN* thôn xóm
THON thon thon
THUN thun lại

742  *TRƯỢNG* ba trượng

743  *ĐỖ* đỗ đầu
ĐẬU đậu xanh
ĐỎ đỏ tươi
ĐỒ đồ mưa

744  *ĐỆ*
ĐẠI cây đại

745 SƠN cây sơn

746  THEN then cửa

747  *THÚC*
SÚC súc giấy
THÓT thót bụng
THÚT thút thít

748 杠 *GIANG* dây giang
GÒNG gông cùm

749 步 *BỘ* đi bộ
BỰA góa bụa

750 每 *MỖI* mỗi một
MỌI mọi người
MỦI mủi lòng

751 妖 YÊU mệt yêu

752 求 *CẦU* cầu xin

753 沔 *MIỆN*
MIÊN miên man
MIỀN một miền

754 沟 AO cái ao

755 汚 DƠ dơ dáy

756 汫 GIẾNG giếng khơi

757 次 KHÉM cửa khém

758 汰 *THẢI* thải ra
THÃI thừa thãi
THẢY hết thảy

759 沙 *SA* mưa sa
SÀ sà xuống

760 泠 NGẤM ngấm nước

761 汢 NGỚT ngớt mưa

762 汨 NHẶT mưa lặt nhặt

763 沁 *TẤM* mưa lấm tấm
TẮM tắm cá
TẨM tắm rửa
THẤM thấm nước

764 沃 *ỐC*
ÓC gà eo óc

765 沌 *ĐỘN*
DỒN dồn dập
XỘN lộn xộn

766 沐 *MỘC*
MÚC múc nước

767 泗 *TỨ*
TỨA tứa nước miếng

768 沒 *MỘT* mai một
MỐT mải mốt

769 沖 *TRÙNG*
TRONG trong vắt

770 沉 *TRẦM* trầm lặng
CHẮM nhìn chằm chằm
CHÌM chìm xuống
ĐẮM nước lắm đắm
ĐẮM đắm thuyền
NGẮM đau ngắm ngắm
NGẦM ngấm ngầm
TRẮM trắm trò

771 沈 TRÂM TRÒM tròm trèm

772 沚 *CHỈ* CHẢY nước chảy

773 汐 VẶT trong vắt
VẶN vặn đục
VẬT vật vờ

774 灶 *TÁO* ông táo bếp

775 灸 *CỨU* châm cứu

776 灵 *LINH* linh thiêng
LANH lanh chanh
LENG leng keng
LẺNG lẻng kẻng
LỆNH công lệnh
LIÊNG thiêng liêng

777 灼 *CHƯỚC* mưu chước

778 灾 *TAI* tai nạn

779 災 *TAI* tai nạn

780 牣 NHẪN cẩn nhẫn

781 狂 *CUỒNG* điên cuồng

782 狄 CỌP con cọp

783 狍 KHỌN con khọn

784 狉 MƯỚP mèo mướp

785 狃 *NỮU* nữu cữu

786 狁 VẪN chó vẫn

787 狄 *ĐỊCH* ĐỆT lệt đệt

788 狡 QUÉ gà qué

789 甫 *PHỦ* BO giữ bo bo
BỒ vải bồ
BỐ bố con

790 男 *NAM* nam nữ

791 疔 *ĐINH* ĐANH nhọt đầu đanh

792 疙 ĐAU đau đớn

793 疚 GHẺ ghẻ lở

794  TRẺO trắng trẻo

795  BẠC bạc trắng

796  BẦY bầy nhầy
BỀ một bề

797  NHẮP nhắp mắt
NHẤP nhấp nháy

798  VÚC vúc vắc

799  *HỸ*
HỈ hỉ mũi
HỞ hở hang

800  NẢY nảy mầm

801  *THỐC*
SỐC sốc men, cá sốc
THÓC hạt thóc
TRỌC cạo trọc

802  *TÚ* tú tài

803  *TƯ* riêng tư
TẢY miền tây

804  DẬP dập dìu
LẤP lấp láy

805 BẢY bảy chục

806  *CỨU* nghiên cứu

807  *HỆ* hệ trọng

808  *HÃN* hãn hữu

809  *CAN* can trường
GAN gan góc

810 KHƯỚT say khướt

811  SƯỜN xương sườn

812  *LƯƠNG* lương thiện

813  *LOẠN* loạn lạc
LÀN làn tên mũi đạn

814  RẠ chết như rạ

815  KHOAI củ khoai

816  *KHUNG* khung lợn

817  BÒNG bộng hoa
VON chon von

818  NAO thuở nao
NÀO ngày nào
NU màu nu (nâu)

819  *THƯỢC* thược dược

820 
NỞ nở hoa
NỠ nỡ nào

821 
MANG nhớ mang
máng
MAN mê man
MƯỜNG mường tượng

822
CẦU
CÙ
GÙ chim gù

823 
KIẾN kiến thức
KÉN kén chọn

824 
GIÁC
DẠC vóc dạc
GÓC góc cạnh

825 
NGÔN ngôn luận
NGỎN ngỏn ngoẻn
NGỒN ngồn ngộn
NGỒN ngồn ngang
NGỘN ngộn ngộn
NGỦN cụt ngủn

826 
ĐẬU đậu xanh

827 
THỈ nói thàn thĩ

828
TRÃI
CHẠY chạy dài
GIÃI giãi bày
GIẢI con giải
TRẢI trải ra
TRẠI nói trại đi
TRẺ trẽ nãi

829 
BỐI bối rối
BÓI xem bói
BÚI búi cỏ
BUỔI buổi sáng
VỚI đi với ai

830 
XÍCH xích lại

831 
TẨU đi tẩu mã
RẢO rảo bước

832 
TÚC sung túc

833 
THÂN thân mình

834 
XA đường xa
XE xe cộ
XƠ xơ xác

835 
TẦN mùi tàn khổ
TĂN lăn tăn
TƠN lơn tơn

836 
THẦN
THÌN giờ thìn

837 
VU vu vơ

838 
QUÁ quá lắm

839 
HẤT
HẤT hất hủi

840 
TRÊN trên trời

841 
DƯỚI trên dưới
XUỐNG đi xuống

842 
ẤP ấp trại

ÓP óp ép
ỐP ốp nhau
PHẤP bay phấp phới

843 那 *NA*
NÁ nấn ná
NẢ nỡn nà
NẢ bao nả

844 邦 *BANG*
BƯƠNG
VÀNG vàng dạ

845 邪 *TÀ* tràng tà

846 酉 *DẬU* giờ dậu
DẦU dầu khoai

847 里 *LÝ* thiên lý
LỊA lia lịa

848 阮 *NGUYỄN* họ Nguyễn
NGÁN ngao ngán
NGÓN ngón tay
NGOÃN ngoan ngoãn

849 防 *PHÒNG* phòng ngừa

8 nét

850 乖 *QUAI* quai nón
QUAY quay lại

851 乳 *NHŨ*
VÚ vú mẹ

852 事 *SỰ* sự việc

853 亟 *CỨC*
CẤC lấc cấc

854 些 *TA* chúng ta
TẢ chăng tả

855 享 *HƯỞNG* hưởng thụ

856 京 *KINH* kinh đô
KIÈNG kiêng nể

857 侈 ĐỬA những đứa

858 矜 GẮNG gắng tìm

859 迭 MẤT mất mát

860 炦 MẤT mất mát

861 佻 *DIÊU*
ĐIỀU điều đứng
ĐÀO dào kép

862 佳 *GIAI* giai nhân
TRAI con trai

863 使 *SỬ* sử dụng
SỨ đi sứ
SỬA sửa sang
THỬA thửa đôi giày

864 來 *LAI* lai láng
LAY lay động
LƠI lả lơi

865 倈 TRUỒI làng Truồi.

866 侈 *XỈ* xa xỉ
SẢY sảy tay
XẢY xảy ra
XÍ nhà xí

867 例 *LỆ* lệ thường
LỀ lề thói
LỀ kề lề

868 併 *TỊNH* thôn tịnh

869 侖 *LỒN LUÂN*
LỒN lồn vào
LỒN lồn nhồn
LỐN lốn nhốn
LỤN mềm lũn
LỦN lủn củn

870 侔 *MÂU*
MẦU mầu nhiệm

871 侫 NGHỈ nghỉ ta (hắn ta)

872 俄 NHÒNG cao nhòng

873 侯 HỜI người Hời

874 侍 GIỮ giữ gìn

875 侻 *SÁ* sá chi

876 供 *CUNG* cung cấp
CÚNG cúng bái

877 依 *Y* chuẩn y

878 甭 ĐỪNG đừng làm nữa

879 侫 *NỊNH*
NÍNH nịnh hót
đi ninh nàng

880 兒 *NHI* thiếu nhi

881 其 *KỲ* kỳ thực

882 具 *CỤ* dụng cụ
CỖ cỗ bàn

883 典 *ĐIỂN* điển tích
ĐẾN đi đến

884 凪 NGỌT ngọt ngào

885 罔 *VỌNG*
VÕNG cao vòng

886 同 ĐÒNG có đòng đòng

887 冽 *LIỆT*
SÉT đất sét
RÉT mùa rét

888 凭 *BẰNG* bằng chứng
BẰNG bằng đi một dạo
PHẲNG phẳng phiu
VỮNG vững vàng

889 函 *HÀM*
HÒM hòm siểng

890 到 *ĐÁO* đáo để
ĐAU đau đáu
TRẢO trảo trở

891 剎 SỌC sòng sọc

892 制 *CHẾ* chống chế
CHOI con choi choi
CHƠI chơi vơi
CHỚI chới với
XẾ xế chiều
✳ XIẾT xiết bao

893 刷 *LOÁT* ăn loát

894 刺 *THÍCH*
CHÍCH chích máu

895 刻 *KHẮC* khắc ghi
GẮT gắt gao
KHẮT khắt khe
KHẮC khắc cây

896 勅 *SẮC* sắc bén

897 刼 KIẾP kiếp người
CƯỚP ăn cướp

898 初 *SƠ* sơ sài
THƠ lơ thơ
XƯA xưa kia

899 効 *HIỆU* hiệu nghiệm

900 劻 CỨNG nói cứng
GẮNG gắng công

901 劼 GẮNG gắng sức

902 劾 *HẠCH* sách hạch
HẶC hục hặc
HẾCH hếch chân lên

903 囫 NHẴN nhọc nhằn

904 勘 KHOẺ khoẻ mạnh

905 匧 HỘP cái hộp
KHẠP khạp trà
KHẬP khập khiễng
TRÁP sửa tráp nâng khăn

906 卓 *TRÁC* bị trác to
CHẮC kiếm chắc

907 卒 *TỐT* tiều tốt
CHỘT sau chót
CHỢT chợt thấy
DỨT dứt dát
GIỐT giốt giốt
RỐT rốt cuộc
TỘT tột cùng
XỤT xụt xịt

908 協 *HIỆP* hiệp lực

909 卦 *QUÁI*
QUẺ quẻ bói

910 卷 *QUYỂN* quyển sách
CUỐN gió cuốn

911 厓 *NHAI*
DAY day lại

912 厦 MÉ mé ngoài

913 厔 CHÁI chái nhà
CHOÁI choái khoai

914 叔 *THÚC* anh em thúc bá

915 取 *THỦ* thủ lấy

916 受 *THỤ* hấp thụ

917 呢 *NI*
NÀI kêu nài
NẤY kẻ nào người nấy
NÊ lấy nê
NÌ nằn nì
NỈ nỉ non, năn nỉ

918 命 *MỆNH* mệnh trời
MẠNG mạng người
MÌNH ta với mình

919 咀 Thả (HV)
THỞ thở than
VẢ nhờ vả

920 咈 PHỜ phỉnh phờ

921 咈 PHỚT phớt qua

922 咋 SỰA sựa ra

923 唌 THẺ thỏ thẻ
THĨ thầm thĩ
THỈ thủ thỉ

924 呷 DÁP nói mách dáp

925 咯 LO nói líu lo

926 咧 KHEN khen ngợi

927 哏 RĂN răn dạy

928 咚 GIỌNG giọng lưỡi

929 唋 HOẸT nói hoẹt

930 咎 RANH ráp ranh

931 咂 *PHI*
BẬY bậy bạ

932 
SIÊU
GHẸO trêu ghẹo
GIÉO giéo giắt
GIỄU giễu cợt
NHẸO khóc nhèo nhẹo
TRÊU trêu cợt

933 
LẬP
LÓP lóp lép
LẮP nói lắp
LẶP lặp đi lặp lại
RẮP rắp tâm
RẬP rập rình
XẬP xập xòe

934 
CHÚ bùa chú

935 
VỊNH ngâm vịnh
VẮNG văng vẳng
VIẾNG viếng thăm

936 
CHU chu đáo

937 
CHIÊM
CHẾM chếm chệ
CHỈM chỉm bỉm
CHÍM chúm chím
CHÒM chòm râu ; chòm xóm
CHỖM chòm chỗm
DỤM dành dụm
NHÓM nhóm lại
XÚM xúm đến

938 
OA
OÀ khóc oà
OẸ ậm oẹ

939 
VỊ vị ngọt
MÙI mùi thơm

940 
NAO nôn nao
NÕ nõ cối xay
NỎ nỏ mồm

941 
KHƯ
HỨ hứ một tiếng

942 
HÔ hô hoán
HO ho hen
HÒ hát hò

943 
CẮC cắc cớ

944 
BÀO bào bao
BÀU làu bàu
BẦU ruồi bâu

945 
CHÁCH
CHÁ
CHẠ chung chạ

946 
HÒA hòa mực
HÙA vào hùa

947 
PHÓ phó thác

948 
CÁU cáu gắt

949
SẼ nói se sẽ

950 
TE le te

951 吶 NHẢ nhả ra

952 吶 NHẢNG nhảng nháo

953 吶 NHẺM ăn nhem nhẻm

954 吶 THÉT thét lác

955 吶 THÉ the thé

956 吶 NỈ nỉ non
NHẠY nhạy lắm
NHẺ nhỏ nhẻ
NHÉ ...đấy nhé !

957 吶 DẮNG dắng tiếng
DÍN dín dín
GIẮNG giắng thẳng

958 吶 BÓ gắn bó
BÚ bú mớm

959 吶 *TÁP* táp lấy mà ăn
TỌP ăn tọp tẹp
TỐP một tốp

960 吶 BỎM ăn trầu bỏm bẻm
BÕM bì bỏm
BỌN một bọn
NHỒN lồn nhồn

961 吶 AO ao ước
ÀO ào ào
ẠO ạo ực

962 吶 BẶP chém bặp
BẾP bếp xép
BƯỚM con bướm

963 吶 CHỖ nói chỗ vào
GIỖ giỗ chạp
NHỒ nhổ vặt

964 吶 *HA*
HẢ hà hơi
HẢ hả hơi
HÁ há miệng
KHÁ hãy khá lo toan

965 吶 HAY hay chữ, hay là
THAY đẹp thay !

966 吶 DÁI khôn cho người ta dái
DẠY dạy dỗ
DẬY vang dậy
ĐẠI đồn đại

967 吶 DẪU dẫu rằng
DÙ dù cho
RU thế ru !
RỦ rủ rỉ

968 吶 MIẾNG miếng cơm
MIỆNG miệng ăn

969 吶 MIỆNG súc miệng

970 吶 PHỈNH phỉnh phờ
MIẾNG miếng ngon

971 
NHẠI nhại lại
NHẢY nhảy nhụa

972 
KHUẨN
KHUẨN khuẩn vác
KHUÔN khuôn mẫu

973 
CỐ cố gắng
CÓ có tiền

974 
QUỐC tổ quốc

975 
DĂNG dăng dăng

976 
LẮP lắp lại
LẤP lấp đất
LỚP tầng lớp
RẬP rập rình

977 
PHA
BỜ bờ ruộng
PHƠ bạc phơ

978 
KHÔN càn khôn
KHUÔN khuôn mặt

979 
THẢN bình thản
ĐẤT đất, đỏ
ĐẤT trời đất
ĐỨT đứt đoạn

980 
ĐIẾM điếm canh
CHUM cái chum
ĐÁM đám đất
ĐIỆM đậy điệm
ĐỤM đánh đàn
đánh đụm
TRÊM tròm trèm
XÚM xúm lại

981 
CHỖ chỗ xôi
CHỒ chuồng chồ
CHỔ chổ ở

982 
PHÔI
PHƠ phất phơ

983 
ƯƠNG
ANG ang trầu
ẢNG ảng nước

984 
THÙY thùy mị

985 
NGÓI nhà ngói

986 
ĐỀN đền đài

987 
SÀNH hũ sành

988 
CHẬU cái chậu

989 
NAI nai rượu

990 
DỒNG chim dồng dộc
GIỒNG giồng đất

991
BÀU bàu nước

992
GẠCH thềm gạch

993
NHẮM nhắm mà bắn

994
DẠ vàng dạ
DÀ dần dà

995 
YÊM
ĂM đầy ăm ắp

996 
KỲ
CẢ kỳ quặc
cả đời

997 
NẠI
NÀI nài xin
NẢI nải chuối
NẠY xeo nạy
NHẠI nhại lại

998 
NGUỘI tro nguội

999 
PHỤNG cung phụng

1000 
BỒN bồn ba
BON chạy bon bon
BUÔN buôn bán

1001
NI tăng ni

1002 
CHỤC
DÂU nàng dâu

1003 
ĐÁT
DÁT dút dát
ĐÉT gầy đét
ĐỚT nói đớt

1004 
MUỘI hiền muội

1005 
THÊ thê thiếp

1006 
THIẾP thê thiếp

1007 
PHẠP
BỢM bợm già

1008 
A
Ả cô ả
GÃ một gã phong tình
GẢ gả chồng
GÁ gá tiếng
GẠ gạ gẫm

1009 
LANH lanh lợi

1010
NỬA nửa đêm

1011
NỬA nửa đêm

1012
TỶ hiền tỷ
CHỊ chị em

1013 
TỶ
CHỊ chị em

1014 
THỦY chung thủy

1015 
THƯ tiểu thư

1016 
CÔ cô dì
GO go gấp
O o bế

1017 
TÍNH qui tính

1018 
ỦY ủy thác

1019 妬 *ĐỐ* đố kỵ
ĐÓ đó là
ĐỨ đủ đởn

1020 孟 *MẠNH* mạnh khoẻ

1021 季 *QUÍ* đậu tứ qui

1022 孤 *CÔ* cô đơn
CO co ro
CÒI con côi

1023 孥 *NOA* thê noa
NUA già nua

1024 乳 *NHŨ* nhũ mẫu

1025 侶 CHÁU con cháu

1026 狗 GÃ một gã phong tình

1027 宗 *TÔNG* tông tộc
TUNG tung lên

1028 官 *QUAN* quan lại

1029 宙 *TRỤ* vũ trụ

1030 定 *ĐỊNH* nhất định

1031 宛 *UYỂN* uyển chuyển
UỐN uốn éo

1032 宜 *NGHI* thích nghi
NGƠI nghỉ ngơi

1033 宝 *BẢO* bảo vật
BÁU của báu

1034 尚 *THƯỢNG* thượng võ
CHUỘNG ưa chuộng
SƯỢNG sượng sùng
THẮNG thắng ấy

1035 尛 CHÚT một chút

1036 居 *CƯ* dân cư

1037 屈 *KHUẤT* khuất khúc
QUẤT quanh quất

1038 岵 *HỘ* hỏ răng

1039 岩 *NHAM* lam nham
NHÀM nhàm tai

1040 岸 *NGẠN*
NGẢN núi ngàn

1041 岱 *ĐẠI*
ĐỒI núi đồi

1042 岧 *ĐIÊU*
ĐÈO trèo đèo

1043 岍 NGẢN ngản lau

1044 帑 *NÔ* nô nức

1045 帗 *ĐAI*
ĐÃY cái đãy
ĐẢY che đậy

1046 帨 ĐÃY cái đãy
ĐẬY che đậy

1047 帩 DÙ che dù

1048 帖 *THIẾP* thiếp mời
THẾP sơn son thếp vàng

1049 帘 *LIÊM*
RÈM tấm rèm

1050 幸 Hạnh (H.v) = may
HẠNH hân hạnh
MAY may mắn

1051 底 *ĐỂ* nơi hải đề
ĐÁY đáy bể
ĐẸ đẹp đẽ
ĐÉ lé đé

1052 店 *ĐIẾM* điếm canh
ĐÁM đám cưới
ĐIỆM đậy điệm
TIỆM tiệm ăn

1053 庚 *CANH* canh cánh

1054 府 *PHỦ* phủ chúa

1055 庙 *MIẾU* cái miếu

1056 迫 *BÁCH* bức bách

1057 弩 *NỖ*
NÁ cái ná
NÒ nỗ điếu
NỎ lẫy nỏ

1058 弭 BẮN bắn tên

1059 往 *VÃNG* dĩ vãng
VẢNG lảng vảng
VẠNG chạng vạng
VỚN lớn vớn

1060 彼 *BỈ*
BỞ béo bở

1061 彿 *PHẤT* phất phơ
PHỚT lớt phớt

1062 征 *CHINH* chinh chiến
CHÊNH chông chênh
GIỀNH giềnh giàng

1063 徂 *TỒ*
TÒ tò mò
TỦA tủa lua
TRÒ trằm trò

1064 徐 LĨNH liều lĩnh

1065  *THIỀM* THỎM thắc thỏm

1066  *TRUNG* trung hiếu

1067  *NIỆM* niệm phật
NIỀM nỗi niềm
NÚM khúm núm

1068  *HỐT* hốt hoảng

1069  *PHẪN* phẫn uất

1070  LO lo lắng
LỪA lừa đảo

1071  SÃ suồng sã

1072  *TẠC* ghi tạc
SỢ sợ sệt

1073  *BỐ* khủng bố

1074  *ĐÁT* bi đát

1075  *PHẠNH* BẴN im bẵn bặt

1076  *TÍNH* DÍNH tính tình dính líu

1077  *QUÁI* quái gở
QUẢY quảy xách
QUẤY quấy phá

1078  *LIÊN* LANH lanh lợi
LỆNH sợ lệnh

1079  *CAM* CĂM căm tức

1080  SÓT còn sót
XÓT xót xa

1081  *PHẬT* phật ý

1082  *KHIẾP* khiếp sợ
KHÉP khép nép

1083  *HOẢNG* hoảng sợ

1084  *TRUẬT* TRUỘT truột tay

1085  BẴN bẵn gắt

1086  RẮP rắp tâm

1087  NAO nao lòng

1088  NỀ nề mặt
NỈ năn nỉ

1089  BIẾNG biếng nhác

1090  TẤM tấm lòng
tấm ván

1091  *HOẶC* hoặc là...
HOẶC thối hoắc

1092 HỌ họ tên

1093  *LỆ* rơi lệ
LỤY quỵ lụy

1094  *PHÒNG* phòng khuê
BUỒNG buồng the

1095  *SỞ* xứ sở
SỠ sàm sỡ
SỚ dâng sớ
SỬA sửa đổi
THỬA thửa một thanh gươm

1096  NGỖ ngõ gạch

1097 *THỪA* thừa hành

1098 *BANH* banh ra
PHANH phanh thây

1099  *PHI*
PHƠ phất phơ
PHƠI phơi phới

1100  *ÁP* áp giải
ẮP đẩy ắp
ÉP bắt ép
ẸP nằm ẹp
ƯỚP ướp muối

1101  *TRỪU* trừu tượng

1102  *PHẤT* phất cờ
PHẮT đứng phắt dậy
PHỚT phớt qua

1103 *NIÊM* niêm phong
CHÊM chêm vào
CHỚM chớm nở

1104  GIÁ giá lên đánh xuống
GIƠ giơ tay

1105 CHONG chong đèn
ĐONG đong đưa
RUNG rung rinh

1106 TRỤ cột trụ
CHỖ chỗ xôi
CHỎ cùi chỏ

1107  CHỦM lội lủm chủm
ĐẦM, đầm thủng
ĐẤM đánh đấm
ĐƠM đơm xôi
ĐEM đem đi

1108 NGOAY ngoay ngoảy
NGOẢY ngoảy cổ

1109 杽 SẢY sảy gạo
SẺ san sẻ

1110 扣 KÉO kéo nhau

1111 报 Thủ + Cấp.
VẬP vập xuống

1112 扮 VẤT vất lèn

1113 抹 TRỌT trồng trọt

1114 抶 THẮT thắt chặt

1115 抹 VẦY ngâu vầy

1116 抯 Thả
VẢ vả miệng

1117 抔 PHƠ phất phơ

1118 扣 XÁO xáo lộn

1119 抹 VỤN bẻ vụn

1120 拴 TRỤM mua trụm

1121 拺 QUẤY quấy quá

1122 抰 NHÓM nhóm lại

1123 拙 *CHUYẾT*
CHOẮT bé loắt choắt
CHÚT chút ít
SỤT sụt sịt
TRÚT trút gánh

1124 拯 CO co rụt

1125 挖 OẮN oắn oại, oắn xuống

1126 抠 KHUA tiếng khua
KHÊU khêu đèn

1127 拺 KHỨA khứa cá

1128 担 *ĐẢM* đảm đương
ĐẪN đẫn tre
ĐẪN đẫn đo
TẠ một tạ thóc

1129 拉 *LẠP*
DẬP đập vùi
LẮP lắp tên
LẤP lấp đất lại
LỚP lớp lớp sóng đồi
LỢP lợp nhà
LOẠT một loạt
RẮP rắp ranh
RẬP giúp rập
SẮP sắp sửa
SỤP sụp xuống

1130 挜 DẰNG dùng dằng
DỰNG dựng lên

1131 拥 DÙNG dùng dằng
RÚNG rẻ rúng
RUỒNG ruồng rẫy

1132 抃 BƯNG bưng bít

1133 拧 GIỮ giữ gìn

1134 拍 *PHÁCH* nhịp phách
PHẾCH trắng phếch
VẠCH vạch ra

1135 拐 *QUẢI*
QUẢY quảy quả
QUẢY quảy gánh

1136 拒 *CỰ* chống cự

1137 拔 *BẠT* bạt núi
BẶT im bặt
GẠT gạt ra

1138 拖 ĐÀ la đà
ĐỠ đỡ đần
ĐỚ đớ lưỡi
ỢỢ ở ợ

1139 拖 THA tha thướt

1140 挒 BỐP bốp chát

1141 挐 NAI nai nịt

1142 拮 GÕ gõ cửa

1143 拗 *ẢO*
ẤU trái ấu
HÚC húc đầu

1144 抹 VỀNH vểnh tai

1145 拘 *CÂU* câu nệ

1146 招 *CHIÊU*
CHEO cheo leo
GIEO gieo mạ
TREO treo vào cổ

1147 批 BẮC bắc cầu

1148 抪 BÓ bó gối
PHÔ phô phang

1149 抇 MÚC múc nước

1150 放 *PHÓNG* phóng hỏa
PHÚNG phúng phính
PHƯNG phưng phức

1151 斧 *PHỦ* đao phủ
BÚA búa rìu

1152 於 *Ư*
Ợ thở ợ
Ở ở đâu
ỰA ưa thích

1153 攴 CHIA chia rẽ

1154 攲 CHIA chia rẽ

1155 旺 *VƯỢNG* thịnh vượng

1156 昂 *NGANG* ngang ngạnh
NGÀNG ngỡ ngàng
NGÃNG nghễnh ngãng
NGÁNG ngáng lại

1157 昆 *CÔN*
CON con dàu

1158 昇 *THĂNG* thăng bình

1159 昜 NGÀY ngày nay

1160 昄 LÚC lúc này

1161 明 *MINH* minh mẫn
MỪNG mừng rỡ

1162 昏 *HÔN* hoàng hôn

1163 易 *DỊ*
DỊCH xẻ dịch
DỄ dễ dàng
DỀ khinh dề
DIỆC chim diệc

1164 昔 *TÍCH* có tích rằng
THÁCH thách cưới
TẾCH tếch lên ngàn

1165 朋 *BẰNG* bằng hữu
BẰNG bỏ bằng

1166 服 *PHỤC* tín phục

1167 杯 *BÔI* đãi bôi

1168 東 *ĐÔNG* phương đông

1169 松 *TÙNG* cây tùng
THÔNG rừng thông

1170 板 *BẢN* cày thiết bản
BỬNG bửng cối xay
PHẢN phản gỗ
VÁN tấm ván

1171 杰 *KIỆT* hào kiệt

1172 枉 *UỔNG* uổng công

1173 枕 *CHẨM*
CHẨM ngồi chăm chẩm
CHẮM chăm chắm
CHŨM chũm chọe

1174 枓 RẢU rẫu lên

1175 林 *LÂM*
LĂM lăm le
LẦM lầm rầm
LIM gỗ lim
LOM lom khom
LÙM lùm cây

1176 枨 TRUỜNG truờng rậm

1177 枚 *MAI*
MAY may mắn
MOI moi móc
MUỒI cái muỗi
MUỒI chín muồi

1178 果 *QUẢ* quả cây

1179 枝 *CHI* chi nhánh

1180 杲 *CẢO*
KIỂU bát kiểu

1181 牧 MỘC mộc vào

1182 杵 NHUM cái nhum

1183 杭 KHIÊNG khiêng đi
CÁNG cái cáng

1184 柒 CHUA chanh chua

1185 枕 ĐÒN đòn gánh

1186 杉 Mộc + phạp
PHÌM phìm đàn
MẤP mấp mấy
MÚP múp đầu
MƯỚP trái mướp

1187 欣 *HÂN* hân hoan
HƠN hơn thua

1188 武 *VŨ* vũ lực
VÕ nghề võ

1189 殀 *YỂU* chết yểu
ẺO trù ẻo

1190 毒 *ĐỘC* thuốc độc
NỌC nọc rắn

1191 氓 *MANH* lưu manh

1192 𣍐 MẤT mất mát

1193 耘 MẤT mất mát

1194 沓 *ĐẠP* đội trời đạp đất

1195 泆 *DẬT* dư dật

1196 泪 *LỆ* rơi lệ

1197 沱 *ĐÀ* sông Đà
ĐỜ chảy lờ đờ
ĐỪ mệt đừ

1198 河 *HÀ* sơn hà

1199 沸 *PHẤT* mưa lất phất
PHÍ

1200 油 *DU*
DÀU ngọn cỏ dàu dàu
DẦU dầu sao
DẦU dầu lạc
DÙ dù rằng

1201 治 *TRỊ* trị an

1202 沼 *CHIỂU*
TRẺO trắng trẻo
XẺO xẻo thịt

1203 沿 *DUYÊN* duyên hải

1204 泄 *DUỆ*
TIẾT tiết ra
DỊA giặt dịa
TƯỚT đi tướt

1205 泅 *TÙ* ao tù

1206 泊 *BẠC* bàng bạc

1207 法 *PHÁP* pháp luật
PHẤP phấp phỏng
PHÉP lễ phép

1208 泛 *PHIẾM* chuyện phiếm
PHÍM phím đàn

1209 沾 *TRIÊM*
CHĂM chăm chăm
TRÈM tròm trèm

1210 泡 *BÀO*
BÀU bàu sen

1211 波 *BA* phong ba

1212 泣 *KHẤP*
KHẮP khắp nơi
LỚP lớp lớp sóng đồi
RẮP rắp ranh
RẬP rập rình

1213 泥 *NÊ*
NỀ thợ nề
NỆ câu nệ

1214 注 *CHÚ* chú thích
CHỖ chỗ xôi
GIÚ giú quả cây

1215 泮 *BẠN, PHÁN*
BỢN bợn nhơ

1216 泙 *PHANH*
BỪNG bừng bừng nổi giận
BỀNH lềnh bềnh, bập bềnh
PHỀNH nổi phềnh
PHỈNH phỉnh ra

1217 泔 TÃ tầm tã

1218 沛 *BÁI*
PHẢI phải trái
PHÁY mưa phay phảy
PHỚI phơi phới

1219 泵 NHỚP nhơ nhớp

1220 泠 NGÒI ngòi rãnh
NGUỘI nguội lạnh

1221 衯 VIẾNG thăm viếng

1222 渳 NHÈM lèm nhèm

1223 浅 MỒ mồ côi

1224 泠 *LINH*
LÊNH lênh đênh
LỀNH lềnh lảng
RÃNH ngòi rãnh

1225 泜 DÈ dầm dề

1226 洞 DÒNG dòng nước
GIÒNG nạ giòng
RÒNG ròng rã
RỒNG rồng cá
RỤNG lá rụng
RUỒNG ruồng rẫy
SÒNG gàu sòng

1227 泱 AO ao nước
ÀO ào ào
AU đỏ au

1228 炊 *XUY*
SÔI nước sôi
XÔI xôi kinh nấu sử

1229 烝 BỪNG đỏ bừng

1230 炎 *VIÊM* viêm nhiệt

1231 炒 *SAO* sao thuốc
XÀO xào nấu

1232 炉 *LÔ*
LƯ lư hương
LÒ hỏa lò

1233 烽 PHỪNG lửa phừng phừng

1234 灺 LÓA lóa mắt

1235 烳 NHÁ nhá nhem tối

1236 烘 HÓNG mò hóng

1237 炶 ĐOM đom đóm

1238 炖 ĐÙN đùn đùn

1239 烇 VẤU nanh vấu

1240 爬 *BA*
BÒ bò dưới đất

1241 爭 *TRANH* tranh ăn
DỀNH dềnh dàng
GANH ganh đua
GIÀNH giành giật

1242 忺 TẤM tấm lòng

1243 牀 *SÀNG* sỗ sàng
GIƯỜNG cái giường
SÀN nhà sàn

1244 版 *BẢN*
BẢNG bảng lảng
BỠN bỡn cợt
PHẢN phản gỗ
VÁN tấm ván

1245 物 *VẬT* súc vật

1246 狀 *TRẠNG* sự trạng

1247 狐 *HỒ* hồ ly

1248 狗 *CẨU* thiên cẩu

1249 狎 NHÍM con nhím

1250 狒 NAI hươu nai

1251 狄 CHUỘT con chuột

1252 狂 CHÓ con chó

1253 狛 CHEO con cheo

1254 玩 *NGOẠN* ngoạn mục

1255 玡 *NGÀ* đùa ngà

1256 画 *HOẠCH* trù hoạch
VẠCH vạch ra

1257 疚 *CỮU*
NHỈU nhiu mày

1258 疔 VÕ vàng võ

1259 的 *ĐÍCH* cái đích
ĐÉT gầy đét
ĐIẾC điếc tai
ĐÍT mông đít

1260 盲 *MANH* mắt thong manh

1261 直 *TRỰC* chính trực
CHỰC chầu chực
SỰC sực nhớ

1262 知 *TRI* lời nói tri tri

1263 枲 LỎI cày lỏi, tốt lỏi

1264 矻 DĨA đọi dĩa

1265 社 *XÃ* thôn xã

1266 祧 LÁY nói láy
TRỄ trễ nải

1267 衧 *HỌA* tai họa
VẠ nằm vạ

1268 秉 *BỈNH*
BÁNH bánh bao

1269 穹 *KHUNG*
KHUM cong khum khum

1270 空 *KHÔNG* không có
KHỎNG lỏng khỏng

1271 吃 NGẬT ngật ngưỡng
NGẤT chết ngất

1272 糾 Bóc
BUỘC ràng buộc
VÓC gấm vóc

1273 罔 *VÕNG* cái võng

1274 罗 *LA* la cà
LÀ khéo là ghét nhau

1275 者 *GIẢ* trưởng giả
TRẢ trả ơn

1276 耘 NHÙI bùi nhùi
NHÚI nhúi đầu vào

1277 股 *CỔ*
CỖ cỗ quan tài

1278 肢 *CHI* tứ chi

1279 肥 *PHÌ* phát phì

1280 肯 *KHẲNG* khẳng khiu
KHỨNG khứng chịu
KHỪNG lừng khừng

1281 肱 *QUĂNG* quăng ra
QUĂN quăn queo

1282 育 *DỤC* giáo dục
DỌC dọc ngang

1283 肭心 TIM quả tim

1284 肭毛 MÀO con chào mào

1285 胧 NGỰC lồng ngực

1286 胳 Ách
NÁCH dưới nách

1287 肭 NỌI chắc nọi

1288 肸 MẬP béo mập
MỌP qui mọp xuống

1289 肰 YÊU yêu nhau

1290 肭今 CẰM râu cằm

1291 肭下 BẸN hai bên bẹn

1292 舍 *XÁ* quán xá
XÓA xóa đi

1293 苹 NGẦU hoa ngâu

1294 苹 NGÓ ngó sen
NGỒ rau ngổ, ngổ ngáo

1295 茵 *NHUẾ*
NỐI nối lại

1296 芙 *PHÙ* TRẦU trầu cau

1297 芝 *CHI* cỏ chi

1298 芟 *SAM* rau sam

1299 芣 *PHÙ* BÚP tay búp măng BÚT cây bút

1300 花 *HOA* hoa sen

1301 芺 NHĂNG củ nhăng

1302 芼 MÀO mào gà

1303 苪 BÔNG bông vải

1304 苴 *CHỈ* cỏ chỉ

1305 芹 *CẦN* rau cần

1306 苦 *KHỔ* khổ sở KHÓ khó khăn

1307 虎 *HỔ* con hổ

1308 奶 NÁI sâu nái

1309 衣 E e rằng

1310 芴 TRỄ trễ nãi

1311 迎 *NGHÊNH* nghênh ngang NGANH ngảnh mặt NGHỀNH nghềnh cổ NGHIÊNG nghiêng tai

1312 近 *CẬN* làn cận CẶN cặn kẽ

1313 迍 *TRUÂN* truân chuyên ĐÓN đưa đón

1314 返 *PHẢN* phản hồi

1315 迸 MƯƠI hai mươi MƯỜI số mười

1316 远 *VIỄN* vĩnh viễn VIỀN viền vông

1317 迸 MƯƠI hai mươi MƯỜI số mười

1318 迿 GẶP gặp nhau

1319 却 *KHƯỚC* khước từ

1320 金 *KIM* kim khí GHIM ghim vào

1321 長 *TRƯỜNG* trường kỷ TRƯỜN nằm trườn trườn

1322 門 *MÔN* môn thuốc
MÓN món ăn

1323 阻 *TRỞ* cản trở

1324 阿 *A*
À à ra thế

1325 陂 *PHA* xông pha
BÊ bê tha

1326 附 *PHỤ*
PHÒ phò mã

1327 阪 BẬC bậc lên xuống

1328 青 *THANH* thanh tao
THÊNH thênh thang
XANH xanh ngắt

1329 非 *PHI* phi nghĩa

9 nét

1330 乾 ÚT con út

1331 乾 ỤT ụt ịt

1332 亭 *ĐÌNH* linh đình

1333 侯 *HẦU* ngõ hầu

1334 倇 VÃI sãi vãi

1335 倆 XIÊN quảng xiên

1336 侵 *XÂM* xâm nhập
XĂM xăm xăm
XƠM bờm xơm

1337 侶 *LỮ* bạn lữ
LỨA đôi lứa

1338 倥 RÌNH rình mò
XIỀNG liềng xiềng

1339 便 *TIỆN* tiện lợi
BIỀN biền biệt

1340 係 *HỆ*
HỀ
HỄ hễ là
HỀ hề hả

1341 促 *XÚC* xúc xiểm
THÚC thúc giục

1342 俊 *TUẤN* tuấn tú

1343 修 *TU* đi tu

1344 俐 *LỢI* lanh lợi
LỜI lời lãi

1345 俠 *HIỆP* hào hiệp

1346 俗 *TỤC* tục ngữ

1347 俚 *LÝ* ca lý
LÁI lái buôn
LÍA hát thẳng lía

1348 俖 *BỘT*
BỤT ông bụt

1349 俑 *DŨNG*
DŌNG dõng dạc

1350 保 *BẢO* đảm bảo
BẢU bầu ra

1351 信 *TÍN* thư tín
TIN tin tức

1352 俶 LẶN lặn xuống

1353 俷 HẮN hắn ta

1354 冠 *QUAN*
QUÁN quán quân

1355 咼 *OA*
ÒA khóc òa
ÙA ùa vào

1356 冒 *MẠO*
MÀO mào gà

1357 則 *TẮC* phép tắc

1358 削 *TƯỚC* tước vỏ cây
TƯỢC vườn tược

1359 剁 ĐẢM đảm chém

1360 剉 CẠO thợ cạo

1361 前 *TIỀN* tiền đồ

1362 勁 *CÁNH*
CỨNG cứng rắn

1363 勃 *BỘT* bông bột

1364 勇 *DŨNG* dũng cảm
XŌNG xõng lưng

1365 勐 RẮN rắn như đá
RƯỚN rướn lên
RẶN rặn ra

1366 匍 *BỒ*
BÒ bò lê

1367 南 *NAM* phương nam

1368 匘 KHÁM khám xét

1369 匪 VỘC vóc dạc

1370 厘 *LY* sai một ly đi một dặm

1371 厚 *HẬU* hậu đãi

1372 厞 *SẢNH* sảnh đường

1373 *ĐOẠN* nói đoạn
ĐOÀN một đoàn người

1374 *BẠN* bạn nghịch

1375  *TỰ* tự thuật

1376  *CHÁ*
SÁ sá chi

1377  LÁO lếu láo
RẢU cảu rảu

1378  KHỤ già khụ

1379  *GIÁO*
RAO rêu rao

1380 *LẠC*
CẠC ù ù cạc cạc
CẮC lắc cắc
KHẠC khạc nhổ
NGÁT thơm ngát

1381 *HƯỞNG* ảm hưởng
HẮNG đắng hắng

1382 *HƯU*
HIU đìu hiu

1383  *YẾT* yết hầu
NHẪN cắn nhẵn
ỊT ụt ịt

1384  NGÁY ngáy pho pho
NGỬI ngửi thấy

1385 CHỦN mút chùn chụt
NHỒN nhòn ra

1386  THẦU làm thầu

1387  ĐỚ đớ lưỡi

1388 *OA* khóc oa oa

1389 DẶNG dặng tiếng

1390 RỀNH rập rềnh

1391  ĐÁU đau đáu

1392  XÒN xôn xao

1393  *THÍ*
VÍ ví bằng, nói ví

1394  NHỞ nhắc nhở

1395  HÚP húp canh

1396  HÁT hát xướng
KÉT cót két

1397  CHAU lau chau

1398  GẠN gạn hỏi

1399  Y
Ê ử ê

1400  ĐÙNG sấm đùng đùng

1401  ĂN ăn uống

1402  TUẾCH rồng tuếch

1403  LÁC thét lác
SẸT đánh sẹt một cái

1404 LỀ kể lể

1405  GÌ cái gì thế ?

1406  HAY hay hát

1407  MÉO méo mó

1408  LỐI nói lối
SỤI sụt sùi
TRỒI trồi ra
TRỖI trỗi lên
TRỘI chơi trội

1409 *AI* ai oán

1410  *PHẨM* phẩm chất

1411  *NGẠC*
NGÁC ngơ ngác

1412  *TAI*
TƠI tơi bời

1413 *HỐNG*
HỌNG cuống họng

1414  PHỚM phớm phỉnh, nói phớm

1415  QUÀNG quàng xiên
OANG oang oang

1416  HÔI hôi tanh
HỒI hồi hộp

1417 *KHÁI* khái huyết
CAY đắng cay
HÃY hãy làm
HỠI hỡi ôi

1418 GIỆT giệt miệng ra
NHIẾC nhiếc móc
SIẾT rèn siết

1419  CHỐI chối cãi
CHÚI chúi mũi
XỒI ăn xồi ở thì

1420 CẮN chó cắn
GẮN gắn bó
HẸN hẹn hò

1421 
ƠI chàng ơi
E e sợ
È ừ è
È è ầm

1422 
THỨC
ĐỨC đức lắc

1423 
NHUNG nhung nhúc

1424 
NHẢM lăm nhảm
NHẦM nhầm tính
NHÒM nhòm nham

1425
NHE nhẩn nhe
NHÍ nhí nhảnh

1426 
HỚP hơi hớp
HỘP hồi hộp
NGÁP ngáp dài

1427 
SỤT sụt sịt
XÓT xót xa

1428
TRỆU trệu trạo
XẠU bàu xạu mặt

1429 
NỀN nền nhà

1430 
LỜI lời ra, lời tới
LỒI lồi lõm

1431
THÀNH thành trì

1432 
CAI
GAY gay go
GÂY gây ra

1433 
NGẤN
HẰN vết nhăn hằn trên trán
NGĂN ngăn chăn, ngăn nắp
NGẦN ngần ấy
NGẤN có ngấn.

1434 
CẤU
CÁU cáu ghét

1435
GIỒNG giồng đất

1436 
CÁT bãi cát

1437 
ĐỒNG cánh đồng

1438 
ANG cái ang

1439 
TẤU tấu nhạc
TÁU láu táu
TẨU tẩu lên

1440 
KHẾ khế ước
KHÈ vàng khè
KHÉ đỏ khé
KHÍA cắt khía
KHÍT khít khao

1441
DIÊU
ĐÀO cô đào
RÈU rêu xanh

1442
YẾU yếu đuối
EO lưng eo
ÉO uốn éo

1443  *DI* DI dì ghẻ

1444  *MỖ* MỤ mụ già

1445 *CẤU* CẬU cậu mặt

1446  *GIAN* kẻ gian

1447  *DIỆT* ĐỆT lẹt đẹt

1448  *NGHIÊN* NGƠN lơn ngơn

1449 *NHÂN* hôn nhân

1450  *TƯ* tư dung

1451  CHOẸ chập choẹ

1452  NHỜ nương nhờ

1453  *UY* OAI uy lực ra oai

1454  *HÀI* HỜI hài nhi hời hợt

1455  NỜI nồi giống

1456  *KHÁCH* tiếp khách

1457  *TUYÊN* tuyên bố

1458  *ĐỘT* đột nhiên
DỐT dốt nát
DỘT nhà dột

1459 *THẤT* ngục thất

1460  GIỮA giữa chừng

1461  *PHONG* phong làm tướng

1462  RÍU nói líu ríu
XÍU nhỏ xíu

1463 CHÚT chút ít

1464  TRÚT trút ra

1465  NAY xưa nay

1466  PHẲNG bãi phẳng

1467  *ỐC* trường ốc
ỌC ọc ạch

1468 *BỈNH* tấm bình phong

1469 
THI
THẦY thầy ma

1470 
ĐẾ hoàng đế
ĐẤY như thế đấy

1471 
SÚY cờ súy
SOÁI nguyên soái

1472
U âm u
Ủ thổi ứ ủ

1473 
ĐỘ đang độ lớn
ĐÁC lác đác
ĐẠC đo đạc
ĐỌ đọ sức
ĐỦ rầy thì đủ mẹ cái hồng nhan
ĐỦ đầy đủ
DẠC vóc dạc

1474
KIẾN kiến lập

1475 
HỒI hồi hộp
HÒI hẹp hòi
HÙI hùi hùi (tiếng đuổi trâu)

1476
NHĨ
NHẸ nhẹ nhàng

1477
GIẰNG bắn giằng
GIẠNG giạng chân

1478 
CONG cong queo

1479 
CONG cong queo

1480 
TÊN cung tên

1481 
BAY hương bay

1482 
ĐÃI đãi đằng
ĐẢY chết lảy đảy
ĐẪY đẫy đà
ĐẨY đẩy xe
ĐẬY che đậy
ĐỢI chờ đợi
RÃI rộng rãi

1483 
HỒI bồi hồi
HỒI hẹp hồi

1484
LUẬT luật lệ
LỘT lót xuống
LỌT lọt lòng
RÚT nước rút xuống
RỤT rụt lại
SỤT sụt sùi
SUỐT đi suốt cả
TRỐT trót lỡ

1485
HẬU hậu thế

1486 
CHẨM
TẦN tần mần

1487
TƯ tư tưởng

1488 急 *CẤP* cấp bách
GẤP làm gấp
KÉP áo kép
KÍP cần kíp
QUẮP quắp lấy

1489 怨 *OÁN* oán giận

1490 悎 *KHOA* KHOÉ mánh khoé

1491 恍 *HOẢNG* hoảng sợ
ĐOẢNG tính đoảng

1492 恟 *HUNG* hung dữ

1493 恨 *HẬN* hận thù
GIẬN giận dữ
HẰN hằn học
HỜN oán hờn

1494 恇 THỨC thổn thức

1495 悚 RỦI rủi ro

1496 悚 SỆT sợ sệt

1497 怒 *NỘ* phẫn nộ
NỦA trả nủa

1498 恕 NHỚ nhớ nhung
NHỜ nhờ cậy

1499 恩 NHỚN nhớn nhác

1500 恔 HÃI sợ hãi

1501 恪 *KHÁC* khác thường

1502 恬 *ĐIỀM* điềm nhiên

1503 恬 GHÉT ghét bỏ

1504 悚 GHIẾC gớm ghiếc

1505 战 *CHIẾN* chiến tranh

1506 扁 *BIỂN* biển lận
BẾN bến lẽn

1507 拜 *BÁI* bái phục
VÁI vái lạy

1508 括 *QUÁT* khái quát
KHOÁT khoát tay
QUẤT quất roi

1509 拯 *CHỬNG* ngã bổ chửng
CHẮNG chẳng thấy
CHẶNG chặng đường
CHỮNG chững chạc

1510 拱 *CỦNG* củng vào đầu
CÕNG cõng con
CÙNG cùng nhau
CŨNG cũng được

1511  *KHẢO* tra khảo

1512  *THẬP* thu thập
THỘP thộp ngực
THỤP thụp xuống

1513 *TRÌ* trì kéo
CHÀY cái chày
CHÌ bù chì
GHÌ ghì chặt
GIẦY bánh giầy
TRẦY trầy trật

1514  *CHỈ* chỉ dẫn
XỈ xỉ vả

1515  *ÁN* án ngữ

1516  GẠN gạn lọc

1517  DỒN dồn lại

1518  KHUỐNG khuống nhau

1519  *KHIÊU* khiêu khích
KHÊU khêu gợi
KHỀU khều vào

1520  *PHANH* phanh thây

1521  RÙNG rùng mình

1522  TÊM tèm trầu

1523  TRÉT trét vách

1524  RẼ rẽ thúy chia uyên

1525 RỊ rị mọ

1526  DÍU dan díu

1527  MÚC múc nước

1528 GÂY gây gổ

1529 PHẠCH quạt phành phạch

1530 *QUẾ*
QUẢY quảy gánh
QUE que củi

1531  *DUỆ*
DÌA dìa ra

1532  GIỮ giữ gìn

1533  DAN dan díu
DÀNG dịu dàng
DANG dang tay
GIĂNG bủa giăng
GIƯƠNG giương cung

1534 
KIẾT
CẮT cắt đặt
CẤT cất lấy
GẶT gặt lúa
GẬT gật đầu

1535 
CHỦI lau chủi
DỒI sóng dồi
GIỜI trau giồi
GIỤI giụi mắt
NHỒI nhồi vào
RÒI rạch ròi

1536 
ĐỒI đắp đồi
GIỚI giở giới

1537 
NẸN nẹn nhau
NỆN nện đòn

1538 
GIẶM nói giặm vào, giặm lúa
NHÚM nhúm lại, một nhúm

1539 
GÁC gác lên
RẮC rắc bột

1540 
GIEO gieo mạ

1541 
NẴN nắn nả
NGĂN can ngăn

1542 
QUÀNG quàng vào
QUĂNG quăng ném
QUẮNG quắng đi

1543
THỤT thụt cổ
TUỘT tuột xuống
TƯỚT làm tướt đi

1544
TÓT tót vời
VỚT vớt lên

1545
CỐ cố ý

1546
CHÍNH triều chính

1547
ĐONG đong gạo

1548
THI thi hành
THE the the
THÈ thè lưỡi
THÍ bố thí
THỈ thủ thỉ
THIA cá thia lia

1549
VỪA vừa phải

1550
VỪA vừa phải

1551
TINH sáng tinh mơ

1552
ÁNH ánh lửa

1553
XUÂN mùa xuân
XOAN còn xoan

1554
MUỘI ám muội
MỘI lỗ mội

1555 是 *THỊ* lời thị phi

1556 曷 *HẠT* hạt giống

1557 晒 PHƠI phơi nắng

1558 昨 CỪ cừ gió tuần mưa

1559 蚱 QUẮP co quắp
QUẶP quặp vào

1560 胵 GIÊNG tháng giêng

1561 枯 *KHÔ* cây khô
KHÒ ngáy khò
GỖ gỗ mục

1562 栘 MỌC mọc lên

1563 架 *GIÁ* giá sách
DỪA cây dừa
GẢ gả tiếng
RỚ rớ đến

1564 枷 *GIA*
DA vỏ dà

1565 柄 *BÍNH* quyền bính

1566 柏 *BÁ*
BÁCH tùng bách

1567 某 *MỖ* như mỗ đây...

1568 柑 *CAM* cây cam
CÙM cùm kẹp

1569 染 *NHIỄM* truyền nhiễm
NHẸM giữ nhẹm
NHUỐM nhuốm bệnh
NHUỘM nhuộm áo

1570 柔 *NHU* nhu nhược

1571 柘 *GIÁ*
RÚ rứng rú

1572 柃 *LINH* cây linh thạt
RÀNH chồi rành rành

1573 柚 *DU*
DẦU quả dầu da
DÓ cây dó

1574 栭 XỐP xốp xáp

1575 柁 XA xà nhà

1576 枸 *CẨU*
CỦ đánh củ

1577 查 *TRA* tra hỏi
GIÀ người già

1578  *CỪU* linh cừu

1579  *TRỤ* trụ cột

1580  *LIỄU* dương liễu

1581 
SÀI sơ sài
THÀI thài lài
THẢY thảy lay
THẦY thầy bà

1582  *THỊ* quả thị

1583  SANH cây sanh

1584  SIM quả sim

1585  SẬY cây sậy

1586  SẬP cái sập

1587  SỨ hoa sứ

1588  DÒNG đòn đông

1589  BẠP bậm bạp

1590  ẤU củ ấu

1591
VIÊN
VÈN vòn vèn
VƯƠN vươn lên

1592 
OA
OAI
QUAY nói quay quắt

1593  *ƯƠNG* tai ương

1594  SỦ chó sủ

1595  *TUYỀN* tuyền đài

1596  *DƯƠNG* đại dương

1597 
SÁI
RẢI rải rác
RẢY rảy nước
RƯỚI rưới xuống
TƯỚI tưới cây

1598 
LIỆT
LƯỚT lướt thướt
RÉT rét cóng
RÍT rít róng

1599 
DÔI dồi dào
DỘI dội nước
LỒI lồi lõm
LỘI lội nước
SỤI sụt sùi

1600 
NHƯ
NHƠ như bẩn
NHỜ được nhờ
NHỮ chín nhừ

1601 泔 CẠN khô cạn
CẶN nước cặn
CỢN lợn cợn
GAN gan lọc

1602 沰 NHẮM nước lắm nhắm

1603 洗 *TẨY* tẩy sạch
GIẶY giẩy cỏ

1604 洙 *THÙ*
CHAU chau mày
CHUA cay chua

1605 洛 *LẠC* lạc loài
RẶC cạn rặc

1606 洞 *ĐỘNG* cái hang
cái động
DỘNG dộng cửa
ĐỌNG nước đọng
ĐÙNG đùng đùng

1607 洔 TƯỚI tưới nước

1608 洊 NHÚNG nhúng nước

1609 洳 ĐƯ Trà-đư (tên một hạt ở An-giang)

1610 洩 *TIẾT* tiết ra
DÁY dơ dáy

1611 洪 *HỒNG* hồng thủy
HÒNG chớ hòng

1612 洲 *CHÂU* năm châu bốn bể
CHAO chao qua chao lại

1613 洟 DỀ dầm dề

1614 活 *HOẠT* hoạt bát
OẠC kêu oàng oạc
OẶT bẻ oặt

1615 派 *PHÁI* phái người
PHAI phai nhạt
PHÁY mưa lấy phấy
PHỚI phơi phới

1616 洄 *HỒI*
HỐI bàu hối

1617 洟 THÁC thách ghềnh

1618 洼 XỐI xối nước

1619 洏 NHĨ nước nhĩ

1620 洁 CÁT bãi cát

1621 洮 *THAO*
RỆU rệu mật

1676 疴 KHỞ khởi đại

1677 疼 ĐÒN đau đòn
GIÒN giòn giã

1678 疤 VẾT vết thương
NÉT nét mặt

1679 癸 *QUÌ*
QUẢY cựa quảy

1680 皆 *GIAI* con giai

1681 皇 *HOÀNG* hoàng tộc

1682 盃 *BÔI* bôi bác
VUI vui vẻ
VÙI vùi lấp

1683 盆 *BỒN* bồn hoa
BUỒN buồn rầu
VỒN vồn vã

1684 盈 *DOANH* doanh dư
DỀNH dềnh lên
GIỀNG láng giềng

1685 相 *TƯƠNG* tương thân tương ái
TƯỚNG xem tướng

1686 眩 NGỦ ngủ say

1687 盾 *THUẪN* mâu thuẫn

1688 省 *TỈNH* tỉnh, huyện
XỀN kéo xền
XỈNH xoàng xỉnh
XỈNH xó xỉnh

1689 眸 NGÓ ngó thấy
NGỦ ngủ ngon

1690 眠 NHẮM nhắm mắt
NHẮM nhằm bắn
NHÒM nhòm vào

1691 眇 *MIỄU* DDA ấn là Diễu
DÁO dáo dác
DẺO dẻo dai
DÍU díu mắt lại
XỈU té xỉu

KH tr. 730

1692 眈 *ĐAM* đam chiêu
ĐĂM nhìn đăm đăm

1693 眉 *MI* lông mi
MÀY mày tao

1694 看 *KHÁN*
KHAN khan tiếng
KHẢN khản cổ

1695 矜 *CĂNG* căng dày

1696 矧 *THẦN* thơ thần
THẤN vui thấn thấn
THỬNG lửng thửng

1697  BỀN bền bỉ

1698  *NẠP*
NẸP áo nẹp

1699  *VŨ* vua Vũ

1700  *THU* mùa thu

1701  *KHOA* khoa thi

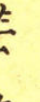
1702  *XUYÊN* xuyên qua
XOEN nói xoen xoét

1703  *ĐỘT* đột nhiên
ĐUỘT thẳng đuột
SỘT sột soạt
TỌT chạy tọt vào

1704  *CAN*
CẦN cần câu

1705  GIỄ chồi giễ

1706  NỨA ống nứa

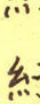
1707  MĂNG măng le

1708  HẠT hạt sương

1709  *KỶ* kỷ cương
KỸ kỹ lưỡng

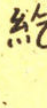
1710  *TRI*
CHÀI thuyền chài

1711  *ƯỚC* ước ao

1712  *VU*
VÒ vò tơ

1713  *HỒNG* màu hồng
HƯỜNG hoa hường

1714  *HỘT*
HẠT gieo hạt
HỤT hao hụt

1715  DÍU líu díu

1716  *HỒNG*
CONG cái cong cái vại

1717  *MỸ* mỹ thuật
MẼ mạnh mẽ
MẺ sứt mẻ
MỈA mỉa mai

1718 *NẠI*
NÀI vật nài
NỀ không nề gian lao

1719  *TRỤ* giáp trụ

1720  THĂN thịt thăn

1721  TÓP tóp mỡ

1722  SẤP nằm sấp

1723  *HUNG*
HÔNG bèn hông

1724 *THẮNG* thắng trận
SỀN kéo sền sệt

1725 *ĐẢM* can đảm
ĐƯỠN nằm đườn đưỡn

1726  *BỐI* bối rối
BỘI bội phản
BỒI đốt bồi

1727 *THAI* có thai

1728 *BÀN*
BỠN bỡn cợt

1729  *DẪN*
DẶN dặn dò
DẬN dận chân

1730 *PHẾ* phế phổi
PHỔI lá phổi

1731  *BÀO* bào thai
NHAU chôn nhau cắt rốn

1732  *MẠCH* mạch máu

1733 *CHẨN* chẩn đoán

1734 CẰM râu dưới cằm

1735 NÀY này heo

1736 KHOEO khoeo chân

1737  GIẠNG giạng tay — lòng bàn tay (G)

1738 DẠ gan dạ
RẠ con rạ

1739  ĐOM lòi đom

1740  ĐÌ kéo xuống tận đì

1741  BỆCH trắng bệch

1742 NGÁT ngát hương

1743  *UYỂN*
OAN xôi oản

1744 *LINH*
LÀNH lành mạnh
LỀNH lềnh bềnh

1745 SẬY lau sậy
SÈ sè sè

1746 苔 *ĐÀI* đài hoa
DÀY dày dạn
ĐÀY đầu đày
ĐẦY đầy đủ

1747 苗 *MIÊU*
MEO lèn meo

1748 若 *NHƯỢC* nhược bằng...

1749 苦 *KHỔ* trái khổ qua
KHỦ già khủ rủ

1750 苫 *CHIẾM*
CHÔM trái chôm chôm
NHEM nhem nhuốc
RƠM cỏ rơm

1751 英 *ANH* anh hùng

1752 茀 *PHẤT* cây phất dũ

1753 笃 *ĐỐT* đốt tre

1754 茄 *GIA*
CÀ quả cà

1755 茎 *PHỈ*
PHƠ phất phơ

1756 茹 ẤU củ ấu

1757 苿 LỢP lợp nhà
RỢP rợp bóng

1758 苿 NỤ nụ hoa

1759 苿 CHÁNH ngày mai chánh một hai bông (H Đ)
NHÁNH nhánh cây

1760 莆 RỤNG rụng xuống

1761 莒 HÚNG rau húng

1762 茸 RONG rong bể

1763 茸 RẠ rơm rạ

1764 茅 LƠ lơ thơ

1765 苿 CHÙM chùm hoa

1766 苞 BẮC nhẹ như bấc

1767 苿 BÍ bầu bí

1768 虐 *NGƯỢC* bạo ngược
NGƯỚC ngước mắt

1769 虾 VỎ tò vò

1770  VÒM nhà vòm, con vòm (P.C.)

1771  TỬA giòi tửa

1772  *CỪ* cù nhầy

1773  *BIỂU* dâng biểu lên
VẸO vẹo vọ
VẾU vếu váo

1774  *SAM*
OAM oam oam

1775  *QUAN* quan sát

1776  *ĐÍNH* đính chính

1777  *PHÓ* cáo phó

1778  *KẾ* mưu kế
KÈ kẽ hở
KẺ kẻ kia người nọ
KÈ kè đơn thuốc
KỀ kề lề

1779  *TRINH* trinh bạch
TRANH bức tranh
RIÊNG riêng rẽ

1780  *PHỤ* phụ bạc

1781  BÓI thầy bói

1782  *PHÓ* đi phó hội

1783  *QUỸ* quĩ đạo
QUẪY quẫy cựa

1784  *QUÂN* quân lính

1785  LẺO lẻo đẻo
TRẺO tréo chân

1786  *ĐIỀU*
DẺO dẻo dắt
DÌU dập dìu

1787  *TRÌ* trì trệ
CHẦY chóng chầy

1788  BẠCH lạch bạch

1789  *ĐIỆT*
DẬT
GIẬT giật lấy

1790  KHẬT say khật khù

1791  *THUẬT* thuật chuyện

1792  ĐONG đong đưa
ĐÔNG đông đúc
GIONG giong buồm

1793  CHỞ chuyên chở

1794  ĐEM đem đi

1795 
LANG lang thang
LẢNG lảng tránh
LOANG loang ra
SANG sang ngang

1796 
CHU
CHAU chau mày

1797  NGẤT cao ngất

1798 
TRỌNG xem trọng
TRÙNG núi trập trùng
CHỒNG chồng chất
CHUỘNG ưa chuộng
TRỘNG nuốt trộng
TRỤNG trụng nước sôi

1799  *LẬU* tệ lậu

1800 
HẠN hết hạn
HẸN hẹn hò

1801 *DIỆN* diện mạo

1802 
ÂM âm thanh
ẬM ậm à ậm ừ

1803  *PHONG* phong trần

1804 
PHI phi ngựa
BAY bay nhảy

1805 
THỦ thủ lợn
THÚ đầu thú

1806 
HƯƠNG hương khói
NHANG nhang đèn

10 nét

1807 
THẶNG
THỪA thừa lúc ấy...
THẮNG thắng ngựa

1808  LỀ lề thói

1809 
CÂU
CU cu rủ
GU nồi gu

1810 
BỒNG lương bổng
BÓNG bóng cây
BỖNG bỗng chốc
VỤNG ăn vụng

1811 
YÊM
EM em trai

1812  *TÍNH* tính toán

1813	個	*CÁ*	cá biệt
		CÁI	cái nhà
1814	倍	*BỘI*	gấp bội
		BẠU	bạu mặt
		BẬU	anh bậu
		BỤA	góa bụa
1815	們	*MỐN*	
		MÓN	món ăn
1016	倪	NGHÈ	ông nghè
1817	俫	LƯỜI	lười biếng
1818	俗	ĐỜI	đời đời
1819	俄	THAY	đổi thay
1820	俗	THAY	đổi thay
1821	傍	TRÀY	người trày quá
1822	倗	THẮNG	thằng bé
1823	傍	PHƯỜNG	một phường
1824	傟	NỘM	con nộm
1825	倒	*ĐẢO*	đảo ngược lại
1826	倖	*HẠNH*	
		HÃNH	hãnh diện
1827	倉	NHĂM	hai mươi nhăm
1828	得	NGÀI	các ngài
		NGƯỜI	người ta
1829	歟	NGƯỜI	người ta
1830	倘	*THẢNG*	thảng hoặc
		THẮNG	thẳng thắn
		THOẢNG	thỉnh thoảng
		THOÁNG	thoáng qua
		THOẮNG	liến thoắng
1831	候	*HẬU*	
		HẦU	hầu hạ
1832	倪	*NGHÊ*	ngô nghê
1833	倚	*Ỷ*	ỷ thế cậy quyền
		ẤY	người ấy
1834	借	*TÁ*	ai đó tá ?
1835	倡	*XƯỚNG*	hát xướng
1836	倣	*PHỎNG*	phỏng chừng
		PHỖNG	thẳng phỗng
		PHỒNG	phồng mũi
1837	值	*TRỊ*	giá trị

1838 *QUYỆN* quyện vào nhau
CUỘN cuộn tròn

1839  *THIẾN* thiến gà

1840 *LUẢN* luân lý
LÙN lùn thấp
LUỒN luồn lọt

1841  *TRÁC*
XẤC xấc láo

1842  *NỤY*
UY
OA oa oa
OẢI uể oải

1843  *TRÀNH* dao tràng

1844  *BÀI*
BẦY một bầy

1845  VỮNG vững vàng
VỬNG xửng vửng

1846  *ĐẢNG* lập đảng

1847  *KIÊM* kiềm giữ chức
KEM sánh giầu cùng kem
KÈM đi kèm

1848 CÒNG còng lưng

1849  *TRỦNG*
TRŨNG chỗ trũng

1850  *OAN* oan ức

1851 *MINH* u u minh minh
MÊNH mênh mông
MƯNG mưng sáng

1852  *LƯƠNG* thê lương

1853 *CHUẨN*
CHỖN cả chỗn
CHỒN lồn chồn
CHỐN nơi chốn
CHỦN ngắn chủn

1854  LÚN lún xuống

1855 *LĂNG* lăng xăng
LĂN lăn lóc
LÂNG lâng lâng
LỪNG lừng danh
RƯNG rưng rưng nước mắt

1856  VÁNG nồi váng

1857  *ĐỐNG*
ĐÔNG đông lại
GIÓNG gióng giả
RÚNG rẻ rúng

1858  BÀO bào gỗ

1859  CƯA cưa gỗ

1860  *PHẪU*
PHẢO phẩo phẩo (P.C.)

1861  *BÁC*
BÓC bóc vỏ

1862 THÁI thái thịt

1863  TÁCH tách bạch

1864  *SẮC* sắc sảo

1865  *MIỄN* miễn sao...
MẾN nỗi quan hoài mang mẽn xiết bao
MẾN yêu mến
MỊN mịn màng

1866  *PHỈ* thổ phỉ

1867 CHÓT chót vót
CHỢT bắt chợt

1868 *KHANH* khanh tướng

1869  *THỐ*
XÓ xó tối

1870  *NGUYÊN* căn nguyên

1871  *KHA* đại kha

1872  *NGA* ngâm nga

1873  XÈ kêu xè xè

1874  *LÝ* ca lý
RÉ voi ré

1875  RỞ rở ruốc

1876  ÓC gáy eo óc

1877  NỞ nức nở

1878  THỐC nôn thốc tháo

1879  HU khóc hu hu

1880  LẦN lần thần

1881  DỌA dọa nạt

1882  DÌU dập dìu

1883  GÀO gào thét

1884  VỌI cao vòi vọi

1885 吙心 VŨM vũm lại, đục vũm

1886 嘵 XÁC xao xác

1887 嘸 BẼ bẽ bàng

1888 唒 LỜI lời nói

1889 嗨 HỎI hỏi han

1890 啡 BỞ quả dưa bở

1891 嘣 GỪNG gạn gùng

1892 嗉 XẲNG nói xẳng

1893 嗙 BÀN bàn bạc

1894 呁 LÕA lõa lồ

1895 嗋 NGẬP ngập ngừng

1896 嗮 BIẾNG biếng thưa

1897 嗹 RẰNG nói rằng

1898 吙汪 UỐNG uống nước

1899 唌 NGHIẾN nghiến răng

1900 嗯 NGẦM ngấm ngầm
GẦM gầm thét

1901 哭 *KHỐC*
KHÓC khóc lóc

1902 嗥 *HAO* bào hao

1903 晢 *TRIẾT* hiền triết
CHÍT chít khăn
TRẾT ngồi trết một chỗ
TRÍT nhắm trít lại

1904 哺 *BỘ*
BỖ bỗ bã
BU ruồi bu
BÚ bú mớm
BỤ bụ bẫm
PHỌ ngáy pho pho
PHỒ phập phồ

1905 哽 NGẠNH ương ngạnh

1906 唏元 NGOĂN ngoan ngoãn

1907 唈攸 NHỦ nhú lên

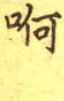
1908 嗮抛 PHÀO phì phào

1909 唈足 Túc, Tú
RÚC chuột rúc

1910 吙丑 NÚC bếp núc

1911 
HI khóc hi hi
HÌ hì hục
HÍ ngựa hí
HƠI hơi thở

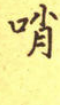
1912 
AI ai oán
HÃY hãy còn
HỠI hỡi ôi
HỞI hởi dạ

1913 
HA cười ha hả
HỜ hờ hững

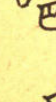
1914 
NẠT nạt nộ
NẸT đe nẹt

1915 
MÀNG chẳng màng
MƯỜNG mường tượng

1916 
Thôm
THÒN thòn vào bao
NUỐT ngậm đắng nuốt cay

1917 
TÉO nói léo téo
TOÉ tung toé ra

1918 
RỀNH rềnh ràng

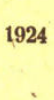
1919 
OẠP sóng đánh oàm oạp

1920 
VÁI vái trời
VỈ van vỉ

1921 
TRỘNG nuốt trộng

1922 
CHIỀNG đi thưa về chiềng
DÀNH để dành
RỊNH rập rình
XÍNH xính vính

1923 
CÃI cãi nhau
GỬI gửi thư

1924 
DẤU yêu dấu
DẪU dẫu rằng

1925 
CẢ cả ngày

1926 
DỖ dỗ dành
SỖ sỗ sàng

1927 
CHÉT đánh đai đánh chét
CHÍT chíu chít
SỊT sụt sịt

1928 
NAU làm nau
NIU nâng niu
NỊU nựng nịu

1929 
HẢM quai hàm
HẰM hằm hằm
HẦM hầm hè
HỢM hợm mình
GẦM gầm thét
NGẬM ngậm miệng

1930  *NGHIỄN* NGON ngon lành

1931  KHỈNH khủng khỉnh

1932  *THẦN* bần thần cả người

1933 NHẠI nhại lại

1934 NHẤN nhấn nhủ
NHẦN rồi sau nhẫn được mẹ cha
NHẦN nhẫn đắng
NHÍN nhín ra

1935  VÀNG vâng lời

1936  *ĐƯỜNG* con đường
ĐÀNG đàng hoàng
ĐẰNG đằng hắng

1937  *NÁ* nấn ná
NƯ đã nư

1938  LỜI lời nói
RỈA rỉa rói

1939 CÃI cãi vã

1940 LAO lao xao
RAO rao hàng

1941  *PHỐ*
BO giữ bo bo
BỒ vải bồ

1942  XUÔI gió xuôi

1943 *AI* những ai

1944 *MAI* mai một
MÀI mài sắc

1945 *TRỊNH*
CHỈNH lăn chỉnh ra
CHĨNH chĩnh rượu

1946 LỞ lở đất
TRÃ nồi trã

1947 NIÊU nồi niêu

1948  NÚC bếp núc

1949 ĐÁY đáy bể

1950  MUỐI muối mặn

1951 GẬM gậm giường

1952 NƯƠNG nương rẫy

1953 HẦM đào hầm

1954 BỰNG bựng đất

1955  ĐĨA cái đĩa

1956  THỌA bỏ thọa thuệch

1957  THÔNG cái thông

1958 *HẠ* mùa hạ
HÈ hội hè

1959  LỚN lớn lao

1960 *SÁO*
THẠO thông thạo

1961  *DƯỠNG* dưỡng lão

1962  *HÈ* thằng hè

1963  *BÀ* ông bà

1964  *VỈ*
VÃI sãi vãi

1965 *NƯƠNG* nương tử
NÀNG nàng dâu

1966  *NA* núc na núc ních

1967  *NGA* tiên nga

1968  VÀ một và bông lau

1969  VỢ vợ chồng

1970  NỠ nỡ lòng nào

1971  LỠ lỡ chân
NHỠ nhỡ nhàng

1972 *TÔN* cháu đích tôn

1973  *CUNG* cung điện

1974  *TỂ* tể tướng
TẺ lẻ tẻ
TỈA nhổ tỉa

1975 *HẠI* làm hại

1976  *YẾN* yến tiệc

1977  *GIA* gia đình

1978  *DUNG* dung nhan
DONG thong dong
DÒNG dòng dài
GIỎNG giỏng giả

1979 GIỮA giữa đường

1980  NHỌN mũi nhọn

1981  NÃO nao nao
NIU nâng niu

1982  XẠ thiện xạ

1983  GỢ từng gợ

1984  *TRIỀN*
TRẦN trần đi

1985  VỌI cao vòi vọi

1986  NGỒN cao ngồn ngộn

1987  *SÙNG*
SỒNG nâu sồng

1988  *ĐẢO* hòn đảo
LÁO nói láo

1989  *GIÁP* giáp mặt
HẠP
HIỆP

1990  *SAI* sai trái
SÁI sái tay
SI sàm si
SƯƠI muối sươi

1991 *SƯ* sư phụ, sư ông

1992  LỌNG dù lọng

1993 BỊT bịt đầu

1994  BUA phân bua
VUA vua quan

1995  *TỊCH* đồng tịch đồng sàng
TIỆC ăn tiệc

1996  *TỌA*
TÒA tòa nhà

1997 *KHỐ* văn khố
KHO kho tàng
KHÓ khó khăn

1998  LỜI lời nói

1999 ĐỄ đẹp đẽ

2000  *ĐÌNH* gia đình

2001 *NHƯỢC* nhu nhược

2002  *TỪ* từ từ
CHỜ chờ đợi
CHỪA chừa thói xấu
GIỜ bây giờ

2003 徒 ĐỒ thầy đồ
ĐÒ giả đò
TRÒ học trò

2004 從 TÙNG phục tùng

2005 恐 KHỦNG khủng khiếp

2006 恕 THỨ tha thứ

2007 耻 SỈ sỉ nhục

2008 恩 ÂN ân hận
ƠN làm ơn

2009 恭 CUNG cung kính

2010 息 TỨC tin tức

2011 炭 TIM tim đèn

2012 悄 TIÊU tiêu điều

2013 悅 DUYỆT
ĐỘT đại đột

2014 悌 ĐỄ hiếu đễ
ĐẦY đầy đà
ĐẸ đẹp đẽ

2015 悍 HÃN hung hãn

2016 悔 HỐI hối hận
HÚI lúi húi

2017 忙 MANG
MÀNG mơ màng
MƯỜNG mường tượng

2018 悛 THOAN
THUÔN
THOĂN thoăn thoắt

2019 悞 NGỘ tỉnh ngộ
NGỐ thằng ngố

2020 悁 QUYÊN
QUEN quen biết

2021 悋 NGỚP ngơm ngớp

2022 悝 NẾT nết na

2023 悷 GIẬN giận dỗi

2024 悋 LAN lẫn lộn

2025 悻 CHƯỜNG chán chường

2026 悶 KHUẤY khuấy khỏa

2027 忍 NHỊN nhịn nhục
NHỚN nhớn nhác

2028 悤 CẬY cậy trông

2029 悞 RỠ mừng rỡ
LỠ lỡ làng

2030 忺 MẾN yêu mến

2031 愧 DẠI ngốc dại

2032 恋 *LUYẾN* luyến tiếc

2033 扇 *PHIẾN* làm phiên
PHIẾN phiến

2034 拳 *QUYỀN* đánh quyền
QUỀN đồ quền

2035 揳 *KHIẾT*
XIẾT xiết bao

2036 拿 *NÃ* truy nã
NẢ bao nả
NẠ nạ dòng

2037 挪 *NA* na đi
NÁ nấn ná

2038 挫 *TỎA*
DÓA nồi dóa lên
DỌA dọa dẫm

2039 振 *CHẤN* chấn động
CHAN chan chát
CHÁN chán ngán
CHẢN số chẩn
CHẮN chín chắn
CHẶN chặn lối đi
DẪN dẫn bước
SÁN sán lại
XẮN xắn lên

2040 挹 *ẤP* ôm ấp
ÚP úp xuống
ỤP đồ ụp
ỐP bó ốp lại, ốp việc

2041 採 *THÁI* thái rau
TÁY táy máy

2042 挾 *HIỆP*
XÁP xáp mặt

2043 捃 *QUẬN*
CUỘN cuộn tròn
KHUẦN khuần đồ đạc

2044 捉 *TRÓC* tróc nã
TRỐC trốc gốc
XỐC xốc lên

2045 捌 *BÁT*
BÍT bưng bít

2046 捍 *HÃN*
CẢN cản trở

2047 捕 *BỔ*
BỖ bỗ công
BỦA bủa lưới

2048 娘 NƯƠNG nương náu

2049 掃 QUÉT quét dọn

2050  THƯỚC thước tấc

2051  THƯỚC thước tấc

2052  THOA thoa son

2053  DỀNH dềnh dàng

2054  GIẤU giấu giếm

2055  THÒNG lòng thòng

2056  NHỒ nhổ lông

2057  TỰA nương tựa

2058  VỐT vót tre
VỌT roi vọt
VỤT vụt một gậy

2059 LỰA chọn lựa

2060  MANG mang xách

2061  VỌM vọm lại

2062  KÉN kén chọn

2063  KÉO kéo nhau đi

2064  LẤN lấn sang

2065  DỤI dụi mắt

2066  DÌU dìu đi

2067  CHẮM chắm nón

2068  VỚI với lấy

2069  XÁC xác mắc, xác xói

2070  THỌC thọc gậy bánh xe

2071 XÁCH xách mang
XẠCH xành xạch

2072  LAU lau chùi
TRAO trao tay
TRAU trau chuốt

2073  CHỐT chót vót
CHẮT chắt chặt cửa

2074 NÒI khúc nôi
NỒI nông nồi
NỔI trôi nổi

2075  NIU nâng niu
NÍU níu lại

2076 XOÈ xoè cánh
XOI xoi ra

2077 
XỚI cuốc xới
GIẢY giẩy cỏ

2078 
VÃI gieo vãi
VẢY vảy nước
VẪY vẫy vùng
VẼ bánh vẽ

2079 
GÃI gãi ngứa
GÃY bẻ gãy
GẢY gảy đàn
GỢI khêu gợi
GỬI gửi mình

2080 
BANG
BÀNG bâng khuâng
BỪNG bừng ra
BỨNG bứng cây
VĂNG văng tục

2081 
DỪA dừa lại
GIƠ giơ tay

2082 
CẠY cạy bát

2083 
GÁNH gồng gánh

2084 
CHỐNG chống nhau
LỎNG lỏng lẻo
LỌNG dù lọng

2085 
QUÁO láo quáo

2086 
TRỎ chỉ trỏ

2087 
NHẬN nhận xuống
NHẤN nhấn dao

2088 
TAY hai tay

2089 
HIỆU hiệu nghiệm

2090 
TRÍ trí mạng
NHÍ nhí nhảnh

2091 
NGAO nghêu ngao
NGÀO ngọt ngào

2092 
BÀNG bàng quang
BỪNG tưng bừng

2093 
LỮ lữ hành

2094 
VUÔNG vuông vải

2095 
VUÔNG vuông vắn

2096 
HOẢNG
QUẢNG quảng mắt

2097 
NAU làm nau

2098 
THÌ thì giờ
THỜI thời tiết
THÀ thà rằng

2099 
GIÂY giây phút

2100  DÒN dòn dã

2101  *YẾN* yến tiệc

2102  *TRẮC* trúc trắc

2103  NHOÁNG chớp nhoáng

2104  *THƯ* bức thư

2105  *SÓC*
XÓC đòn xóc
XỘC xộc vào

2106  *TRẪM* (nhà vua tự xưng)
TRŨM bán trũm

2107  *NĂNG* nói năng
NĂN năn nỉ
NẶNG nặng nặc
NÂNG nâng niu
NẴNG nuôi nẵng

2108  *THUYÊN*
THOEN thoen máy

2109  *HÀNH* hành tỏi
HÀNG hàng cây

2110 *THÊ* lê thê

2111  *LẬT* lật đật
LẶT lượm lặt
LỨT gạo lứt
RẬT rần rật

2112  *HIỆU*
CHÒ cây chò
GIÂU quả giâu gia

2113 *CĂN* căn nguyên

2114 *CÁCH* cách thức
GHẾCH ghếch chân

2115  *KIỆT* hào kiệt

2116  *QUẾ* vỏ quế

2117  *ĐÀO* hoa đào

2118  *ÁN* hương án

2119  MẤT mất mát

2120  KHOANG khoang thuyền
QUANG quang gánh

2121  GIÀN giàn mướp

2122  *TRẤT*
CHUỐI cây chuối

2123  *TANG* tang thương

2124 栢 *BA* —
BÁCH tùng bách
BỬA cây bửa

2125 棟 CHUỒNG chuồng trâu

2126 棳 ĐOÁC dây đoác

2127 栜 BẮP bắp ngô

2128 栜 VÀNH vành thùng

2129 栫 TRỒNG trồng cây

2130 栞 SIM cây sim

2131 梳 SUNG cây sung

2132 梭 ĐA cây đa

2133 梴 NEN cây nen

2134 梯 CHỒI mọc chồi
GIỒI gỗ giồi
LÕI lõi gỗ

2135 核 CÀY cày cối
CƠI cơi trầu

2136 棗 BÓN bón phân
BỐN ba bốn

2137 欶 NÊN đón nên
(nên = nêu)

2138 殉 *TUẪN* tuẫn tiết

2139 殊 *THÙ* hình thù
THỦA thêu thủa

2140 殷 ÂN ân cần

2141 殺 *SÁT* sát kề
SÁI sái tay
SÍT vừa sít
SỊT đen sịt
SƯỚT sướt qua

2142 毛 MÀO mào gà

2143 氣 *KHÍ* khí huyết

2144 泰 *THÁI* núi Thái sơn

2145 浧 *MƯƠNG* con mương

2146 浘 VÃ vật vã, vã thuốc
VẪY vẫy vùng

2147 浥 ỌP ọp ẹp
ƯỚP ướp hương

2148 浶 LẢ lả lơi
LÃ giọt châu lã chã
RÀ rà rời
RỬA hoa rửa
RỬA rửa sạch

2149  NGẤM ngấm nước

2150  LỘNG lộng vào
LẠNH lạnh lùng
SÓNG sóng gió

2151  *LẢNG*
LẢNG lảng tránh
LẶNG yên lặng
RẰNG nói rằng

2152  LẶN lặn lội
LẶNG lặng ngắt

2153  KHẮP khắp nơi

2154  ĐUỐI chết đuối

2155  NGẬP ngập nước

2156  DƠ dơ dáy

2157  *PHÙ* phù sa

2158  *HẢI* hải sản
HẦY hây hầy

2159  *TẨM*
RẨM rờ rẫm
TẮM tắm rửa
THẢM áo thâm
THẤM thấm ướt
TRẨM trẫm mình

2160  *NIẾT*
NẠT nạt nộ
NÉT xét nét
NẾT nết na
NÍT con nít
NỚT non nớt
NỨC nức nở
NHÍT nhăng nhít

2161  XUỐI xuôi dòng

2162  *KINH*
KÈNH kènh đào

2163  *BỘT* bồng bột
BỌT bọt nước

2164  *TIÊU* tiêu tan
TEO vắng teo
TIU tiu nghỉu

2165  *THIỆP* can thiệp

2166 *QUYÊN*
QUEN quen biết
QUÊN quên đi

2167 *LƯU* lưu loát

2168  RỜI rụng rời

2169  SÌNH sình bụng

2170  BỪNG bừng biển

2171  BẦN dơ bẩn
BƠN bợn nhơ

2172 GÀU cái gàu sòng

2173  VỪA vừa hồ

2174 NỒI trôi nổi, nổi giận

2175  *LỊ*
RỊ rị mọ

2176 *LIỆT* lẫm liệt
LÉT leo lét
LỆT khét lẹt

2177  *Ô* ngựa ô
O gà gáy o o

2178  *HỒNG*
HONG hong nắng
HÓNG hóng mát

2179  *CHƯNG* bánh chưng

2180  *KHẢO* bánh khảo

2181 *CHÚC* hoa chúc

2182  NGHỆ lọ nghẹ

2183 NHÓM nhóm lửa lên

2184  TRO tro than

2185  RANG nồi rang

2186  NHỪ chín nhừ

2187  NHŨN mềm nhũn

2188  LỌI chói lọi
LỦI lủi khoai
NHỦI bủi nhủi

2189  CHÁY cháy nhà
CHẤY gạo chấy
CHÓI chói lọi

2190  ĐẶC dốt đặc
ĐỰC bò đực
ĐƯỚC cây đước
ĐƯỢC làm được

2191  DÀNH để dành

2192  LỚP tầng lớp

2193 *HIỆP*
HẸP chật hẹp

2194  *LANG* loài lang sói

2195 侮 MỌI (tiếng bon thực dân phong kiến gọi chung các dân tộc ít người)

2196 猪 LỢN lợn lòi

2197 獁 MANG con mang
MƯỜNG con nai mường
tượng

2198 猔 KHỌN con khọn

2199 猞 CÁO cáo già

2200 獪 DẠI chó dại

2201 脯 BÒ trâu bò

2202 猟 RỢ rợ Nguyên

2203 猺 RỢ rợ Nguyên

2204 獩 RÁI con rái cá

2205 猞 HẠM ăn như hạm
HÙM hùm beo

2206 臭 XÚ xú uế
XŨ thợ xũ
XÓ xó nhà

2207 珠 CHÂU hạt châu
CHAU chau mày
CHUA chua ngoa

2208 珥 NHĨ
NHẸ nhẹ nhàng

2209 珏 BAN ban ngày
BĂN băn khoăn

2210 珜 VÒNG vòng đeo tay

2211 瓦生 SÀNH đồ sành

2212 畛令 LUỐNG luống rau

2213 留 LƯU lưu lại

2214 畜 SÚC súc vật

2215 畝 MẪU mẫu ruộng

2216 疽 THƯ ung thư

2217 疴 A
KHỜ khờ dại

2218 疲 BÌ nằm li bì

2219 疵 TỲ có tỳ có vết

2220 疸 ĐƠN đau đớn

2221 疹 *CHẨN* chẩn đoán

2222 症 *CHỨNG* chứng bệnh

2223 疾 *TẬT* bệnh tật

2224 病 *BỆNH* bệnh tật
BẠNH bạnh hàm

2225 痀 KHỤ già khụ

2226 瘢 SẸO thành sẹo

2227 疰 SẢY mọc sảy
SỞI lên sởi

2228 皸 NGƯƠI trêu ngươi

2229 皋 *CAO* c/f Cảo: cáo cho biết
CAU quả cau

2230 益 *ÍCH* ích lợi

2231 盎 *ÁNG* áng mây
ANG cái ang đong thóc
ĐÁM đám cưới

2232 眛 *MUỘI* mê muội

2233 真 *CHÂN* chân thật
CHAN chan canh
CHANG nắng chang chang

2234 眠 *MIÊN* thôi miên

2235 眐 RĨNH rò rĩnh

2236 眯 NHÁY nháy mắt

2237 眈 NHỎM nhấp nhỏm
XEM xem thấy

2238 眸 MÙ mù lòa

2239 眙 LIẾC liếc mắt

2240 眉 MẮT con mắt

2241 眩 *HUYỄN*
GIOÈN gioèn mắt

2242 矩 *CỦ* qui củ

2243 砥 *ĐỂ*
CHỈ
ĐE búa đe

2244 砧 *CHÂM*
CHỈM ngồi chim chỉm

2245 砵 RẮN rắn như đá

2246 砧 CƯỜM hạt cườm

2247 砭 *BIÊM*
BÀM ăn chàm bàm
BẨM chăm bẩm
BÌM bìm bịp
BƠM đầu chơm bơm
BỜM bờm xơm

2248 破 *PHÁ* phá tan

2249 砰 SÀNH đồ sành
SINH diêm sinh
XANH xanh chảo

2250 砲 *PHÁO* đốt pháo

2251 祝 *CHÚC* chúc mừng
CHÓC chóc mòng
CHỌC trêu chọc
CHỐC bỗng chốc
CHUỐC chuốc vào thân
DỐC dốc lòng
GIÓC gióc tóc

2252 神 *THẦN* thần tiên

2253 祜 XEM nhìn xem

2254 祕 TRẺ trẻ con

2255 祚 *TỘ* thịt tộ

2256 祀 LẺ riêng lẻ
RẼ phân rẽ

2257 祕 LẤY lấy ra

2258 祠 *TỪ* ông từ
TỜ lặng như tờ
THỜ nhà thờ

2259 務 *VỤ* vụ kiện
MÙA mùa màng

2260 离 LE so le

2261 秘 *BÍ* bí mật

2262 租 *TÔ* tô tức
TO to lớn

2263 秤 *XỨNG* cân xứng

2264 秧 *ƯƠNG* ương cây

2265 秩 *TRẬT* trật tự
CHẶT chặt chẽ
CHẬT chật hẹp
CHỢT chợt nhìn
GIẬT giật lại
TRẶC trặc trẹo

2266 称 *XƯNG* xưng hô

2267 稃 GIỐNG giống lúa

2268 粘 CHIÊM lúa chiêm

2269 窈 *YÊU* yểu điệu

2270 站 *TRẠM* ngựa trạm
TRẠM trậm trầy
trậm trật

2271 蹲 DỪNG dừng chân
DỰNG xây dựng

2272 笈 *CẬP* đến tuần cập kê
CẶP cặp chặt

2273 笙 CHỒI chồi tre

2274 笑 GIÊ giê lúa

2275 芩 *CẦN* rau cần

2276 料 *LIỆU* lo liệu
LIỀU liều thuốc
XẸU xẹu xạo

2277 粉 *PHẤN* son phấn

2278 粶 XÔI nắm xôi

2279 粽 TẤM tấm cám

2280 紋 *VĂN*
VẰN vằn vện
VÂN gỗ có vân
VỆN chó vện

2281 納 *NẠP* nạp thuế
NẤP ẩn nấp
NẬP tấp nập
NÉP khép nép
NỚP nơm nớp
NUỐT nuốt vào
NÚP núp lén
NƯỢP nườm nượp

2282 紐 *NỮU*
NÉO già néo đứt dây

2283 純 *THUẦN* đơn thuần

2284 紗 *SA* vải sa

2285 紙 *CHỈ* kim chỉ

2286 紊 BỀN vững bền
BỆN bện thừng
BỊN bịn rịn

2287 紘 VƯƠNG vương vấn
VƯỚNG vướng víu

2288 紲 BUỘC trói buộc

2289 紇 VỈT vắn vít

2290  TIM tim đèn
TOM tom góp

2291  PHẢNG phảng hoa

2292  *PHÂN* phàn vàn

2293  *CẤP* bậc tam cấp
CÓP cóp nhặt
KHỚP ăn khớp

2294  *TỐ* tranh tố nữ

2295 CHẸ chẹ vải
CHỈ sợi chỉ

2296  *PHƯỞNG*
VƯỞNG vất vưởng
VƯỚNG vướng vít

2297  *SÁCH* sách nhiễu
TÁC tuổi tác

2298 *KHUYẾT* khiếm khuyết

2299 PHẪU cái phẫu

2300  *BÃI* bãi học

2301  TƯ thứ tư

2302  CƯNG cưng con
GỪNG củ gừng

2303 *ÔNG* ông già
ỒNG chảy ông ồng

2304 SÁU sáu mươi

2305 ĐỨA đứa trẻ

2306 *CANH* canh tác

2307  *HAO* hao tổn

2308 *BÁ*
BỒ bồ cào
BỪA cày bừa

2309 *ĐAM*
XẦM xây xầm

2310 *CHỨC* chức việc
CHẮC chắc chắn
GIẤC giấc ngủ
NHỨC nhức nhối

2311  NỚU nhăn nớu

2312 *QUANG*
CHOÁNG choáng váng

2313 *BIỀN*
BẸN bẹn háng
BĨNH bầu bĩnh

2314 *HIẾP* hà hiếp

2315  CẤT ấm cật
GẬT gật đầu

2316  NHỦNG nhủng nhẳng

2317 NHĂN nhăn nheo

2318  *LẠC*
LẶC lặc lè

2319  DA da thịt

2320  ƯƠN cá ươn

2321  XOẸT xoen xoét

2322 SỀ béo sệ

2323  RUỘT ruột gan

2324  NHÂN nhân bánh

2325  *HÀNG* hàng hải

2326  *BAN*
BÀN bàn bạc
BƠN cá lờn bơn

2327  BÈ thuyền bè

2328  NHỦM nhủm nha

2329 *SỒ* vải sồ
SƠ so le
RƠ rủi ro

2330  *LỆ* quả lệ chi

2331 *MANG* nhờ mang
máng
MÀNG màng màng

2332  *TRÀ* uống trà
CHÈ nước chè
SÀ sà xuống

2333 NGỒNG ngồng cải

2334  *NHỰ*
NHỰ
NHÀ nhà cửa
NHỰA nhựa cây

2335 CHỒI chồi cây
CHỒI sao chổi

2336  *CẦN*
NGẦN ngẫn ngơ

2337 RÁY cây ráy

2338  *HẠNH*
HÀNH lá hành

2339 *THẢO* thảo mộc
THÁU láu tháu
XÁO xáo trộn

2340 荐 *TIẾN* tiến cử

2341 荒 *HOANG* hoang vu

2342 萯 *DI*
RI xanh rì

2343 礼 RỄ rễ cây

2344 筒 ĐỒNG đồng đồng

2345 荄 *CAI*
CAY cay đắng
GAI gai góc

2346 茎 CHUỐI chuối tiêu

2347 荾 THẦU trái thầu

2348 荒 SÙNG củ sùng

2349 虔 *KIỀN*
KIN kìn kịt

2350 蚕 *TÀM*
TẰM tơ tằm

2351 蚜 NHÁ nhá xương

2352 蚤 *TAO* một tao vải

2353 蚄 ĐÙN mối đùn
GIUN con giun

2354 蚰 CHẤU con châu chấu

2355 蚧 CÁY con cáy

2356 蚧 *GIỚI*
NHÁI nhái bén

2357 蚨 *PHÙ* con phù du

2358 蚩 *XI*
SI nói sàn si
SĨ bán sĩ
XỈ xỉ mũi

2359 蚵 *NỤC* cá nục, chín nục
NỐC nốc vào

2360 衮 *CỔN*
GỌN gọn gàng

2361 衰 *SUY* suy nhược

2362 袄 *ÁO* áo quần

2263 衾 *KHÂM*
CẦM khâm liệm

2364 衶 XÒN xòn xòn

2365 討 *THẢO* thảo phạt

2366 訓 *HUẤN* giáo huấn

2367 訖 *NGẬT* *HẤT* hất đi

2368 託 *THÁC* nói thác rằng

2369 記 *KÝ* nhật ký
GHI ghi chép

2370 豹 *BÁO* hổ báo
BEO hùm beo
BƯƠU bươu đầu

2371 豺 *SÀI* sài lang

2372 財 *TÀI* tài sản

2373 貢 *CỐNG* nộp cống
CÓNG rét cóng
GÚNG cá gúng
XỐNG áo xống

2374 賦 Bồi + Cân
GẦN gần gũi

2375 員 *VIÊN* một viên tướng
VON chon von

2376 貶 NỢ nợ nần

2377 起 *KHỞI* khởi sự
KHỈ

2378 趙 RƯỢT rượt theo

2379 躬 *CUNG* cúc cung tận tụy
CÒNG còng lưng

2380 跹 Thiên
CHEN chen chúc

2381 趼 VÒ giày vò

2382 跣 NHẮC đi nhúc nhắc

2383 跂 NHẢY nhảy nhót
GIẪY giẫy nảy

2384 軒 *HIÊN* hiên ngang
HEN ho hen

2385 軏 Nguật, Ngột
NGỐT ngốt thở

2386 辱 *NHỤC* nhục nhã
NHỌC nhọc nhằn
NHÚC lúc nhúc
NHUỐC nhơ nhuốc

2387 逾 LƯỚT đi lướt qua

2388 迷 *MÊ* mê mải
MÀI mài dao
MÊ đái mê
MƠ nằm mơ
MUỜI ngủ muời

2389 迹 *TÍCH* di tích

2390 追 *TRUY* truy tố

2391 迟 CHÈ nặng chề chề
CHẦY canh chầy

2392 迓 ĐƯA đưa đón
ĐỪA đừa đi

2393 退 *THOÁI* thoái lui
THÓI thói quen
THỐI thối tha
THỦI thui thủi

2394 送 *TỐNG* tống tiễn

2395 逃 *ĐÀO* đào tẩu

2396 逆 *NGHỊCH* phản nghịch
NGHẾCH ngốc nghếch
NGHỆCH ngờ nghệch

2397 迴 *HỒI* bồi hồi

2398 选 QUANH quanh co

2399 郡 *QUẬN* quận huyện
QUẶN đau quặn
QUẦN quanh quần
QUẤN quất quít

2400 郤 *KHƯỚC* khước từ

2401 酌 *CHƯỚC* chàm chước
CHUỐC chuốc rượu

2402 配 *PHỐI* phối hợp
PHÔI phôi pha
PHỚI phơi phới

2403 酒 *TỬU* ham mê tửu sắc
RƯỢU chén rượu

2404 釘 *ĐINH* đóng đinh
ĐANH đanh đá
ĐĨNH đĩnh đạc
ĐÍNH đính vào

2405 釗 DAO con dao

2406 針 *CHÂM* châm chọc
CHẮM ăn chắm bẳm
CHĂM chăm chỉ
GĂM găm vào
KIM kim chỉ

2407 釕 RẺO cắt rẻo (T)

2408 釵 NHÍP dao nhíp

2409 钞 BẺ bẻ bỏng

2410 陛 *BỆ* đường bệ

2411 陞 *THĂNG* pháo thăng thiên

2412 院 *VIỆN* viện sách
VẸN trọn vẹn
VẸN vẵn vẹn

2413 陣 *TRẬN* trận đánh
GIẬN giận dỗi
TRẬN tròn trặn

2414 陋 LỞ đất lở

2415 除 *TRỪ* trừ ra
CHỜ chờ đợi
CHỪ chần chừ
CHỪA xin chừa
HỜ chực hờ
KHỪ lừ khừ
XỜ xờ xạc

2416 降 *GIÁNG* tiên giáng xuống
HÀNG đầu hàng
GIUỐNG giuống xuống

2417 隻 *CHÍCH*
CHẾCH chênh chếch
CHỆCH chệch đi
CHIẾC chiếc thuyền
XẾCH mắt xếch
XỆCH xộc xệch

2418 难 *NAN* gian nan
NÀN phàn nàn

2419 馬 *MÃ* binh mã
MỨA bỏ mứa
MỰA chờ mựa

2420 骨 *CỐT* cốt sao...
CỌT cọt kẹt
CÚT cút mất
GÚT gút mắc

2421 高 *CAO* cao ráo
SÀO sào ruộng

2422 鬥 *ĐẤU* đấu võ
DẤU đóng dấu

2423 鬼 *QUỈ* ma quỉ
KHUỶU khúc khuỷu
QUỸ quạnh quỹ

11 nét

2424 乾 *CAN*
CÀN
KIỀN
CẠN khô cạn
KHAN khan tiếng

2425 偃 *YỂN*
ỄNH ễnh ương

2426 偈 *KỆ* kinh kệ, mặc kệ
KẸ ông kẹ

2427 偉 *VĨ* hùng vĩ
VỈ van vỉ

2428 偎 *ÔI*
ÔI ôi thôi
ỐI ối trời

2429 偏 *THIÊN*
XIÊN xiên xẹo

2430 停 *ĐÌNH*
DÀNH để dành
DỪNG dừng lại
ĐÀNH đành lòng
ĐỪNG đừng làm

2431 健 *KIỆN* kiện khương

2432 偪 *BỨC* bức anh tài
BỰC

2433 側 *TRẮC* trắc trở
TRẶC trặc tay
TRẮT ăn trắt

2434 偵 *TRINH* trinh thám
RÌNH rình mò
TRIỆNG triệng qua

2435 偶 *NGẪU* văn biền ngẫu
NGẦU lầu ngầu

2436 偽 *NGỤY* giặc ngụy

2437 偺 MÀY mày tao
MI mi tao

2438 傳 TOẠNG tam toạng

2439 傍 GIỀNG láng giềng

2440 傑 MỤ bà mụ

2441 傖 NĂM hàng năm

2442 傝 *ĐÂU* ở đâu

2443 傝 *MIỆN* mũ miện

2444 傞 RƠI rơi xuống

2445 傞 LÔI lôi thôi

2446 傭 RỤNG rơi rụng

2447 傮 TRƠN trơn tru

2448 傿 KỀ kề lề

2449 傿 GHẾ ghế ngồi

2450 傿 BỊT khăn bịt đầu

2451 副 *PHÓ* bác phó mộc
PHO pho sách

2452 剪 *TIỄN* tiễn tròn
TIỆN

2453 剫 Thậm CHẠM chạm trổ

2454 剭 MẺ sứt mẻ

2455 剭 MỒ mồ bò

2456 勒 *LẶC* lắc lư
LẮC lắc láo
LẮC lắc lát
LẬT lật sấp

2457  *ĐỘNG* động đậy
ĐỤNG chung đụng

2458  *KHÁM* khám bệnh

2459  *HÚC* trâu húc
HỤC hì hục

2460  *BÀO*
BẦU bầu bí

2461  *BẶC*
BẶT bẵn bặt

2462  *THÌ*
THÌA thìa múc canh

2463  TỦ tủ sạch

2464  *NẶC* nặc danh

2465  *KHU* khu đất
KHỦ lủ khủ

2466  *XÍ* nhà xí

2467  NHÓM nhóm họp

2468 TRO tro bếp

2469  TRO tro bếp

2470  *THAM* tham chiến
SAM con sam
SÂM củ sàm

2471  *DUY*
DỖI theo dõi
DÓI dở dói
DÚI dúi cho
DUỖI duỗi tay ra
GIOÈ giòe ra
GIÓI kèu giói
GIỌI nắng giọi

2472  *XƯỚNG* hát xướng
XANG xènh xang
XẮNG xắng xớm

2473 *THÓA* thóa mạ

2474  *TRÁC*
CHÁC kiếm chác
TRỐC trốc chó

2475 *THƯƠNG* thương thuyết

2476  *VẤN* vấn an
VẮN giấy vắn tình dài
VẮNG vắng vẻ
VẦN vần vơ

2477 *CẦM* lầm cầm
NGẬM ngậm nghĩ
CÂM câm miệng
GẶM gặm xương
NGẦM tâm ngầm ; đau ngâm ngầm

2478 啐 THỐI
TỐI
CHÓT chót vót
CHỌT chạy chọt
CHỤT hôn chùn chụt
NUỐT nuốt ực
SUỐT suốt ngày
THỌT chân thọt

2479 唚 THĂM viếng thăm

2480 嚷 XÊ xê xích

2481 嗟 NÀY đây này
NÀI nài thêm

2482 嗄 QUỞ quở trách

2483 啊 GẠ gạ gẫm

2484 嘟 RI gà ri
RỈA rỉa lông

2485 蹓 NGHỄN nghễn cổ
NGHỆNH lệnh nghệnh
NGHỄNH nghễnh ngãng

2486 嗂 NGHÈ ngô nghè
NHÈ khóc nhè

2487 啁 CHẦU chầu mõ
NHÀU cào nhàu

2488 嗀 NHẮNG bắng nhắng
NHÂNG nhâng nháo

2489 啊 Ạ vàng ạ

2490 嵓 NHÀM nhàm tai
NHỞM lởm nhởm

2491 啀 NHAI nhai cơm
NHƠI trâu nhơi cỏ

2492 嚅 BÚ bú mớm
NHỦ nhẫn nhủ

2493 吽 NHÍNH mắt nhấp nhính

2494 唹 Ớ ớ anh
Ợ ợ ra nước chua
Ứ ứ hự
Ử ử cho xong chuyện

2495 嗼 TRỐI trối kệ

2496 嗄 THÉP ăn thóp thép

2497 嘯 THÚT thút thít

2498 嗜 TÍCH chim kêu tích tích

2499 啉 LĂM lăm le
LẮM nói lắm bắm
LẦM lầm rầm
RẮM rối rắm
RẦM rầm rĩ

2500 𠯿 SƯỢNG sượng sung

2501 𠰁 PHÀ phà hơi rượu

2502 𠱓 OÁI oái ăm
QUẠI quằn quại

2503 𠱠 QUẤY quấy quá

2504 𠲖 QUẶT quặt quẹo

2505 𠳐 GIỞ giở về

2506 𠴕 XẠP nhai xạp xạp

2507 𠵼 NHỬ nhử mồi

2508 𠶧 XÈNH xènh xang

2509 𠷎 CHIU chiu chít
TRÈU trêu ghẹo

2510 𠸜 CẶN cặn kẽ

2511 𠹌 Ủ ủ ủ

2512 𠺓 UẦY uầy ai

2513 𠻗 UỐNG uống rượu

2514 𠼰 E e rằng

2515 𠽌 ÉP ép buộc

2516 𠾍 CƯỜI cười cợt

2517 𠿪 BẺ bẻ bai

2518 𡀔 BỐP bốp chát
BỘP rơi lộp bộp

2519 𡁯 TRỞ trở mặt

2520 𡂖 BẢO bảo rằng
BIẾU biếu xén
BĨU bĩu môi
VÈO đi vèo vèo
VÉO véo von

2521 𡃁 DÙ dù cho

2522 𡄫 BON bon chen

2523 𡅽 CĂN cằn nhằn

2524 𡇙 DẶN dặn dò

2525 𡈼 DẠ vâng dạ

2526 𡉉 *KHẢI*
KHƠI khơi ngòi
KHỚI chuột khới
KHUI khui thùng

2527 𡊓 KHÚNG ho khúng khắng

2528  LÂY lây lất
LƯỜI lười biếng
RAY ray rứt

2529  GIÀNH giành giật

2530  GIỌT giọt nước

2531  MỜI mời khách

2532  MỜI mời khách

2533  DỂ khinh dể

2534  CHÁC bán chác
XƯỢC láo xược

2535 CHŨM chũm chọe

2536  MỒM miệng mồm

2537 MÒI mặn mòi
MỒI đôi môi
MỒI chim mồi

2538  LUNG lung tung
LỪNG lừng lẫy

2539  HÒNG đừng hòng
KHỦNG khủng khỉnh

2540  *HỐT* hốt hoảng
HỚT vượn hớt
HÚT hầm hút
HỤT hụt hơi

2541  KIÊNG kiêng kỵ

2542  NGÁN ngao ngán

2543  KHẮC khắc khoải

2544  NÁO náo nức
RÁU rau ráu

2545  *BỈ*
BẼ bẽ bàng

2546  *CHUYẾT*
XUYẾT điểm xuyết
CHOÉ la choe choé
XUÝT xuýt xoa

2547  HÀM hàm răng

2548  *ĐIỆM*
ĐIỂM
NẾM nếm thử

2549  *DỤC* dục dã
DỌC bực dọc

2550  MÈO mùi mẽo
MẸO mẹo mực

2551  MÉP mép sông

2552  MÉP ria mép

2553 PHẠP phập phồng
MÉP mồm mép

2554  VIẾNG viếng thăm

2555  MẾN thương mến
MỈM mỉm cười
MIẾNG nước miếng

2556  *KHUYÊN* khuyên tròn
QUYÊN
KHOEN mắt có khoen

2557  *QUỐC* tổ quốc
CUỐC con cuốc

2558  NHỐT nhốt lại

2559  QUẦY quầy lại

2560  ĐÁM đám đất

2561  *VỰC* vực sâu
BỰC tuyệt bực
VÁC vác lên
VẶC vắng vặc
VỰC vuông vức

2562  NÙI nùi giẻ

2563  NẤM nấm đất
NẬM nậm rượu
NÚM núm vung

2564  THÈM thèm nhà

2565  *CHẤP* cố chấp
CHẮP chắp tay
CHẶP nhìn chằm chặp
CHẬP chập chững
CHỢP chợp mắt
CHỤP chụp lấy
GIẬP giập đầu
GIỘP phồng giộp
GIÚP giúp đỡ
XẮP làm xắp
XẤP xấp xỉ
XÚP lúp xúp

2566 *BỒI* đất bồi
BÒI con bòi
BỒI giấy bồi
BỤI bụi bặm
VÙI vùi lấp

2567  VỊM cái vịm

2568  XỦI xủi đất lên

2569  GÒ gò đất

2570  GHỀNH cuối ghềnh

2571  CHĨNH cái chĩnh

2572  ĐẬP bờ đập

2573  ĐỐNG đống đất

2574  CHÉ ché rượu

2575  GIÓT khuôn giót

2576  *CƠ* cơ nghiệp

2577  *ĐƯỜNG* đường đường

2578  *KIÊN* kiên nhẫn
KENG leng keng
KIÊNG kiêng khem

2579  *ĐÔI* đôi co
CHUI chui vào
DOI doi đất
ĐỒI đồi núi
NHOI nhoi lên

2580  LẦM cát lầm

2581  TRÁNH trốn tránh

2582  ĐI đi đứng

2583  *NGẠO*
NGÁO ngáo ộp
NGÁO ngố ngáo

2584 *THÚ* giá thú

2585  *LẦU*
SAU đi sau

2586  *BÀ* bà già

2587  *YÊM*
EM em gái

2588 *UYỂN* uyển chuyển

2589  *TÌ* tì thiếp

2590  *PHỤ* người quả phụ

2591  *LAM* tham lam

2592  *Á*
Ả cô ả

2593  GẢ gả chồng

2594  ĐĨ con đĩ

2595  BÓNG đồng bóng

2596  *THỤC* thuần thục

2597  CON con trâu

2598  CHỮ chữ viết
GÌN giữ

2599  CHỮ chữ viết
GIỮ gìn giữ

2600  GIỮ gìn giữ

2601  *TỨC* ký túc

2602  *TỊCH* tịch mịch

2603  *KÝ*
GỬI gửi thư
KÉ ké vào
KẸ ăn kẹ

2604  *DẦN* tuổi dần
DÀN dàn ra
DẰNG dùng dằng
NHỚN nhớn nhác
RỜN xanh rờn

2605  *TRẤT*
KHỔNG cao lồng khổng

2606  *MẬT* bí mật

2607  *KHẤU* cường khấu
KHÁU ăn khau khấu

2608  TỐT tốt xấu

2609  *TƯƠNG*
TƯỚNG tướng quân

2610  *CHUYÊN* chuyên cần
CHUYẾN đi một chuyến
CHOÈN nông choèn

2611  NHỎ nhỏ bé

2612  NHE nhắn nhe
NHẺ nhỏ nhẻ

2613  GIẸP giẹp lép

2614  MAY mảy may

2615  CHÚT một chút

2616  BÉ bé bỏng

2617  VẼ vẽ vời
VẺ vui vẻ

2618 *SÙNG* tôn sùng
SÒNG sòng phẳng
XÙNG xùng xình

2619 *CÔN* núi Côn lôn

2620  *LUÂN*
SON chữ son

2621  *THÔI*
THOI loi thoi
THỎI thiết thỏi

2622  *NHAI*
DAY day lại

2623  *CHÓT* chót vót

2624  CHỞM lởm chởm

2625  NGHI nghi ngút

2626  RỪNG núi rừng

2627  GHỀNH gập ghềnh

2628  GHỀNH gập ghềnh

2629  LỚM lởm lợm

2630  *SÀO* sào huyệt

2631  *TRƯỚNG* dưới trướng

2632  *ĐÁI*
ĐỚI
ĐAI cái đai

2633  *THƯỜNG* bình thường
SÀN sàn sàn

2634  TRANH tranh vẽ

2635 *AM* am tranh
IM im lặng

2636  *MA*
MÀ nhưng mà...
MƠ sáng tinh mơ

2637 *THỨ* con thứ

2638 *KHANG* kiện khang
KHĂNG khăng khăng

2639 *LANG* hành lang
LÁNG láng giềng
LÀNG làng mạc

2640 *TRƯƠNG* họ Trương
CHANH lanh chanh
CHOANG sáng choang
CHƯƠNG chương lên
GIƯƠNG giương buồm

2641 *CƯỜNG* cường khấu
CƯỠNG cưỡng lại
CÀNG càng ngày càng...
GÀN gàn dở
GÀNG gọn gàng
GƯỢNG cười gượng
NGƯỢNG ngượng ngùng

2642 *THÁI* sắc thái

2643 *ĐIÊU*
ĐÈU lèu đèu

2644 *BÂN*
BĂN băn khoăn
BẬN bận rộn

2645 得 *ĐẮC* đắc sách
ĐƯỢC tìm được

2646 徘 *BỒI* bồi hồi

2647 從 *TÒNG*
THỦNG thủng thẳng
TUỒNG ra tuồng

2648 徠 *LAI*
LẠI đi lại

2649 御 *NGỰ* án ngự

2650 悉 *TẤT* tiêm tất
DỨT dứt lời
TẠT tạt vào

2651 患 *HOẠN* hoạn nạn

2652 悱 *PHỈ* phỉ sức

2653 悴 *TỤY* tiều tụy
XÓT thương xót

2654 悻 *HÃNH* hãnh diện

2655 悼 *ĐIỆU* truy điệu

2656 悽 *THÊ* thê thảm

2657 情 *TÌNH* tình cảm
DỀNH dềnh dàng
TÀNH tan tành

2658 惴 DỮ hung dữ
RỠ mừng rỡ

2659 惕 *THÍCH* thích thú
RẺ rẻ rúng

2660 惊 *KINH* kinh hãi
KIÊNG kiêng sợ

2661 惚 *HỐT* hốt hoảng

2662 惜 *TÍCH*
TIẾC tiếc rẻ

2663 惦 *ĐIẾM* đàng điếm

2664 惏 LẦM lầm lỡ

2665 惸 SỢ lo sợ

2666 惀 ƯA ưa thích

2667 惲 VỤNG vụng về

2668 惷 XÔN xôn xao

2669 惾 BỄ bễ bàng

2670 惮 DẠN dạn dày

2671 惧 *CỤ*
CỘ áo tơi cộ cộ

2672  CẢM cảm giận

2673  HỒ hồ thẹn

2674  RUN run rẩy

2675  MỪNG mừng rỡ

2676  LÒNG lòng người

2677  MẾN mến yêu

2678  *HÔN* hôn mê

2679  *THÍCH* thân thích

2680 
KIẾT
GIÁT giát mỏng
NHÁC nhớn nhác
NHÁT nhát sợ
RÁT rát cổ

2681  *BỒNG* nhấc bổng lên

2682  *XÁ* xả thân

2683 
CƯ
CỨ căn cứ

2684 
QUYỂN
CUỐN cuốn lại

2685  *TIỆP* tiệp báo

2686 
NẠI chẳng nại gian lao
NÀI nài ép

2687 
NIỆP
NIẾT
NIÊM
NIỆM
NẮM nắm tay
NÉM ném đá
NÚM khúm núm

2688  *TẢO* tần tảo

2689
THỤ thụ giáo
THỌ
THÒ thò tay

2690
ĐIỆU
TRẠO
SẠO sục sạo
CHÈO chèo đò

2691 *ĐÀO* đào đất

2692 
BÀI an bài
BAI bẻ bai
BÀY bày ra
BỜI tốt bời bời

2693 
QUẬT quật ngã
OẶT oặt ẹo
QUẶT bẻ quặt
QUẤT quất roi
QUỊT quịt đuôi

Tranh, Tránh

2694 掙 *TRÁNH* trốn tránh

2695 掛 *QUAI*
KHOẢI kêu khắc khoải
QUẢY quảy gánh
QUẢY con cá quẫy
QUẤY quấy quả

2696 掠 *LƯỢC*
LƯỚT lướt qua

2697 探 *THÁM* thám thính
THĂM thăm nom
THỚM thẳng thớm
XĂM bước xăm xăm
XOM đi lom xom

2698 接 *TIẾP* tiếp khách

2699 控 *KHỐNG* khống chế

2700 掩 *YỂM*
ẾM ếm bùa
IM im lìm
ÔM ôm ấp

2701 措 *THỐ* thi thố
SỐ số là
THÁ không ra cái thá gì
THỔ đất thổ

2702 掬 *CÚC*
CUỐC cuốc đất

2703 掮 *KIÊN*
KHIÊNG khiêng gành

2704 掂 *ĐIÊM*
GIẾM giấu giếm

2705 掻 BÓP bóp mũi

2706 掰 BẺ bẻ gãy

2707 掱 NHỒ nhổ mạ

2708 掠 *TỐT*
CHỌT chạy chọt
CHỘT chột dạ
CHUỐT trau chuốt
RÓT rót rượu
RÚT rút dây
SUỐT suốt lá
TÓT trèo tót lên
TUỐT chạy tuốt
VUỐT vuốt mặt

2709 掲 DỞ dở giang
GIỮ giữ được

2710 捹 LẠY cầu lạy
RƠI rơi rụng

2711 捧 BUÔNG buông ra
VUN vun xới

2712 掫 QUAY quay tơ
QUẢY quảy gánh

2713 ĐONG đong gạo
ĐÓNG đóng cọc

2714 CÀI cài cúc
CÀY cày cục
CỜI cời bếp
GÀI gài áo
GÂY gây gổ
GHÌ ghì lấy
KÈ cò kè
KỀ kề vai sát cánh
— RÌ chậm rì

2715 GHÉP ghép ván
KHÉP khép mở

2716 CO co duỗi

2717 CO co duỗi

2718 VA và cơm

2719 CỌ kỳ cọ
GÕ gõ mõ

2720 QUẤY quấy rối

2721 ĐẨY thúc đẩy

2722 *ĐẠP*
ĐẬP đánh đập

2723 KHÉP khép mở

2724 GANG tấc gang

2725 BUỘC bó buộc

2726 VÉO vắt vẻo
VÍU bám víu

2727 VỖ vỗ tay

2728 VA va vào

2729 BONG bong ra
BUÔNG buông tha
VUNG vung lên

2730 ĐÀM đàm chém

2731 ĐẪN đỡ đần

2732 NHỒ nhổ mạ

2733 SỬA sắm sửa

2734 SỜ sờ mó

2735 *TRUYẾT*
SUỐT đi suốt
TUỐT tuột lúa

2736 QUẮT quắt lại

2737  Dục
RỌC rọc giấy

2738 
ƯỠN ưỡn ngực

2739 
HỐT hốt rác

2740 
HOA hoa chân
múa tay
HUƠ huơ đuốc

2741 
NGÓN ngón tay

2742 
VÃI vãi ra
VÁY váy tai
VẪY vẫy đuôi

2743 
TỰ tự tình

2744
GIÁO giáo dục
DÁO dáo dác

2745 
MẪN mẫn cán
MẮN may mắn

2746 
CỨU cứu giúp

2747 
SẮC sắc của vua

2748
BẠI đánh bại
BẬY bậy bạ

2749 
HỘC hộc thóc

2750 
TÀ trăng tà

2751 
ĐẤU đấu kiếm

2752 
TRẢM trảm quyết
CHÉM chém đầu

2753 
TOÀN
TRIỆNG triệng qua
TRÌNH trùng trình

2754 
TINH tinh kỳ

2755
TỘC gia tộc
TỌC tọc mạch

2756 
GÓC một góc

2757
VÃN chuyện vãn
MUỘN đi muộn

2758 
NGỘ
CỮ cữ gió tuần mưa

2759 
HỐI
HỒI nóng hồi

2760 
RẢNH rảnh tay

2761
BỮA bữa hôm ấy

2762 
BUỔI buổi sáng

2763  GIỜ giờ đây

2764  LÁNG sáng láng

2765  *THẦN* bần thần

2766  *TÀO* nói tào lao

2767  *MAN* lan man

2768  SAO ngôi sao

2769  VẠY cong vạy

2770 

LÃNG	
LẢNG	bảng lảng
LĂNG	lăng xăng
LẲNG	lẳng lơ
LẶNG	lặng lẽ
LỮNG	lững thững
LỨNG	lứng cứng
RẠNG	rạng sáng

2771  *VỌNG* hy vọng

2772 

DŨNG	
THÔNG	cây thông
THÙNG	cái thùng

2773  *LƯƠNG* tài lương đống

2774

MAI	cây mai
MÔI	ô môi
MUI	mui thuyền

2775 

CỐC	
GÁO	cây gáo

2776  HÒM hòm gỗ

2777  *TỬ* tử phần

2778  DỪA cây dừa

2779 

XOAY	xoay xở
XOÀI	cây xoài

2780 

BINH	
BIÊNG	biêng mai

2781 

GỐC	gốc cây
GỘC	gậy gộc

2782 

VẢ	cây vả
VẢI	trái vải

2783 

RẦM	rầm rầm
RẬM	rậm rạp

2784 

CÁNH	
NGẠNH	ương ngạnh
CÀNH	cành hoa
CẠNH	cạnh bàn
CHÀNH	chành ra
NGÀNH	ngọn ngành

2785  *ĐIỀU* mấy điều căn dặn...

2786 
THOA
THOI con thoi

2787
NA quả na
NÁ bắn ná
NỨA tre nứa

2788 
GẬY cây gậy

2789 
LỒNG lồng gốc
SỒNG nâu sồng
RỤNG rụng lá

2790 
CỌC cái cọc
CỤT cụt ngọn
GUỐC guốc dép

2791
NÂU nâu sồng
NEO gieo neo
NÊU cây nêu

2792 
GIẬU rào giậu

2793
CẦU nhịp cầu

2794 
RANH ranh giới

2795 
VỤT vụt chạy
BỤT cây dâm bụt

2796 
SẾN cây sến

2797 
SAO cây sao

2798
BẸ bẹ dừa

2799
BƯƠNG tre bương

2800
DÀ màu dà
DỪA trái dừa

2801
TÁU gỗ táu

2802 
LÁI bánh lái

2803 
VẠY vạy cong

2804 
MĂNG măng tre

2805 
LÊ quả lê

2806 
GIỚI khí giới

2807 
SƠ sơ nồi cơm

2808 
KIỆT hào kiệt
GỢT gợt đi
KẸT mắc kẹt
KỊT đen kịt

2809 
DỤC dục vọng
GIỤC giục giã

2810
KHOẢN khoản nợ

2811  GIÃ giã tử

2812  *HÀO* hào nhoáng

2813  NGÙ ngù nón, ngù giáo

2814  *CẦU* đá cầu

2815 
NHAI
NHƯỜI nhười nhượi
RƯỜI rười rượi
RƯỢI ướt rười rượi

2816 
DỊCH dịch ra
GIÁ giá lạnh

2817 CẶN cặn bã

2818 
HẠC
HẠT hạt mưa

2819 
LAI lai láng
LÂY lây bệnh
LẦY lầy lội
LƠI lả lơi
RÀI rạc rài
RƠI rơi xuống
RỜI rời khỏi nhà
RỢI mát rợi

2820
LÂM mưa lâm dâm
LẦM lầm lội
LẤM lấm bùn
LEM lem luốc
RẤM rấm giống

2821 
THÊ dài lê thê

2822 
DẠNG hình dạng
DÁNG bóng dáng
DƯỜNG dường như...
RẠNG rạng rỡ

2823 
NÁO
GIẠT trôi giạt
TRÁT hoa trôi trát thẩm...

2824 
ĐÀO sông đào
RÀO mưa rào

2825 
LỆ nhỏ lệ
LỤY cầu lụy

2826 
ĐẠM ảm đạm
ĐƯỢM đượm buồn
VẠM vạm vỡ

2827 
Ứ nước ứ đọng
ỨA ứa lệ

2828 
LUÂN
LÚN lún xuống

2829 
DÂM mưa lâm dâm
DẦM mưa dầm

2830  LỘI lội qua

2831  MÊNH mênh mông

2832 潜 TÁCH tách chứng

2833 深 *THẨM* thâm thúy
THĂM thăm thẳm
THUM thum thủm

2834 溱 VŨNG vũng tàu

2835 淳 *THUẦN*
CHOANG sáng choang

2836 混 *HỖN* hỗn loạn
HỒN hồn hền
HỘN hộn lại
XỒN xồn xồn

2837 渊 *UYÊN* uyên thâm

2838 清 *THANH* thanh tao
THẢNH thảnh thơi
THÊNH rộng thênh thênh
THINH lặng thinh

2839 淹 *YÊM*
ÊM êm ả
IM im lìm
ƯƠM ươm nước

2840 淺 *THIỂN*
SẺN dè sẻn

2841 添 *THIÊM*
THÊM thêm vào

2842 淝 *PHÌ* phì phào
PHÈ đẩy phè

2843 淬 CHUỐT chải chuốt
RÓT rót rượu
SÚT sa sút

2844 淢 VẶC sáng vằng vặc
VỰC vực thẳm

2845 淫 THẾP thếp rượu
THIẾP nằm thiếp
XÍP nước xim xíp

2846 淮 UỐNG uống nước

Sữa

2847 淢 SỮA sữa mẹ

2848 淩 LÀNG làng làng

2849 淝 BỀ bốn bề

2850 淌 DỢN dợn sóng
GỢN gợn sóng

2851 淯 RỘC ruộng rộc

2852 淤 ĐÁY đáy sông

2853 淵 VÓNG vóng nước

2854 淮 *HOÀI* làm hoài
CHOÀI đâm choài lên

2855  NHỎ nhỏ giọt

2856  *LƯƠNG* thê lương
GHỀNH thác ghềnh

2857  ĐÉN đén mạ

2858  *PHANH* phanh thây
PHÀNH phành rộng ra

2859 *YÊN*, diêm
VỜN chờn vờn

2860  LỮA lần lữa
LỬA lửa bếp
RỠ rực rỡ

2861  HƠ hơ lửa

2862  NGÚN lửa ngún

2863  SÔI sôi sục

2864  TÒA tòa tỉnh

2865  RÀNG rõ ràng

2866 HẦM nấu hầm
HƯƠM vàng hươm

2867  CHỚI chấp chới
GIỚI sáng giới

2868  DÕI trăng dõi
GIỌI nắng giọi
RỌI rọi đèn

2869 HỬNG hửng sáng
HẢNH hảnh nắng

2870 HÉO héo khô

2871  DÃI dầm mưa dãi nắng
GIÃI giãi giề

2872  *SẢNG* sảng khoái
SỮNG sững sững
SỬNG sửng sốt
SƯỢNG sượng sùng

2873  *TÊ (TÂY)* con tê ngu

2874  NGÀ ngà voi

2875  VÚ cái vú

2876  BÒ con bò

2877  *MÃNH* mãnh thú

2878  *NGHÊ* kình nghê

2879  TỐT bò tót
VUỐT nanh vuốt

2880  CẦY con cầy

2881 DƠI con dơi

2882  ĐỘC khỉ độc

2883
SUẤT đốc suất
SÓT còn sót lại
SÚT sa sút
SUỐT đi suốt qua

2884
HIỆN hiện ra
HẸN hẹn hò
KÉN kén chọn

2885
TRÁC
CHÁC bán chác
TRÁT trát bùn

2886  *CẦU* đá cầu

2887
LÝ có lý
LẼ lẽ phải

2888  *LƯU* ngọc lưu ly

2889 XÀ xà cừ

2890
TƯ
SỨ đồ sứ

2891 *BÌNH* bình rượu

2892 
SẢN sản xuất
SẴN sẵn sàng
SỚN sớn sơ

2893  *TẤT* đi tất tả

2894 
LƯỢC sơ lược
TRƯỚC đi trước

2895 *THUYÊN* thuyên giảm

2896  *TRĨ* bệnh trĩ

2897 
NGẦN
NGẮN có ngắn có lớp
NGẦN tần ngần
NGẦN ngần ngơ
NGẤN ngấn nước

2898 
NHĂN nhăn nhó
NHẴN nhọc nhằn

2899 CHỒN chồn chân

2900 HÍP híp mắt

2901 CHAU chau mày

2902  CHOÁNG choáng váng

2903 NHẮM nhắm mắt

2904  DA thịt da

2905  *HẠP*
HỘP cái hộp
THẠP thạp gạo

2906  *KHÔI* khôi giáp

2907  *QUYẾN* gia quyến
QUẤN quấn quít

2908  *NHÃN* cây nhãn
NHẢN nhan nhản
NHỞN nhởn nhơ

2909  *CHÚNG* chúng tôi

2910  LÒA lòa mắt
LỜI mắt lời

2911  KHOÉ khoé mắt

2912  LIẾC liếc xem

2913  GIƯƠNG giương mắt

2914  QUÁNG quáng mắt

2915  QUẮC quắc mắt

2916  NHƠ nhởn nhơ
nhởn nhác

2917  NHẮM nhắm mắt

2918  NHE nhắm nhe
NHÈ nhè vào đầu mà đánh

2919  TÊN cung tên

2920  TÊN cung tên

2921  TÊN cung tên

2922  *NGHIÊN* nghiên cứu
NGHIỀN nghiền ra bột

2923  ĐĨA đĩa bát

2924  ĐĨA đĩa bát

2925  ĐÁ hòn đá
ĐỚ đớ lưỡi

2926  GẠI gại dao = mài dao

2927  LỢI chẳng lợi một đồng tiền

2928  *TẾ* tế lễ

2929 移 *DI* di cư
DÂY dây dưa
DỜI dời nhà
DAY day qua

2930 秸 GIÉ gié lúa

2931 桐 ĐỒNG đồng lứa

2932 秸 GẶT gặt hái

2933 窒 *TRẤT*
RẤT rất đẹp

2934 窕 *ĐIỆU* yểu điệu

2935 竟 *CẢNH* cảnh cảnh bên lòng
CẠNH bên cạnh

2936 章 *CHƯƠNG* văn chương

2937 笙 *SINH*
SÊNH nhịp sênh
XÊNH xềnh xang

2938 笛 *ĐỊCH* tiếng địch

2939 笩 BÈ bè nứa

2940 笙 CHÒM chòm tóc
TRŨM nón trũm

2941 笩 SẬY cày sậy

2942 笒 SỀ rổ sề

2943 笮 SỊA sàng sịa

2944 笧 VẦU tre vầu

2945 笤 *ĐIỀU*
GIẬU rào giậu

2946 笯 NÒ đóng nò

2947 笨 NIA nong nia

2948 笙 GIỎ xách giỏ

2949 笘 CHÒM một chòm
ĐỆM đệm vào
XỜM bờm xờm

2950 笠 *LẠP*
LÉP
LIẾP chiếu liếp
LỢP lợp nhà
LỤP lụp xụp
RẠP che rạp

2951 笩 *PHÙ* phù chú
BÙA bùa phép

2952 笪 *ĐÁT*
ĐÁC đan đác, lác đác

2953  *ĐỆ* đệ nhất

2954  *CẦU*
CÚ
CÀU câu nhàu
CẢU cái cẩu cái rổ

2955  *LẠP*
LÉP lúa lép

2956  *THÔ* thô sơ
SỒ sồ sề
TO to lớn
XỒ xồ ra

2957  TẺ gạo tẻ

2958  RẠ rơm rạ

2959  CHÁO cơm cháo

2960  *TỬ*
TÍA đỏ tía

2961  *TRÙU*
DÒ dò lưới

2962  SỢI sợi tơ hồng

2963  NỈ áo nỉ

2964  *LỤY* chiếu lụy

2965  *TẾ* tử tế
TÉ té ra
TÍ tí nữa

2966  BUÔNG buông rèm

2967  ĐỨT đứt dây
ĐỤP áo đụp

2968  BỪA bừa lưới
VÓ cất vó

2969  *THÂN*
THANG lang thang

2970  *THIỀU*
CHÃO dây chão

2971  *CHỈ* sợi chỉ
GIẤY giấy tờ

2972  *CHUNG* ở chung
CHON chon von
GIONG giong buồm
TRỌN trọn vẹn

2973  *TỔ* tổ ong

2974  *BẠN*
BẤN bấn lên
BẬN bận bịu
BỆN bện thừng

2975  LÃNH quân lãnh

2976  THẮT thắt nút

2977  BÁT bát đĩa

2978  CHÒ chõ xôi

2979  *ĐÊ*
DÊ con dê

2980 XEN xen vào
CHEN chen vào

2981  MẢY một mảy lông ; mảy may

2982  *LINH*
LIẾNG lúng liếng
LIỆNG chao liệng

2983  LIỆNG bay liệng

2984 *TẬP* học tập
CHẬP chập chờn
DẬP dập dìu
GIẶP làm giặp = làm đi làm lại nhiều lần (P.C)
TẤP tới tấp
XẬP ...xập xoè

2985  RỘI rội thức ăn

2986 BỪA cày bừa

2987  *HĨNH*
HỀNH hềnh chân
HỈNH hỉnh mũi

2988  *CƯỚC* căn cước

2989 *THOÁT* thoát khỏi
THOẠT thoạt tiên
THOẮT thoăn thoắt

2990 THỖN thỗn thẽn
THỘN mặt thộn

2991  TEO teo lại
TOE cười toe toét

2992 RỮA thối rữa

2993  NGHÉN thai nghén

2994 NGOẢI ngoắc ngoải

2995  NGÓM già ngóm

2996 MANG có mang
MÀNG màng màng

2997 HÔNG bên hông

2998 BÉT bét mắt

2999  ĐẾN có đi mới đến

3000  *THUNG* thung lũng

3001  *THUYỀN* chiếc thuyền

3002 NGÔ bí ngô

3003  NGÓN ngón tay
NGỌN ngọn cây

3004  NGẦU hoa ngâu
NGÒ rau ngò

3005  NỒI khúc nôi

3006  NỨA bột nứa

3007  *ĐỒ*
DỪA quả dưa

3008  *TRANG* trang ấp
CHAN chứa chan
CHANG nắng chang chang

3009  *MÔI*
MỘI rau mội

3010  *HÀNH* củ hành

3011 THUỐC hút thuốc

3012  VÁY cây váy

3013  BO cây bo bo, giữ bo bo

3014  ĐAY dây đay

3015  CUỐNG cuống hoa

3016  LAU ngàn lau

3017  GIẬU rào giậu

3018  KHÓM khóm cây

3019  MÓC cây móc

3020  MỤT mụt măng

3021  GỬI cây tầm gửi
CẢI rau cải

3022  *NGA*
NGÒ rau ngò

3023  *MẠC*
MÁC rau mác

3024 *XỨ* xứ sở
XỬ xử án
XỞ xở đi
XỚ xớ rớ

3025 虛 *HƯ* hư hỏng
HƠ hơ lửa
HƯA hưa nết
KHỜ khờ dại

3026 虫主 *CHỦ*
CHẤU châu chấu

3027 虫它 *XÀ* mãng xà

3028 虫用 NHỘNG nhộng tằm

3029 虫生 SÊN con sên

3030 虫乡 BƯỚM con bướm
BẸP ngồi bẹp

3031 虫可 HÀ con hà con hến

3032 虫包 BƯƠU ốc bươu

3033 虫申 THẮN thằn lằn

3034 虫召 CHẪU chẫu chàng

3035 血半 *HẤN* gây hấn

3036 血卯 MÁU máu chảy

3037 彳术 *THUẬT* nghệ thuật

3038 彳亍 *HUYỄN*
HUỀNH huềnh hoảng

3039 礻逦 LỀ kể lể
NHỄ nhễ nào

3040 礻米 LẼ lẽ mọn
LẺ một lẻ gạo
RƯỠI một đồng rưỡi
RƯỞI trăm rưởi

3041 礻囲 RÚNG rẻ rúng

3042 礻辶 TRẦY trầy đi

3043 礻凶 LÁY láy mắt
LẤY lấy chồng

3044 裂 *CA*
CÀ áo cà sa

3045 衣戈 *ĐẠI*
ĐÃY cái đãy

3046 袍 *BÀO* áo bào
BÀU bàu áo

3047 袖 *TỤ* lãnh tụ

3048 衤占 XIÊM áo xiêm

3049 被 *BỊ* bị đánh, cái bị
BỆ bệ vệ
BỠ bỡ ngỡ
BỰ bự mặt ra

3050 衮 *CỒN*
NGỒN ngồn ngang

3051 袂 ĐỤM đùm bọc

3052 袘 TẢ tả tơi
TÃ tã lót

3053 袑 CHÉO chéo áo

3054 袹 MẶC mặc áo

3055 袒 LỤP lụp xụp

3056 袢 MỀN mền bông

3057 規 *QUY* quy củ

3058 覓 *MỊCH*
MÁCH mách lẻo
MẾCH mếch lòng
MÍCH xích mích

3059 覡 GIẾNG giếng nước

3060 訛 *NGOA* nói ngoa ngoắt
NGỎA ngỏa nguê

3061 訟 *TỤNG* kiện tụng

3062 訰 ĐỒN đồn đại

3063 訥 *NỘT*
ĐỐT đốt nát
NÓI nói năng
NỐT làm nốt cho xong
NUỐT nuốt vào bụng

3064 訪 *PHỎNG* phỏng vấn

3065 設 *THIẾT* kiến thiết
THẾT thết khách

3066 許 *HỨA* lời hứa
HỬ ư hử
HỞ lỗ hở
HỚ hớ hênh
HỮ ừ hữ

3067 訞 *THỊ*
SỊ
XỆ xập xệ
XỆ xệ cánh

3068 訿 CỌP cọp, hùm

3069 貧 *BẦN* bần cùng, bần thần

3070 貨 *HÓA* hàng hóa

3071 貶 Bỏ + Cân
GẦN cười gằn
GẦN xa gần

3072 貪 *THAM* tham lam

3073 貫 *QUÁN* quê quán
QUAN ba quan tiền
QUEN quen nhau

3074 責 *TRÁCH* trách móc

3075 貭 *CHẤT* chất bổ

3076 赦 *XÁ* xá tội
THA tha thứ
XÓA xóa đi

3077 趾 *CHỈ* giao chỉ
NHẢY nhảy nhót

3078 踕 GẬP gập ghềnh
VẤP vấp ngã
Túc + cập

3079 跋 Túc + phản
TRỞ trở về

3080 跟 DẤU dấu vết

3081 跡 MAU mau chân

3082 跼 KHẠNG đi khạng nạng, khệnh khạng

3083 軟 *NHUYỄN* bột đã nhuyễn

3084 逋 *BÔ* nói bô bô
BO giữ bo bo

3085 透 *THẤU* thấu qua

3086 逐 *TRỤC* trục xuất; ở trần trùng trục
CHỤC một chục
GIỤC giục giã

3087 途 *ĐỒ* cùng đồ

3088 逗 *ĐẬU* ở đậu

3089 通 *THÔNG* thông hiểu, (thông là « đủ »)
THONG thong dong

3090 逢 LÙNG lùng bắt

3091 逞 LẠ lạ lùng

3092 逞 *SÍNH* sính chữ
SÁNH sánh vai

3093 
TỐC đi tức tốc
RỐC kéo rốc đi

3094 
TẠO tạo ra
XÁO xáo thịt
XẠO xạo rạo

3095 
PHÙNG trùng phùng

3096 
LIÊN liên miên
LEN len lỏi
LIẾN liến thoắng
LIỀN liền liền

3097 
ĐỆ đệ trình

3098 
BỘ bộ phận

3099 
QUÁCH thành quách

3100 
CHẤM
ĐAM đam mê tửu sắc
ĐEM đem đi

3101 
DÃ thôn dã

3102 
CỜN động cởn

3103 
XUYẾN xuyến vàng
XÉN xén bớt
XOẮN xoắn lại

3104 
CANG
CỒNG
CONG cong vại

3105
THOA chiếc thoa
SOA

3106
VÒNG đeo vòng
VỒNG cầu vồng

3107 
BỂ bồng bế
BÉ bé nhỏ
BẤY bấy lâu

3108 
MỌN nhỏ mọn

3109 
MỌN nhỏ mọn

3110 
MUÔN muôn ngàn

3111 
ÂM âm dương

3112 
THÙY biên thùy
THOAI thoai thoải

3113 
TRẦN trần trường
RẦN rần rần
TRẦN trần trọc
TRƯỜN trườn tới

3114 
LĂNG lăng tẩm

3115 陷 *HÃM* vây hãm
HẨM bờ hẩm
HỐM hốm vào
HOẮM sâu hoắm

3116 陸 *LỤC* lục lọi

3117 雀 *TƯỚC* khổng tước

3118 雪 *TUYẾT* tuyết rơi

3119 雲 CƠN cơn mưa

3120 雳 NGÚT nghỉ ngút khói
NGỤT khói ngùn ngụt

3121 雨 DỢN nước dợn

3122 頂 *ĐỈNH* đỉnh núi
ĐẢNH đỉnh đảnh

3123 頃 *KHOẢNH* khoảnh đất
KHỈNH khủng khỉnh

3124 飢 *CƠ* cơ cực, cơ hàn

3125 魚 *NGƯ* ngư ông
NGƠ ngơ ngác
NGỚ ngớ ngẩn
NGỪ cá ngừ

3126 鳥 *ĐIỂU*
ĐEO đeo nặng
ĐẼO lẽo đẽo

3127 鹿 *LỘC* lộc hươu

3128 麥 MẠCH kẹo mạch nha

3129 齋 *TRAI* thư trai
CHÁI chái hè
TRƠI ma trơi

12 nét

3130 鈔 CHOAI gà choai

3131 傅 *PHÓ* phó mộc

3132 傍 *BÀNG* bẽ bàng
PHÀNG phũ phàng
VÀNG vững vàng

3133 傑 *KIỆT* hào kiệt

3134 傘 *TẢN*
TÁN tán cây
TÀN tàn lọng

3135 備 *BỊ* cụ bị
BỆ bệ cau
BỢ bợ lên
VỰA vựa lúa

3136 僥 TAO may tao

3137 傩 NẠ mặt nạ

3138 倾 PHÍA phía đông phía tây

3139 衲 NÉP nép xuống

3140 傌 MÁ chó má, giống má, thuế má

3141 傌 CỐT một cốt một đồng

3142 測 RÉT rét cóng

3143 凱 *KHẢI* khải hoàn

3144 號 TÊN tên gọi

3145 納 NẮP ngăn nắp

3146 割 *CÁT* cát cứ
CẮT cắt ra
XẮT xắt rau

3147 創 *SÁNG* sáng lập
SANG tiếng sang sảng

3148 剧 THIẾN gà thiến

3149 剮 GỌT cạo gọt

3150 殺 CHẶT chặt cây

3151 勝 *THẮNG* thắng trận

3152 勞 *LAO* lao lực, lao xao
LAU lau lách

3153 勛 *HUÂN* công huân

3154 幫 CHỢ chợ búa

3155 勦 NHỌC nhọc nhằn

3156 勤 *CẦN* cần mẫn
CÙN cuốc cùn

3157 博 *BÁC* bác học
MÁC giáo mác

3158 鄀 VÀNG vàng dạ

3159 廈 *HẠ*
HÈ hè nhà

3160 厦 TRẢI trải qua

3161 喝 *NGỤ*
NGUNG
NGỦM chết ngủm
NGỤM một ngụm nước

3162 
UY
ÒI — òi ọp
ỎI — inh ỏi
ÓI — ói ra
ÔI — hỡi ôi

3163 
NAM
NÊM — nêm canh
NÔM — nôm na

3164 
THIỆN — lòng từ thiện

3165 
LẠT — cười lạt

3166 
HẦU — hầu họng

3167 
ÂM
ẦM — ầm ầm
ỒM — om sòm
ÙM — nhảy ùm

3168 
SUYỄN — hen suyễn

3169 
HOÁN — hô hoán

3170 
HỶ — hoan hỷ

3171 
HÁT — hát xướng
ẠC — ầm ạc
HÉT — gầm hét
HẾT — hết rồi
HÍT — hít vào

3172 
VỊ — mùi vị
VÍ — ví như....
VỚI — nói với ai

3173 
HUYÊN — huyên thiên

3174 
DỤ — ví dụ
DẢU — dảu mỏ
DẪU — dẫu rằng
DỖ — dỗ dành
NHỦ — khuyên nhủ
RỦ — rủ nhau

3175
ỘT — bụng sôi ột ột
ỤC — ục ịch

3176 
NGẮC — ngúc ngắc

3177 
BAI — bẻ bai
BÔI — đãi bôi
PHÔI — chia phôi, phôi pha

3178 
PHỨC — thơm phức

3179 
MỎ — mỏ chim, mắng mỏ
MỒ — chim mồ thóc

3180 
MÉ — mé ngoài, nói xếch mé
MẼ — mùi mẽ
MẺ — một mẻ
MỈA — mỉa mai

3181  BẢO dạy bảo
BẢU lảu bảu
BẤU bấu xé

3182  NGÁN ngao ngán
NGHẸN nghẹn lời
NGHIẾN nghiến răng
NGHIỆN nghiện thuốc

3183  OÁI kêu oai oái
OE khóc oe oe

3184  CHẢ chả biết
DẠ vâng dạ
GIÃ giã ơn

3185  ỌT nuốt ọt
ỘC đồ ộc ra

3186  ÀNH thở ành ạch
ỄNH ễnh ương, ễch bụng
INH inh ỏi

3187  MẾU khóc mếu

3188  GIÃI giãi bày

3189  LẮNG lắng nghe

3190  THÈ thè lưỡi

3191  DẶN dặn dò

Trinh

3192  RÊN rên rỉ

3193  RÁU nhai rau ráu
TÁU tâu lên

3194  OA khóc oa oa

Đột

3195  NÚT nút sữa mẹ
SỤT sụt sùi

3196  THẦM thầm thì
THÒM om thòm

3197  Ù ù ù

3198  VỒN vồn vã

3199  GIỌNG giọng nói
TUNG tiếng trống tung tung

3200  ĐÀNH đành lòng

3201  NHÙ ăn nói lù nhù

3202  TỤC gà kêu tục tục

Sài

3203  RÀY rầy rà

3204  MẤP mấp máy

3205 噣 SỰC sực nức (khẩu + Trực)

3206 嗢 ỒN ồn ào

3207 噳 NGƯỚC ngước mắt

3208 嚂 RẦM rầm rĩ
RẦN dạ rần
RẦN rần rần
REO reo cười

3209 鉅 LỚN to lớn

3210 嚎 HẸN hẹn hò

3211 嗃 HÒ hẹn hò

3212 嚜 VÍ ví von

3213 嗹 QUÁT quát mắng

3214 嚂 DỖNG dỗng dạc
NỮNG nững nịu

3215 噠 NHỊP nhịp phách

3216 殡 LÍNH quân lính

3217 嗆 HỒNG chớ hồng
HỌNG cuống họng

3218 嗐 KÈ kè lề

3219 嗝 KHẠC khạc nhổ

3220 嗋 XÉO khăn xéo

3221 嗜 KHEN khen ngợi

3222 嗻 VẶC chúng nó vặc nhau

3223 嗺 XẤM nói xấm xuất
XẦM xầm xì

3224 嗯 XỒI ăn xồi ở thì

3225 嚝 XON chạy xon xon

3226 喪 *TANG* đề tang
TÁNG mai táng
TẢNG tảng sáng

3227 嚓 *KHẾ* trái khế
KHỊA cà khịa
KHỊT khịt mũi

3228 單 *ĐAN* đan thúng
ĐƠN đơn thuốc

3229 圍 *VI* chu vi
VÂY vây xung quanh
VẦY sum vầy
VÈ đi vè vè
VÍ cái ví

3230  *ĐIỆP*
NHỊP nhịp cầu

3231  *ĐÊ* con đê

3232  *KHAM* bất kham
KHOM khom lưng

3233  *NGHIÊU* Nghiêu Thuấn
NGHẺO nghẻo cổ
NGHỄU nghễu nghện

3234  *BỨC*
BẠC bạc trên
BỰC bực tức

3235  *BÁO* báo tin

3236  *TRƯỜNG* trường võ

3237 BÌNH cái bình

3238  OM nồi om

3239 TRIÊNG triêng gánh

3240  MỎ mỏ vàng

3241  CHẬU chậu nước

3242  MẺ một mẻ lưới

3243  HÔI hôi hám

3244 HÔNG nồi hông

3245  VẠI vại cà

3246  BÙN bùn lầy

3247 DŨM nắp dũm

3248  CỎI cứng cỏi
CỖI bờ cỗi

3249  *HỒ* hồ lô
HŨ cái hũ

3250  *TỂ*
RỂ con rể

3251 BẾN bến nước

3252  NGỒI ngồi xuống

3253 NGỒI ngồi xuống

3254  NGỒI ngồi xuống

3255 *XA* xa hoa

3256  LÂU lâu dài

3257  *MÔI* môi giới
MỐI làm mối
MỒI chim mồi
MỤ bà mụ

3258  *TẨU*
DÂU chị dâu

3259  *OA* Nữ oa

3260  MẸ mẹ con

3261  THÕA đĩ thõa

3262  *PHÚ* phú quí

3263  *MỊ* mộng mị

3264  *HÀN* cơ hàn

3265  *NGỤ* ngụ ý
trú ngụ

3266  *THỰC* thành thực
THẬT thật thà
THIỆT thiệt hại

3267  CHỮ viết chữ

3268 *TÔN* tôn kính
NHÔN nhôn trai
TON ton hót
TUN sàu tun hút

3269  *TẦM* tầm thường
TÌM tìm kiếm
TỦM um tùm

3270  TẮC tắc lòng

3271  *TỰU* thành tựu,
tựu trường

3272  MẢY mảy may

3273  ÓT cà ót ét, nắm
ót (P.C.)

3274  VẢ vả lại, nhờ
vả

3275  *ĐỒ* đồ tể

3276  *MI* núi Nga mi

3277 *KÊ* hạt kê

3278 NGÀN núi ngàn
NGHỀN đi nghền
nghền (G)

3279  NGỒNG cao ngông
ngồng

3280  *NGU*
GIỦNG giủng giẳng
(G)

3281  *NHAM* sơn nham

3282  KHAM ăn kham khổ

3283 DIN mũi din (T)

3284  *TỐN* tốn kém
LÚN lún xuống
RỐN ngồi rốn lại

3285  VÀ một và bông lau

3286  *MẠO*
MÃO áo mão
MŨ đội mũ

3287 *TRINH*
TRANH bức tranh

3288  *BỨC* bức tranh

3289  PHỚI phơi phới

3290 MŨ áo mũ nghênh ngang

3291  *XÍ* xấu xí, hổ xí
XIA đi xia
XÍA xía vào

3292 *SƯƠNG*
RƯƠNG cái rương

3293  KHO kho tàng

3294  U mọc u

3295  *THÍ* việc thí nghịch

3296 *KÍCH* cái kích

3297  *BẬT* bật dây cung
BẠC bạc thang
BẶT im bặt

3298  TRỐNG đánh trống

3299 NGHÌN một nghìn

3300  *BÁNH* bành voi

3301  RẮN rắn rực

3302  *HOÀNG* bàng hoàng

3303  LỐT đội lốt

3304  *BI* bi ai
BÂY bây giờ
BẦY một bầy

3305 *HOẶC* nghi hoặc

3306  *HUỆ* ơn huệ

3307  *ÁC* tàn ác
Ố hoen ố

3308  E e lệ

3309  MỪNG mừng rỡ

3310  *NÃO* não lòng

3311  *CHÚY*
SỦY
NHOAI nhoai lên

3312  *PHỨC* phiền phức

3313  YÊU yêu nhau

3314  VUI vui vẻ

3315  BUỒN buồn rầu

3316  RẦY run rẩy

3317  KHÍT khăng khít

3318  DỘT ủ dột

3319  NGHIỆN nghiện ngập

3320  *HOÀNG* kinh hoàng

3321  *TRẮC* lòng trắc ẩn

3322  *THIỀU* thiều não
XỈU xỉu mặt

3323  ĐẸP đẹp đẽ

3324  ĐÀNH đành lòng
ĐUỀNH đuềnh đoàng

3325  CHUỘNG yêu chuộng

3326  *BỨC*
PHỨC
BỰC buồn bực

3327  *NGẠC* ngạc nhiên

3328  NÊN làm nên

3329 *XIẾT* xiết bao
XẾ xế bóng
XÍA xía vào

3330  *GIẢN*
GIÁNG giáng cho một gậy
GIÓNG gióng giả

3331  *QUĨ*
QUẪY cá quẫy
QUẬY cựa quậy
QUẾ quạnh quẽ

3332 
QUYỆN quyện vào nhau
QUÉN vun quén

3333
MIÊU miêu tả

3334 
ĐỀ đề thơ
DỀ dề chừng
ĐÈ đè lên nhau
RỀ rề rề

3335 
Sáp, Tráp
THÁP tháp cây
CHẮP chắp nối
KHẮP khắp nơi
SẮP sắp sửa
XẤP xấp xỉ
XẾP xếp vào

3336 
ẤP ôm ấp

3337
DƯƠNG dương buồm
DANG dang tay, dở dang
DÀNG dịu dàng
GIÀNG giữ giàng

3338
TRỊCH nặng trịch
TRỆCH đi trệch

3339 
YẾT yết thị

3340 
MÓ mó đến
MÚA múa may

3341 
Tây
RẢY rảy nước
RƯỚI rưới nước
TƯỚI tưới nước

3342
GÕ gõ cửa

3343 
SẠM sạm gai
CHẠM chạm trổ
CHẶM chặm mắt
CHỤM chụm lại

3344 
BỚI bới móc
BỜI chơi bời, bời bời

3345
DỆNH dệnh dạng

3346 
ẪM ẫm bế
ÔM ôm ấp

3347
UỐN uốn cong

3348 
Đét
ĐÚT đút lót
RỤT rụt rè
THỌT chạy thọt
TRỌT trồng trọt

3349 
LỌT đi lọt
LỘT lột da
RÓT rót nước
TRÚT trút ra

3350 
QUÊN bỏ quên

3351  CÀI cài trâm

3352  HÁI hái rau

3353  DÙA dùa lại

3354 VẦY vầy đất

3355  ÉO uốn éo

3356 GẤP gấp bằng đũa

3357  ĐẨY đẩy thuyền

3358  VỰA vựa lương

3359  ĐÀY đi đày

3360  CHÚT chút mảy

3361  ĐÁNH đánh ghen

3362  PHUNG phung phí

3363  PHŨ phũ phàng

3364  BÒN VUN bòn rút vun trồng

3365  BẤU bấu xé

3366 RINH rung rinh

3367  DẸP đánh dẹp

3368  UỐN uốn mình

3369 HUY HUƠI chỉ huy huơi tay

3370  NẮM NÊM nắm tay nèm cán cuốc

3371 RẮC rơi rắc

3372  NGÁNG ngáng chân

3373 RÓC róc mía

3374  THÁC sống thác

3375  NHẮC nhắc lên

3376 VANH kề vanh vách

3377  TRỞ trở về

3378  CHÚT một chút

3379 NGÓN ngón tay

3380 ĐƠM đơm đó

3381 
CỬ thi cử
CỬA cửa ngõ

3382 
VIỆN cứu viện
VỄN vễn vẹn
VÉN vén lên
VẸN vẹn tròn
VIN vin vào
VỊN tay vịn

3383 
CẢM cảm tử
DÁM dám xông pha

3384 
TẢN tản ra
TAN mây tan
TẢNG tảng lờ
TỞN tởn đến già

3385 
ĐÔN đôn hậu
ĐON đon đả
GION nói gion giỏn
TON ton hót
XÒN xòn xao
XUN xun xoe

3386 
TỆ tồi tệ

3387 
PHỈ phỉ sức, phỉ chí

3388 
TÁN tán loạn
TỚN bớn tớn

3389 
ĐOÁN đoán chừng
ĐOẠN qua ngày đoạn tháng

3390 
PHỔ phổ thông
PHƠ nói tầm phơ

3391 
CẢNH cảnh vật
KIỂNG chậu kiểng
KHẢNH mảnh khảnh
NGOẢNH ngoảnh lại

3392 
MIỆN mão miện

3393 
TÌNH
TÀNH tan tành
TẠNH tạnh mưa

3394 
TINH kết tinh

3395 
TRÍ trí tuệ

3396 
TẰNG
TĂNG tăng ni
TÀNG tàng công
TƠN lơn tơn
TƯNG tưng hửng
TỪNG từng ấy, từng kia

3397 
THẾ thay thế

3398 
TỐI tối đa
TÍU tíu tít
TỤI tụi chúng nó

3399  THUỞ thuở xưa

3400  BÓNG đứng bóng

3401  ĐÊM nửa đêm

3402  RÀY rày đây mai đó

3403  MAI mai sau

3404  CHẠNG chạng vạng

3405 QUẮC sáng quắc

3406  NGÀY ngày tháng

3407  NGÀY ngày tháng

3408  CỮ cữ gió tuần mưa

3409  PHƠI phơi phóng

3410 HONG hong nắng

3411  VẠNG chạng vạng

3412  XẾ xế chiều

3413  *TRIÊU* ánh triêu dương

TRIỀU triều đình

CHÀO chào hỏi

CHẦU vào chầu

TRÀU cá tràu

TRỀU trều ra

3414 *KỲ* kỳ hạn

KỀ kề bên nhau

3415  *LÊ* cây lê

3416  *KỲ*

CỜ đánh cờ

3417 *CÔN* côn quyền

GÒN bông gòn

GON chiếu gon

3418 *BỔNG*

BỌNG đòn bọng

BỘNG bộng ong

BÚNG búng quay

VỒNG vồng lên

3419  *TRÀNH*

TRƯỜNG cây trường trường

3420 *TẢO*

TÁO cây táo

TÁU láu táu

3421 *CỨC*

GẤC xôi gấc

3422 棟 *ĐỐNG* chất đống
ĐÓNG đóng cửa

3423 棧 *SẠN*
SÀN nhà sàn
SẾN gỗ sến

3424 森 *SÂM*
CHÙM chùm quả
DỤM dành dụm
SUM sum họp
SÙM sùm sề
XÚM xúm quanh

3425 棱 *LĂNG*
SĂNG gỗ săng
RỪNG núi rừng

3426 棵 *QUẢ* quả đựng đồ lễ

3427 棹 *TRẠO*
CHÈO mái chèo

3428 棺 *QUAN* áo quan

3429 椁 *QUÁCH* quan quách

3430 植 *THỰC* thực vật

3431 椎 *CHÙY* chùy sắt
CHOI choi choi
CHÒI chòi canh
DÙI cái dùi

3432 椒 *TIÊU* hồ tiêu

3433 棋 CỘ xe cộ
GỖ cây gỗ
GỤ gỗ gụ

3434 椏 DẮM dắm đàm vào tay

3435 椊 CHỐT chốt cửa
CHỘT chột dạ
RÚT rút dây

3436 椋 NẠM nạm gạo

3437 森 LĂM mười lăm
RẮM ngày rằm

3438 椙 CHANH cây chanh
TRANH GIÀNH cây giành giành
RANH rấp ranh

3439 椚 MUN gỗ mun
MÙN mùn cưa
MUỒNG cây muồng muồng

3440 椄 VÔNG cây vông
BÔNG bông cải

3441 椅 SỨ cây sứ

3442 椌 CHANH lanh chanh, cây chanh

3443  ĐỘT chồi đót

3444  ĐAY rau đay

3445  BẮP bắp tay, bắp cày

3446  BỄ ông bễ

3447 TRE cây tre

3448  SUÔN cây suôn

3449  NGHỆ ngô nghệ

3450 NHÀI cây nhài

3451  HAY cây hay

3452 HÒM hòm siểng

3453  KHẲNG khẳng kheo

3454  *KHI* khinh khi

3455  *KHÂM* khâm phục

3456  *KHOẢN* khoản nợ

3457  TRO tro bếp

3458 BÓ bó đuốc

3459  *TÀN* tàn lửa

3460 QUÀN quàn người chết

3461  GIẮM chết giắm

3462 XÁC xơ xác, xác chết

3463  *THẢM* tấm thảm
XỒM xồm xoàm

3464 *CHỬ*
CHÃ lã chã
CHẢ chả làm
CHỚ chớ làm
CHƯA chưa đến
CHỨA chất chứa
VÃ vã mồ hôi

3465 *GIẢM* giảm sút

3466  *CỪ* đắp cừ
GỪA cày gừa
KHỜ khờ dại

3467 *ĐỘ* tế độ
ĐÒ bến đò
ĐÁC lác đác

3468  *BỘT* bồng bột
BỌT bọt sóng

3469 澐 *VIÊN*
BỢN bợn nhơ

3470 渥 *ÁC*
DỐC dốc xuống
ỐC con ốc

3471 測 *TRẮC* trắc đạc, bất trắc

3472 渭 *VỊ* sông Vị
VẤY vấy bùn
VỢI vợi nước đi

3473 港 *CẢNG* hải cảng

3474 渴 *KHÁT* khát nước

3475 湖 *HỒ* ao hồ

3476 湘 *TƯƠNG* sông Tương

3477 湛 *TRẠM*
GIẶM giặm vào
THẤM thấm nước
TRỢM trì trợm
TRỤM mua trụm

3478 溫 *ÔN* ôn hòa
ỒN ồn ào
ỒN nước ồn ồn

3479 湯 *THANG* thang thuốc bắc

3480 淵 *UYÊN* uyên thâm

3481 澡 LÓC lăn lóc
LỌC lọc lừa, bột lọc

3482 津 LÚT lút đầu
LỤT lụt lội
RÓT rót nước

3483 洄 HOẢNH ráo hoảnh

3484 涎 DỘT nhà dột
GIỌT giọt mưa
LỤT nước lụt
SỤT sụt sùi
THỤT thụt chân

3485 溫 DOANH
DỀNH nước dềnh lên
DUỀNH mặt duềnh
GIỀNG láng giềng

3486 溫 BÙN bùn lầy
VÙN vùn vụt

3487 渧 ĐẦY đầy đặn

3488 渡 BẾN bến nước
BIỀN biển cả

3489 澠 BIỀN biển cả

3490 BỂU bều bễu
những nước
VEO trong veo

3491  ÙM nhảy ùm
xuống sông

3492 TRÀN nước tràn

3493  RỊN bịn rịn, rịn
mồ hôi

3494  DÃI nhỏ dãi
ĐÃI đãi cát tìm
vàng

3495 OC ọc ạch, đầy
ọc

3496  OI ôi nước

3497 NƯỚC nước uống

3498  NƯƠM bàu nươm
nước
NƯỜM người đi
nườm nượp

3499 DỢN dợn sóng

3500  *MI*
MƯA gió mưa

3501 MỦ máu mủ

3502  *BỒI*
VÙI khoai vùi

3503  *VÔ* vô ích
MÔ na mô a di
đà phật

3504  *NHIÊN* tự nhiên
NHEN nhen lửa
NHƠN vẻ mặt nhơn
nhơn

3505  *VI*
VAY vấy tiền
VÌ bởi vì...
VƠ vơ vào
VỜ giả vờ

3506  LỪNG sáng lừng
SẦN sần da

3507 ĐỐT lửa đốt
SỐT nóng sốt
SỘT sột soạt

TÔI tôi thép
TRUI nướng trui

3508 NGỜI ngời sáng

3509  VẶC vằng vặc

3510 RỌI roi đèn

3511  NÁM nám da

3512  LIẾC liếc mắt

3513  LUỘC luộc rau

3514  ROM khô ròm

3515  RỠ rỡ ràng

3516  PHỎNG phỏng da

3517  PHƠI phơi phóng

3518 PHƠI phơi phóng

3519  LỐM lốm đốm

3520 HON héo hon
HUN hun khói

3521  HỰC sáng hực
RỰC sáng rực

3522 CHẤM một chấm

3523  *BÀI* bài ngà
BÌA bìa sách

3524 *TIÊN* giấy hoa tiên

3525 MẢNH mảnh trăng

3526  KỂNH con kểnh (con hổ)

3527 *MIÊU* MÈO con mèo

3528  *HỒ* hồ ly

3529 *TRƯ* CHƯA chưa xong
TRƠ còn trơ trơ

3530  *TINH* con chằn tinh

3531 *HẦU* loài hầu

3532  VOI con voi

3533 ƯƠI con đười ươi

3534  TRÂU trâu bò

3535 THỎ con thỏ

3536 TRAI ngọc trai

3537  *HỔ* hổ phách

3538 *DIỄM* DẶM xa nghìn dặm

3539	琴	*CẦM*	cầm kỳ thi tửu
3540	琵	*TỲ*	đàn tỳ bà
3541	琶	*BÀ*	đàn tỳ bà
3542	瓟	DƯA	quả dưa
3543	瓟余	DƯA	quả dưa
3544	瓦里	LY	ly rượu
3545	甘言	NGON	ngon lành
3546	舜生	SỐNG	cơm sống
3547	犉	SỐNG	sống sót
3548	犉田	RUỘNG	ruộng nương
3549	畀下	DƯỚI	trên dưới
3550	番	*PHIÊN*	phiên trấn, chợ phiên
		PHAN	
		PHEN	phen này
3551	畫	*HỌA*	bức họa
		HOẠCH	trù hoạch
		VẠCH	vạch đường
		VẾT	một vết sáng
3552	畱	*LƯU*	lưu lại
3553	疏	*SƠ*	sơ ý
		SỚ	dâng sớ
		SỜ	sờ sờ
		SỰA	mọc rất sựa
		XƠ	xơ rơ
		XỜ	xờ rờ
3554	踈	*SƠ*	đơn sơ
		SỜ	sờ sờ
		THƯA	thưa thớt
3555	痘	*ĐẬU*	bệnh đậu
3556	痛	*THỐNG*	thống khổ
3557	痢	*LỴ*	kiết lỵ
3558	痠	XOẢI	bải xoải
3559	痹	BUỐT	buốt nhức
		MỤT	mụt nhọt
3560	痩	MỤT	mụt nhọt
3561	痟	DẤU	thuốc dấu
3562	痒	CHOÁNG	choáng váng
3563	痠	DẠI	dại dột
3564	痾	LẮN	lắn rơi

3565 HÉO héo hon

3566  MỎI mệt mỏi

3567  GUỘC gầy guộc

3568 *ĐĂNG* đăng trình

3569  *PHÁT* phát tài
PHẮT đứng phắt lên
PHẾT lớn ra phết
PHÚT phút chốc

3570 TRẮNG trắng trẻo

3571  PHAU trắng phau

3572  VÍA mắt vía

3573  TRỐNG chiêng trống

3574 VỎ vỏ cây

3575 BỊT bịt trống

3576 *THỊNH*
THÌNH thình lình

3577  *ĐẠO* đạo tặc

3578 *TRỨ TRƯỚC* sau trước

3579  RÌNH rình mồi

3580  RỬ rử mắt

3581  DÒM trông dòm

3582  NGỒM chết ngồm, tắt ngồm

3583 NHÌN nhìn thấy

3584  ĐOÁI đoái trông

3585 MÀNG mắt kéo màng

3586  MỎI mỏi mắt

3587 LÉ lé mắt

3588  BÉT bét mắt

3589 MÙA mùa xuân

3590  *ĐOẢN* đoản kiếm
ĐUỖN dài đuỗn đuỗn

3591 *LƯU* lưu huỳnh

3592 硬 *NGẠNH* ương ngạnh

3593 硯 *NGHIỄN*
NGHIỀN bút nghiên
NGHIỀN nghiền nát ra

3594 碨 *VĨ*
VỠ đập vỡ
VỞ sách vở

3595 硍 MÀI mài dao

3596 砫 *LỮ*
VỠ đập vỡ

3597 祿 THỜ thờ cúng

3598 裕 LƯỠI miệng lưỡi

3599 裉 NHÌN mắt nhìn

3600 裖 NHỄ nhễ nhại

3601 裢 LÃI lời lãi
LẠY lạy van

3602 稀 *HI*
HÌ hì hì
SẢY sảy da
SÈ sè sè
SI sàn si

3603 稅 *THUẾ* thuế má

3604 稊 *ĐỀ*
THÈ lê thê

3605 程 *TRÌNH* hành trình

3606 窎 *DIẾU*
KHIẾU
KHÉO khéo léo

3607 窗 *SONG* song cửa

3608 窘 *QUẪN* khốn quẫn
QUẦN quần chân

3609 欬 XÒI lòi xòi

3610 童 *ĐỒNG* nhi đồng

3611 筆 *BÚT* bút nghiên

3612 等 *ĐẲNG* đeo đẳng
ĐẲNG đẳng anh hùng

3613 筏 *PHIỆT*
PHẸT nhổ phẹt
PHỊCH ngồi phịch

3614 筑 *TRÚC* kiến trúc

3615 筒 *ĐỒNG* ống xi đồng

3616 筋 *CÂN* cân não
GÂN gân cốt

3617  *KÊ* cập kè

3618  *ĐÁP* đáp lại
ĐỚP đớp mồi

3619  *SÁCH* sách lược

3620  TRẠC ki trạc

3621  GIANG cây giang

3622  TÊN cung tên

3623  RÂY cái rây

3624  NEN cây nen
NÉN củ nén

3625 CHỔI cái chổi

3626  DỒI miếng dồi

3627  CHÁO cơm cháo

3628  *KẾT* kết chặt
CỨT cứt đái
KIẾT cùng kiết

3929 *TUYỆT* tuyệt đẹp
TIỆT tử tiệt
TỊT tịt ngòi
TOET nhổ toẹt

3630 *GIẢO* xử giảo

3631 *LẠC* mạch lạc
RẠC rời rạc

3632 *CẤP* cấp tiền
GÓP góp nhặt

3633 NHUNG áo nhung

3634  TRÓI trói buộc

3635  CHOÀNG ôm choàng
QUANG quang gióng
QUÀNG khăn quàng
NHOANG nói táp nhoang

3636  NIỀN đóng niền
NIỀNG niềng niễng

3637 RÁCH rách rưới

3638 LƯỢT lượt là
RÁCH rách rưới
RIẾT riết chặt
RỊT ràng rịt

3639 *THỐNG* thống soái
THỦNG thủng đáy
THỤNG áo thụng
XÓNG lóng xóng

3640 *TY* trúc ty
TƠ tơ tằm
TƯA tưa lưỡi

3641  VÒNG vòng tròn

3642  THÊU thêu thùa

3643  THÙA thêu thùa

3644  THƯỢT dài thượt

3645  SỢI áo sồi

3646  NHỢ dây nhợ

3647  CHẮNG chắng chịt

3648  DÂY dây nhợ

3649 *BÌNH* bình rượu

3650  ĐĨA bát đĩa

3651  *TIỄN*
TIỆN hà tiện
TỢN dữ tợn

3652  *HẤP* hấp chín

3653  LẢU lảu thông

3654  BẢY bảy tám

3655 *TRƯỚNG*
CHƯƠNG chương lên
RƯỚN rướn gân

3656  *TỲ* tỳ vị

3657 *THẬN* quả thận

3658  *PHỦ* tạng phủ

3659 *KHANG*
XOANG
XANG xènh xang
XĂNG lăng xăng

3660  *UYỂN*
OẢN oản chuối

3661  LƯNG sau lưng
TRĂNG mặt trăng

3662 THÁNG tháng ngày

3663  RẰM ngày rằm
RÒM còm ròm

3664 ĐÊM đêm ngày

3665 SẦN sần mặt, sần da

3666  NGẮC ngắc ngoải

3667 ĐỄ đẻ con

3668  Truần
TRÒN miệng nòn tròn tháo

3669 
THỊT thịt da

3670 
RỈNH bụng bình rỉnh

3671 
MỤN mụn nhọt

3672  Pháp (H.V)
MÉP mồm mép

3673 
VÚ cái vú sữa

3674 
TRÔN trộn kim

3675
DỊCH
DẠ bụng dạ
NÁCH một nách ba con
NỊCH chắc nịch

3676 
BÓNG bong bóng lợn
BỌNG bọng đái
BỦNG bủng beo
BỤNG bụng dạ

3677
CAO
CAU cau mày

3678 
THƯ thư thả

3679 
LƯỠI cái lưỡi

3680 
THỊT thịt thà

3681 
KHOANG khoang thuyền

3682 
THUẦN Nghiêu Thuấn

3683 
CÚC hoa cúc

3684 
QUẢ hoa quả
QUÀ quà tết

3685 
BÌNH
BỀNH nổi bồng bềnh
PHỀNH trôi lềnh phềnh
PHÌNH phình ra

3686 
BỒ bồ tát

3687 
HOA tài hoa

3688 
LĂNG cây đinh lăng

3689
LAI
LÀI hoa lài

3690
MANH manh nhà
MÀNH tấm mành mành
MẢNH mỏng mảnh
MÁNH mánh lới

3691  RĂM rau răm
RÂM hoa râm

3692  XƯỚC cỏ xước

3693  TRE răng tre

3694  TRUN trái trun

3695  RƠM rơm rạ

3696  *TRỬU*
TRỨU hột trứu
trứu

3697  CỌ lá co

3698  *ĐỒ*
THỐ
THO thơm tho

3699  CÓI chiếu cói

3700  NHÀI hoa nhài

3701  SẢ lá sả

3702  *AM* am cỏ lều
tranh

3703  RỄ rễ cây

3704  TRẦU trầu cau

3705  PHỤNG đậu phụng

3706  ĐÁM đám cỏ

3707  NHỰA nhựa cây

3708  MƯỚP mướp đắng

3709  NẤM nấm mối
NỘM rau nộm

3710 MON mon men

3711 RẠ rơm rạ

3712 TRANH nhà tranh

3713 BẠC bạc bẽo

3714 *THÙ*
CHU
CHÂU châu chấu
CHẪU chẫu chàng

3715 *GIAO* giao long

3716  DƠI con dơi

3717  NHÁI con nhái

3718  CÒNG con còng

3719  CẮC cắc kè

3720  chi'
ĐIỆT(?)
CHẤY chấy rận

3721  *MAN* dã man

3722  CHUỒN chuồn chuồn

3723 CHẠCH con chạch

3724  GIÒNG cà giông

3725  TRẬP trập tai

3726  TRÚT vảy con trút

3727  GIỜI con giời
RUỒI ruồi bâu

3728  VẮT con vắt

3729  *VỆ*
VỀ về nhà

3730  *KHÓA*
KHỐ khố rách

3731  LỐT lốt rắn

3732  *TÀI*
TRÀI nằm trài ra, trài ngói

3733  *THỊ* giám thị

3734  *XIÊM*
NGỚN ngã ngớn

3735  CHÁNH sừng có chánh

3736  *TỐ* tố tụng
TỎ tỏ rõ
TÚA túa ra

3737 *CHẨN* chẩn đoán

3738 *CHÚ* chú thích

3739  *CHỨNG* làm chứng
CHỐNG chống lại
CHỪNG chừng chạc

3740  *VỊNH*
VẠNH vành vạnh
VẰNG văng vẳng

3741 *TRÁ* xảo trá

3742  *CHIẾU* chiếu chỉ

3743  *BÌNH* bình văn
BẰNG bằng lòng
BỪNG bừng sáng

3744  *TRỚ* trớ trêu

3745  *TỪ* từ ngữ
TỜ lặng như tờ

3746  *TƯỢNG* ruột tượng

3747  BEO hùm beo

3748  *TRỮ* dự trữ
CHỨA chất chứa

3749 *THẠI*
THỞI thởi lởi

3750  *QUÍ* quí giá

3751  *BIỂM* biểm truất
BÂM lời bâm bổ
MÉM móm mém

3752  QUẢ ăn quả

3753  *MÃI* chiêu binh mãi mã
MẢY mảy may
MẠY nhớ mạy
MẤY mấy đời
MỚI mới làm
MƯỚU mắc mưới

3754  *PHÍ* phung phí
PHÍA tứ phía

3755  *NHỊ* nhuần nhị
NHỈ thứ nhì

3756 CỦA của cải

3757  RIÊNG riêng chung

3758  *HẠ* chúc hạ
GIỚ nói giớ giần

3759 *NOẢN*
NẤN nấn ná

3760 ĐÀ màu đà

3761  *SẤN* sấn đến
THẤN vui thấn thấn
SỚN sớn sác

3762  *SIÊU* siêu việt

3763  *VIỆT* Việt nam
VÁT chạy vát, róng vát
VẸT vẹt ra một phía
VƯỢT vượt qua

3764  *TRẬT* trật trẹo
TRẶC trặc tay, trặc chân
TRƯỢT trượt chân

3765  BĂNG chạy băng băng

3766 距 CỰ cự ly
CỰA cựa gà trống

3767 跠 RẬP đi rầm rập
SỤP sụp xuống

3768 趾 SẢY sảy chân
SỈA sỉa xuống

3769 踢 LIỂNG liểng xiểng

3770 踦 NGOÁY ngoáy đuôi

3771 踨 GIONG giong ruổi

3772 踊 DÙNG dùng dằng

3773 踫 ĐẢM lẫm đẫm

3774 踦 VÓ vó câu

3775 踅 ĐẾN đi đến

3776 跡 GIẪY giẫy giụa
NHẢY nhảy nhót
NHỞI chơi nhởi

3777 踔 DẰNG dùng dằng
DỪNG dừng lại
THỪNG lừng thừng

3778 跐 BẬC bậc thang
BƯỚC bước tới

3779 跕 CHỒM chồm tới
CHỖM ngồi chồm chỗm
CHỒM chồm dậy
CHỤM chụm chân
NHỒM nhồm dậy
XỒM ngồi xồm

3780 軸 ~~xa + do~~ âm Hv là Trục
TRỤC trục xe

3781 軿 Xa + Bính
BÁNH bánh xe

3782 軤 xa + Lô
SO so sánh

3783 輦 CỖ nuôi báo cô

3784 達 ĐẠT đỗ đạt
ĐÁC lác đác
ĐẶT đặt điều
ĐẬT lật đật
ĐỢT đợt sóng

3785 週 CHU chu du

3786 進 TIẾN tiến tới

3787 逴 RƯỚC rước vào

3788 逭 QUẦN quần nhau

3789 逸 DẬT ẩn dật
DẮT dắt dẫn
DẶT dè dặt
DỤT dụt lửa

3790  CHƠI chơi xuân

3791  CO quanh co

3792  GỠ gặp gỡ

3793  *ĐÔ* kinh đô
ĐO đắn đo
ĐU đánh đu
ĐUA đua nhau

3794  CHẾNH say chếnh choáng

3795  *LƯỢNG* chất lượng
LƯỜNG đo lường

3796  TRUỜNG trần truồng

3797  *KIỂM*
KÈM đi kèm
KẼM kẽm thiếc
KÌM cái kìm

3798  ĐÀM đàm chém

3799  *NỮU*
NẠO nạo dừa

3800 *KHUYẾT QUẾ*
KHOÉT đục khoét

3801 *CÂU* lưỡi câu

3802  *KHÂM* khâm phục
KHOM khom lưng

3803 CHĨA cái chĩa ba
CHỊA chặt chịa

3804 CHÌ nặng như chì
CHÌA chìa khóa

3805 XÍCH xích chó

3806 NHỌN nhọn hoắt

3807 MÓC móc câu

3808 *KHAI* khai phá
KHƠI khơi sông
KHUI khui nắp hòm

3809  *GIAN* gian nhà

3810  NGÕ ngõ hẻm

3811  *NHUẬN*
NHỘN nhộn nhịp
NHUẦN trơn nhuần

3812 *NHÀN* nhàn nhã

3813  SUỒNG suồng sã

3814 悶 *MUỘN* phiền muộn
MUỐN muốn làm

3815 悶 VẮNG vắng vẻ

3816 陽 *DƯƠNG* âm dương
DÀNG dễ dàng
GIANG giỏi giang

3817 隄 *ĐÊ* bờ đê

3818 陰 *ÂM* âm khí
OAM kêu oam oam

3819 隆 *LONG* long đong
LUNG lung lay

3820 隊 *ĐỘI* đội quân
DỘI dội nước
DỤI dụi mắt
ĐÒI đòi nợ
ĐỖI quá đỗi
ĐỤI lụi đụi

3821 階 *GIAI* giai cấp

3822 雁 *NHẠN* chim nhạn

3823 雄 *HÙNG* hùng dũng

3824 雅 *NHÃ* nhã nhặn

3825 雇 *CỐ* cố cùng

3826 集 *TẬP* tập sách
TẮP thẳng tắp
TỢP tợp rượu

3827 雲 *VÂN* vân vi trò chuyện

3828 雲 RÂM râm mát

3829 雯 CHE che khuất

3830 項 *HẠNG* mấy hạng người
HÀNG dưới hàng
HẢNG chẳng hảng

3831 順 *THUẬN* hòa thuận

3832 須 *TU*
TUA cái tua (tua là nên (người tua))

3833 馭 *NGỰ*
NGỪA ngăn ngừa
NGỰA con ngựa

3834 黃 *HOÀNG* hoàng kim
VÀNG vàng bạc

3835 黑 *HẮC* hắc ám

3836  GẬT gật đầu

3837  QUẺ quẻ bói

3838  LONG long đong

13 nét

3839 *LOẠN* nổi loạn
LOÀN lăng loàn

3840  VÀI một vài

3841  *THÔI* thôi rồi,
THÒI thiệt thòi

3842  *NGẠO* ngạo nghễ
NGHỆU cao nghệu

3843  *TRUYỆN* xem truyện
CHUYỀN chuyền tay
CHUYỆN chuyện trò
TRUYỀN truyền lệnh

3844  *TRÁI* phải trái

3845  *THƯƠNG* bị thương

3846  BÀY một bầy

3847  LÀI cái bãi lài lài

3848  *KHUYNH* khuynh gia bại sản
KHOANH khoanh tròn
KHUẢNG bàng khuảng
KHUỲNH khuỳnh ra

3849  HÈN phận hèn

3850  *LŨ* lũ lâu la
LỤ già lụ khụ

3851  *XIẾU*
XỈU xỉu mặt
XỈU té xỉu

3852  *MẠN*
MƯỚN thuê mướn

3853  LÁNG láng giềng

3854  TUỒNG tuồng trò

3855  XEN xen lẫn
XIÊN nắng xiên khoai

3856  GỒM bao gồm

3857  RĂNG rõ ràng

3858 ĐỘNG ứ đọng

3859 剷 *SẢN*
XẺNG cuốc xẻng

3860 剿 *TIỄU* tiễu trừ

3861 剶 DỨT dứt khoát
ĐỨT cắt đứt

3862 剔 ĐẼO đục đẽo

3863 募 *MỘ* mộ quân

3864 勢 *THẾ* thế lực

3865 勤 *CẦN* cần cù

3866 勦 *TIỄU*
TẸO lẹo tẹo
THẸO thẹo mặt

3867 勩 GIÚP giúp đỡ

3868 勰 RỢ rợ Hồ

3869 勩 SỬA sửa sang

3870 疊 *ĐIỆP* trùng điệp

3871 糠 LƯNG lưng túi gió trăng

3872 南五 NĂM năm mươi

3873 半 RƯỠI hai năm rưỡi

3874 嗜 GHE ghe phen
GHÈ ghè gớm

3875 噴 RỐNG bỏ rống

3876 噣 RỈA rỉa rói

3877 嘽 RI khóc như ri

3878 噦 SƯỢT thở dài sườn sượt

3879 噪 XÀI xạc xài

3880 嘽 VẦY vẫy vò

3881 嗎 *MA*
MỬA oẹ mửa
MỚ một mớ

3882 嗔 *XÂN*
SẦN nói sân si
XIN cầu xin

3883 嗚 *Ô*
O gà gáy o o
Ỏ ỏ bao = quản bao
Ọ ọ ẹ
Ò chảy ò ò

3884 嗣 *TỰ* con thừa tự

3885  HÁ há miệng, há không phải ru !
KHÁY cười khảy

3886  TRÈU trêu một ngụm nước

3887  GIẬN giận dữ

3888  QUÁT quát tháo

3889  NẠT nạt nộ

3890  CÁU phát cáu
QUẠU tính quàu quạu

3891 KHEM kiêng khem

3892  QUẮN quắn quại

3893  MIẾNG miếng trầu

3894  ÓNG la óng óng

3895  PHỞ phở lở

3896  BÀNG bẽ bàng

3897  ỚN ớn rét

3898  CHÓI kêu chói tai

3899  XẰNG xằng bậy

3900  HÁT hát hò

3901  LÁC thét lác, giức lác

3902  LÚNG lúng túng

3903  NẠT nạt nộ

3904 CHÁCH nói chách chách

3905 CHAU chau mày

3906 NHỐ lố nhố, nhí nhố

3907 NGỐN ăn ngốn ngấu
NGỘN trắng ngồn ngộn

3908 OANG oang oang

3909  NHIẾC nhiếc móc

3910  BĂN băn khoăn

3911  CỐP kêu lốp cốp

3912 TUỆCH tuệch toạc

3913  TỞM tởm lợm

3914  CAY mùi cay

3915 CÀN nói càn

3916 DIỀU diều gà

3917  LE le te
LÈ lè lưỡi

3918  KHẤN khấn khứa

3919 CHỊU xin chịu

3920  HÚNG húng hiếp
KHỦNG khủng khỉnh

3921 VÒNG vòng tròn

3922  XÒ xò xẻ

3923  RỞN rởn gai ốc
TRỄN trễn mặt

3924 DÒ dặn dò
TRÒ chuyện trò

3925  NHÓC nhiếc nhóc
NHÚC lúc nhúc

3926  NGÁCH ngóc ngách
NGUỊCH ngoàn nguịch

3927  NÀNG nàng niu
NỰNG nựng con

3928  CHOÁC kêu choác choác
CHỌC chọc tức

3929  CHẮC chắc chắn
DỨC dức lác
GIẮC giắc ngủ

3930  LẤT lây lất
RẬT rần rật
TRẮT ăn trắt

3931  KHOÉ khoé miệng
QUÉ gà qué, mách qué

VẠN van xin

3932  VEN ven trời

3933  HỀ cười hề hề

3934  RỠ rực rỡ

3935  NGOEN ngoen ngoẻn

3936  HEN bệnh hen
HAN hỏi han

3937  CHẤT chan chát
CHẮT chắt bóp

3938  BÀM miệng chàm bàm
BẸP bóp bẹp
BÔM bôm bốp

3939  THỒI gió thổi
THUỈ đen thuỉ, lui thuỉ

3940  RÚC rúc còi
SỘT sột soạt
SÚC súc miệng
SỤC sục sạo

3941 *VIÊN* thú điền viên
VƯỜN vườn cây

3942  *VIÊN* viên thuốc
VÌN tròn vìn

3943  *KHỐI* một khối
CỎI cứng cỏi
KHỎI khỏi bệnh

3944 MẢ mồ mả

3945 *THÁP* cái tháp
THẠP thạp gạo

3946 VỈA vỉa hè

3947  XÓ xó xỉnh

3948 XAY cối xay
XÂY xây đắp
XOAY xoay vần

3949  SÉT đất sét
TRÉT trét đất

3950  *ĐỒ* đồ vật

3951 *ĐƯỜNG* đường sá

3952 *TÁI*
TẮC bế tắc

3953  *ĐIỀN* điền tên vào...
ĐỀN đền bù

3954  NÁT tan nát

3955 HÈ hè nhà

3956  HÈ hè nhà

3957  BỤI gió bụi
VÙI dập vùi

3958 埋 BÃI bãi cát

3959 奧 ÁO cái áo

3960 嫈 MỀM say mềm

3961 竟大 CÀNH tức cành hông

3962 奴犬 SỒ sồ sộ

3963 麻楚 MƯỜNG dân tộc Mường

3964 媸 *XUY*
SẦY sầy da

3965 媽 *MÃ*
MÁ cái má
MỢ cậu mợ

3966 嫁 *GIÁ* xuất giá
GẢ gả chồng

3967 嫌 *HIỀM* hiềm vì một nỗi...
HEM hom hem

3968 猢 SO con so

3969 斛 TIỆC tiệc tùng

3970 寘 DẰNG dùng dằng

Dạm, Nằm

3971 啗 DÒM dòm lén
NOM nom theo

3972 察 *SÁT*
SOẠT sột soạt

3973 寬 *KHOAN* nhặt khoan
KHOĂN băn khoăn

3974 宣正 NGAY ngay thẳng

3975 剛 GANG gang tấc

Nít

3976 涅 NÍT con nít

3977 凝正 THẲNG ngay thẳng

3978 尉太 XÁI xái thuốc phiện

3979 尾曲 VẠY cong vạy

3980 尾布 VẢI dệt vải

3981 嵩 *TUNG* tung bay
TUỒNG tuồng pha

3982 嵬 *NGÔI* ngôi vua
NGÙI bùi ngùi
NGUÔI nguôi giận
NGUỘI nguội lạnh

3983 嵩 VỌI cao vọi vọi

3984  VON chon von

3985  RẶNG rặng núi

3986  NGÙI ngậm ngùi

3987  CHỚN chớn nước

3988  *LIÊM* thanh liêm
LÈM lèm nhèm

3989  *LANG* hành lang
LÀNG làng xóm
LÁNG láng giềng
SANG sang sông

3990  *VỊ*
VỰNG
VỪNG muối vừng

3991  *BÀNG* bàng hoàng

3992  *VI* tinh vi

3993  *TƯỞNG* tưởng nhớ

3994  *SẦU* u sầu
RÀU càu ràu
RẦU rầu rĩ

3995  *KHIÊN*
KHIỀN khiền một mẻ
KHỜN khờn sứt

3996  *DŨ*
DỪ dù cho
RỦ rủ lòng thương

3997  *MẪN* ưu thời mẫn thế

3998  *XUẨN* ngu xuẩn

3999  *Ý* ý muốn
ẤY việc ấy
ỚI la ơi ới

4000  *NGU* ngu dốt

4001  *TỪ* từ thiện

4002  *ÁI* ái ngại
ÁY áy náy

4003  *CẢM* cảm ơn
CÁM cấm cảnh

4004  *THẬN* thận trọng

4005  *LẬT* lật đật
RẤT rất lớn

4006  *HOẢNG* hoảng sợ

4007  SỆT sợ sệt

4008	忸	NĂN	năn nỉ
4009	忦	KHÉP	khép nép
4010	忦	NÉP	khép nép
4011	忸	NẾT	nết na
4012	恐	HÒNG	chờ hòng
4013	忀	LẮNG	lo lắng
4014	忡	GIẬN	giận dữ
4015	忀	CHẮC	chắc chắn
4016	忀	CHĂM	chăm chút
4017	忀	BÀNG	bẽ bàng
4018	忀	QUÊN	quên ơn
4019	忀	NHUỐC	nhơ nhuốc
		NHỤT	nhụt chí
4020	忀	*CẤU*	cào cấu
		BẤU	bấu víu
4021	忀	*TỔN*	tổn hại
		TỐN	tốn tiền
		TỦN	tủn mủn
		VIN	vin cành
4022	忀	*BÁC*	
		VÁC	vác gỗ
4023	忀	*THA*	tha mồi
		XAY	cối xay
		XÂY	xây xát
		XOAY	xoay xở
4024	忀	*TAO*	
		TRAO	
		TRAU	trau tria
4025	忀	*ĐẢO*	đảo mắt
		ĐẼO	đẽo gọt
4026	忀	VÓT	vót đũa
4027	忀	*DAO*	dao động
		DIÊU	
		GIEO	gieo mạ
		VÈU	vêu lên
4028	忀	*SƯU*	sưu tầm
		XÂU	xâu lại
4029	忀	*CHÙY*	
		DỒI	dồi lên dập xuống
4030	忀	*BÀN*	
		BƯNG	bưng lên

4031 
ĐÁP
ĐẮP bù đắp
RÁP ráp lại
THÁP tháp cành

4032 
SO so đũa

4033 
NẶN nặn mụt
NẦN nợ nần
NÂNG nâng lên

4034 
BÀNG bàng khuàng
BỪNG bừng lên

4035 
CẢO
XAO xao xuyến
CÀO cào cấu
CẠO cạo trọc

4036 
GIÚP giúp đỡ

4037 
LẮT lắt léo
LẶT lặt vặt, lượm lặt
LẬT lật lọng

4038 
GOM gom lại

4039 
NHẮC cất nhắc
XỨC xức dầu

4040 
LAY lay động
LÈ lè lưỡi

4041 
XỔ xổ vào
XỒ xồ vào

4042 
CẮP trộm cắp

4043 
THÒ thò tay

4044 
VĂNG văng tục

4045 
ĐỐT đốt ngón tay

4046
GIẦM giầm nát

4047 
TỒI
THÔI
TỌA
TÒI tìm tòi

4048
DÒ dò xét
RÒ cò rồ

4049
BẦY một bầy

4050 
DẠT dào dạt
GIẠT trôi giạt

4051
DỌN dọn dẹp

4052 
GỌT gọt đẽo

4053
TAY tay chân

4054  THIẾP sơn son thiếp vàng

4055 PHỦI phủi tay

4056  NGÀO ngao đương

4057  THỤI thụi một quả

4058  RUNG rung rinh

4059  TỈA trồng tỉa

4060  CHẮM chằm nón

4061  HÁI hái rau
HẦY hây hẩy

4062  NÁU nương náu

4063  LONG long đong
LUNG lung lay
RUNG rung rinh

4064  SANG sửa sang

4065  CHĂN chăn trâu
XĂN xăn áo

4066 RỜ rờ mó

4067  ĐÚC rèn đúc
NHỐT nhốt lợn

4068  GIẠY giạy mắt (dụi mắt)

4069  CHẶT chặt cây

4070  HỚT nói hớt

4071  MỞ mở mang

4072  VẪY ngẫu vẫy

4073  MAI mài mực

4074 VẶN vặn đàn

4075  *KÍNH* kính nể

4076  *CHÀM* chàm chước
CHAM ngậm cham bam
CHẦM mặt chầm vầm

4077  GIẠ giạ lúa

4078 *TÂN* tân kỳ

4079  *HUYÊN* hàn huyên

4080  *HẠ* nhàn hạ
HẢ hề hả

4081 暎 *ÁNH* ánh sáng

4082 暈 *VỰNG* QUẦNG mắt có quầng VẦNG vầng trăng

4083 暗 *ÁM* u ám

4084 暐 UI nắng lui ui

4085 暇 THÀ thà rằng

4086 暢 THOẠT thoạt tiên

4087 暳 RÀNH rành rành

4088 會 *HỘI* hội hè

4089 朣 XOAN xầm xoan

4090 朦 NGHÉN thai nghén

4091 椰 *DA* cây da DÀ dần dà DỪA cây dừa

4092 楊 *DƯƠNG* dương liễu DÀNG dễ dàng

4093 楓 *PHONG* cây phong

4094 楚 *SỞ* nước Sở SỠ sặc sỡ

4095 楠 *NAM* NÊM chặt như nêm

4096 楨 *TRINH* TRÍNH trính nhà

4097 楣 *MI* ME cây me MÈ rui mè

4098 業 *NGHIỆP* sự nghiệp

4099 楮 *CHỮ* DÓ vỏ dó

4100 極 *CỰC* cực khổ

4101 楹 ĐÈ cây đề

4102 梅 MƠ dây mơ rễ má

4103 椳 Nệ (xem KH 1182) / CHÀY chày cối — So sánh 1787

4104 椵 ĐỘC (HV) / NỌC đóng nọc

4105 椔 Trừ / CHÀY chày cối

4106 椊 CHỐT chót vót

4107  MỎ trẻ mỏ

4108  VÍ cây ví

4109  VỘT roi vọt

4110  VỰA vựa thóc

4111  TÁU gỗ táu

4112  GHẾ bàn ghế

4113  HÒM hòm gỗ

4114  GỖ cây gỗ

4115  GIỮA giữa lại

4116  MÕ đánh mõ

4117  MÍA ruộng mía

4118  GHẾ bàn ghế

4119  SUỐT ống suốt vải

4120  TRẮC gỗ trắc

4121  TRÓT trót dại
DỐT dốt nát

4122  NGÕNG ngõng cối

4123  DẠI dại dột

4124  ỔI quả ổi

4125  *YẾT*
HẾT hết rồi
HÍT hít vào

4126  HUM nằm tùm hum
HOM xương hom

4127  *TUẾ* vạn tuế

4128  *ĐIỆN* cung điện
ĐỀN đền thờ
ĐIẾNG đau điếng

4129  *HỦY* hủy bỏ

4130  THẲNG ngay thẳng

4131  CHẾT sống chết

4132  CHẾT sống chết

4133  MÀO mào gà

4134  MÀY chau mày

4135 *NGUYÊN* nguyên do
NGUỒN nguồn gốc

4136 準 *CHUẨN*
CHOÁN choán chỗ
CHỐN nơi chốn
CHỦN ngắn chủn
TRÚNG bắn trúng

4137 溟 *MINH*
MÊNH mênh mông

4138 溪 *KHÊ* sơn khê
KHE khe núi

4139 溶 *DUNG*
GIONG giong ruổi
GIÔNG giông tố
RÒNG chảy ròng ròng

4140 滂 *BÀNG*
BẰNG quên bằng đi
PHANG phô phang

4141 滅 *DIỆT* diệt địch
DỘT nhà dột
RIẾT bám riết

4142 滇 *ĐIỀN*
CHAN chứa chan
TRÀN tràn trề

4143 滌 *ĐỊCH*
SẠCH quét sạch

4144 滑 *CỐT*
HOẠT
GỘT gột rửa

4145 滔 *THAO* thao thao bất tuyệt
THÀO thì thào

4146 滽 Ồ nước chảy ồ ồ

4147 滈 HAO hao mòn
KHAO khát khao

4148 滿 LẦY bùn lầy
LÈ xanh lè

4149 滝 LONG long lanh
SÔNG con sông

4150 滌 TUÔN tuôn rơi

4151 滯 SỆT đặc sệt sệt

4152 滇 VỜN chờn vờn

4153 滐 SỦNG ướt sủng

4154 滭 XỐ mưa xối xối

4155 滥 ĐẮM đắm đò

4156 漠 BÃI bãi cát

4157 漸 RƯỚM rướm máu

4158 漙 TRÀN đầy tràn

4159  RỚT rơi rớt

4160  DÒ dò xét
ĐÒ bến đò

4161  QUÊN lãng quên

4162  SỜ nông sờ

4163  CHẶM chặm nước mắt

4164  BỤI mưa bụi

4165  CÁT bãi cát

4166  NHỰA nhựa cây

4167  CỐNG cống nước

4168  BỒNG nước lồng bồng

4169  TRÒNG tròng trành
TRÙNG trùng trình
TRỤNG trụng nước sôi

4170  SỐC cá sốc
SỤC sục sôi

4171 *LUYỆN* tôi luyện
RỊN bịn rịn

4172 *HY*
HÂY hây hây

4173 *MỚI*
MUỜI chín muồi

4174 *CHIẾU* chiếu rọi

4175  *PHIỀN* phiền phức

4176  RÀNH rành rành

4177 LUỘC luộc chín

4178 KHO thịt kho

4179  KHO thịt kho

4180  CHỚI chấp chới
GIỚI sáng giới

4181  DỤT dụt lửa

4182  UN un khói
ÙN khói ùn

4183 DÃI dãi dầu
GIÃI giãi bày

4184  ĐỐT đốt lửa

4185  BÉN lửa bén cháy

4186 煘 RỰC rực rỡ

4187 熄 KÍP súng kíp

4188 煉 RÈN rèn luyện

4189 爇 KHÉT khét lẹt

4190 焓 UM um cá
HÀM hâm nước

4191 煨 ỎI ánh ỏi

4192 受召 CHỊU đành chịu

4193 片枼 *ĐIỆP* bức điệp
ĐÉP dẹp đép

4194 片參 TẤM tấm lòng

4195 南犬 *HIẾN* hiến dâng

4196 牀 CỘ xe cộ

4197 犒 TRÂU trâu bò

4198 犉 SAO ngôi sao

4199 豕犬 SỀ lợn sề

4200 猿 *VIÊN*
VƯỢN khỉ vượn

4201 獅 *SƯ* sư tử

4202 貤 ƯƠI đười ươi

4203 獺 RÁI con rái cá

4204 獾 GẤU con gấu

4205 獒 CHÓ con chó

4206 豈 KHỈ con khỉ
KHÁI con khái (cọp)

4207 猏 VƯỢN con vượn

4208 猖 *MAO*
MÒI đồi mòi

4209 獙 *NÃO* mã não

4210 猢 *HÔ* san hô

4211 獰 *SẮT* tình cầm sắt

4212 獷 MÀNH hàng mành

4213 當 *ĐƯƠNG* đương đầu
ĐANG đang làm
ĐÁNG đáng thưởng
ĐẲNG đẳng anh hùng

4214  GÃ một gã phong tình

4215  ĐẺ đẻ ra

4216  *CƯƠNG* CƯNG cưng con

4217  *TÝ* TÊ bệnh tê thấp

4218  *ĐÀM* ĐỜM ho ra đờm

4219 *NUY* OẢI uề oải

4220  *Ứ* ỨA ứa máu ỰA ựa ra mồm

4221 *ĐIỀN THIỀN* ĐẸN sài đẹn

4222  *TỤY* tiều tụy

4223  VÁNG choáng váng

4224  BỦNG bủng beo

4225  SẦN sần da

4226  SƯNG sưng lên

4227  PHỊ phị mặt ra

4228  MÒN gầy mòn

4229  È ủ ê

4230  GẦY gầy mòn

4231 *TRẢN* CHÉN chén nước

4232  VỊM cái vịm

4233  *ĐỐC* đốc quản

4234  *MỤC* hòa mục

4235 *NGHỀ* ngạo nghễ

4236  XOẸT xoèn xoẹt

4237  NHÒM nhòm ngó

4238  TRỢN trợn mắt

4239  TRỐ trông trố trố

4240 GƯỜM nhìn gườm gườm

GƯỢM hãy gượm

4241 DÒM dòm ngó

4242  NHÕ chẳng nhìn nhõ gì đến

4243  NHÕI nhòm nhõi

4244 *ẢI*
OẢI uể oải

4245  *NGẠI* trở ngại
NGÁY lo ngay ngáy

4246 GÀNH gành đá
GHỀNH gập ghềnh

4247  *TOÁI* việc tế toái
TÔI tôi vôi
THỐI thỏi đồng

4248  *BI*
BIA bia đá
BỊA bịa đặt

4249 MÀI mài dũa

4250  LỖI lầm lỗi

4251 BỀ đánh bề

4252  *CỜ* cờ bạc

4253  ĐĨA cai đĩa

4254 VỠ đập vỡ

4255  CANH kêu canh canh

4256  *CẤM* cấm đoán
BẤM bấm bụng
QUẮM dao quắm

4257 *CẦM* loài cầm thú

4258  *NẨM*
NẬM Nậm rượu

4259  *TRĨ* ấu trĩ
TRẺ trẻ con

4260 *BẦM* bầm bảo
BÁM bấm chắc
BẨM chăm bẩm
BẶM bặm môi
BẤM bấm ngón chân
BỤM bụm miệng

4261  LAI lai giống

4262  LỤI tàn lụi

4263  BÔNG bông vải

4264 ĐỌT đọt mía

4265  MẤT mất mát

4266  *CỮU* CẬU cậu mợ

4267  *LANG* LẴNG cái lẵng hoa

4268  VỈ vỉ ruồi

4269  VẦU măng vầu

4270  SÀNG cại sàng

4271  THẺ rút thẻ

4272  BƯƠNG bương tre

4273  *DŨNG* THÚNG buôn thúng bán mẹt

4274  *SAO* SÁO ống sáo

4275  *TOÁN* TOAN tính toán toan di

4276 CỠ cỡ lớn CỮ cữ đan chài RÁ rổ rá

4277  NẢ của nả

4278 MĂNG măng tre

4279  ĐŨA đôi đũa

4280  *LƯƠNG* lương thực

4281  XOI hỏng xôi

4282 THÍNH mắm thính

4283  TẤM hạt tấm

4284  SỀN đặc sền sệt

4285 LƠ ăn lở

4286  THÍNH rang thính

4287  BÃ bã rượu

4288 BÃ bã rượu

4289 DẠI dại dột

4290 BỘT xay bột

4291 CHÁO cháo đặc GẠO gạo nếp

4292  *TÚ* cẩm tú TÚA túa ra THÙA thêu thùa

4293  *HY*
SAI sai quả
SÌ đen sì

4294 *KINH*
CANH canh tơ chỉ vải

4295  *KẾ* kế tiếp

4296  XẮNG xắng xịt
RÀNG ràng rịt

4297  THUN thun lại

4298  MỐI mối dây
MÚI múi cam

4299  VÒNG vòng đeo tay

4300  CHUỖI dây chuỗi

4301  MẠNG mạng nhện
MĂNG cày măng cụt

4302  GIỀNG giềng mối

4303  CẢI rụng cải rơi kim
CỬI khung cửi

4304  NỐI nối dòng

4305  NỐI nối theo

4306  LƯỚI lưới gai

4307  KÉN kén tằm

4308 KÉO kéo lưới

4309  GIẺ giẻ rách

4310  BỐI bối rối

4311  NHẮNG nhủng nhẳng

4312  XÍCH dây xích

4313 NUỘC nuộc lạt

4314 DÂY dây nhợ
GIẤY giấy mực

4315  BẬN bận bịu
BỘN bề bộn

4316  VÁ vá víu

4317 VẢI dệt vải

4318 CHĨNH cái chĩnh

4319 *TỘI* bị tội

4320  *TRÍ* bố trí

4321  RA ra vào

4322  RA ra vào

4323  *QUẦN* hợp quần
CÒN còn lại
QUẦN quần quại

4324  *NGHĨA* việc nghĩa
NGHÌ những kẻ vô nghì
NGỬI ngửi thấy

4325  LƯỢN bay lượn

4326  CHẬP chập chờn
DẬP dập dìu

4327 CÁNH cánh chim

4328  CÁNH cánh chim

4329 *THÁNH* thánh thần

4330  *SÍNH* sính lễ
SÁNH sánh vai

4331 BỊT bịt tai

4332  *TAI* tai nghe

4333  *NÃO* đầu não

4334 *THŨNG* bệnh thũng
SŨNG sũng nước
THÕNG buông thõng
THỦNG lỗ thủng
THUỖN thuỗn mặt

4335 *YÊU* bát chiết yêu
EO lưng eo

4336  *PHÚC* tâm phúc
PHỤC béo phục phịch

4337  *TINH*
TANH hôi tanh

4338  VÒI vòi voi

4339 SÁP sáp ong
XÁP xáp ve

4340  HÀM tay làm hàm nhai

4341 TƯƠI cá tươi

4342  ĐẪY đẫy đà

4343  PHAY thịt phay

4344  ÓC đầu óc

4345  MÔI môi, răng

4346 NGỰC lồng ngực

4347  NHÓT nhót lại
NHỌT cái nhọt

4348  NÀM hàng nàm
NEM ăn nem

4349  MỀ mề gà

4350 MẦY mình mầy
MÍ mí mắt

4351  HOẢN hoăn hoẳn

4352  CHỬA có chửa

4353  BÉO béo phi

4354 *DỮ* giận dữ

4355  *VẠN* vạn tuế
VÀN muôn vàn

4356  *ĐỒNG*
ĐỎNG đỏng đảnh
ĐỖNG đũng quần
ĐỦNG đủng đỉnh
ĐÚNG đúng đắn
XỒNG nói xồng xộng

4357  *LẠC*
LÁC lác mắt
LÁT một lát
NHÁC nhớn nhác
RÁC rơm rác
RẠC bệ rạc
XẠC xào xạc

4358  *DIỆP*
DIẾP rau diếp

4359  *TRỨ*
TRƯỚC
NƯỚC nước cờ

4360  *BA*
HOA hoa lá

4361  TẢNG đá tảng

4362  *TÁNG* mai táng

4363  *BỤT* cây dâm bụt

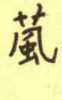
4364  *TỶ*
TƠI rau mùng tơi

4365  *HỒ* hồ lô

4366 *DƯỢC* thược dược

4367  *QUỲ* hoa quỳ

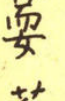
4368  *ĐẾ* thâm căn cố đế
ĐÉ lé đé

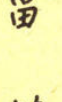
4369  BUÔNG buông tha
BOONG tiếng chuông boong boong
BÔNG bông họa

4370  OM rau mò om

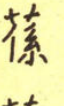
4371  NỤ nụ hoa

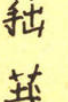
4372  ĐỌT đọt cây
NHÚT mắm nhút

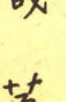
4373  SẢ lá sả

4374  LỰU hoa lựu
TRẦU ăn trầu

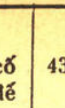
4375  *THƯU*
THO thơm tho

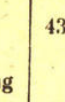
4376  HẸ lá hẹ

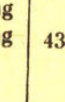
4377  ĐỐT đốt tay

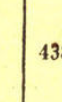
4378  TƠI áo tơi
TƯƠI tươi đẹp

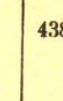
4379  GIỀN rau giền
RIỀNG củ riềng

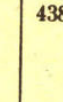
4380  RƯỜM rưởm rà
RẬM rậm rạp

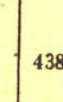
4381  *HIỆU* hiệu lệnh

4382  *CHIẾT*
XÍT bọ xít

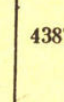
4383  NGOÉ cóc ngoé

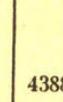
4384  MỌT con mọt

4385  LẴN thằn lằn
RẮN con rắn
RẬN con rận

4386  *DÕNG*
NHỘNG con nhộng
THUỒNG thuồng luồng

4387 *HIÊN*
HẾN con hến
KIẾN con kiến

4388  *NGA*
NGÀI con ngài

4389  *THỤC*
XỌC xọc xạch

4390  *PHONG*
ONG tổ ong

4391  *THỪ* thừ người
THỜ thần thờ

4392  TRẠNH con trạnh

4393 CHẤY chấy rận

4394  CÓC con cóc

4395 BỌ bọ hung

4396  NHỘNG con nhộng

4397  CHÉT con bọ chét
RẾT con rết
XÍT bọ xít

4398 MỐI gỗ mối
MUỖI con muỗi

4399  KHOẢI khắc khoải

4400  GHẸ cua ghẹ

4401  BỎ bỏ cạp
BỌ sâu bọ

4402  *NIỀU*
NẾU nếu... thì...
NẺO nẻo đường

4403  *BÂU* bâu áo
PHẪU

4404  *DỤ*
DỊU dịu dàng

4405  *CỪU* áo cừu

4406 *QUẦN* quần áo

4407  *BỔ* thuốc bổ
BỒ bồ công
BỎ bỏ qua
BÓ bó tay
BÙ đền bù
BỦA bủa lưới
VỎ vỏ cây

4408 *TRANG* trang sức

4409  VÁY mặc váy

4410 SỐNG sống áo

4411 SÔ vải sô
SƠ đời sơ
XƯA xưa kia

4412 ĐI heo đi

4413  *GIẢI* giải vây
GIĂI giăi bày

4414  *QUANG*
QUANH quanh co

4415  KHÓE khóe con mắt

4416  GẠC gạc nai

4417  *THÍ* thí võ
THỬ thử tài

4418  *THI* thi nhân
THƠ bài thơ

4419  *SÁ* sá chi

4420  *CẬT* cật vấn
GẠT gạt phắt

4421  *THOẠI* thần thoại

4422  *TƯỜNG* tỏ tường

4423 *TRU* tru di

4424  *KHOA* khoa trương
KHOE khoe khoang

4425  GÓC một góc

4426  *HOẠN* hoạn lợn

4427 *HƯU*
HƯƠU hươu nai

4428  CỌP cọp hùm

4429  *LỘ* hối lộ

4430  *HỐI* hối lộ

4431  *TẶC* đạo tặc
GIẶC giặc giã

4432  *TANG* tang chứng

4433  DẬY thức dậy

4434 ĐUỔI đánh đuổi

4435  *CẦN*
NGẦN
NGẤN ngấn nước

4436 *TÍCH* dấu tích

4437  *QUỊ* đánh quị
QUỈ quỉ xuống
QUÈ què chân
QUẠI quặn quại
QUẬY quậy cựa

4438  *KHUỂ*
KHOẺ khoẻ mạnh
QUỆ kiệt quệ

4439  *LỌ*
LỌ lọ là
LỒ không lồ
LỰA lựa chọn
TRÒ học trò
TRỌ ở trọ

4440 跳 *KHIÊU*
KHÊU cà khêu
KHỀU khật khều
QUEO cong queo
XẸU xẹu xạo (G)
XIÊU xiêu xẹo

4441 跴 LỆT lệt đệt
LỆT lệt bệt
LẾT lè lết

4442 跴 RÍU đi líu riu

4443 跩 QUÀNG chạy quàng

4444 跩 RẢO rảo bước

4445 跩 NHỠ nhỡ nhàng

4446 跩 DẤY dấy lên
DẬY thức dậy

4447 跚 XOẮT làm nhanh xoăn xoắt

4448 跲 ĐÁ đấm đá

4449 跭 CẲNG cẳng chân

4450 跩 NHÔNG chạy nhông nhông
NHÙNG nhùng nhằng

4451 跩 DUỖI co duỗi
LÙI lùi về

4452 跩 CHƠI chơi nhau
CHỖI chổi dậy
CHÚI chúi mũi
XÓI xỉa xói

4453 載 *TẢI* vận tải
TƯỞI tắt tưởi

4454 軿 *BIỀN*
BÁNH bánh xe

4455 辟 *TÍCH*
VẾCH vếch lên

4456 辞 *TỪ* từ chương

4457 農 *NÔNG* nghề nông
NONG nong tay vào
NÔN nôn ra
NÚNG nao núng

4458 逼 *BỨC* bức bách
BỰC bực bội

4459 逾 *DU* du dương
GIÓ gió thổi

4460 遁 ~~*ĐỘN*~~
RỘN rộn ràng
TRỐN trốn tránh

4461 遂 *TOẠI* toại nguyện

4462 遇 *NGỘ* ơn tri ngộ

4463 遊 *DU* giao du

4464 運 *VẬN* thời vận
VẦN xoay vần
VẦN vần vơ
VỜN chờn vờn

4465 過 *QUÁ* đi quá xa
GÓA góa chồng
QUỚ quớ lên

4466 遏 *ÁT* nói át đi
ỚT yếu ớt

4467 道 *ĐẠO* đạo làm người
DẠO đi dạo

4468 違 *VI* vi phạm

4469 適 *TỪ*
TÙA tùa lua

4470 遮 CHỞ che chở
TRỞ trở về

4471 遡 CHỤC một chục

4472 遬 CHỤC một chục

4473 速 TỐC xõa tóc

4474 鄉 *HƯƠNG* hương thôn

4475 酥 CHUA dấm chua

4476 酸 GÂY gây nên

4477 酗 XOÀNG rượu đã xoàng xoàng

4478 酩 *MÍNH*
MỈNH tỉnh mỉnh

4479 酢 DẤM dấm chua

4480 酳 HÚNG rau húng

4481 酬 *THÙ* thù tạc
THÒ thò ra

4482 鍖 CHỒNG vợ chồng

4483 鈸 *BẠT* tiu bạt

4484 鉦 *CHINH*
CHIÊNG chiêng trống

4485 鉸 KÉO cái kéo

4486 鉑 *BẠC* bạc vàng

4487 钳 *KIỀM* kiềm chế
KÈM đi kèm
KÌM cái kìm

4488 铅 *DUYÊN* duyên hải
VEN ven sông

4489 钺 *VIỆT* phủ việt

4490 钵 *BÁT* bát ăn

4491 铁 *THIẾT* thiết kỵ
SẮT mặt sắt
THÉT thét lác
THIẾC thiếc kẽm

4492 钸 BÚA cái búa

4493 钌 RẺO cắt rẻo

4494 钊 RÌU búa rìu

4495 钹 PHẶP chém đánh phặp

4496 钼 MÁC cái mác

4497 钎 RỰA cái rựa

4498 钍 SẢ sả làm hai mảnh
SẺ san sẻ

4499 铇 *BÀO* cái bào

4500 铦 DAI nói dai

4501 铱 DÀI dài dòng

4502 铙 *NÁO* náo nức
NÁU ần náu
NHÁO nhốn nháo

4503 间 gian, nhàn
NHỜN nhờn nhợt

4504 隔 *CÁCH* cách trở

4505 隘 *ẢI* cửa ải

4506 隙 *KHÍCH* hiềm khích

4507 隆 LÚNG lúng túng
LUỐNG luống tuổi

4508 隰 XÓ xó bếp

4509 雉 *TRĨ* chim trĩ
TRẦY trầy hội
TRỄ trễ nải

4510 雍 *UNG*
ỦNG hia ủng
ÚNG quả úng

4511 隽 *TUẤN* tuấn gút

4512 零 *LINH*
LÈNH lènh đènh
RÌNH rung rình

4513 雷 *LÔI* nổi giận lôi đình

4514 靈 LỤP nhà lụp xụp
RỢP rợp đất

4515 靳 *CÂN*
NGẦN ngần ngơ

4516 韵 *VẬN*
VẦN vần thơ

4517 歙 *HÀM*
HẠM ham muốn
HÁM hám lợi
HĂM hăm hở
HÔM đêm hôm
HỒM ngồi chồm hổm

4518 頌 *TỤNG* kiện tụng

4519 頑 *NGOAN* ngoan ngoãn

4520 預 *DỰ* dự trù
DỨA quả dứa
DỰA dựa vào
NHỨ nhứ trẻ con
RỢ mọi rợ

4521 頓 *ĐỐN* hèn đốn
ĐÓN đưa đón
NHÚN nhún mình

4522 圞 VUÔNG vuông tròn

4523 飭 *SỨC* trang sức

4524 飲 *ẨM* yến ẩm
ỜM ỡm ờ

4525 馴 *THUẦN* ngựa đã thuần
TUẦN

4526 鳩 *CƯU* chim thư cưu

4527 鼎 *ĐỈNH* đỉnh đồng

14 nét

4528 鼜 Đinh + Cử
DÀNH để dành

4529 像 *TƯỢNG* bức tượng

4530 僑 *KIỀU* kiều ngụ
QUỀU quều chân

4531 僕 *BỘC* nô bộc

4532 僚 *LIÊU* quan liêu

4533  *KIỀU* kiều cách
NGHẸO nghẹo cổ
NGHỄU nghễu nghện

4534  *TĂNG* tăng ni

4535  *TIỆM* tiệm ngôi
TÉM tém lại
TÍM màu tím

4536  BỢM thằng bợm

4537  *ĐỒNG* tiều đồng

4538  *NGỤY* giặc ngụy

4539  XẢNG xảng xớm

4540  XẤP xấp sách lại

4541  LŨ lũ ác nhân

4542  CHẦU chầu chực

4543  CẤP kẻ cắp

4544 SON lầu son

4545 ĐẤNG đấng anh hùng

4546 GẤP hơn gấp ba lần

4547 VẢI ông bà ông vải

4548 XÚM xúm nhau

4549  *CĂNG* căng ra

4550 BỚT thèm bớt

4551  VÔ đi vô

4552  TRỌN trọn vẹn

4553  VEO trong veo

4554 GHỀNH ghềnh đá

4555  HOẠCH trù hoạch
VẠCH vạch đường

4556  KHOÉT khoét sâu

4557  *TRÁP*
CHÉP biên chép

4558 RÌU lưỡi rìu

4559 THIẾN gà thiến

4560  GANG tấc gang

4561  THÌA thìa xúc cơm

4562  *QUĨ* thủ quĩ

4563  *YẾM* yếm thế
ẾM ếm bùa
ƯỚM ướm hỏi

4564 *XƯỞNG* xưởng đóng thuyền

4565 *MÁI* mái nhà, gà mái
MÉ mé rừng

4566  *THÁN* oán thán
HAN hỏi han
THAN than thở
THĂN thăn thỉ

4567  *TÀO* nói tào lao

4568  *LÂU* lâu la
LÀU làu làu

4569  *HỘ*
HẢ cười ha hả
HÓ hó hé
HÚ hù vía
HỪ rên hư nừ

4570  *HƯ*
KHƯ
HỜ hững hờ
HÚ hú vía
HỪ rên hừ hừ
HỬ không ừ hử
HỨ hứ một tiếng
HỰ ngã đánh hự

4571 HỞ hớn hở
HỨ hấm hứ
KHỨA khấn khứa

4572  CHÉP chép miệng

4573  CỢT cười cợt

4574  MẢNG mảng nghe
MẮNG la mắng
VẮNG vắng tiếng

4575  THĂM hỏi thăm
THẦM nói thầm

4576  THOẮT thoăn thoắt
THÓP thoi thóp
THÓT thánh thót

4577  SÒNG đánh lộn sòng
SÙNG sượng sùng

4578 RỐNG bò rống

		RỦNG	rủng rẳng, rủng rỉnh
4579	嗋	LẮNG	lắng tai
4580	嗌	KIỂNG	kiểng ky
4581	嚜	MÈM	say mèm ra
		MỈM	cười mỉm
		MÍM	mím môi
		MÕM	mõm chó
		MÓM	móm mém
		MỒM	cái mồm
		MỚM	bú mớm
4582	嗹	NHỞN	nhởn nhơ
4583	嗷	NGAO	nghêu ngao
		NGÀO	ngọt ngào
4584	嚜	MƯỚN	mướn người
		MƯỢN	mượn tiền
4585	嗼	MÁCH	mách bảo
		MẾCH	mếch lòng
4586	嗹	NẮC	nắc cụt
		NỨC	náo nức
		NỰC	nực cười
4587	嗹	KHOẮC	khoắc khoải
4588	嗹	KHỚI	chuột khới ra
4589	嗹	TOÉT	toét miệng
4590	嗹	TOÉ	tung toé
4591	嗹	THÀM	nói thàm thàm
4592	嗹	THƯA	thưa rằng...
		THỢ	bài thơ
4593	嗹	HẸN	hẹn hò
4594	嗹	THUỒNG	thẹn thuồng
4595	嗹	THỦNG	thẹn thủng
4596	嗹	THẦM	thì thầm
4597	嗹	THÁCH	thách cưới
4598	嗹	RẦM	rầm rầm
4599	嗹	DỐC	thở dốc
4600	嗹	THẸP	thọp thẹp
4601	嗹	THÒI	thiệt thòi
4602	嗹	THAY	xót thay
4603	嗹	VỚI	với đến

4604  KHOẠCH ho khoành khoạch

4605 HẺO hắt hẻo

4606  DỚN dớn dác

4607 BỊA bịa đặt

4608 ỆN ộn ện

4609  GIỌNG giọng nói

4610  NGÁU nhai ngau ngáu

4611 LIẾN nói liến thoắng

4612  GIỤC giục giã

4613  NGOẠM ngoạm lấy

4614 NUỐT nuốt chửng

4615  MỈM MỞN mỉm cười mơn mởn

4616 NHƯỜI mưa nhuời nhượi

4617  NHỈNH nhỉnh hơn

4618  NGOẠM ngoạm lấy

4619  SẠO sục sạo

4620  XAO lao xao

4621  MỒI miếng mồi

4622  HỖN hỗn hển như chó con

4623  HỐC hốc hác

4624  CHAY ăn chay

4625 NGỐN ăn ngốn ngấu

4626 GÁY chim gáy

4627 DẬP dập dìu

4628 DÀNH dỗ dành

4629 GẮN cười gằn

4630 XỚ ăn xớ (ăn bớt)

4631 LẨM lẩm nhẩm

4632 ĐỒ bản đồ

4633  *HOÀN* đoàn người

4634  CHUỒNG chuồng gà

4635  *TRẦN* trần ai

4636  ĐÀI đất đai

4637  *THỤC* tư thục

4638  *CẢNH* hoàn cảnh

4639  *THỰ* biệt thự

4640  *TRƯỜNG* trường học

4641  *ĐIỂM*
ĐỆM đệm rơm

4642  *MỘ* phần mộ

MỒ mồ hóng, mồ côi

4643  VÙNG một vùng

4644  GÒ gò đống
GU cái gu lạc đà

4645  ỦI lợn ủi

4646  MỎM mỏm núi

4647  MẶN đất mặn

4648  VẠI chụm vại

4649  ĐẤT trời đất

4650  KIỀNG kiềng khem

4651  *THỌ* chúc thọ

4652  HÈ mùa hè

4653 *MỘNG* mộng mị
MỒNG mồng một
MỐNG đóng mống

4654  MỌNG mọng nước
MỒNG mồng một, mồng gà

4655  *HỎA*
LÕA lõa lồ

4656  SÁNH sánh đôi

4657 *ĐOẠT* cướp đoạt

4658 *TƯỞNG* tưởng lệ

4659  NHỚN nhớn bé

4660 嫖 *PHIÊU* *PHIẾU* PHẾU trắng phếu TẸO tí tẹo

4661 嫗 *ẨU* Triệu Ẩu

4662 嫡 *ĐÍCH* đích tôn

4663 嫦 *THƯỜNG* Thường Nga

4664 嫩 *NỘN* phì nộn NON non nớt NÕN nõn chuối NỎN trắng nỏn NỒN nồn nộn

4665 嫣 LẸO lộn lẹo

4666 嫦 CƯỚI thách cưới

4667 寞 *MỊCH* tịch mịch

4668 察 *SÁT* sát hạch XÉT xét hỏi

4669 寡 *QUẢ* quả phụ GÓA góa chồng

4670 寠 *LŨ* lũ lượt *CŨ* RỦ rủ nhau

4671 寥 *LIÊU* tịch liêu

4672 實 *THỰC* thực thà

4673 寨 *TRẠI* ấp trại

4674 寀 XUM cái xum

4675 寧何 SAO làm sao ?

4676 兼少 HẸM chẳng hẹm gì

4677 尾呂 VĨ vật vã

4678 屢 *LŨ* lũ lượt CŨ cũ kỹ LỦ lủ lẫn RŨ ủ rũ

4679 對 *ĐỐI* đối với... HỦI lủi hủi NHỐI nhức nhối RÓI tươi rói TỦI túi bụi

4680 粒 XẸP ngồi xệp xuống

4681 嶄 *TRẢM* *TIỆM* CHỚM lởm chởm

4682  NGHÈO hiềm nghèo

4683  *MẠN*
MÀN màn trời chiếu đất

4684  DƯỚI phía dưới

4685  GIẢI giải thưởng

4686  *TRƯỚNG* bực trưởng
CHOÁNG choáng cả

4687  MẪN mũ mấn

4688  *QUÁCH* thành quách
KHUẾCH

4689  ẤM cậu ấm

4690  BỒI đống bồi
VÒM nhà vòm

4691  VỰA vựa lúa

4692  *NGUYỆN* ý nguyện
NGUYỀN thề nguyền

4693  *ÂN* ân cần

4694  *THÁI* phong thái
THÓI thói quen

4695  *THẢM* thê thảm

4696  *ĐỖNG*
ĐỎNG đỏng đảnh
RỦNG rủng rẻng
RÚNG rẻ rúng

4697  *MẠN*
MẮN mau mắn

4698  *QUÁN* tập quán
QUEN quen thuộc

4699  *KHÁI* khẳng khái

4700  *TÀM*
TUỒM tuồm luồm

4701  *KHAN*
GHEN ghen tuông

4702  *CHIỆP*
ĐIỆP
PHẬP phập phồng

4703  *DUNG*
THUNG
THUỒNG thèm thuồng
RUN run rẩy
RUNG rung rinh

4704 *KHẢNG* khảng khái
KHĂNG khăng khít

4705  RẮN cắn rắn (càu nhàu)

4706  QUÊN quên mình

4707  MẦN mè mần

4708  MẨM chắc mẩm

4709  THÙNG thẹn thùng

4710  NGẦN ngần ngơ

4711  THUỒNG thẹn thuồng

4712  SẺN dè sẻn

4713  HỞ hăm hở

4714  LÙNG lạnh lùng

4715  BAY mây bay

4716  NẠNH tỵ nạnh

4717  BẢN bẳn gắt
BẰN bằn thằn
ĐẦN ngu đần

4718  NGƠ ngần ngơ

4719  NGẪU lẫu ngẫu

4720  MƠ mơ màng
MỜ khi tỏ khi mờ

4721  *THỘI* lôi thôi

4722  VẮC vắng vặc

4723  QUẠT cái quạt

4724  *TIỆT* chết tiệt

4725  *TRÍCH* trích lục

4726  GIẠY giạy mắt (dụi mắt)

4727  *TỒI* tồi tàn
XỒI lồi xồi

4728  *MÔ*
MÒ mò mẫm
MÓ mó vào
MỌ tọ mọ

4729  *TRIỆP*
DẬP vùi dập

4730 
PHIẾU
XEO xeo nạy

4731 
LÂU
LÙA lùa vào

4732 
BÒNG đèo bòng
BỒNG bồng bế
VÙNG vẫy vùng

4733 
KHU
KHUA khua chuông gõ mõ
SO so le
XÒ xò nhau
XUA xua đuổi

4734 
CHONG chong đèn
DÙNG dùng dằng
RUNG rung chuông

4735 
MĂN thầy măn
MƯỢN vay mượn

4736 
GỢI khêu gợi
KHẢY khảy đờn

4737 
DẪN dẫn lòng
DỆN dện đất

4738 
CHỐNG chống giặc
GIÓNG gióng trống

4739
DẮT đắt tay
DỨT dứt đứt

4740
LÈN lèn chặt

4741 
THẢM trải thảm

4742
KẸT kẹt cỗ

4743 
THOÁT thoát nợ

4744
DAY day qua day lại

4745 
PHÀNH phành ra

4746 
PHỆN phện đòn

4747 
QUẸO quanh quẹo

4748 
DẠM dạm mực

4749 
NỨC nức thứng

4750
CẤY cày cấy

4751
NGỪA ngăn ngừa

4752
GHÉ ghé bến
GỬI gửi đi

4753 
ĐẼO đẽo gọt

4754  NIU nâng niu

4755 ĐỦA đùa cợt

4756  CÀO bồ cào

4757 VẶN vặn đàn

4758  CÀN làm càn

4759  GIẬP giập bã trầu
GIÚP giúp đỡ

4760 CẤU cấu véo

4761  GÃY bẻ gãy

4762  GIẦM thuyền đã ềm giầm

4763 LUỒN luồn cúi

4764  MÓP móp vào

4765 NÍNH núng nính

4766  XAY xay lúa

4767  RÙN rùn xuống

4768 XẮN xắn tay

4769  RỜI rời rã

4770  *XAO*
XÀO xào xạc

4771  *KỲ*
CỜ cờ xí

4772 *SƯỚNG* sung sướng

4773  BUỔI buổi chiều

4774 RUA sao rua

4775  RÀY ngày rày

4776 MÙA bấn mùa

4777  GIỜ bấy giờ

4778 CHẦU vào chầu

4779  *LANG* khoai lang

4780  *BẢNG* yết bảng
BỨNG bửng cối xay
BỨNG bứng cây

4781  *VINH* hiển vinh
VANG vẻ vang
VÀNH vành ra
VÊNH vênh váo
VỂNH vểnh tai

4782 榴 *LỰU* quả lựu

4783 槁 *CẢO*
KHAO khô khao

4784 槃 *BÀN* bàn ghế

4785 槊 *SÁO*
SÓC
GIÁO ngọn giáo

4786 槌 *CHÙY* đánh một chùy
DÙI dùi đục

4787 槍 *THƯƠNG* ngọn thương
SANG

4788 槎 *TRA*
SẬY cây sậy
XAY cối xay

4789 槐 *HOÈ* gốc hoè
HOE đỏ hoe, vắng hoe

4790 槓 *CỔNG*
CỒNG đánh cồng
CỒNG vào cồng

4791 槤 VÊN cây vên vên

4792 槤 *SUY*
SUỐI cây suối

4793 槎 CÂY cây cối

4794 槮 MẶT mặt mày

4795 槮 TRĂM trăm năm

4796 槤 TRÁI trái cây

4797 槖 THỚT cái thớt

4798 槱 ƯƠI cây ươi

4799 槦 TRỒNG vun trồng

4800 槨 NÂU củ nâu

4801 槱 NỌC đóng nọc

4802 槤 KIỀN gỗ kiền kiền

4803 槤 QUẠNH hiu quạnh

4804 槤 SÚC súc gỗ

4805 槤 CÙM gông cùm

4806 槤 CÀ vườn cà

4807 槤 ĐỒ đồ gỗ

4808  CHOÁC gỗ choác

4809  CHƯA chưa được

4810  CHÀ chông chà

4811  KHẾ cây khế

4812  MÊ mê thuyền

4813 NẸP nẹp thúng

4814  SON lầu son

4815  GÒ gò ghề
GỖ cây gỗ
Ò cây lồ ồ

4816  TÓ tó xe

4817  TƯỢT tượt cây

4818  CỘT cột nhà

4819  SU dây su su
RỌ cái rọ

4820  KHEM kiêng khem

4821  TỦ tủ sách

4822 *CA* hát ca
CÀ la cà

4823  *TRỆ* trì trệ
CHỀ nặng chề chề
SỆ sệ xuống
TRẸ trọ trẹ
TRỄ trễ nãi

4824  *SÃM*
RƯỚM rướm máu

4825 *TRÍCH*
TÍCH
NHẾCH nhếch nhác
NHÍCH nhúc nhích
RÍCH rả rích
TÁCH lách tách

4826 *MÃN* mãn nguyện
MỚN mơn mởn

4827 *NGƯ* ngư ông

4828  *PHIÊU* phiêu diêu
PHỀU phều phào
VEO trong veo
XẺO xinh xẻo
XIÊU xiêu xiêu

4829  *LÃNG*
LÁNG lai láng
LẮNG lắng nghe
LẶNG phẳng lặng

4830 漉 *LỘC*
LỌC lọc sạch

4831 漏 *LẬU* thùng lậu nước
LẬU sạch làu

4832 演 *DIỄN* phô diễn
DÃN cá dãn
DẢN dản hồ
DẠN dạn dày
GIỠN chơi giỡn
RỞN rởn gáy

4833 漵 RƯỚM rướm máu

4834 潤 VẦN vần đục

4835 漠 *MẠC* sa mạc
MÁC man mác

4836 漢 *HÁN* chữ hán
HÁNG cái háng
HỚN hớn hở

4837 漣 *LIÊN*
LĂN lăn tăn

4838 漫 *MẠN*
MAN man mác
MẴN tí mẳn
MẶN nước mặn
MỚN mớn nước

4839 漲 *TRƯỚNG* bụng trướng
NHƯỚNG nhướng cổ

4840 漸 *TIỆM*
TRÀN tràn đầy

4841 潀 VÙNG vẫy vùng

4842 漠 LỚT lớt nhớt

4843 湲 NHỞN nhởn nhơ
DỢN sóng dợn

4844 灌 DỒI dồi dào
NHÔI khúc nhôi

4845 漭 ĐĂM đăm đăm
ĐẮM đắm say

4846 漫 MEM ướt mem
MÈM say mèm

4847 漣 SÓN són đái

4848 滘 KÊNH kênh nước

4849 漊 SÂU nước sâu

4850 潩 CHÃ lã chã

4851 湜 THÌA thìa múc canh

4852  MÀ mặn mà

4853  NGÀU đục ngàu (G)

4854  ĐỌNG nước đọng

4855 *CỒN*
CỦN ngấn củn cởn
CUỘN nước cuồn cuộn
NGỒN ngồn ngang

4856 DỒI dồi dào

4857  NHẪN hết nhẫn

4858 VÙI vùi dập

4859 DỀ dầm dề

4860 NÍT con nít

4861 DẠT trôi dạt
NHỚT nhơn nhớt
NHỢT nhợt nhạt

4862 *PHIẾN* phiến loạn

4863  *TỨC*
TẮT tắt đèn

4864  *HÙNG* hùng hổ

4865  *HUÂN*
HUN hun khói

4866  *HUỲNH* ánh huỳnh

4867  TỎ tỏ sáng

4868  TỎ sáng tỏ

4869  RỆT rõ rệt

4870  RIM rim mứt

4871  RÁT bỏng rát

4872  NẤU nấu ăn

4873 NHÁNG nhấp nháng

4874  HẦY hày hầy

4875  HỰC hực sáng

4876  KHÓI khói tỏa

4877  THIỀNG thiêng liêng

4878  TỎA khói tỏa
TỦA lửa tủa

4879  RANG nồi rang
RẠNG rạng sáng

4880  NGÙN ngùn ngụt

4881  *NHĨ* NHÃI nhãi ranh

4882  CHĂN chăn trâu CHẮN chằn tinh

4883  *NGAI* ngai vàng

4884  TRỨNG trứng gà

4885  *NGỤC* ngục tối

4886  KHÁI con khái

4887  NANH nanh vuốt

4888  NGAO chó ngao

4889  *DAO* cây quỳnh cành dao

4890  *MÃ* mã não

4891  HỒNG hồng xôi

4892  *BÌNH* bình rượu

4893  *NGHI* nghi ngờ NGỜ ngờ vực

4894  *PHONG* phong thấp PHUNG bệnh phung

4895  *SẤU* XẤU xấu xí

4896 *ÔN* ôn dịch

4897  *ÂM* ỐM ốm yếu

4898  ỒI ồi op UỈ đau lủi ủi

3899  NHỌT mụn nhọt

4900  XÌU mặt xìu xuống

4901  SÀI sài ghẻ

4902  NGÚNG ngúng nguẩy

4903  VANG vía vang

4904  GIÀY giày dép

4905  *TẬN* tận tình

4906  *GIAM* giam giữ *GIÁM* GIỚM gỉ giớm GIỢM đánh giợm RÓM cóm róm

4907  *ĐỖ*
ĐỦ đầy đủ

4908  *KHUÊ*
KHOÉ khoé mắt

4909  LÁY láy mắt

4910  NOM nom thấy

4911  NHÌN nhìn ngó

4912  CHỘT chột mắt

4913  NHỚN nhớn nhác

4914  NGƯỚC ngước lên

4915  MÍ mí mắt

4916  MÀY mày tao

4917  MÀY mày tao

4918 HIẾNG hiếng mắt

4919 DÒM dòm ngó

4920 MỀM mềm yếu

4921 *BÍCH*
BIẾC ngọc bích
xanh biếc

4922  *THẠC*
THƯỢT lượt thượt

4923  *NHAM* lam nham

4924  SỜM sờm sỡ

4925 CHỒNG chồng chất

4926  VÔI bình vôi

4927  *HỌA* tai họa
VẠ nằm vạ

4928 *PHÚC* làm phúc

4929 *LỘC* hưởng lộc
LỐC lốc cốc

4930  DỄ dễ dàng

4931 DỄ dễ dàng

4932 *CHỦNG*
CHỐNG giường chõng
CHỎNG ngã chỏng gọng
CHỒNG chồng mồng
GIỐNG lúa giống

4933 *XƯNG* xưng hô
XỨNG xứng đáng

4934  GIỐNG giống má

4935  XỪNG xừng lên

4936  TRẺ trẻ con

4937  RƠM rơm rạ

4938  HANG hang đá

4939  *KIỆT* kiệt sức

4940  *ĐOAN* đa đoan

4941  *CHỬU*
CHỒI cái chồi
NHỦI nhủi cá

4942  *CÁ*
RÁ rổ rá

4943 *TRANH* đàn tranh
GIÀNH cái giành

4944  *CHÁP*
CHÉP ghi chép
TRẮP bưng trắp

4945  *KY*
KIA người kia
KÌA ô kìa

4946  *TOÁN* tính toán
TOAN toan làm

4947  *QUẢN* quản bút

4948  TRE cây tre

4949  NHỐT nhốt vào lồng

4950  XÓM hàng xóm

4951 CỒNG đóng cồng

4952 RỔ cái rổ

4953  RÁ cái rá

4954  MUI mui thuyền

4955  ĐÓ đơm đó

4956  SON son phấn

4957  TÚY tinh túy

4958  TINH trắng tinh
TÊNH buồn tênh

4959 OẢN oản xôi

4960 糝 TẤM tấm cám
TÁM số tám

4961 糰 SUÔNG suông nhạt

4962 糕 KHẮN già khắn

4963 緑 *LỤC* lục lọi
LUỐC lem luốc

4964 綱 *CƯƠNG* cương thường
CÁNG võng cáng

4965 綱 *VÕNG* võng cáng

4966 綸 *LUÂN*
LUN lun chun

4967 綽 *XƯỚC*
XƯỢC nói xược

4968 綾 *LĂNG*
GIĂNG giăng lưới
TRĂNG trối trăng

4969 綿 MIÊN liên miên
MEN men theo
MỀN mền bông

4970 緊 KHẦN khẩn cấp

4971 綾 GIÁ võng giá
RỚ cất rớ

4972 綁 SO vải sô

4973 綴 MAY may vá

4974 綱 VƯỚNG vướng vít

4975 緡 *MÂN*
MẦN tần mần

4976 結 KÉP áo kép

4977 綡 KIỀNG kiềng chân lại

4978 綾 LÀ dải là

4979 綑 NHĂN nhăn nheo

4980 綽 GÒ gò cương ngựa

4981 綑 VÁNG choáng váng

4982 鎢 HŨ cái hũ

4983 罰 *PHẠT* hình phạt

4984 署 *THỰ*
THỢ thợ mộc

4985  SĂM lưới săm

Khuông + Từ

4986  GƯƠNG soi gương

Mỹ + Cự

4987  MỞ mở cửa

4988  *THÚY* chim thúy

4989  *PHỈ* phỉ sức

4990  KỀ kề bên

4991  CÀY cày bừa

4992 

TỤ tụ lại
SỤ sụ cánh
TỌ tọ mọ
XỦ xủ xuống
XỤ xụ xuống

4993  RIẾU bêu riếu

4994  NGHE lắng nghe

4995  ĐIẾC điếc tai

4996  *HỦ* hủ bại

4997  SẦN sần da

4998  PHỐP phốp pháp

4999

THỐI
THOÁI
THÓI lề thói

5000

CÒM gầy còm
CỌM cọm rọm

5001 HOĂN mùi hoăn hoẳn

5002 *CAO* thuốc cao

5003

MÁ má phỉnh phính
MỠ thịt mỡ

5004

ỎNG bụng ỏng
ÕNG õng ẹo
ỐNG ống chân

5005 TAO tanh tao

5006 PHỔI lá phổi

5007 GIÒ chân giò

5008

TANG tang vật
TÀNG tàng trữ

5009

ĐÀI đền đài
ĐƯỜI đười ươi

5010

VŨ ca vũ
VỤ con vụ

5011  ĐẾN đi đến

5012  MUI mui thuyền

5013  MÀNH thuyền mành

5014  GÕ ván gõ

5015 
MÔNG
MONG mong manh
MỎNG dày mỏng
MỒNG mồng một
MUỐNG rau muống

5016 
TOÁN
TỎI hành tỏi

5017 
BỒ rau bồ ngót
BÙ bù nhìn, lu bù

5018 *CHƯNG* bánh chưng

5019
DUNG
RONG rong rêu

5020  *CÁI* cái áo

5021
BỘI
BỤI bụi rậm
VỐI nước vối

5022 
NÁU náu ẩn
NÓC nóc nhà

5023 *CÀ* quả cà

5024  CÓI chiếu cói

5025  TRÉ tré mắt

5026  HẤU dưa hấu

5027  MÀI củ mài

5028 MÁ rau má

5029  HÁI gặt hái

5030 LỀU túp lều

5031  DỪA rau dừa

5032 NGỒ rau ngổ

5033  *THÀI* rau thài lài

5034 
MÔNG
MÒNG mơ mòng, chốc mòng

5035  CHÈ uống chè

5036 BÍ bí ngô

5037 
NẮP cái nắp
NÓP chiếc nóp

5038  BỐM gai bốm

5039  *PHI*
PHỈ
BAY bay lượn

5040  *MẬT* mật ong
MỨT bánh mứt

5041  RƯƠI mắm rươi
TRAI ngọc trai

5042  TRUN rắn trun

5043  VỆM con vệm

5044  SAM con sâm

5045  SỨA con sứa

5046  RẬN con rận

5047  NGÀI con ngài

5048  LẰNG ruồi lằng

5049  GIỜI con giời

5050  CHẪU chẫu chàng
CHẤU chàu chấu

5051  ĐỚM đom đóm

5052  ĐỈEN con đỉen bể

5053  ĐỈA con đỉa

5054  HÒN con hôn

5055  CUA cua cáy

5056  CUA cua cáy

5057  TỐT tốt đẹp

5058  *BIỂU*
PHIẾU
BÍU bíu lấy
VÍU vá víu

5059  *BÙI* bùi tai

5060  *KHOẢ* khoả thân

LÕA lõa lồ

5061  *CHẾ* áo chế
CHẼ chặt chẽ

5062 CHÀNG chàng áo
TRÀNG tràng hạt

5063 RÁCH áo rách

5064  NỆM nằm nệm

xem chữ số 521 trong sách này - Hoặc tham chiếu tr.37.

5065 𧾷曲 VẸO vẹo vọ

Bốn+kiến / Thể+kiến

5066 覞 THẤY trông thấy

5067 覺 *GIÁC*
DÁC dáo dác
NHÁC nhác thấy

5068 覚 RÁC cỏ rác

5069 觡 GÓC góc bể

5070 誌 *CHÍ* địa dư chí

5071 認 *NHẬN* nhận thấy

5072 誓 *THỆ*
THỀ lời thề

5073 誘 *DỤ* dụ voi
DỖ dỗ dành

5074 語 *NGỮ* tục ngữ
NGỠ ngỡ là...
NGỢ thấy ngờ ngợ
NGỬA ngửa mặt

5075 誠 *THÀNH* lòng thành

5076 誣 *VU* nói vu

5077 誦 *TỤNG* tụng kinh
TỌNG tọng vào

5078 誨 *HỐI* hối hận

5079 說 *THUYẾT* thuyết khách
THÓT giật thót
THỐT thề thốt

5080 誺 CHẠ chung chạ

5081 豪 *HÀO* hào phóng

5082 豵 CHẠY chạy chọt

5083 賓 *TÂN* tân khách

5084 赧 ĐỎ xanh đỏ

5085 赫 *HÁCH* hiền hách

5086 趜 LANH lanh lẹ

5087 趙 CHẠY chạy nhanh

5088 踊 *DŨNG*
GIỎNG giỏng tai

5089 踺 DẤU dấu vết

5090 踰 BƯƠN bươn tới

5091  LỖNG dài thòng lỗng

5092  ĐỦ đầy đủ

5093 CHOÀNH choành choạch

5094 LỈA kéo xà lỉa

5095  LẦN lần nối dây

5096 RẢO rảo bước

5097  CHẠY chạy nhanh

5098  VỌT nhảy vọt
VỤT vụt chạy

5099  RÍU đi ríu ríu

5100 XÍCH xê xích
XẾCH gọi xếch mé

5101 XÈ xê xích
XỤI bỏ xụi

5102  CHỜ chờ đợi

5103 NOI noi theo
NỐI nối dòng

5104  MÌNH thân mình

5105 *KHINH* khinh khi

5106  *LẠT* nồng lạt
LÁT một lát
LƯỚT lướt qua
LƯỢT lần lượt
NHẠT nhạt nhẽo
NHỢT da nhợt

5107 *DAO*
DIÊU
DÌU dìu dắt

5108 *ĐỆ* đệ trình

5109  *VIỄN* viễn phương

5110 *KHIỂN* điều binh khiển tướng
KHIẾN sai khiến

5111  TRÊN trên cùng

5112 THÓI thói nhà

5113  SANG đi sang
XANG xênh xang

5114  *BỈ* thô bỉ
BỄ bễ mặt

5115 *CHỈNH*
XÀNH xành xạch
XỊNH xùng xình

5116 *KHỐC* tàn khốc

5117 *GIẾU*
DÁO dáo dác

5118  DẤM dấm chua

5119 *NGẦN*
NGĂN ngăn ngừa
NGÀN trong ngàn
NGẦN ngần ngơ

5120 *SÚNG* súng ống

5121 ~~*ĐỒNG*~~ đồng sắt
ĐÒNG quay đòng đòng

5122 *TEN* bị ten đồng

5123  VÒNG vòng vàng

5124 VỠ vỡ lở

5125 *NẾN* cây nến

5126 *KHÓA* chìa khóa

5127  *LẠC* lục lạc

5128  LỀ bản lề
RÉT gỉ rét

5129  CHÒNG cái chòng

5130  CÒNG còng tay lại

5131  *CÁC*
GÁC lầu son gác tía

5132 *KHUÊ* khuê phòng

5133  BÉ bé bỏng

5134 BÉ bé bỏng

5135  BÉ bé bỏng

5136 *HỐNG*
HẰNG hằng lên
HỐNG hư hỏng
HỒNG lỗ hồng

5137  *QUAN* quan ải

5138  NHỜN nhờn nhợt

5139  NHUẦN nhuần nhị

5140 *HƯ*
HỜ hờ hững

5141  *CHƯỚNG* chướng mắt

5142  VỆN chó vện

5143  *THƯ* một trận thư hùng

5144  SÉT sấm sét

5145  QUÁNG quáng mắt

5146 *ƯỞNG* ÓNG óng ánh

5147  *THIỀU* THÈU quốc thiều thêu thào

5148  *PHẠ* *PHẢ* PHỞ VÀ phở lở (liên từ)

5149  TRÁN trên trán

5150  *LĨNH* *LÃNH* LẢNH LĨNH nhận lĩnh lảnh lói láu lĩnh

5151  HỪNG hừng hờ

5152  *TÁP* gió táp mưa sa

5153  LIỆNG LƯỢN liệng đá bay lượn

5154 NO no nê

5155  THẾT thết cơm

5156 *CỖ* cỗ bàn

5157  QUÀ quà bánh

5158  *CƠM* cơm nước

5159 BÁNH bánh trái

5160  *BÁC* bác bỏ

5161 *LƯ* LỪA lừa ngựa

5162  NGỪA ngăn ngừa

5163  BẢ bả vai

5164  *MAO* mao ngựa

5165  GÁY sau gáy

5166 *KHÔI* khôi ngô

5167 魂 *HỒN* hồn phách
HÙN đỏ hùn hùn

5168 魚才 CHÀI dân chài

5169 魚介 CA con cá
NGƠ ngần ngơ

5170 魚千 THIÊN cá bình thiên

5171 鳳 *PHƯỢNG* phượng hoàng

5172 鳥鳥 *DIÊN*
DIỀU diều hâu

5173 鹿光 *HOẰNG* con hoẵng

5174 麻 *MA*
MÔ đi mô

5175 齊 *TỀ*
TÀY tày trời
TÈ thấp lè tè

5176 黎 RÊ lười rê

5177 龜虫 TRONG trong ngoài

5178 龍毛 LÔNG lông mày

5179 龜內 *TRONG* trong ngoài

15 nét

5180 價 *GIÁ* giá tiền

5181 儀 *NGHI* nghi thức
NGHÈ ông nghè
NGHỈ nghỉ ta

5182 儂 *NÔNG* nông nỗi
NÙNG người Nùng

5183 億 *ỨC* ức triệu

5184 儈 *QUÁI* quái thai
CÚI cúi xuống

5185 儉 *KIỆM* cần kiệm
CỢM cờm cợm

5186 儳 *KIỀU* làm kiều, làm bộ

5187 儷 *DÁNG* xấu dáng

5188 儅 THẲNG ngay thẳng

5189 儻 BẶM bặm môi

5190 耬 TRAI trai gái

5191 艅 THỜ thờ cha mẹ

5192 儜 ĐỪNG đừng đùa

5193  TIN tin tức

5194  VẮNG vắng vặc

5195  SÁNH so sánh

5196  *LẪM* lẫm liệt

5197 
KỊCH kịch liệt
CẠCH cọc cạch
KÉCH to kếch
KỆCH thô kệch

5198 
KIẾM thanh kiếm
GHÉM gói ghém
GƯƠM hồ gươm
KÉM kém cỏi

5199 SUỐT suốt ngày

5200  NĂM năm mới

5201 
LỆ
LỆ lệ làng

5202  RẠP rạp tuồng

5203  *KHÍ* khí cụ

5204  *LAO* lao xao

5205 
TRÀO trào phúng
CHÀO chào hỏi
RÀU ràu rậu mặt

5206  *TÊ* tỉ tê

5207  *HI* khóc hi hi

5208 
HẤP hấp tấp
HÚP sưng húp

5209 
Ế cơm ế
NHẮC nhắc nhở
NHẤT lất nhất
NHỐT nhốt kín

5210 
TỐN từ tốn
SÚN sún cơm ; sún răng

5211  QUẦN lần quần

5212  SÈU sèu tết

5213 
ÒN òn ào
ỒN chảy ồn ồn

5214 
MỒI miếng mồi
MUI quen mui

5215 
MẢNH mảnh sành (P. C)
MẮNG chửi mắng

5216 嗂
KÈO kẽo kẹt
KÊU kêu la
GHẸO chọc ghẹo

5217 咩提
DÈ không dè (TĐ)
DỀ dã dề (ĐTTT)
ĐÌ đì đùng

5218 嘵
HIÊU
HẺO hẻo lánh
NHÀU sủa nhâu nhâu
NGHÊU nghêu ngao
NGOEO ngoeo ngoeo (tiếng mèo kêu)

5219 嚓
LIỆU
LẺO mách lẻo
LÉO léo nhéo
REO reo cười
RÉO la réo
RÊU kêu rêu
TRÊU trêu ghẹo

5220 噠
ĐẶT đặt tên
ĐỚT nới đớt

5221 咩豕
DỖI hờn dỗi
ĐỜI tôi đòi

5222 嗏
VAY vay mượn
VỜ vật vờ

5223 噂
TON ton hót
TUN lỗ tun hút

5224 噁
ẠC âm ạc

5225 嗑
khẩu + cảm
ĐẠM
HÁM hôi hám
DÁM chẳng dám nói
NGOẢM nhai ngồm ngoảm

5226 嚥
ĐÓN đón hỏi
NHỐN nhốn nháo
NHỢN nhợn trong miệng
XÔN xôn xao

5227 嗰
NHẴN cẳn nhẳn
NHỢN nhợn trong miệng

5228 嗇
THẸN e thẹn

5229 嚼絕
TOẸT nhổ toẹt

5230 嚅都
ĐUA đua nhau
ĐỪA đùa nghịch

5231 嚪
ĐUỒM đuồm uôm

5232 嚪勤
CẦN cẳn nhẳn

5233 嚪然
NHOẺN nhoẻn cười

5234 呑啐
NUỐT nuốt vào bụng

5235  NHẢ nhả ngọc phun châu

5236 RỐNG rống lên

5237  SÁO thổi sáo

5238  CHỐI từ chối
TÒI tìm tòi

5239  TỘP ăn tồm tộp

5240  CHỨ có thể chứ !

5241  XỰ xạo xự

5242  DỖ dỗ dành

5243 XÉP bép xép

5244  GHÉT ghét bỏ

5245  GẦM gầm thét

5246  NGOÀNG rách ngoàng ra

5247  ĐẰNG đằng hắng

5248  NGẬU làm ngậu xị lên

5249  SỨT sứt mẻ

5250 THUÊ thuê mướn

5251  BIẾU biếu xén

5252 BỊA bịa đặt

5253  NÍN nín lặng

5254 HỮNG hờ hững

5255  HÁ há rằng

5256 OÀM sóng đánh oàm oạp

5257  VỖ vỗ về

5258 GỌI gọi tên

5259  GHÈ ghè sợ

5260 ĐỚP đớp ruồi

5261  BAI chê bai

5262 BỆU bệu bạo

5263  BỈM chim bỉm

5264  CHUỒNG chuồng trâu

5265  *TRỤY* trụy lạc
ĐỤI ạch đụi

5266  *TĂNG* tăng lên

5267  *MẶC* tranh thủy mặc
MỨC mức độ
MỰC mực đen

5268  ĐÔN cái đôn sứ
CHON chon von

5269  ĐỌA sa đọa
ĐỤI ngã đùi đụi

5270 *THÁP* ngọn tháp
ĐẮP đắp đập
THÓP thoi thóp

5271  *PHẦN* phần mộ

5272  CHÔN chôn cất

5273  THỐNG cái thống

5274  VE ve rượu

5275  BE be sành

5276  ĐỒI núi đồi
ĐỖI quả đỗi

5277  CHUM chum vại
ĐÙN mối đùn
GIÙM giùm giúp

5278 NGÓI gạch ngói

5279  LẮM lắm lời

5280  XỘN lộn xộn

5281 SAU trước sau

5282  SAU trước sau

5283  ĐÒI tôi đòi

5284  *KIỀU* kiều diễm

5285 NHÀNG nhỡ nhàng

5286  MÁI gà mái

5287  DÍ bà nàng bà dí

5288  CƯỚI cưới vợ

5289  CHÁU con cháu

5290 
THẨM thẩm tra
SĂM săm soi
SẦM sầm màu
THẮM thăm thẳm
THẮM thắm lại
THẤM thấm nước
THỦM thủm mùi

5291 
TẢ miêu tả

5292 
KHOAN khoan nhặt
khoăn băn khoăn

5293 
BẮN bắn tên

5294 
BẮN bắn tên

5295 
NHEN nhỏ nhen

5296 
MỌN nhỏ mọn

5297 
MỌN nhỏ mọn

5298 
TẰNG
TÀNG tàng ong
TẦNG tầng lớp
TỪNG đã từng

5299
VẺ vẻ đẹp

5300 
CỨT cứt trâu

5301 
CUỐI cuối năm

5302 
VÓT chót vót

5303 
RỪNG rừng núi

5304 
LAO củ lao

5305 
CHON chon von

5306 
NHỌN muỗi nhọn

5307 
TRĂNG mặt trăng

5308 
PHAN cành phan
PHIÊN

5309 
CHÀNG
CHOÀNG khăn choàng

5310 
TỆ tiền tệ
GIẺ giẻ rách

5311 
VẢI vải vóc

5312 
MÀNH mành mành

5313 
TRÙ
CHỦ chuột chù
CHÙA ngôi chùa

5314 

TRIỀN	
CHIỀN	chùa chiền
CHỜN	chập chờn
GÌN	giữ gìn
RỀN	rền rĩ

5315 

MIẾU	miếu mạo
MƯỠU	hát mưỡu

5316 

XƯỞNG	xưởng đóng thuyền

5317 

VU	
VŨ	
PHŨ	phũ phong
PHỦ	bao phủ

5318 

PHẾ	phế bỏ

5319 

QUẢNG	
QUÃNG	quãng đường
QUẢNG	quảng đi

5320 

LỀU	túp lều

5321 

TỆ	tệ hại

5322 

ĐÀN	gảy đàn
ĐẢN	đẩn xuống

5323 

ẢNH	hình ảnh

5324 

TRIỆT	triệt hạ
TRẸT	mặt trẹt
TRÊ	cá trê
TRỆT	ngồi trệt
TRỊT	mũi trịt

5325 

ĐỨC	có đức

5326 

TRƯNG	sáng trưng
CHƯNG	chưng diện

5327 

MỘ	hâm mộ

5328 

TUỆ	trí tuệ

5329 

TÚNG	túng thiếu

5330 

LỰ	tư lự
LO	lo lắng
LỢ	nước lợ

5331 

ÚY	úy lạo
ỦI	an ủi

5332 

KHÁNH	khánh chúc

5333 

DỤC	tình dục

5334 

THÍCH	ưa thích

5335 

ƯU	ưu phiền

5336  *TIÊU* tiều tụy

5337  *ĐẠN*
ĐẶN đều đặn
ĐẬN lận đận

5338  *PHẪN* phẫn uất

5339  *MẪN* ưu thời mẫn thế

5340  *VŨ*
VỖ vỗ về

5341  *LẢO* lảo đảo
LAO lao đao

5342  NHỜN khinh nhờn

5343  NHỜN khinh nhờn

5344  NGÙNG ngại ngùng

5345  CHIỀU chiều lụy

5346  DÁT dút dát

5347  GHÉT ghét bỏ

5348  HẰN thù hằn

5349  THẸN thẹn thùng

5350  ĐÒI đua đòi

5351  TỦI tủi hờn

5352  RUN run rẩy

5353  NHƠN vẻ mặt nhơn nhơn

5354 NGẰNG ngùng ngằng

5355  NGHÍ nghí ngởn

5356  *BÁT* cạy bát
PHẾT phết roi
PHIẾT phiết quạt

5357 *MÔ*
MÒ mò mẫm

5358  *THÁP*
ĐÁP đáp đổi
RÁP ráp lại
THẤP thấp đèn

5359  *LAO* lao xao
LAU khăn lau

5360 *SANH*
XÊNH xênh xang
XINH xinh đẹp

5361  *TRIỆT* triệt hạ

5362 撻 *THÁT*
ĐẶT đặt chuyện

5363 撓 *NÃO*
NẠO nạo sạch
NHÉO la nheo nhéo
NGOÉO ngoéo tay

5364 撦 TRÒM tròm trèm

5365 撝 *HUỀ* đề huề

5366 撞 *CHÀNG* cái chàng

5367 撒 *TẢN* (âm Hv: Tát)
TÁT tát nước

5368 撦 *XẢ*
XÕA xõa tóc

5369 撩 *LIÊU*
LIỆU
BÊU bêu đầu
LEO leo cây
LÊU lêu lổng
TREO treo lên
TRÊU trớ trêu

5370 撫 (Phủ, Vũ) *PHỦ* phủ dụ
DỖ dỗ dành
VỖ vỗ về

5371 播 *BÁ*
BẠ bậy bạ
PHĂNG buông phăng
VẢ nhờ vả
VÁ vá áo
VỚ vớ lấy

5372 撮 *TOÁT* toát mồ hôi
TÒI tìm tòi

5373 撰 (Truyền, Soạn, Truyền) *SOẠN* sửa soạn
CHỌN chọn lọc
CHỘN chộn rộn
DỌN dọn dẹp

5374 撲 *PHÁC*
BUỘC trói buộc
VỤC vục nước

5375 撥 PHẦY phe phẩy

5376 撩 RỜI rụng rời

5377 撣 VUỐT vuốt ve

5378 撿 GÓP góp lại

5379 撟 NGÁNG ngáng chân

5380 撏 NGÓN ngón tay

5381  NHẶT nhặt lên

5382  MUỖNG cái muỗng

5383  GIỌI giọi nhà

5384  MÓI cấy mói

5385  MÁY máy trời

5386  NHÚN nhún nhảy

5387  NHÚNG nhúng nước

5388  KHƠI khơi giòng nước

5389  CHỮA chạy chữa

5390  CHOẢNG choảng vào đầu

5391  CHÈO mái chèo

5392  VẠCH vạch ra

5393  ĐÙM đùm bọc

5394  GỢI khêu gợi

5395  KHIÊNG khiêng xuống

5396 ĐUN đun bếp

5397  ĐẸN đẹn chặt

NỆN nện chặt

5398  QUẸT quẹt qua quẹt lại

QUỆCH. vẽ quệch quạc

QUẾT quết bột

QUỆT quệt vôi

QUÍT quấn quít

5399  KÉO kéo tay

KÈO kèo nài

5400 KHƠI khơi giòng nước

5401 ĐO đo đạc, đẵn đo

ĐUA đua nhau

5402 BAI bẻ bai

BƠI bơi lội

BƯƠI bươi móc

5403 VA va vào

VAY vay mượn

VƠ vơ cỏ

VỠ vật vỡ

VỜI khác vời

5404  SUM sum họp

5405  *QUYẾT*
QUÉT quét nhà
QUẾT quết thit

5406  DỌN dọn dẹp

5407  DẴN dẵn vặt

5408  *ĐỊCH* kẻ địch

5409  *QUỲNH* lính quỳnh
QUẠNH hiu quạnh

5410  *SỐ* con số
SỖ sỗ sàng
SỘ đồ sộ

5411  VUÔNG vuông vắn

5412  *TẠM* tạm bợ

5413  *MỘ*
MÒ tối mò

5414  *BẠO* bạo ngược
BỘC bộc bạch
BÃO gió bão

5415  SE se da

5416  NÔI nắng nôi

5417  MƠ sáng tinh mơ

5418  *HIẾU*
HẺO hắt hẻo

5419  HẾT hết cả

5420  CHỚP sấm chớp

5421  *TÀO*
TÀU tàu lá

5422 *THUNG*
THỦNG thủng thỉnh

5423 *LẠC*
NHẠC
NHÁC nhác thấy

5424 *LƯƠNG* lương đống
RƯỜNG rường cột
SƯỜN sườn nhà

5425  *LÂU* cao lâu
LẦU lầu dài

5426 *HU*
XƯ
VỤ con vụ

5427 *TIÊU* tiêu biều
BÈU bêu riếu
NÊU cây nêu

5428 
XU
SÙ sù sụ
XÒ xồ bồ
XỦ xủ lông
XŨ xũ xuống

5429 
MÔ mô phạm
MO mo nang
MỌ tọ mọ
MU mu rùa
MUA mua bán, cây mua

5430 
DẠNG hình dạng
DÁNG bóng dáng

5431 
CAO
CAU cây cau

5432 
GHẾ bàn ghế

5433 
GUỐC guốc dép

5434 
TRĨ mầm trĩ

5435 
BÈ bè nứa

5436 
RẠO tiếng kêu rạo rạo

5437 
MƠ trái mơ

5438 
LÒM đỏ lòm

5439 
DÂU bề dâu

5440 
LẶT lượm lặt

5441 
TẤT trái tất

5442 
SIM cây sim

5443 
SÒNG gầu sòng
SỒNG nâu sồng

5444 
MÁNG máng nước

5445 
THÔNG cành thông

5446 
MẬN mận, đào

5447 
YÊN yên ngựa

5448 
GIẬU rào giậu

5449 
CHÀY chày đâm gạo

5450 
RÀO hàng rào
TRÈO trèo cây

5451
MÀM màm xôi
MẦM nảy mầm
MẬM mía mật

5452 
CHUÔI chuôi dao
THOI cái thoi

5453  SỘP cây sộp

5454  CHUÔI chuôi dao
RUI rui mè

5455  *THÁN* oán thán
THAN than thở
THĂN thăn thỉ

5456  *NGHỊ* kiến nghị

5457  *LY* một ly một tí

5458  *TƯƠNG* tương đậu

5459  *BÁT* hoạt bát

5460  *KHIẾT* tinh khiết
KHÍT khăng khít

5461  *TIỀM* tiềm tàng

5462  *HỘI*
GỘI tắm gội

5463  *NHUẬN*
NHUẦN trơn nhuần

5464  *LẠO*
LẺO trong leo lẻo

5465  *ĐÀM*
ĐẮM đắm thắm
ĐẦM đầm sen
ĐẬM đậm nét

5466  VÚT vút gạo

5467  *TRIỀU* thủy triều
TRÀO trào lên
XÈO xèo xèo

5468  *TẦM* mưa tầm tã

5469  *HỘI*
HÓI bàu hói

5470  *SẢN*
SỚN sớn sác
SỜN sờn lòng

5471  *TRỪNG*
CHỪNG xem chừng
XỪNG xừng lòng

5472  *BÀNH* bành trướng

5473  *KIÊU*
NHÃO cơm nhão

5474 TAN tan rã

5475  LÚN mưa lún phún

5476  DỘI dội nước

5477 HỤP hụp xuống

5478  KHƠI biển khơi

5479 LẦY lầy lội

5480  GIẶT giặt giụa

5481 DỀ dầm dề
ĐỊA đầm địa

5482  CHÃ lã chã

5483 LẺO trong leo lẻo

5484  ĐÀO đồi dào

5485 XỐI xối nước

5486  TÀNH tan tành

5487 TÈO lèo tèo

5488 XỐI xối nước

5489  OI oi nước

5490 PHÉ đầy phe phé

5491  NGẤU mắm ngấu

5492  VƠI vơi đi
VỜI xa vời
VỢI diệu vợi

5493  BẬP bập bềnh
TẤP xa tấp
TẤP tấp vào

5494 LỌC lừa lọc, lọc nước

5495 *THỤC* thành thục
THUỘC thuộc bài

5496  *UẤT*
ÚY
ỦI héo ủi

5497  RÀNG rõ ràng
RẠNG rạng đông

5498 *NHIỆT* nhiệt huyết
NHÉT nhét vào
NHẸT nhẽo nhẹt

5499 TẮT tắt lửa

5500  QUẮC sáng quắc

5501 MỜ mờ mịt

5502		LÓA LOÀ LOÈ NHOÀ NHOÈ	lóa mắt sáng loà sáng loè xóa nhoà bị nhoè ra
5503		NÓNG	lửa nóng
5504		CHONG	chong đèn
5505		CHẤP	chấp chới
5506		RÁT	bỏng rát
5507		RẠNG SÁNG	rạng đông sáng tỏ
5508		NỰC	nực nội
5509		MỖM	chín mỗm
5510		TẤM	tấm lòng
5511		*NGAO*	chó ngao
5512		*TƯỞNG*	tưởng lệ
5513		VAY VƠ	(trợ từ cuối câu) bơ vơ
5514		TRÂU	con trâu
5515		NGHÉ	trâu nghé
5516		VOI	con voi
5517		VUỐT	nanh vuốt
5518		NHEN	con nhen
5519		*LY* *LÊ*	pha lê
5520		GẠCH	sân gạch
5521		BỞI	bởi vì
5522		LAI TRAI	lai giống trai gái
5523		*BAN*	bệnh ban
5524		*ÔN*	ôn dịch
5525		RỒ	rồ dại
5526		RÔM	nổi rôm
5527		QUẶN	quặn ruột
5528		BÁNG	báng nước
5529		NHỌC	nhọc nhằn

5530  MỤN mụn nhọt

5531  HEN ho hen

5532  CHỐC chốc đầu

5533  BƯỚU cái bướu

5534  DÂNG dàng lèn
DƯNG dửng dưng

5535  DÂNG dâng lên

5536  *BÀN* bàn ghế

5537  *SÂN*
TRÂN nhìn trân
trân
TRÂNG trâng tráo

5538 *MINH*
MANH mắt thong
manh

5539  LIẾC liếc mắt

5540  TRÔNG trông đợi

5541  TRÍT nhắm trít

5542  TRỢN trợn mắt

5543  SỌC mắt long
sòng sọc

5544 HÁY háy hó

5545 NGÓNG trông ngóng

5546  KHOẺ khoẻ mắt

5547  GẮM gắm ghè
GƯỜM gườm gườm

5548 *THA* thiết tha
XÂY xây nhà
XOAY xoay nhà

5549  *XÁC* xơ xác
XẠC xào xạc

5550  *LỖI* lỗi lạc
DỘI dội nước
GIỎI tài giỏi
LỐI lối đi
RỦI rủi ro
SÕI nói sõi
SỎI sỏi đá
SÓI sói đầu
TRỌI trơ trọi
XỒI ăn xồi ở thì

5551 TẢNG đá tảng

5552  CHAI chai lọ

5553  TÔ tô đắp

5554  THÁCH thách cưới

5555  MÀI dùi mài

5556  TRỄ trễ nải

5557  LẠY qui lạy

5558 
COI trông coi
CÒI cây còi
CÔI mồ côi
CUI lui cui
CÙI cùi tay

5559  *TẮC* xã tắc

5560 
CAO di cảo
KHAO khao khát

5561 
KÊ
GHE ghe phen
GHÊ ghê sợ
KHẼ khe khẽ
KHẺ khẻ đầu

5562
TRĨ
TẺ gạo tẻ

5563 *CỐC* ngũ cốc

5564 RƠM rơm rạ

5565
MÁ lúa má
MẠ gieo mạ

5566
CÙNG cùng đường
KHÙNG nỗi khùng

5567
RỖNG rỗng tuếch
TRỐNG trống trải

5568 
TIỄN
TÊN cung tên

5569 
SƯƠNG
RƯƠNG rương hòm

5570
CHÂM
DĂM dăm bào

5571
TRỨ
GIẠ giạ lúa

5572
TIẾT tiết trời
TÉT bánh tét
TẾT lễ Tết
TÍT xa tít
TỊT mù tịt

5573  SỘT ki sọt

5574 *PHẠM* mô phạm

5575 
TRIỆN chữ triện
CHỆNH chệnh choạng

5576  TÉT bánh tét

5577  TRẤU trấu xay

5578  TRÚM cái trúm

5579  THẤP thấp xuống

5580  TƠI áo tơi, tơi bời

5581  SIỀNG hòm siềng

5582  SỌT cái sọt

5583  CẢU cái cảu

5584  NƠM nơm cá

5585  XĂM xin xăm

5586  *HỒ* cháo hồ

5587  MÀY mày gạo, mày ngô

MÈ cây mè

5588  ỈA đi ỉa

5589 GIẦY bánh giầy

5590  *ĐOẠN* áo đoạn

5591  *ĐỀ*

RẾ cái rế

5592 *DUYÊN* có duyên

5593  *BIÊN* biên soạn

5594  *GIAM*

DÀM dày dàm

NGOÀM đố lại vào ngoàm

5595  *LỤC*

LUỐC lem luốc

5596  TRỦ diệt trủ

5597  *VĨ*

VỈA vỉa hè

5598 *TIẾT*

TẾT tết lại

5599  *LUYỆN* tập luyện

LÉN lén lút

LỆN lanh lẹn

RÉN rón rén

RỊN bịn rịn

5600 THE lụa the

5601 緪 ƯƠM ươm tơ

5602 縪 LUỐT tuột luốt

5603 綆 ÍNH ính giấy (G)

5604 繶 GIẢI giải đất

5605 緘 GIẢM đan giậm

5606 綻 ĐỘT may đột

5607 綴 DỆT thêu dệt

5608 緱 BUỘC trói buộc

5609 緣 ĐỐI dây đỏi

5610 綣 CUỘN cuộn vải
QUYỂN giấy quyển

5611 罯 OM cái om

5612 罣 BỞI bởi vì

5613 罵 *MẠ* nhục mạ
MÀ mà mắt (làm cho nhìn không thấy)
MẮNG mắng nhiếc
MỰA mựa phải lo âu

5614 罷 *BÃI* bãi cát

5615 罼 QUẤN quấn quít

5616 翩羽 *PHIÊN* phiên phiến
PHIẾN phiến loạn

5617 翥羽 *CHỬ*
CHỞ che chở

5618 翔羽 BAY hương bay

5619 耋 TRA trâu tra (già)

5620 耳思 *TAI* tai, mắt

5621 膠 *GIAO* tất giao
KEO keo sơn

5622 肭粘 *Niêm*
NEM nem chả

5623 肭培 VÒI vòi voi

5624 肭匿 NẠC thịt nạc

5625 肭液 Dịch
NÁCH tay xách nách mang

5626 肭責 Trách
NÁCH tay xách nách mang

5627 肭卦 NGOẢI ngoắc ngoải

5628  VẾ bắp vế

5629  MẦM béo mầm
MẪM béo mẫm

5630  MẬT gan mật

5631  KHỦ khủ khờ

5632  ĐỦI bắp đùi

5633  CÁY nắm cáy

5634  VAI sánh vai

5635  VAI sánh vai

5636 ÔI thịt ôi

5637  *PHỐ*
PHỐ phố xá

5638  *HƯNG* hưng thịnh
HĂNG hưng hăng

5639  *GIÃ* chiếc giã (thuyền mành)

5640 ĐÒ chiếc đò

5641  *BỒNG* cỏ bồng
BONG bòng bong
BÒNG đèo bòng
BUỒNG buồng chuối
PHỒNG phập phồng

5642  *LIÊN*
REN rối ren
SEN hoa sen

5643 CHÔNG chông gai

5644 MỌ tọ mọ

5645  *MAN*
MẠN
MÀN cây màn màn
MƠN mơn mởn
MỞN mơn mởn

5646  *GIÁ* rau giá

5647  *MIỆT* mài miệt
MỆT mệt nhọc
MIẾT miết dây
MÍT cây mít

5648 *LÀU*
GIÀU giàu nghèo
RAU hai ràu
TRẦU ăn trầu

5649  BÌM dây bìm bìm

5650  SAM rau sam

5651  SẮN củ sắn

5652  RÁC rơm rác

5653  VỐI lá vối

5654  GIẸP giẹp lép

5655  DÂM cây dâm bụt

5656  THƠM thơm tho

5657  RÁNG rau ráng

5658  GIẤP rau giấp cá

5659  BỤI bụi cây

5660  NHÀI hoa nhài

5661  CỎ ngọn cỏ

5662  Cỏ ngọn cỏ

5663  GỪNG củ gừng

5664  BẦU trái bầu

5665  CHÈ chè xôi

5666  *HÀ* hà hến

5667  *HỒ* hồ điệp

5668  *ĐIỆP* hồ điệp

5669  *HẠT* RẾT rắn rết; RÍT rít róng

5670  RỒNG rồng bay; RÙNG rùng rùng

5671 ỐC con ốc

5672  NHỆN con nhện

5673  ĐÙN mối đùn; TRÙN con trùn

5674 ĐỌT đọt đọt (loài đỉa bề); LỘT lột xác

5675  GIẢI con giải

5676  GIÁN con gián

5677  DƠI con dơi

5678 蜳 DẾ con dế

5679 蝣 CHẤU châu chấu

5680 槑 MỦ máu mủ

5681 衝 *XUNG* nổi xung
XONG làm xong
XÒNG xông pha
XÒNG chạy xòng xộc
XÚNG xúng xính

5682 褓 *BẢO*
BÌU bìu díu
BỊU bận bịu

5683 裩 HÒ vạt hò

5684 裬 ĐÃY cái đãy

5685 觲 SỪNG sừng bò

5686 課 *KHÓA* thầy khóa
KHỎA khuây khỏa
THỎA thỏa thích
THUỞ thuở xưa

5687 調 *ĐIỀU* điều đi nơi khác
DÌU dìu dắt
ĐỀU đều đặn
ĐÌU đìu hiu

5688 詼 *SIỂM* siểm nịnh
XIỂM xúc xiểm

5689 談 *ĐÀM* đàm đạo

5690 請 *THỈNH* thỉnh cầu
THẢNH thảnh thơi
THÍN nhẫn thín

5691 諒 *LƯỢNG* lượng thứ

5692 論 *LUẬN* bàn luận
GỌN gọn gàng
LẦN lần tránh
LẤN lấn dần
LÒN lòn cúi
LỌN bán lọn
LỘN lộn xộn
LỤN lụn bại

5693 誁 GẶT gặt hái

5694 豻 HỦM hùm beo
HƯỢM hãy hượm

5695 賞 *THƯỞNG* thưởng phạt

5696 賡 *CANH* canh cánh bên lòng

5697 賢 *HIỀN* mẹ hiền
HỀN hèn gì

5698  *MẠI* thương mại
MẢI mải mê
MỢI được mợi

5699  *TIỆN* bần tiện

5700  *PHÚ* thi phú

5701  *CHẤT* chất phát
CHÁT mặn chát
CHẮC chắc chắn
CHẶT chặt chẽ

5702  ĐẮT đắt tiền

5703  CỦA của cải

5704  BUÔN buôn bán

5705  CÕNG cõng trên lưng

5706  DÀNH để dành

5707  ĐÚT đút lót

5708  *THÚ* thú vui

5709  RƯỢT rượt theo

5710  *ĐẠP* đội trời đạp đất

5711  XỢT đi xợt qua

5712  *TÍCH*
TẾCH tếch đi

5713  *TÔNG* tông tích

5714 LỒM bò lồm cồm

5715 BON chạy bon bon

5716 CO co rụt
CÒ nhảy lò cò

5717  RÀM đi rầm rập

5718  GUỐC mang guốc

5719  RẢO rảo bước

5720  NHÓT nhảy nhót
TÓT nhảy tót
TỌT chạy tọt vào
TUỘT tuột xuống

5721 GHỆNH gập ghềnh

5722  *THẲNG*
THẮNG thẳng thắn

5723  LƯNG sau lưng

5724  MÌNH một mình

5725  *LUÂN* luân phiên
LON lon ton
LUÔN luôn luôn

5726  *VÕNG* võng đi

5727  *HUY* huy hoàng

5728  *BỐI* tiền bối

5729  *NGAO* ngao du

5730  *THÍCH* thích chí
THÁCH thách thức
THẾCH lếch thếch

5731  *ĐỘN*
RỘN rộn rịp

5732  *TAO* tao ngộ

5733  *TRÌ* trì hoãn
CHẦY chóng chầy
RÌ rì rì
TRÌA trật trìa

5734  QUÍNH lính quính

5735  RỜI rời khỏi

5736  *ĐẶNG* đặng mà
ĐẴNG đẳng đẵng
ĐỰNG chứa đựng
NỰNG nựng con

5737  *TRỊNH* trịnh trọng
CHẠNH chạnh nhớ

5738  *LÂN* lân cận
LÁNG láng giềng
LĂN lăn lóc
TRĂN trăn trở
TRẮN trắn trọc

5739  SANG sang trọng

5740  *TÚY* say túy lúy

5741  GÂY gây nên

5742  DẶM mười dặm

5743  GIỐNG giống nhau

5744  *NHUỆ* nhuệ khí
NHỌN sắc nhọn

5745  *TIÊU*
TIU tiu bạt

5746  *ĐÍNH* đĩnh bạc

5747  *XĂM* xăm chàm vào cánh tay

5748  *PHÔ* phô phang
PHỐ phố xá
PHO pho sách

5749  *TỎA*
GIỮA cái giữa

5750  *XIỀNG* xiềng xích

5751 ĐẴN đẵn cây

5752  THỎI thỏi sắt

5753  RẢNG kêu rảng rảng

5754  NHẪN nhẫn thín
NHẪN đeo nhẫn

5755  GANG gang thép

5756  *LAO* đâm lao

5757 BỬA bửa củi

5758 CẠO cạo đầu

5759 CUỐC cuốc đất

5760  BỊT bịt khăn

5761  XỚT ngọt xớt

5762  *DUYỆT* duyệt bài

5763  NHẰNG lằng nhằng

5764  BE be bờ

5765  *ĐÌNH* lôi đình

5766  *MỘC*
MÓC mưa móc

5767  *BÁI*
PHÁY mưa phay pháy

5768  *DẦM* mưa lâm dầm

5769  THIÊNG linh thiêng

5770  *HÀI* hài hoa
GIÀY giày dép

5771 *AN*
YÊN yên ngựa

5772 *CỦNG* củng cố

5773  *HIỆT* GẶT — gặt đầu

5774  LIỆNG — bay liệng

5775  *BÍNH* BÁNH — bánh đúc

5776  *DƯỠNG* DẴNG — dưỡng sức dai dẳng

5777  ĐÓI — đói kém

5778  CÚI — cúi đầu

5779  *TRÚ* — trú quán

5780  *CÂU* — vó câu

5781  *GIÁ* — xa giá

5782  *PHỤ* PHÒ — phò mã

5783  *ĐÀ* — lạc đà

5784  GIONG — ruồi giong

5785  CÚT — cút đi

5786  *ĐIÊM* CHƠM — đầu chơm bơm

5787  *NHIÊM* NHEM — nhem nhuốc

5788 *PHẤT* — phất phơ

5789 BỢP — đầu chợp bợp

5790 *PHÁCH* — hồn phách

5791 TRƠI — ma trơi

5792  CÁ — con cá

5793  *THẨM* KÌM — cá kìm

5794  *LỖ* LỒ — lỗ hổng loang lổ

5795  TÔM — tôm cá

5796 TRÊ — cá trê

5797 NGỜ NGỪ — nghi ngờ cá ngừ

5798  *NGÁC* — cá ngác

5799 *TRẦM* CHĂM — chỗm chăm

5800  *QUYẾT* QUẠCH chim quạch quạch

5801  QUẠ con quạ

5802  QUẠ con quạ

5803  RI chim ri

5804  CÔNG con công

5805  *NHA* ÁC bóng ác

5806  *MIẾN* canh miến

5807  *LÊ* lê dân

5808  *XỈ* xỉ vả XỈA xỉa xói

16 nét

5809  *NHO* nhà nho NHU nhu mì

5810  MIN (Min là ta, tôi)

5811  NGHÈ ông nghè

5812  THỢ thợ nề

5813  TỤI tụi côn đồ

5814 NGÀI các ngài

5815  RẠNG rạng rỡ SÁNG sáng tỏ

5816 RẠNG rạng rỡ SÁNG sáng tỏ

5817  RẠNG rạng rỡ

5818  TRẤU trấu lép

5819  CÚI cúi đầu

5820  CÚI cúi đầu

5821  GỒM bao gồm

5822  LẠT lạt lẽo

5823  *NGƯNG* ngưng đọng NGỪNG ngập ngừng

5824  *TỄ* tễ thuốc XẺ mổ xẻ

5825 BỬA bửa ra

5826  CỨNG cứng cáp

5827 
CẤM
GẶM gặm xương
GẪM gẫm xem
NGẪM ngẫm nghĩ
NGẬM ngậm ngùi

5828
NỒNG
NŨNG làm nũng

5829  *KHÍ* khí cụ

5830 
TÁO
THÁO quát tháo

5831 
PHỆ
PHÈ phè phỡn

5832  *KHOÁI* khoái chá

5833 
PHÚN lún phún
PHUN phun nước

5834 
CẦM
GẦM gầm thét

5835 
ÁI
ÁY áy náy

5836  BỖ bỗ công

5837 
ĐỎNG đỏng đảnh
RỒNG nói rồng rắng

5838  HÁM hám của

5839  TỦI tủi hổ

5840  NẾU nếu... thì...

5841  THÔI lôi thôi

5842  CAY chua cay

5843  THÈM thèm ăn

5844  THÈM thèm thuồng

5845  ĐỦ rầy thì đủ mẹ cái hồng nhan

5846  NHỊP nhịp cầu, ăn nhịp

5847  NGỌN ngọn ngọt

5848  RẦU rầu rĩ

5849  GẮT gắt gỏng

5850  NGÁY ngáy như sấm

5851  NGÁT thơm ngát
NGẠT ngạt ngào

5852  NÍCH ních hết, núc ních

5853  PHÀ phà hơi ra
PHÀO thở phào

5854  ỒM la ồm tồi

5855  LÁC thét lác

5856  LÔI lôi thôi

5857  CHUYỆN chuyện cười

5858 NẾU nếu thế thì...

5859  NẴN nẵn nì
RĂN khuyên răn
RẮN dạ rân
RÈN rèn la

5860  CHÁN chán chê
CHÉN đánh chén

5861 HÉT gầm hét

5862  NGỢI ngợi khen
NGỬI hít ngửi

5863  NHỘN nhộn nhịp
NHÚN nhún mòi, trề nhún

5864  OẸ nôn oẹ

5865  CÒI tiếng còi
NGOI ngoi ngóp
NGỤI ngậm ngùi

5866 QUẮN quắn quại
CỦNG củng nhau

5867 DỞ lỡ dở
DỠ dỡ mái nhà
GIỞ giở giọng

5868  XÁT xô xát

5869  TRỌ tiếng trọ trẹ

5870  ỦA ủa lạ !

5871  PHÉT nói phét
PHẸT nhổ phẹt

5872  NHỘN nhộn nhịp
RỘN rộn ràng

5873  KHẮN khắn khắn ghi lòng
KHẮNG khắng khít

5874  HAM ham mê
HẦM hầm hút
HẤM hấm hứ
HẢM hậm hực

5875  *KHẨN* khai khẩn

5876  *BÍCH*
BỆCH trắng bệch
BỊCH bồ bịch
VÁCH vách đá

5877 THỀM thềm nhà

5878  VƯỜN khu vườn

5879  *ĐÀN* lập đàn
ĐƯỜN nằm đườn đườn

5880  *TƯỜNG* vách tường

5881  NẺO nẻo xa

5882  NỀN nền nhà

5883  LỌ chai lọ

5884  MAY rủi may

5885  CHÉN chén quỳnh

5886  CỐI cối xay

5887  CỒN cồn cát

5888 CỒN cồn cát

5889 ĐỀN đền đài

5890 GỐM thợ gốm

5891  VÒNG vòng khoai
VUNG vung vẩn

5892 *PHẤN* phấn đấu

5893  NHỌN nhọn hoắt

5894  MUỐNG rau muống

5895  *BỀ* bồng bế

5896 VỢ vợ chồng

5897 NỢ duyên nợ

5898 SUI sui gia

5899  *HỌC* học tập

5900  XUỐNG bước xuống

5901  SAO ngôi sao

5902  THẲNG ngay thẳng

5903  ĐẠO
DẠO dạo chơi

5904  *LẪM* lẫm thóc
LẮM lắm lời
LẦM lầm cầm
RẮM rối rắm

5905  TOI chết toi

5906  *NỒNG* cái nồng cao

5907 NON núi non
NÔN nôn ruột

5908  *THIỀM*
RÈM rèm cửa

5909  *XÍ* cờ xí

5910  *CƯỜNG* cường độ
CÀNG càng ngày càng..

5911  SAI sai quả

5912  VA va chạm

5913  TRĂNG mặt trăng

5914  SUỐT suốt ngày

5915  *BẰNG* bằng chứng

5916  *HÁM* hám danh
HÀM
HÓM hóm hỉnh

5917  *HIẾN* văn hiến

5918 *ỨC* ký ức

5919  *HÁM*
HÓM hóm hỉnh

5920  *ÁO* áo não

5921  NGẤY chán ngấy

5922  TỦI sầu tủi

5923 MONG mong mỏi

5924  QUẶM quằm quặm

5925  NHÁC biếng nhác

5926  ÁY áy náy

5927  ẤY việc ấy

5928  ĐẸP đẹp lòng

5929  CHÁN chán chường

5930  HAM ham mê
HĂM hăm hở
HẰM hằm hằm
HĂNG hung hăng

5931  NGỦI ngủi ngủi
NGUÔI nguôi giận

5932  NÃO não lòng

5933 *CHIẾN* chiến thắng
XUYẾN xao xuyến

5934  *LÔI* lôi kéo

5935  *TRẠCH* trạch áo ra

5936 *ĐẢM* đảm nhiệm
ĐÀM đàm chém

5937  *ĐÁNG* cáng đáng

5938  *THAO*
THÁO tháo vát
THẠO thành thạo
XÁO xáo trộn

5939  *CẦM* cầm lấy

5940 *CỨ* căn cứ
CỚ chứng cớ

5941  ẦY ầy ngã

5942 *BỊCH*
TỊCH
VÍCH vích lên

5943 *CÁN* cán bông
GÁN gán ghép

5944  MÁM mắc cho mám

5945 VỜI vời đến

5946  RŨ héo rũ

5947 NGOI ngoi ngóp

5948 ĐẸN đẹn áo

5949  NỆN nện một gậy

5950 DỌN dọn dẹp

5951 VÁO vơ váo

5952  *QUA*
QUƠ quơ củi
QUỚ lớ quớ

5953  NÍU — kéo níu

5954  NỐNG — nống lên

5955  *VẬN*
VẶN — vặn đàn

5956  CỞI — cởi xiêm

5957 LĂN — lăn lóc

5958  XẮN — xắn quần

5959  GIẾT — giết chết

5960  *THIỆN*
CHEN — chen vào

5961  CẤM — cấm sào

5962  DỠ — dỡ nhà
GIỞ — giở giới

5963  TRẼ — đường trẽ

5964  CỞI — cởi mở
GÓI — gói ghém

5965 BÁM — bám vào
BẤM — bấm bụng
BỤM — một bụm gạo

5966  VẸT — vẹt ra
VỚT — vớt lên

5967  RỚ — cất rớ
SƠ — sơ cơm

5968  Diệp
DẸP — dẹp loạn
NHỊP — đánh nhịp
QUẸP — lẹp quẹp

5969  TUỒM — tuồm luồm

5970  *CHỈNH* — chỉnh đốn
CHỀNH — chềnh mảng
CHỆNH — chệnh choạng

5971  *TIÊM*
XIÊM — Xiêm la

5972  *Ế*
NHỢT — nhợt nhạt

5973 *LỊCH* — quyển lịch
RẾCH — thưa rếch
RÍCH — rả rích
RỊCH — rục rịch

5974 *HIỂU*
HẺO — hắt hẻo
HỀU — cạn hều

5975  CHIỀU — chiều tối

5976 朝 CHIỀU chiều tối

5977 暸 BÂY bây giờ

5978 晡 TRƯA sớm trưa

5979 晡 TRƯA sớm trưa

5980 曝 TỐI sớm tối

5981 樵 *TIỀU* tiều phu

5982 樸 *PHÁC* chất phác

5983 樹 *THỤ* cổ thụ

5984 樛 *LƯU*
LỰU quả lựu

5985 橋 *KIỀU*
CẦU qua cầu
KÈO kèo nài

5986 橘 *QUẤT*
QUÍT cây quít

5987 橙 *TRANH*
CHANH cây chanh

5988 機 *CƠ* cơ trời
KI ki trạc

5989 橫 *HOÀNH* hoành phi

5990 橰 *CAO*
CAU cây cau
GÀU gàu dai

5991 橱 GỤ gỗ gụ

5992 橱 MÁY máy trời

5993 橝 *THIỆN*
ĐÀN gảy đàn

5994 橱 KHAY khay trà

5995 橱 BE be bờ

5996 橱 CHUỐI cây chuối

5997 橱 *MÔ*
VỒ cái vồ

5998 橱 MAY chẳng may

5999 橱 TRÂM cây trâm

6000 橱 TRÔM cây trôm

6001 橱 THỚT cái thớt

6002 橱 *TÀM*
GIẦM mái giầm

6003  CHUÔM chà chuôm

6004  CHÈO mái chèo

6005  THEN then cửa

6006  RÀO hàng rào

6007  ĐƯỚC cây đước

6008 
GIẢN
GIÀN giàn bầu

6009 
LẠO
LÈO lèo lái
RỀU củi rều

6010
ĐU đánh đu
ĐỦ cây đu đủ

6011 
QUYẾT
CỌT cọt kẹt
CỘT cột nhà

6012  TU cây tu

6013
SANH cây sanh
XANH xanh xao
XINH xinh xắn
XÈNH xènh xang

6014 
LỊCH lịch thiệp
LỆCH lệch thếch
LỆCH chếch lệch

6015 *Ế* ế hàng

6016
QUÁI
GỘI gội mưa
HÓI bàu hói

6017
TRẠCH
RẠCH kênh rạch

6018 
ÚC
ỤC nước ủng ục

6019
KÍCH kích động
KHÍCH khích lệ

6020
TRỌC trọc phú
ĐỤC trong đục
RỤC chín rục
SỘC sồng sộc

6021 
NÙNG
NỒNG nồng nàn

6022  CHỚ chớ làm

6023
LẪM lẫm liệt
LẨM mưa lẫm nhẩm

6024 
HẠT hạt mưa
ƯỚT ướt át

6025 TỦI sầu tủi

6026  THÍA thấm thía

6027  XẮP nước xăm xắp

6028  NHỎ nước nhỏ giọt

6029  ẨM gạo ẩm

6030  RỬA rửa ráy

6031  VÙNG vùng vẫy

6032  VƯỢT vượt qua
VỚT vớt lên

6033  Ồ chảy ồ ồ

6034  *KHÁT*
ƯỚT ướt át

6035  *ĐỒNG*
LỒNG cháo lỏng

6036  *CÁT* cát, bụi

6037  DÀO đồi dào

6038  *LÔI*
LOI lẻ loi
TRÔI trôi nổi

6039  NGOI ngoi ngóp
NGÒI ngòi, khe

6040  LỌC lừa lọc

6041  *NHIÊN*
NHEN nhen lửa

6042 *ĐĂNG* hội hoa đăng
ĐÈN ánh đèn

6043  *ĐÔN*
DON héo don
GIÔN giôn giốt
ĐUN đun nấu

6044  *LIỆU*
LEO leo lét
RIU lửa riu riu

6045 *LẦN* lần tinh

6046 *THIÊU* thiêu đốt
THIU cơm thiu

6047  *YẾN* yến anh
ÉN chim én

6048  *PHẢN*
PHỪNG phừng phừng

6049 TỎ sáng tỏ
TÔI tôi thép
THUI thui đốt

6050  THUI thui đốt

6051  RẤM rấm bếp

6052  *TẦM* TẦN nấu tần

6053 *TĂNG* TƯNG tưng bừng

6054  SE se da

6055 RAO rát rao

6056  *XIỂN* XÊN xên đường

6057  CHÓI đỏ chói

6058  BUỐT buốt da

6059  THẮP thắp đèn

6060 RẠNG SÁNG rạng sáng sáng lừng

6061  RÌU rìu búa

6062 *THỐC* THỎI thỏi đồng

6063  PHÊN tấm phèn

6064 *ĐỘC* cô độc

6065  GIẢI con giải

6066  LÒI lợn lòi

6067 BẪM bẫm trợn

6068  SĂN săn bắn

6069 VƯỢN con vượn

6070 CƯỜM cườm tay

6071  NHẼ chả nhẽ

6072 *BIỀU* BẦU bầu bí VÀO bay vào

6073  VUỐT nanh vuốt

6074  HẤU dưa hấu

6075 *ÂU* cái àu đựng mỡ

6076  *MANH* MÀNH tấm mành mành

6077  DÁI kính dái, dái sợ

6078  *CHƯỚNG* chướng khí

6079  BƯỚU cục bướu

6080  *LŨ*
RŨ rũ rượi

6081  NỐT nốt ruồi

6082  NGƠ ngơ ngẩn

6083 
LÔ lô xô
LƠ lơ thơ
LU lu mờ
LỤ lắc lư
LỪ lừ đừ
LỨA đôi lứa

6084  RƯỚM rướm máu

6085  GƯỢM hãy gượm

6086 MÒM ngủ say mòm

6087 TRÔNG trông mong

6088 MỜ mờ mịt

6089  MẮT nước mắt

6090  MAN mê man

6091 GHÈN mắt có ghèn

6092  CHỚP chớp mắt

6093  NHĂN nhăn nhó

6094  ĐUI đui mù

6095  GHÉ ghé mắt
NGHÍA ngắm nghía

6096 
XAM
CHĂM nhìn chăm chăm
XĂM đi xăm xăm

6097  SÒNG long sòng sọc

6098 NHỎN nhỏn nhoẻn

6099 THẲNG ngay thẳng

6100  VẮN áo vắn

6101
MA
MÀI mài dao

6102  *KHÁNH* chuông khánh

6103  MẢNH mảnh sành

6104 磔 *TRÁCH*
KẸT mắc kẹt

6105 磵 *LIỄN*
LÈN lèn đá, lèn chặt

6106 磢 *SẢNG*
XOẢNG xoảng xoảng

6107 磒 *XÁC* xơ xác

6108 禦 *NGỰ* phòng ngự
NGỪA ngăn ngừa

6109 禮 LỄ lễ loi
LỄ lễ mọn

6110 穎 *DĨNH* dĩnh ngộ
DÁNH dánh lúa
DÍNH dính lại
NHẢNH nhí nhảnh

6111 積 *TÍCH* tích lại

6112 穊 CẤY đi cấy

6113 穚 NÀNH đậu nành

6114 穩 GIÊNG tháng giêng
RIÊNG riêng tây

6115 私 RIÊNG riêng tây

6116 穎 RỐT rốt cuộc

6117 窸 LỦNG lủng một chỗ

6118 窶 *KHU*
KHỤ già khụ

6119 築 *TRÚC* kiến trúc
TRỐC trốc gốc

6120 篙 *CAO*
GÀU gàu dai
SÀO sào chống đỏ

6121 簒 *SOÁN*
THOÁN thoán đoạt
CHOẢN choán chỗ

6122 篤 *ĐỐC*
DÓC dóc tóc
DỐC dốc lòng

6123 篩 *SƯ*
RÂY rây bột

6124 簧 *CÂU*
QUẢU cái quảu

6125 納 *NẠP*
NÓP tấm nóp

6126 篭 *LUNG* lung lay, lung tung
LỒNG cái lồng

6127  NÔI cái nôi

6128  THỜI cái thời

6129  *LẬT*
SẶT tre, sặt

6130  GIÀNH cái giành

6131  *SÔ*
SUA se sua

6132  *ÔNG*
ỐNG ống nứa

6133  GIÒ giò thủy tiên

6134  CÓT cót lúa

6135  CHÒM chòm cây

6136  SÁO bức sáo

6137  KÈN thổi kèn

6138  KÈN thổi kèn

6139  GHI ghi nhớ

6140  *ĐƯỜNG* đường cát

6141 NẾP gạo nếp

6142 TẺ gạo tẻ

6143 *HÀM*
HÈM bã hèm

6144 BÚN làm bún

6145 *OANH*
QUANH loanh quanh

6146 *ẢI* tự ải

6147  *SÔ* vải sô

6148  *NHỤC*
NHỌC mệt nhọc
NUỘC nuộc lạt

6149  *HUYỆN* huyện lỵ

6150 LƯỢT lượt là

6151 GAI dây gai

6152 *CỐT*
CỘT cột trói

6153 VẢI vải vóc

6154 *THAO* thao tơ

6155  THÙN thùn lại

6156  DẢI dải đất

6157  TAO tao vải

6158  TÓI lòi tói

6159  CHÉT một chét tay
CHÍT chít khăn

6160  *SAI*
RÂY rây bột

6161 DỆT dệt vải

6162  QUẠNG quờ quạng

6163  QUẤN quấn sợi

6164  NỐI nối tiếp

6165  MAY may áo

6166  NIỆT niệt trâu
NỊT nai nịt

6167 TRỪU thịt trừu (cừu)

6168  SỒ lông sồ (lông nõn)

6169 LÔNG lông gà

6170 GIÀ già cả

6171  GIÀ già cả

6172  *NÂU*
NAU nau rặn, làm nau
NÁU náu mình

6173  LẮNG lắng tai

6174  *BÀNH* tanh bành

6175  CẰM cái cằm

6176  CẰM cái cằm

6177  ĐÍT đít nồi

6178  TRÒN trôn bát

6179  *KHOÁI* khoan khoái
GỎI gỏi nem

6180  NEM nem chả

6181  *TỐN*
SOẠN thịnh soạn
SỤN xương sụn
RỐN giữa rốn

6182  SƯỜN xương sườn

6183  RỌI thịt ba rọi

6184  MỠ thịt mỡ

6185  SƯƠI thịt muối sươi

6186  *CỬ* cử người
CỠ cỡ lớn nhỏ
CỮ ở cữ

6187  *HƯNG* hưng thịnh
HĂNG hăng hái
HỬNG chưng hửng
HỨNG hứng thú

6188  CŨ chuyện cũ

6189  *QUÁN* quán hàng

6190  ĐÒ bến đò

6191  SÕNG chiếc sõng

6192  *PHIỀN*
PHỒN một phồn
PHEN phen này
PHIỀN phiên phiến

6193 *TIÊU* chuối tiêu

6194  *NHỊ* nhị hoa

6195  *HUỆ* hoa huệ

6196  *ĐĂNG*
ĐẮNG đắng cay

6197  TÙM um tùm

6198  *NHỊ* nhị hoa

6199  *ĐÃNG* phóng đãng
ĐẴNG đẳng đẳng
THỪNG lừng thừng

6200  *TOÁI*
TỎI củ tỏi

6201  *TRIỀU*
TRẦU lá trầu

6202  SẮN sắn, bìm

6203  NHƯỚT non nhướt

6204  SÚNG củ súng

6205  KHAY khay trầu

6206  NẦU chín nẫu

6207  DƯA ruộng dưa

6208  SẮNG rau sắng

6209  MUỐNG rau muống

6210 SUM sum suê
LÙM lùm cây

6211 RÊU rong rêu
RỀU củi rều
RIÊU canh riêu

6212 LÔ bô lô ba la
LỨ ngọt lứ lứ

6213  *HUỲNH* bóng huỳnh

6214  HÀU hàu hến

6215  *TẦN*
TRẦN con trần

6216  SAM con sam

6217  BỌ bọ hung

6218  SÒ ngao sò

6219 CHOI con choi choi

6220  RỒNG con rồng

6221  *ÔNG*
ONG con ong

6222 ẾCH con ếch

6223 *TRIẾT*
RẾT con rết

6224  RẬN con rận

6225  RÀY bọ rầy

6226  NHÚC lúc nhúc

6227  NỌC nọc độc, nòng nọc

6228 *VỆ*
VỀ vệ sĩ
đi về

6229  *HÀNH* quyền hành

6230  CHĂN chăn chiếu

6231  *KHỐ* đóng khố

6232  VIỀN đường viền

6233 ĐAI đai lưng

6234 *CẤU*
GẤU gấu áo

6235 
LÃM lịch lãm
LỎM nghe lỏm
LỠM mắc lỡm
LỞM lởm chởm
RỎM cỏm rỏm

6236 
THÂN thân thiết

6237 
DỤ hiểu dụ

6238 
ĐIỆP bức điệp

6239 
DU
HÙA vào hùa

6240 
HÀI hài lòng

6241 
GIÁN can gián

6242 
HÚY húy kỵ

6243 
AM am hiểu

6244 
PHÚNG trào phúng

6245
CHƯ chư vị
CHƠ chơ vơ
CHƯA chưa làm

6246
NGẠN ngạn ngữ

6247 
THẦM nói thầm
THÒM om thòm
XẦM xì xầm

6248 
NẶC nằng nặc

6249 
MƯU mưu trí

6250 
YẾT yết bảng

6251 
DỰ do dự

6252 
HANG hang hốc

6253 
MẢY mảy may

6254 
ĐỔ đổ bác

6255 
PHÚNG phúng viếng

6256 
GIẢ
ĐỎ đỏ lòm

6257
NHẮM nhắm mắt

6258
DẤY dấy lên
DẬY thức dậy

6259
DẤY dấy lên
DẬY thức dậy

6260 蹀 *ĐIỆP*
DÉP giày dép
NHỊP nhịp nhàng

6261 蹄 *ĐỀ* rau mã đề
ĐẾ đế đèn

6262 蹥 LỒM bò lồm cồm

6263 蹏 *BỨC*
BỰC một bực

6264 跱 GIẪY giẫy giụa

6265 蹅 GIÀY giày xéo

6266 跮 CHÂN chân tay
CHỪNG chừng chạc

6267 躇 *ĐỒ*
ĐỦ no đủ
TRỞ trở dậy

6268 躭 *CHẠM*
CHẬM đi chậm chậm
GIẪM giẫm bùn
GIẬM giậm chân

6269 跳 KHOÈO khoèo lấy

6270 蹷 *QUÍ*
QUẸO quẹo cỏ

6271 輸 *THÂU*, DU
THUA thua kém

6272 輸 xa + lâu
SAU trước sau

6273 旛 *PHAN*
PHƯỚN lá phướn

6274 辮 *BIỆN* biện bạch

6275 遵 *TUẦN* tuần theo

6276 遷 *THIÊN* thiên di

6277 選 *TUYỂN* tuyển mộ

6278 遺 *DI* di huấn

6279 遴 *LẬN* lận đận
LĂN lăn lóc
LẤN lấn tới

6280 遶 *NHIỄU*
NHÁO láo nháo

6281 渚 CHỞ chở thuyền

6282 潮 CHẦU vào chầu

6283 遙 DÌU dập dìu

6284  ĐO đo lường

6285  ĐO đo lường

6286  *TỈNH* tỉnh dậy

6287  GIẤM giấm chua

6288  *CỤC*
CUỐC cái cuốc

6289  *CỨ*
CƯA cái cưa
CỨA cắt cứa

6290  *CANG*
CƯƠNG
GANG gang sắt

6291  *QUẢ*
KHÓA khóa chặt

6292  *CHÙY*
DÙI dùi nhọn

6293  *ĐĨNH* đĩnh bạc

6294 *TIỀN* tiền bạc

6295 
CẨM cẩm tú
GẮM gửi gắm
GẤM gấm vóc
NGẪM ngẫm nghĩ

6296  *TÍCH*
THIẾC thùng thiếc
XÍCH xích chó

6297  *THÁC*
THỐ
THÓ đất thó
THỘ thộ chè
XÁC xao xác

6298  MỦN mủn ra, tủn mủn

6299  MAI cái mai

6300  HOẮT nhọn hoắt

6301  KIỀNG cái kiềng sắt

6302  CHIÊNG chiêng trống

6303  *CHẾ*
CHẾ chẻ ra

6304  *PHỈ*
PHAY dao phay

6305  *XƯỚNG*
XUỒNG cuốc xuồng

6306 HÁI cái hái

6307  *THƯƠNG*
THANH thanh gươm
XANH xanh chảo

6308  THÉP gang thép
THẾP thếp vàng

6309  *TRANH*
TRÀNH dao tranh

6310  QUAI quai xanh
QUAY con quay

6311  CỬA cửa ngõ

6312  CỬA cửa ngõ

6313  *QUẮC*
VẮC vúc vắc

6314  LỪ vàng lừ

6315  *TÙY* tùy ý

6316  *HIỂM* hiểm nghèo
HẺM ngõ hẻm
HIỂM hiểm hoi

6317  ĐẤT bán đất

6318  *HOẮC* thối hoắc
HOÁC toang hoác

6319  *PHI*
PHAY mưa lay phay

6320  *TRIÊM*
DÌM dìm xuống nước

6321  *NGHÊ*
NGHI nghi ngút

6322 *LÂM* lâm râm
LẤM mưa lấm tấm

6323 BÓNG bóng chiều

6324  NGHI nghi ngút

6325  *BÁI*
PHÁY mưa phay phảy

6326 TRÁN giữa trán

6327  HIA mang hia

6328  DÕN giầy dõn

6329  *ĐẦU* trên đầu

6330  *HAM*
HÀM hàm răng

6331 
ĐỜI
SỜI vải sồi
TỜI tời tàn

6332 
TẦN tần ngần
TẦN tần tiện

6333
MÀNG màng tang

6334 
NGỤP ngụp xuống

6335 
NỖI
NUÔI nuôi nấng

6336 
HANG hang hốc

6337 
DƯ dư dật

6338 
BỮA bữa ăn

6339 
HÃI kinh hãi
HÃY hãy làm

6340 
BIỀN
BỀN bền bỉ

6341 
HÀI hài cốt

6342 
SỐNG xương sống

6343 
CỢP tóc cờm cợp

6344 
RANH ranh con

6345 
CHẠO cá chạo

6346 
CHÌNH cá chình

6347 
BƯỚP cá bướp

6348
CHẺM cá chẻm

6349 
UYÊN uyên ương

6350 
CÙ
CÂU bồ câu
CU cu cườm
CÚ chim cú
GÙ gật gù

6351 
ƯƠNG uyên ương

6352 
CHIM chim chóc

6353 
CHI
KHƯỚU chim khướu

6354
BỊP chim bìm bịp

6355 
SẢ chim sa sả

6356 
SINH
SẢNH con sảnh

6357  SẺ chim sẻ

6358  *ĐIÊU*
SÁO chim sáo

6359  SÌ đen sì

6360  *MẶC* trầm mặc, (mặc là « để mà »)
MẮC mắc nạn

6361  *LONG* long đong
LỎNG lỏng lẻo
LUNG lung linh
LÚNG lúng túng
LUỒNG luồng gió

6362  RĂNG môi răng

17 nét

6363  LÊ kéo lê

6364  CHẶT chặt cây
XẮC bẳm xắc

6365 XÉ xé rách
XẺ xẻ thịt

6366  *LỆ* khích lệ

6367  TRỐNG trống mái

6368  *ÁP* áp xuống
ẾM ếm bùa

6369  NẰM nằm ngủ

6370  VẮN vắn dài

6371  *HÀO* hô hào
GÀO gào thét

6372 *NHU*
NHEO nheo nhéo

6373  *HAO*
HAU hau háu

6374  CHẠ chung chạ

6375 GIẠM giạm hỏi

6376  DỌA hăm dọa

6377  DỐI nói dối

6378 HÓT nịnh hót
THÓT thánh thót

6379  HỚN hớn hở

6380 KHÀO nói khào

6381  LÀNH hiền lành

6382  LÀNH hiền lành

6383  LẦM lầm bầm
BẶM bặm miệng

6384  MIN (min là *ta, tôi)*

6385  NGỜ nghi ngờ

6386 NGỚ ngớ ngẩn
NGỠ ngỡ ngàng

6387 PHỞ phở lở

6388  QUÁC kêu quang quác
TOÁC toác ra

6389 RỆU nhai rệu rệu

6390  RỦ nói rủ rỉ

6391  THÈ thè lưỡi

6392 *TRÙ* trù ẻo

6393  *VINH*
VANG vang lừng

6394  *YỂM*
ƯỚM ướm hỏi

6395 XAO xôn xao
XÀO xào xạc

6396  *BĨ*
VẦY vui vầy

6397  NGỐN ăn ngốn ngấu

6398  PHỀU nói phều phào

6399  XẮNG xắng bậy

6400 XỈN bủn xỉn

6401 XÔ xô xát

6402  XỒNG nói xồng xồng

6403  *HÁC*
HOÁC trống hoác

6404  *HÀO* đào hào

6405  GHÈ ghè nước

6406  CÀU cào bằn

6407  *LẨM*
LẤM lấm bùn

6408  *KHOÁNG*
QUẢNG quảng đường

6409  SƯỚNG sướng mạ

6410  NIÊU niêu nồi

6411  *ANH* anh hài

6412  LỢM mắc lợm

6413  MÁI gà mái

6414  CƯỚI cưới vợ

6415  *NHỤ*
NHỌ nhọ mặt
NHÚ nhú lên
NHỤA nhầy nhụa

6416  KHOANG quạ khoang

6417  OĂM oái oăm

6418  CHUỘNG yêu chuộng

6419  CHUỘNG yêu chuộng

6420  MỎNG mong mỏng

6421  VỞ sách vở

6422  LỞM lởm chởm

6423  SON mực son

6424  VÀ một và bông lau

6425  *MÔNG*
MÀN nằm màn
(MÙNG)

6426 GIÀU giàu nghèo

6427  MÀ (liên từ)

6428  MÉO méo mó

6429  CHÒI chòi canh

6430  *CẦN* ân cần

6431  *KHẨN* khẩn thiết
KHẮN khắn khắn ghi lòng
KHẤN khấn vái

6432  *ỨNG* ứng phó

6433  *YÊM*
ƯỚM ướm hỏi

6434  *XÁC* xơ xác

6435  *MÔNG*
MONG mong mỏi

6436  NHÀM nói nhàm tai

6437  TUỒNG ghen tuông

6438  *HÝ*
HÉ hé mở

6439  GỒM bao gồm

6440  *KÍCH*
GHẾCH ghếch lên

6441  KHIÊNG khiêng vác

6442  *SÁT* sát một bên
XÁT cọ xát
XỚT ngọt xớt

6443  *NGHĨ* suy nghĩ
NGHỈ nghỉ ngơi

6444  *CÁC*
GÁC gác chân

6445  *LÃM*
GIAM giam giữ

6446  *TRIỀN*
GIN giữ gìn

6447  XỒ to xồ

6448  GIŨ giũ bụi
RŨ rủ xuống

6449  *HẠNH*
HỈNH hỉnh mũi

6450  DỌN dọn nhà

6451  ĐỔI thay đổi

6452  CỮ ở cữ

6453  VANH cắt vanh

6454  BỚT bớt thuế

6455  CÙI cùi tay

6456  *LIỄM* quyên liễm
LIỆM
LÉM lém lỉnh
LẸM lẹm cằm

6457  DỊP nhân dịp

6458  *ÁI*
ÁY cỏ áy bóng tà

6459  LÁT một lát

6460 CỢM kệch cợm

6461  *MÔNG* mông lung
MỒNG mồng mười

6462 HÔM hôm qua

6463 NẮNG trời nắng

6464 NHOẠNG tối nhập nhoạng

6465 RÁO nắng ráo

6466  *ĐÀN* cây bạch đàn

6467  *HỊCH* truyền hịch

6468  RỢP im rợp

6469  *CỐI* cây cối
CỘI cội rễ
CỦI củi đun
CỤI cặm cụi
CUỐI cuối cùng

6470 *KIỂM*
GHÉM gói ghém

6471 *LẪM* lẫm thóc

6472  *HÀO*
CÀO bồ cào

6473  *CẤM* cái cấm
CỘM cộm lên
CỤM cụm hoa
KHÓM khóm lau

6474 CHÀY cái chày

6475 *DIỆM*
DOM trái dom

6476 DÓ cây dó
GIÛ giũ áo

6477 HÈO đánh một hèo

6478 LÁC bàu lác

6479 KHUÔN khuôn phép

6480 MÒ mồ hôi

6481 NÈU cây nêu

6482 *NÔNG*
NÒNG cái nòng

6483 ỚT tiêu, ớt

6484  RỌ rọ lợn

6485  *LÔI*
ROI quất roi
RUI rui mè

6486  SĂNG cái săng

6487  SẦU cây sầu đông

6488  VỆT vẹt sú
VỤT vụt một gậy

6489 VÒNG hoa vòng

6490  VỪNG cây vừng

6491  LIM gỗ lim

6492  *LIỆM* liệm người

6493  *CHIÊN*
CHEN chen nhau

6494  NGÒI ngòi bút

6495  HƠI hơi thở

6496  *THẤP* ẩm thấp

6497  MÔNG mênh mông

6498  *NHU*
NHÚA nhớp nhúa
NHỰA nhầy nhựa

6499  *ĐÀO* ba đào

6500 *LẠM* ăn lạm
GIẬM đánh giậm

6501 CHỬA có chửa

6502  *ĐỐI*
ĐUỐI chết đuối

6503  *LẠT* lạt lẽo
LẶT mưa lặt nhặt
LỢT lợt lạt

6504 LÕA lõa máu, lõa luề

6505 *LẪM*
LÕM lõm bõm

6506 NHẢY trơn nhẩy
NHỄ nhễ nhại

6507 RỀ khóc rề rề

6508  *THÍ*
TIA tia máu

6509  TRONG trong suốt

6510  *TÁO* táo bón
RÁO khô ráo

6511  *XÁN* xán lạn

6512 *CHÚC*
ĐUỐC bó đuốc

6513  LUỘC luộc chín

6514  HÀM hàm nước
HẦM hầm thịt

6515 KHÓI khói hương

6516  NẾN đèn nến

6517  NÓNG nóng nảy

6518  NUNG nung nấu
KHÓI khói lửa
NGÒI ngòi nổ

6519  SOI soi tỏ
SÔI nước sôi

6520  TRO đám tro tàn

6521  *XÍ*
XÉ cấu xé
XẾ xế tà

6522 VẶC sáng vằng vặc

6523  XÉT soi xét

6524 MÓNG móng chân

6525  MÓNG móng chân

6526  *TƯỜNG* vách tường

6527 MỎNG mỏng, dày

6528  *TƯỚC* chức tước

6529  NGHÉ con nghé

6530 ĐƯỜI đười ươi

6531  *HOẠCH* thu hoạch

6532  MUÔNG muông chim

6533 *HẠM* ăn như hạm
NHÍM con nhím

6534  SỐNG xương sống

6535  TRƯỚC trước sau

6536  *LIỆU* y liệu

6537  *LAO* bệnh lao

6538  GUÁ ghét guá

6539  KHOM khom lưng

6540  Ố hoen ố
ỦA úa, héo

6541  RẠN nứt rạn

6542  SỞN sởn gáy

6543  TÊ bệnh tê thấp

6544  VÀNG võ vàng

6545  BƯỚU cái bướu

6546  *TRỪNG* trừng mắt

6547  DỚN dớn dác

6548  *LIỆU*
LẸO mụt lẹo

6549  *ĐỒNG* đồng tử
TRÒNG tròng mắt

6550  *MA*
MÁY máy mắt

6551 NGOẢNH ngoảnh mặt

6552  *TOÁT*
TỐI tối tăm
TOÉT mắt toét

6553 TRƯNG sáng trưng
TRỪNG trừng mắt

6554 *KIỀU* kiều cách
KẺO kẻo mà
KẼO kẽo kẹt
KHÉO khéo léo

6555  VẮN vắn dài

6556 ĐẬN lận đận

6557 ĐỌI bát đọi

6558 QUÀNH cứng quành quạnh

6559  *ĐẠN* súng đạn
ĐẶN đều đặn

6560  *LÂN* lân tinh

6561  *HOÀNG* lưu hoàng

6562 SẠN hạt sạn

6563  VE ve dầu

6564  LỞ đất lở
LỠ lỡ làng

6565  LỞ đất lở
LỠ lỡ làng

6566 VỠ vỡ tan

6567  *THIỀN* cửa thiền
XÈNG xèng xèng

6568 *CAO*
CAU cây cau

6569  GẶT gặt hái

6570 ĐỨNG đứng ngồi

6571  CHƯA chưa đi

6572 CHỬA chửa đi

6573  *BỒNG* cỏ bồng
BONG bòng bong
PHỒNG phồng lên

6574 GIÁ giá sách
RÁ rá rổ

6575  KHẢI cái khải

6576  GIẦN giần sàng

6577  TỦ tủ sách

6578  LƯỢC lược chải đầu

6579 VÓ cất vó

6580  *PHẦN*
PHÂN phân trâu

6581 *TẨM*
TÁM gạo tám thơm
TẤM tấm cám

6582  LÉP lúa lép

6583  MẨN tấm mẩn

6584 MẨN tấm mẩn

6585 Ú bánh ú

6586  *TÚNG* phóng túng
TUNG tung hoành

6587 VẤN vấn tóc

6588 *LŨ*
LỤA lụa là

6589  KẸN lưới kẹn

6590 *TỔNG* tổng cộng
TỎNG tỏng ra

6591  *TÍCH* công tích

6592  *PHỒN* phồn hoa
PHIỀN phiền phức

6593  CHẮP chắp gai

6594  CHÀI thuyền chài

6595  DẮT dắt dẫn
DỨT dứt tình

6596  *TẬP*
DẬP dập vải

6597  CUỘN cuộn vải
GỌN một gọn sợi

6598  RÌA ngoài rìa

6599  *MỘ*
MẮC mắc cửi

6600  XÂU xâu kim

6601  QUẤN quấn quíu
QUẤN quấn lại

6602  RẮNG rùi rắng

6603  *XAM*
TÓM tóm lại
TÚM buộc túm

6604  THÒNG lòng thòng

6605  XỤNG lụng xụng

6606 CHÃO thừng chão

6607  XUYẾN xao xuyến

6608  *KHÁNH* khánh kiệt

6609  NIÊU cái niêu

6610  *DỰC* tả dực

6611  BẢY bảy, tám

6612  BÁNH bánh bao

6613  CẤY cày cấy

6614  *LIÊN*
LẺN lẻn vào
LÉN len lén
LIỀN liền làm
LIỄN đôi liễn

6615  *THÔNG* thông minh

6616  *THANH* thanh la
THINH làm thinh
THIÊNG thiêng liêng

6617  *TỦY* xương tủy
TỎE tỏe ra

6618  *ĐẢM* can đảm

6619  *NÙNG*
NỒNG mùi nồng
NỌNG cái nọng lợn

6620 Bầm . Lấm
BẦM tim bầm
VẠM vạm vỡ

6621  KHUỶU khuỷu tay

6622  LƯNG sau lưng

6623 NGẬY béo ngậy

6624  NHÂN nhân bánh

6625  RAU chôn rau cắt rốn

6626 *GIAN* gian nan

6627  *TÀO*
TÀU tàu bè

6628  TRẦY trầy thuyền

6629 *DỰ*
NHỰA nhựa cây

6630 *UẾ*
CÓI dệt cói

6631 *Ý*
É hạt é

6632 *KHƯƠNG*
GỪNG củ gừng

6633 RƠM rơm rạ

6634  *ÁI*
ẢI chồi ải

6635 TÚI túi áo

6636  CÀ quả cà

6637 VỪNG ruộng vừng

6638 CAY đắng cay

6639  CỤM cụm hoa

6640  CHỒI chồi cây

6641  DÓ cây dó

6642  *NÓNG*
NÙN nùn rơm

6643  VỪNG dầu vừng

6644  MÙNG rau mùng tơi

6645  *KHUY*
KHUÀY giải khuây
KHUYA khuya khoắt

6646  *LÀU*
SÀU sàu bọ

6647  *TRẬP*
CHẬP chập chờn

6648  TRĂN con trăn

6649  *QUẮC*
CUỐC con cuốc

6650  DỜI con dời

6651  ĐIU rắn liu điu

6652  NHỒI ốc nhồi

6653  *LIÊN*
LƯƠN con lươn

6654  CHẪU chẫu chàng

6655  RÓM sàu róm

6656  BỌ sàu bọ

6657  CÁY cua cáy

6658  SÙNG con sùng

6659  *CHIỆP*
ĐIỆP
TẬP
CHẤP chấp chới

6660  XƯỜI lười xười

6661  BÂU bâu áo

6662  *MẠN*
MẤN mũ mấn

6663  *MÊ* nói mê

6664  *CẦN* cần thận
KÍN kín đáo

6665  *HƯỚC* hài hước

6666  *BÁNG* phỉ báng
BANG

6667 謙 *KHIÊM* khiêm nhượng
KHOM lom khom
KHÒM khòm lưng

6668 講 *GIẢNG* giảng giải
NHÃNG xao nhãng

6669 謝 *TẠ* tạ ơn

6670 謠 *DAO* ca dao

6671 谿 *KHÊ* sơn khê

6672 謄 *THẶNG*
DẶNG dùng dằng

6673 趨 *XU* xu nịnh
SO so le
XÔ lô xô

6674 蹇 *KIỂN*
KIỂNG kiểng chân

6675 蹈 *ĐẠO*
DẠO đi dạo

6676 蹉 *SA*
THA bè tha

6677 蹶 CÒM bò lồm cồm

6678 蹴 CHÚC chen chúc

6679 蹭 GÓT gót chân

6680 蹤 XÔNG xông đất

6681 蹼 *ĐỒ*
GIÒ cặp giò

6682 蹌 LẢNG đi lảng chảng

6683 蹌 LỨNG đi lứng cứng

6684 蹂 NẬP tấp nập

6685 蹯 NHÚC nhúc nhắc

6686 蹤 TỌ tọ mọ

6687 蹤 THỦI thui thủi

6688 躇 XỬNG xửng vửng

6689 軰 *HẠT* quản hạt
HỢT hời hợt

6690 軰 SO so sánh

6691 避 *TỊ* tị nạn

6692 蓮 LEN len lỏi
LÈN đi lèn

6693 
MẠI
MỜI mời mọc

6694 
CHIÊN
CHEN chen chúc
CHÊNH chênh chếch

6695
HOÀN hoàn hồn

6696 
GIÓ gió mưa

6697 
XÚ
XẤU xấu xí
XỒ xồ ra
XŨ xũ tóc

6698 
GÂY gây ra

6699 
RƯỢU uống rượu

6700 
SAY say sưa

6701 
SƯA say sưa

6702 
LUYỆN luyện thép
RÈN rèn dao

6703 
CHÂM
CHỞM lởm chởm

6704 
CHUNG chung rượu

6705 
ĐỒ
CHÁ chá vàng, chá bạc

6706
TRÌ
CHÌ cục chì

6707 
KÈN thổi kèn
KIỀNG cái kiềng

6708 
NÚT nút áo

6709 
TĨN hũ tĩn

6710 
DU
THAU vàng thau

6711 
LAN
LÀN làn gió

6712 
ẨN ẩn dật
ỦNG đỏ ửng

6713 
TUY tuy vậy

6714 
SƯƠNG sương rơi

6715 
BÙNG bão bùng

6716 
MƯA mưa gió

6717 
NỒM gió nồm

6718  RỢP bóng rợp

6719 ŨM ũm thũm

6720  XẰNG xằng trời (trời tạnh)

6721  *CÚC* cúc cung tận tụy

6722  *KHỎA* khuây khỏa

6723 *QUÁN* quán trọ

6724  MỒI mồi câu cá

6725 NỒ bánh nồ

6726  CỖ làm cỗ

6727  SỎ sỏ lợn

6728  *TUẤN* tuấn mã

6729  *XÂM* XĂM xăm xăm

6730 *NGẠNH* ngạnh cá

6731  SỐNG xương sống

6732  XÁC xác chết, xơ xác

6733  *MẪN* BẦN bần thỉu BẤN bấn bíu

6734  XÙI lùi xùi

6735 *TIÊN* TƯƠI cá tươi

6736  CHẠCH con chạch

6737  *CHÍ* CHÁY cá cháy

6738 *DI* DÌA dìa cá

6739 GỎI ăn gỏi

6740  NGỜ ngờ nghệch

6741  HÚNG cá húng

6742 LIỆT cá liệt

6743 GIẾC cá giếc

6744 THU cá thu

6745 魚兆 TRÀU cá tràu

6746 鴻 *HỒNG* chim hồng

6747 鸞 *LOAN* loan phượng

6748 鳥衣 *NIỂU*
NẺO nẻo xa
NẾU nếu... thì

6749 鵆 CHIỆN chim chà chiện

6750 鶗 *ĐỀ*
RI gà ri

6751 鳥夷 RI gà ri

6752 鳥各 *LẠC*
KÉC chim kéc

6753 鳥吉 *DẠT*
KÉT chim két

6754 鶗 LIỄU chim liễu điểu

6755 鳥戎 *NHUNG*
NHÔNG chim nhông

6756 鳥礼 GIẺ chim giẻ cùi

6757 鵚 DIỆC chim diệc

6758 鶉 SẮC chim sắc

6759 鳥后 HẬU diều hâu

6760 鶏 SỐNG gà sống

6761 鳥戉 VẸT chim vẹt
VỊT con vịt

6762 黏 *NIÊM* niêm phong

6763 黜 *TRUẤT* truất chức
TRỤT trụt xuống
TRUỘT truột tay

6764 黠 *ĐIỂM* điểm binh
CHẤM chấm đem
CHÚM chúm chím
ĐÉM lém đém
ĐẾM đếm tiền
ĐÓM đóm lửa

6765 齋 *TRAI* trai phòng
CHAY ăn chay
TRƠI ma trơi

18 nét

6766 鎌 GÒM bao gòm

6767 盧力 LỬ mệt lử

6768  NHẦY nước đầy nhầy

6769  *LỖ*
RỦA chửi rủa
SỦA ó sủa

6770  *BÀN* bàn luận

6771  DẶN dặn bảo

6772  BỐC kêu bông bốc

Lẫm (H.V.)

6773  TRỘM trộm nghĩ rằng

Bá (H.V)

6774  BỰA bựa rằng

6775  GHE ghe phen
GHÊ ghê gớm

6776  GHẸO trêu ghẹo

6777 BÙNG lùng bùng

6778  GỚM ghê gớm

6779  GỪNG gạn gừng

6780  RỐI rối rãi
RỦI may rủi
TRỐI trối trăng
XỒI ăn xồi ở thì

6781  KHOĂN băn khoăn

6782  *CHẤT*
CHẮT chắt bóp
CHỢT chợt nhìn

6783  LẦN lần khân

6784  MÚT mút kẹo

6785  MUA mua bán

6786 MÚT mút kẹo

6787  NẮC nắc cụt
NỨC thơm sực nức

6788 NGAU nhai ngau ngáu

6789  NGOA chua ngoa

6790 NGỢI ngợi khen

6791  NHẢNH nhí nhảnh

6792  *HỐT*
NHÁO láo nháo
NHẠO nhạo báng

6793  NHẶNG làm nhặng lên

6794  PHÀN phàn nàn

6795  RẮNG rắm rắng

6796  RỀN rền vang

6797  SỊT sịt mũi

6798  *SỐ*
SỦA chó sủa

6799  THÁCH thách thức
THÍT im thin thít

6800  THÁNH thánh thót

6801  THỎM lòng thắc thỏm

6802  THỚT thơn thớt

6803  *TRÌ*
TRỀ trề môi

6804  TRÈU trêu cợt

6805  *LŨY* dinh lũy

6806  BÃI bãi cát

6807  GIÚP giúp đỡ

6808  ĐỰNG chứa đựng

6809  LỐI lối đi
SỎI đất sỏi

6810  VÙNG vùng đất

6811  MAY may mắn

6812  NGHÈO hiềm nghèo

6813  NGHÈO ngặt nghèo

6814  NHIỀU ít nhiều

6815 NHIỀU ít nhiều

6816  LỚN to lớn

6817 *THẦM*
THÍM chú thím

6818 SAU trước sau

6819 CHẮT cháu chắt

6820  RUỘNG ruộng nương

6821  TRỐNG trống trải

6822 HÈN hèn hạ

6823  ĐUÔI cái đuôi

6824  ĐÁY đáy bể

6825  *TRỪNG* trừng phạt

6826 CHĂM chăm chú

6827  CHÁN chán nản

6828 HÈN hèn hạ
HỜN căm hờn

6829  *LẠC*
NHÁC nhờn nhác

6830 BAY bay lượn

6831  DỖI giận dỗi

6832 CHẠNH chạnh lòng

6833  HÉ hé mở

6834  *TRỊCH*
TRẠNH cái trạnh

6835  *TẨU*
SÚ sú bột
XỎ xỏ xiên

6836  *NHIỄU* quấy nhiễu
NHẦU nhầu nát

6837  THOI cái thoi

6838 *SƯ*
LỰA lựa chọn

6839 CHỌI chống chọi
RỒI rắn rồi
TRỘI trội lên

6840  BÒNG đèo bòng
BỒNG bồng bế

6841  CHẶT chặt cây
DẮT dắt dẫn

6842  LĂN lăn lóc

6843  *MIỆT*
MÓT

6844  *LỖ*
NHỒ nhổ mạ
TRỎ chỉ trỏ
TRỖ lúa trỗ
TRỒ chạm trổ

6845  *XÁM*
SẮM sắm sanh

6846  MẮC mắc áo

6847  MÚA múa may
VỖ vỗ bụng

6848  XỈA xỉa răng
XỞI xởi đất, xởi lởi

6849  XỐP xốp xáp

6850  *ĐOẠN* nói đoạn...
ĐOÁN đoán chừng

6851  *PHIÊN*
PHƯỚN cờ phướn

6852  XÔM -xôm trai

6853  LÁT một lát

6854  MỐNG trời đóng mống (cầu vồng)

6855  *LẠP*
CHẠP tháng chạp
CHỢP bắt chợp
LÉP lúa lép

6856  *QUĨ*
CŨI cũi chó

6857  *ĐẮNG* cay đắng

6858  *TRẠC* ki trạc

6859  *ĐỐI*
DUỐI cây duối

6860  GÁC nhà gác

6861  GIẬU rào giậu

6862  GIỒI gỗ giồi

6863  *MÔNG*
MÔM môm cày
MUỒNG cày muồng

6864 MỘNG mọc mộng, mộng cửa

6865 NGÁI cây ngái

6866  CHŨM chũm cau

6867  RỦM rủm ra

6868  SẠP sạp thuyền
XỐP xốp xáp

6869  CĂN cằn cỗi

6870  CUỐI cuối cùng

6871  RÁCH rách rưới

6872  *DƯ*
RU như thế ru ?

6873  *TẤN*
THẤN
TẦN tần tiện

6874  *TẢ* đi tả
DÃ dã dề
TÃ tầm tã

6875  *THẨM*
THẨM thẩm thẩm
THẪM đỏ thẫm
THẤM thấm nước
THỎM thấp thỏm
THỦM ủm thủm

6876  VŨNG một vũng
VŨNG vũng nước

6877  NHỎ nhỏ giọt

6878  LUỘC luộc chín

6879  DẤN dấn vào

6880  DẦM dầm dề

6881  GIỢT giợt giạt

6882  MÒ mò mẫm

6883  MỪNG mừng cối xay

6884  *LẠC*
NHỢT nhợt nhạt

6885  PHÚN mưa lún phún
PHÙN mưa phùn

6886  *LỖ*
NHỎ nhỏ giọt

6887  SUỐI giòng suối

6888  *TẪN*
TẦN nấu tần
TẦN tần mần

6889  CHANG nắng chang chang

6890  *HUÂN*
HUN hun khói

6891  *LẠM*
RÁM cháy rám

6892  *LẠP*
DỘP dộp ra

6893  RỠ rỡ ràng

6894  MỎNG mỏng manh

6895  MÓNG móng tay

6896  *LIỆP*
LỐP lúa lốp
LỘP trắng lộp

6897  NHẤT chuột nhắt

6898  NHÍM con nhím

6899  SÓI chó sói

6900  NANH nanh vuốt

6901  *BÍCH* ngọc bích

6902  *BỊCH*
BỊCH bỏ bịch

6903  *ÚNG*
ỐNG ống tre

6904  MUỐNG cái muống

6905  NGÓI nhà ngói

6906  ĐỀN đền đài

6907  GẦY gầy mòn

6908  *HỘI*
HỦI bệnh hủi

6909  HỦI bệnh hủi

6910  ỐM ốm yếu

6911  RÈM rèm mình

6912  TOI chết toi

6913  ỦNG đi ủng

6914  *CHIÊM* chiêm bao

6915  COI coi, ngó

6916  GẮM gửi gắm
NGẮM ngắm nghía
QUẮM mặt quắm lại

6917  HIM mắt lim him

6918 *KIỂM*
LIM lim dim

6919  LIM lim dìm
LƯỜM lườm mắt

6920  LÁC mắt lác
LIẾC liếc mắt

6921  SOI soi tỏ

6922  DÒM dòm ngó

6923  MỀM mềm mại

6924  *SỞ*
SỜ sờ sờ ra

6925  CỐI cối giã gạo

6926  NẶNG nặng nề
NÉN nén bạc

6927  *LỐI*
SỎI sỏi đá

6928  *LỄ* đi lễ
LẠY lạy van
LẪY lẫy lừng
LẢY run lẩy bẩy
LẺ lẻ loi
LỀ lề gai
RẨY run rẩy

6929  *UẾ* ô uế

6930  THÓC kho thóc

6931  TRỒNG trồng trọt

6932  *KHIẾU* có khiếu
KHỊU khâu khịu
QUÉO quéo lại

6933  XÓ ma xó

6934  *GIẢN* giản đơn
DẲNG dai dẳng
DỚN dớn dác
GIỠN đùa giỡn
NHỞN nhởn nhơ

6935  *ĐĂNG* đăng đó

6936  *TRÂM* cài trâm
TRÁM trái trám
TRẮM cá trắm

6937  *TIÊU* ống tiêu

6938  CẦN cần câu

6939  CHÒI che chòi

6940  CHIẾU chăn chiếu

6941  *LIÊU*
LỀU lều chõng

6942  *PHIÊN*
PHÊN phên vách

6943  GÀU gàu dai

6944  MUI mui thuyền

6945  *ĐÓ*
GIÓ gió ra

6946  LAU lau lách

6947  *TIÊU*
SÁO ống sáo, bức sáo

6948  THÚNG thúng mủng

6949  VÒI măng vòi

6950  *LƯƠNG* lương thực

6951  KẸO bánh kẹo

6952  HẦM cơm hầm

6953  *BỐC*
BỌC bao bọc
BUỘC trói buộc
VÓC vải vóc

6954  *LIỄU*
LEO trèo leo
LÈO dây lèo

6955  *NHIỄU* khăn nhiễu
DÍU dắt díu
THÊU thêu thùa

6956  ĐỎI dây đỏi
ĐŨI áo đũi

6957  ĐÙM đùm bọc

6958  MÀNH thuyền mành

6959 TÓI lòi tói
TÚI túi thuốc
TRÓI trói buộc

6960 ĐẸP đẹp đẽ

6961  *TẠNG* tạng phủ

6962  *MÔNG* cái mông
MÓNG móng tay

6963 LOM lom khom
LỌM lọm cọm

6964  MẬT mật gấu

6965  *NINH*
NÍNH núng na
núng nính

6966  SEO seo da

6967  *ĐỒNG*
XUỒNG chiếc xuồng

6968  MÀNH thuyền mành

6969  SÕNG sõng nan

6970  XƯỞNG bát xưởng

6971  NGẮN ngắn dài

6972  *CỰU* kì cựu

6973  DÀY dày mỏng

6974  DÀY dày mỏng

6975 *TẠ*
CHẠ chung chạ
TÃ rách tã

6976  *LAM* xanh lam
CHÀM áo chàm
RÔM rôm rả
RƯỜM rườm rà

6977  *TÀNG* tàng trữ

6978  *TÁT* bồ tát

6979  ĐẦY tràn đầy

6980  TRẤU trấu lép

6981  GIỐNG lúa giống

6982  *NHU*
NHO rượu nho

6983  RÚ rừng rú

6984  SÚNG củ súng

6985  TRÁI trái cây

6986  LÔ lô nhô

6987  *MĂNG* măng xà

6988  *TRÙNG* côn trùng
SÙNG con sùng

6989  BƯỚM bươm bướm

6990 SÂU sâu bọ

6991 蠧 ĐUỐNG con đuống
GIUN con giun

6992 蠟 *LIÊU*
LIU rắn liu điu

6993 蠷 *NHIÊU*
NGHÊU nghêu, hến

6994 蠵 QUÍT con cánh quít

6995 蠶 *TẰM*
TẰM tơ tằm

6996 蠻 VE ve sầu

6997 襮 *BỐC*
BỌC bao bọc

6998 補 BỎ bỏ quèn

6999 裮 CHÉO chéo khăn

7000 襢 *THIỆN*
ĐỆM đệm lót

7001 裫 TOÀNG rách toàng

7002 襏 *TOÁT*
TÚI túi áo

7003 謀 *MÔ* mưu mô
MO thầy mo
MUA mua bán

7004 謫 *TRÍCH* đất trích

7005 謹 *CẨN* cẩn xà cừ

7006 謾 *MẠN*
MAN lan man

7007 謨 MƠ nói mơ

7008 謯 RƯỚN rướn lên

7009 豐 *PHONG* phong phú

7010 豕倚 Ỷ lợn ỷ

7011 貗 BEO hùm beo

7012 賮 TẬU mua tậu

7013 貑 TRÒN tròn trịa

7014 蹤 *TUNG* chạy tung tăng

7015 蹡 CHỤP ngã chụp
SỤP sụp lạy

7016 蹤 SỪNG đứng sừng

7017  *BẶC* BẬC bậc thang

7018  BÒ bò lết

7019  CHÂN chân cẳng

7020 CHÓNG mau chóng

7021 CHUI chui luồn

7022 DẠO dạo chơi

7023 DẰNG dùng dằng
DỪNG dừng ngựa

7024 DỜI đổi đời

7025  ĐẼO lẽo đẽo

7026  ĐÙI bắp đùi

7027  HỒM ngồi chồm hổm

7028  LẢNG lảng tránh
LỮNG lững thững

7029 LEN len lỏi

7030  LỆP đi lệp xệp

7031 MỌP qui mọp xuống

7032  NHÓN nhót gót

7033  SỪNG đứng sững

7034  TẮT đường tắt

7035 TẾ tế ngựa

7036 TỚI tới nơi

7037 THEO đi theo

7038  THÕNG buông thõng chân

7039  *TÚC*
TỐC tốc thẳng vào

7040  *TÍCH* vết tích

7041  SẠO sục sạo

7042  *KHU*
XO ốm xo

7043 *CHUYỂN* chuyển vận

7044  NGÁO ngỗ ngáo

7045  TRƯỚC trước sau

7046 TRƯỚC trước sau

7047  NHỦ nhẫn nhủ

7048  ĐUỔI đuổi theo
GIUN giun giủi

7049  GIẤU giấu diếm

7050 *Y* nan y

7051  *TƯƠNG* tương đậu

7052  MẶN mặn chát

7053  *LY* một ly một tí

7054  DẶM muốn dặm

7055  *BÀNG*
BÀNG
PHẠNG cái phạng

7056  *TỎA*
CHÕA chập chõa
KHÓA khóa cửa

7057  *SANG*
THƯƠNG cây thương

7058 *CHÙY*
DÙI đùi đục

7059  *TRẤN* trấn tỉnh
CHẮN chín chắn
CHẬN chận xuống
DẤN dấn vào
SÁN sán lại
SẤN sấn đến
TRỚN quá trớn

7060 *DẬT*
DÁT dát mỏng

7061  LON lon thiếc

7062 MẠ mạ vàng

7063 NẮP nắp đậy

7064 GƯƠM thanh gươm

7065  HÁI liềm, hái

7066  CHŨM chũm choẹ

7067  SẮT sắt thép

7068  *SÂM*
SẤN sấn vào

7069  *TẠP* gỗ tạp
XẠP xạp xạp

7070  *VỤ*
MÙ trời mù

7071 BÓNG bóng mát

7072  GUỐT guốt máy

7073  MÂY mây gió

7074  NẤP ẩn nấp

7075  NHÚ nhú lên

7076  SẾT sấm sét

7077  TẠNH tạnh ráo

7078  XỐI xối nước

7079 *THU*
ĐU đánh đu

7080 GIÀY giày dép

7081  *TAI* tai mắt

7082 *NGẠCH* ngạch cửa
NGHỆCH ngờ nghệch

7083  *NHAN* nhan sắc

7084  *LOẠI* chủng loại
LOÀI loài người

7085  *NGUNG*
NGÒNG ngòng cổi xay
NGÓNG ngóng đợi
NGỌNG nói ngọng
NGÙNG ngại ngùng

7086  MỒI mồi câu

7087  NGÁN ngán nỗi

7088  ƯỞI mùi ưởi ưởi

7089  *PHỨC* thơm phức

7090  ÓC óc tủy

7091 *KỲ* kỳ biuh
CƯỠI cưỡi ngựa

7092  *CHUY*
CHOAI lợn choai

7093  *BỄ*
VỄ bắp vế

7094  XƯƠNG xương cốt

7095  XƯƠNG xương cốt

7096 CHÓT cao chót vót
TỐT tốt đẹp

7097  QUĂN tóc quăn

7098 RÂU râu ria

7099 *HUÝCH* huých nhau

7100 QUẺ quẻ bói

7101  *DƯ*
DƯA cá dưa

7102  *CHIẾT*
GIẾC cá giếc

7103  GIẾC cá giếc

7104  *LƯƠNG*
LƯƠN con lươn

7105  MĂNG cá măng

7106  NÂU cá nâu

7107  *ẤP*
ỐP cá ốp

7108  *TIÊU*
SẠO cá sạo

7109  HE tôm he

7110  VẢY vảy cá

7111  *NGA* thiên nga
NGỖNG ngan ngỗng

7112  *VŨ* chim anh vũ
VỌ cú vọ

7113  CỐC chim cốc

7114  CỐC chim cốc

7115  SÁO chim sáo

7116 MUỐI muối dưa

7117  TRẠNH con trạnh

19 nét

7118 TRỘM kẻ trộm

7119  *SÀM*
SỜM sờm sỡ
XÀM nói xàm xàm

7120  *LUNG* lạnh lùng
LÙNG

7121  *HƯỞNG* hưởng ứng

7122  *LỊCH* rúc rích
RÍCH

7123 ĐẮNG đắng cay

7124  LOM lom khom

7125  *LƠ* lơ láo
LƠ đánh lừa
LỪA

7126 THÈO làm thèo lẻo

7127 HẮNG đằng hắng

7128  NGẪM ngẫm nghĩ

7129  NHẾU khóc nhếu nháo

7130  NHÔ nhô lên

7131  OÁC kêu oang oác

7132  PHẮC im phăng phắc

7133  RĂN khuyên răn

7134  LÓC khóc lóc

7135  RÚC rúc rích

7136  RỒM cồm rồm

7137  XẠC xào xạc

7138  NÔN nôn nao

7139 *HOẠI* hủy hoại
HOAI phân hoai
HOẢI bải hoải

7140  *LŨNG* thung lũng

7141  ẤM ấm nước

7142  CHỖ chỗ xôi
LỖ lỗ hổng

7143  DỐC dốc cao
ĐỨC rèn đúc

7144 GẠCH gạch ngói

7145 RÃNH rãnh nước

7146  SÂN trước sân

7147  LẤM lấm lem

7148  NHỌN sừng nhọn

7149  VẼ tranh vẽ
VẺ vẻ mặt

7150  DỐC dốc cao

7151 ĐỒI đồi cao

7152  LỞM lởm chởm

7153  *SŨNG* sủng ái
SŨNG sũng nước

7154  ĐẺ sinh đẻ

7155  *MI*
MỊ mộng mị

7156  KHÓ khó khăn

7157  *TRỪNG* trừng phạt
CHỪNG chừng như

7158  *HOÀI* quan hoài

7159  *CỦ*
GỞ quái gở

7160  *LỊ*
LO lo lắng

7161  *LẠN*
LỜN sinh lờn

7162  LUNG nhớ lung lắm

7163  *LONG* long đong
RUỒNG ruồng bỏ

7164  CHÙI chùi sạch

7165 GÀI gài cửa

7166  *CỮ*
GỠ gỡ gạc

7167  KHOÁC khoác áo

7168 MẮC mắc bẫy

7169  *LỊCH*
RẠCH rạch ròi
RỊCH rục rịch

7170  *LƯ*
RỜ rờ rẫm

7171  RUN run rẩy
RUNG rung động

7172  HỨNG hứng lấy

7173 曠 *KHOÁNG* khoáng đạt
KHOẢNG khoảng không

7174 曦 MỐT mai mốt

7175 曦 GIỖ ngày giỗ

7176 欐 BẪY mắc bẫy
BƯỞI cây bưởi
VẢI quả vải

7177 欈 *KHÒA*
LÒI lõi cây
RỤI tàn rụi
SÓI hoà sói

7178 欈 SẾN gỗ sến

7179 欐 *MIỆT*
MÍT kín mít, cây mít

7180 欐 MỰC cây mực

7181 欈 TRẦU ăn trầu

7182 欈 BÒNG đèo bòng

7183 瀘 *LÔ* sông lô xô
LŨ nước lũ

7184 瀝 *LỊCH*
LẠCH lạch sông
RẠCH kênh rạch
SẠCH sạch sẽ

7185 瀌 BỀU lều bều

7186 瀧 LEO trong leo lẻo

7187 瀦 DƠ dơ bẩn

7188 瀦 Ứ ứ đọng

7189 瀦 MƯƠNG mương nước

7190 瀦 NỒI trôi nồi

7191 瀕 RÃNH rãnh nước

7192 瀧 RỐNG rống nước

7193 爨 LOÈ lập loè

7194 爨 LỌI chói lọi

7195 爨 MÒ mò hóng

7196 爨 *KHOÁNG*
QUÁNG quáng đèn

7197 爨 RÕ rõ ràng
SỖ sỗ sàng

7198  XÀO xào nấu

7199  *THÚ* thú vật

7200  *THÁT*
RÁI con rái

7201  *TỶ* ngọc tỷ

7202  *QUỲNH* quỳnh dao
QUẠNH cô quạnh
QUẦNG quầng mắt
QUỲNH linh quỳnh

7203  *CƯƠNG* biên cương

7204  SIÊNG siêng năng

7205  RỘC ruộng rộc

7206  RỘNG rộng rãi
RUỘNG ruộng nương

7207  *SI* ngu si
NGÂY ngây dại

7208  *LẠT* lạt lẽo
NHÁT nhát dao

7209 ĐUỐI chết đuối

7210 MỆT mệt mỏi
MIỆT miệt mài

7211  NGỨA ngứa ngáy

7212  MỞN mơn mởn

7213  NGƯƠI nhà ngươi

7214  NHÊNH trắng nhệnh

7215  XÉT soi xét

7216  TRỘM nhìn trộm

7217  *MÔNG*
MONG trông mong
MỖNG thẳng mỗng

7218  NHÓ nhăn nhó

7219  NHO nhăn nhó

7220  VỦI vấn vủi

7221  *NGẠI* e ngại
NGÁI ngái ngủ

7222  OẺ nặng oẻ cổ

7223  MẺ sứt mẻ

7224  TOI chết toi

7225  LẮM lắm gạo

7226  CÒNG lưng còng

7227  *ỒN* ồn định
ỎN ỏn ẻn
ÓN ón gạo
ỦN ủn ỉn

7228 *HOẠCH* thu hoạch

7229  *LIÊM*
RÈM rèm cửa

7230  GIẬU rào giậu

7231  NONG nong nia

7232  RỌ rọ lợn

7233  NÓN nón lá

7234  TƠI áo tơi

7235  RÂY rây bột

7236  TRẢY tre trảy

7237  CÁM tấm cám

7238  CỐM cốm nếp

7239  GẠO vo gạo

7240  HÈM hèm rượu

7241  XẢY gạo lứt xảy

7242 *THẲNG* xích thẳng
THỪNG dây thừng

7243  *HỘI*
CỞI cởi dây
GÓI gói chặt

7244  *KIỂN*
KÉN kén nhộng

7245 *CHƯỚC*
KIỀU
NHÀO nhào lộn
NHÀU nhàu nát

7246  *DỊCH*
GỊT gịt mũi

7247 *CƯƠNG* cương ngựa

7248 *TOẠI*
CHOẠI dây choại

7249  *GIẢI* giải đồng (ĐTTT)
DẢI dải lụa

7250  GẤU gấu áo

7251  GIẤY giấy mực

7252  LỤA lụa là
RO co ro

7253  TÚI túi vải

7254  *CHỨC* chức nữ

7255 TÚI túi vải

7256  THAO lụa thao

7257  DỢ dây dợ

7258  VỢT vợt cá

7259  *LA* thiên la địa võng
LÀ đó là... lụa là

7260  *CHIÊN* con chiên
CHEN chen chúc
XIÊN xiên xẹo

7261  *CANH* nấu canh

7262  RƯỜM rườm rà

7263  CỐI già cỗi

7264  *DIỄM* kiều diễm
DIỆM

7265  *CHỨC* chức phận
CHẮC chắc chắn
GIẮC giấc ngủ
XẮC xắc xói

7266  ĐIẾC điếc tai

7267  NÓC nóc nhà

7268  NÓC nóc nhà

7269 MÁ gò má

7270  NÁCH dưới nách

7271  PHỊCH béo phục phịch

7272 *NGHĨ*
GHÉ thuyền ghé bến
NGHI nghi ngút

7273 *NGẪU*
NGÓ ngó sen

7274  *NGHỆ* tài nghệ
NGHỀ nghề nông

7275 藤 *ĐẰNG* cát đằng

7276 藥 *DƯỢC* dược liệu

7277 藪 *TẨU*
SÁC rừng sác

7278 藘 GIỀN rau giền

7279 薑 GỪNG củ gừng

7280 薗 KHÓ khó khăn

7281 蓆 LỐP lúa lốp

7282 薟 GHÉM rau ghém

7283 蓊 LỦI rau lủi

7284 蔓 NGỒ rau ngổ

7285 蒽 UÁ lá uá

7286 薕 RƯỜM rườm rà

7287 蠏 *GIẢI* con giải

7288 蛿 *DĂNG*
GIẰNG giằng co
NHẶNG ruồi nhặng
THẰN thằn lằn

7289 蟷 *ĐƯƠNG*
ĐUỒNG con đuông

7290 蠐 LẰN con thằn lằn

7291 蠬 NÔNG nông nọc

7292 蠪 RÙA con rùa
SÒ con sò

7293 蠥 RIỆN kiến riện

7294 蠪 RÙA con rùa

7295 蠉 VÉT con vét

7296 襜 *CHIÊM*
XIÊM áo xiêm
CHÊM chêm vào

7297 襬 DẢI dải là

7298 襘 *HỘI*
CỐI già cỗi
CỞI cởi áo
GÓI khăn gói
GỐI gối chăn

7299 襝 RÈM buông rèm

7300 覭 NHỚN nhớn nhác

7301  CHỌI chọi nhau

7302  *CHỨNG* chứng cớ
CHỪNG chừng chạc

7303  *QUYỆT* quỷ quyệt

7304  *PHẢ* gia phả
PHỔ

7305  *TIẾM* tiếm quyền
TRẤM

7306 *TẶNG* tặng vật

7307  CHỨA chất chứa

7308  ĐỎ đỏ chói

7309  TRỐN trốn tránh

7310  *QUỆ* kiệt quệ
QUYẾT
QUỀ què chân

7311  CHOẠNG loạng choạng

7312  TRÈO leo trèo

7313  *TUYỂN*
DÓN dón bước
RÓN rón rén

7314  ĐỨNG đứng dậy

7315  ĐỜI theo đòi

7316 ĐUA đua nhau
VÕ hổ võ

7317  LẤY lấy đi lấy lại

7318  LEO leo dây

7319 LÒN chui lòn

7320  RÓN rón rén

7321  SỤM già sụm

7322 VỤT vụt chạy

7323  MẤY mình mẩy

7324  *KIỆU* đi kiệu

7325 *TỪ* từ chương

7326  *BIÊN* biên thùy
BEN lang ben
BÊN bên kia
VEN ven sông

7327 NHẺO nhỏng nhẻo

7328  BÃO bão táp

7329  THÓI thói quen

7330 
SẠN
SÁN sán đến
XẺNG cái xẻng

7331 
KÍNH đeo kính
KẺNG đánh kẻng

7332  CUỐC cuốc, cày

7333 
TRẤN trấn thủ
CHỚN chớn nước
TRỚN mơn trớn

7334 
PHIÊU
TIU tiu bạt

7335  DÙI cái dui nhọn

7336  GIÁO gươm giáo

7337 
MẠC
MẮC thanh mác

7338  MÀM mâm thau

7339  *QUAN* quan ải

7340 
LŨNG thung lũng
LỦNG lủng củng
LUỐNG luống cày

7341  THẤP thấp cao

7342 
NAN nguy nan
NẠN tai nạn
NÀN nghèo nàn
NẢN nản lòng
NẦN nợ nần

7343 
LY biệt ly
LE so le
LÈ lè lưỡi
LÌ phẳng lì
LÌA lìa bỏ

7344  SỐNG gà sống

7345 
CHÓP chóp cây
CHỚP sấm chớp

7346  BÙNG bão bùng

7347 
DẦM
DẦM mưa dầm

7348  GIÁ giá rét

7349  MỜ mờ mịt

7350  RÁNG ráng chiều

7351  SẦM sầm tối

7352  SỒI lông sồi

7353  *KHÊ*
HIA mang hia

7354  *THAO* thao lược

7355  *VẬN*
VẦN vận điệu
vần thơ

7356 *NGUYỆN* ước nguyện
NGUYỀN thề nguyền

7357  *ĐIÊN* đảo điên
ĐEN đen trắng

7358  GIÔNG giông tố

7359  THÓI thói quen

7360 TỐ giông tố

7361  NUÔI nuôi nấng

7362  QUĂN tóc quăn

7363  XỒM râu xồm

7364  *KÌNH*
KỀNH cá kình
lăn kềnh

7365  BỐNG cá bống

7366  CHUỐI cá chuối

7367  *NGHÊ* kình nghê

7368 GHÍM cá ghím

7369  *LỤC*
LÓC cá lóc

7370 MÒI cá mòi

7371  CHÌNH con chình

7372  QUẢN con quản

7373 NHÁM cá nhám

7374 RÓI tươi roi rói

7375  *KHÓA*
QUẢ cá quả

7376  SỨA con sứa

7377 THIA cá thia thia

7378  *TRI*
TRÊ cá trê

7379 鯷 TRÊ cá trê

7380 魆 *HỨC* VƯỢC cá vược

7381 鵬 *BẰNG* chim bằng

7382 鴉 *NHA* ÁC bóng ác

7383 鵰 *ĐIÊU* chim điêu

7384 鵲 *THƯỚC* ô thước

7385 鷺 CÒ chim cò

7386 鴰 CÒ chim cò

7387 鳷 CÒ chim cò GÔ gà gô

7388 鳽 GIẺ chim giẻ

7389 麑 *NGHÊ* con nghê

7390 麒 *KỲ* kỳ lân

7391 麗 *LỆ* mĩ lệ RẠY cá rạy rạy

7392 鼻 SẸO vết sẹo

7393 齶 RĂNG mọc răng

20 nét

7394 仰 語 NGỬA ngửa mặt

7395 巨 鰷 TO to lớn

7396 勸 *KHUYẾN* khuyến khích KHUYÊN khuyên bảo

7397 嚴 *NGHIÊM* nghiêm nghị NGÀM ngàm khớp

7398 嚶 *ANH* INH inh ỏi

7399 嚷 *NHƯƠNG* *NHƯỢNG* NHẰNG nhi nhằng

7400 嚚 KHẮN khắn vái

7401 嚴 謙 KHEM kiêng khem

7402 嚥 次 LIẾM liếm mép

7403 嚨 從 耳 THỦNG thủng thỉnh

7404 嚧 LÚM má lúm đồng tiền

LỦM bốc lủm

7405  RAN sấm ran

7406 RÈN kêu rèn rẹt

7407  ỰC nuốt ực

7408  *NHƯỠNG* thổ nhưỡng

7409  GHỀ gò ghề

7410  CHUM chum vại

7411  *BẢO* bảo kiếm
BÁU quí báu

7412  CŨ cũ càng

7413  CŨ cũ càng

7414  CUỐI cuối cùng

7415  NGÔI ngôi vua

7416  NGỒI rốn ngồi

7417 TRÁI trái cây

7418  TUỔI tuổi tác

7419  *SÁM* sám hối
SẠM sạm mặt
SẮM sắm sửa

7420  *LAN*
DAN dan díu
DÀN dàn ra
DANG dang tay

7421  *NHƯƠNG*
NHƯỠNG
NHƯỜNG nhường nhịn
NHƯỚNG nhướng mắt

7422  *SÀM*
SỌM già sọm

7423 CHẸN chẹn đường
DÀNG dễ dàng
GÌN gìn giữ

7424  ÉP ép buộc

7425  GIẾT giết chóc

7426  KÉO kéo co

7427  LƯỢM lượm lặt

7428  TUỐN tuốn đến

7429  XÉ xé rách

7430  SƯƠNG sương, gánh

7431  TÓM tóm tắt

7432  GỞ quái gở

7433  CHẾCH chếch lệch

7434  TRỐNG chiêng trống

7435  TRƯA sớm, trưa

7436
LƯ
LƠ lơ mơ
TRƯA sớm trưa

7437 
LUNG
TRÒNG trồng cây
LỒNG đèn lồng, lồng lộng

7438  DÙI dùi trống

7439  NHÃN cây nhãn

7440  SÒI cây sòi

7441  LÔNG lông chim

7442 
LAN
LÀN làn sóng

7443 TRỘM kẻ trộm

7444 
PHẦN
BẦN dơ bẩn

7445 
LONG
SÔNG nước sông

7446 TƯƠM tươm mỡ ra

7447
LÔ
LÒ lò lửa
LƯ lư hương
TRO tro bụi

7448 
LÃM
LỐM lốm đốm

7449  HỪNG hừng hực

7450 
ĐÚC rèn đúc
ĐUỐC bó đuốc

7451  LỐM lốm đốm

7452 NUNG nung gạch

7453 NẤU nấu nướng

7454 *HY* hy sinh

7455  *HIẾN* hiến thân

7456  *LIỆP* liệp si

7457  TRƯỚC trước đèn

7458  BỞI bởi vậy

7459  MỆT mệt mỏi
MIỆT miệt mài

7460  *LỖI*
LUỖI mệt luỗi

7461  RỖ mặt rỗ

7462  XẢI xơ xải

7463  PHẾCH trắng phếch

7464  MO mặt mo

7465  *QUẮC* quắc thước

7466  CHĂM chăm chú

7467  *MIỆT*
MỊT mờ mịt

7468  LÉN lén lút

7469  LỐ lố bịch
TRỐ nhìn trô trố

7470  *KHOÁNG* khoáng sản

7471  *PHÀN*
PHÈN đường phèn

7472 GẠCH gạch ngói

7473 QUÁNH khô quánh

7474  RỦI rủi ro
SỎI đất sỏi

7475  TÒI tìm tòi

7476 RÈ rụt rè

7477  *ĐẢO* cầu đảo

1478 LÚA cấy lúa

7479  MẠ lúa mạ

7480  *TÁO* ông táo

7'81  *CẠNH* cạnh tranh
GANH ganh đua

7482 LÔI
CHỐI chổi dậy

7483  *LAM*
XỜM bờm xờm
XỚM xẳng xớm

7484  LÔNG lông chim

7485 MUNG mung xung

7486  MỦNG thúng mủng

7487  GHI ghi nhớ
GÂY gây dựng

7488  *LIỆP*
LIẾP chiếu, liếp

7489  *TRIỀN*
DỜN xanh dờn

7490  *KẾ* kế tiếp

7491  *BIỆN*
BỆN bện dây

7492  *KHIỂN*
KHÍN ăn khín

7493  *BỘC*
BỌC đùm bọc
BUỘC trói buộc

7494  CHỒNG chồng chất

7495  CHỒNG chồng chất

7496  *DIỆU*
DỀU dều dào

7497  ĐŨI dệt đũi
RỐI rối ren

7498  TRÁCH trách trả

7499  *DIỆU*
DÌU dặt dìu
DỊU dịu dàng

7500  RÕM cỗm rõm
RÔM nồi rôm

7501  ĐÙI bắp đùi

7502 LÁCH lá lách

7503  LỘT lột xác

7504 DỎNG cao dong dỏng

7505  VAI ngang vai

7506 *HẠM* chiến hạm

7507 GHE ghe bầu

7508 *NGHIỆT* ác nghiệt
NGHÉT ngót nghét
NGHẸT nghẹt thở
NGHỊT nghịt mũi

7509  RƯỜM rườm rà

7510  TO to lớn

7511  *NHỊ* nhị hoa
NHỤY nhụy hoa

7512  *BIỂU*
BẦU bầu bí
BÈO cánh bèo

7513  *TẦN* tần tảo

7514  *CHIẾN*
CHẸN chẹn họng

7515  DƯA rau dưa

7516  *LỊCH*
LÁCH lau lách

7517  *LONG*
RONG rêu rong

7518  RẠP rậm rạp

7519  VÍCH con vích

7520  *TỀ*
XÈ con bọ xè

7521  *HÀO*
HÀU con hàu

7522  *MÔNG*
MÒNG muỗi mòng

7523  *LẠP*
RỆP con rệp
SÁP sáp ong

7524  VÍCH con vích

7525  RẠM con rạm

7526  TOẠC rách toạc

7527  YẾM mặc yếm
ƯỚM ướm thử

7528 *GIÁC* giác quan
NHÁC nhớn nhác
RÁC cỏ rác

7529  *XÚC* xúc phạm
HÚC húc đầu
HỤC hì hục
XÓC đòn xóc
XỐC xốc vác
XỘC xộc vào

7530  CÒI rúc còi

7531 *CẢNH*
KHỀNH nằm khềnh

7532 *THỨC* học thức

7533  *THÍ* thí dụ
THÍA thấm thía

7534  *DỊCH* dịch thơ

7535  *NGHỊ* nghị luận
NGỢI khen ngợi
NGHĨ suy nghĩ

7536  *DỰ* danh dự

7537  *THIỆM*
HIỆM hiếm hiệm

7538  BỎI trống bỏi

7539  MỚI mới đến

7540  *TÁO*
RẢO rảo bước
THÁO tháo lui

7541  *TRỪ* trù trừ
CHỨA chứa chấp

7542  CÚI cúi xuống
CỤI cặm cụi

7543  DẪY dẫy nẩy lên

7544  *CẤM*
KHÚM khúm núm

7545  LUI lui tới
SỦI sủi bọt

7546 LỎNG ngã lỏng chỏng
NỦNG đi nủng nỉnh

7547  QUÀY quày quả ra đi

7548 QUẸP lẹp quẹp

7549 VỢN nước vợn

7550  VƯỢT vượt qua

7551  XẸT xẹt qua

7552  NHẸ nhẹ nhàng

7553  *BIỆN*
BỆN bện thừng

7554  NỒNG nồng nàn

7555  BỒNG bạy bồng

7556  THỐI hôi thối

7557  *NỪNG*
NỒNG nồng nàn

7558  *NGHIỆM*
LÈM lèm nhèm

7559 GIẤM giấm thanh

7560  MẾN yêu mến

7561  *THÍCH*
THỊCH thình thịch

7562  *LIỆU*
RÌU rìu búa

7563  *CHUNG* chung tình
CHUÔNG đánh chuông

7564  *ĐĂNG*
ĐẶNG
ĐÂNG chân đâng

7565 BAY cái bay

7566  CẢNH cảnh tiu

7567  MIỀNG miềng sành

7568  SỎNG sỏng sảnh

7569  THUỒNG cái thuồng

7570 THUỒNG cái thuồng

7571 XANH xanh chảo

7572  VÀNG thoi vàng

7573  *XIỀN*
SỞN sởn tóc
XÉN hàng xén
XÈNG xèng xèng
XỀN kéo xền

7574 *SONG* song kiếm
XONG xong xuôi

7575  CHỞ che chở

7576 RÀO mưa rào

7577 MÀY mây mù

7578 MỐNG đóng mống

7579  XANH xanh, đỏ

7580 *TẤT* bít tất

7581  *PHIÊU* phiêu bạt

7582 MỀM mềm mại

7583  *HINH*
HANH đành hanh

7584  *ĐẲNG* đẳng vân

7585  *TAO* ly tao

7586  RIA râu ria

7587  NGÔI ngôi vua

7588  *NGẠC* kinh ngạc

7589  *CHƯ*
CHÀ cá chà vao
CHẢ nem chả

7590  NHEO cá nheo

7591  Tì
VI vi cá
MÈ cá mè

7592  CHÀY cá chày

7593  MÚ cá mú

7594  SẤU cá sấu

7595 TÉP tôm tép

7596 TƯƠI cá tươi

7597  THU cá thu

7598  TRẠNH con trạnh

7599  CHẢ chim chả

7600 CHẢ chim chả
CHÀ chim chà chiện

7601  GÀ gà vịt

7602  *MÓI*
MÓ chim ác mó

7603  *NGUNG*
NGỖNG con ngỗng

7604  TRẢ chim tra trả

7605  *DIÊU*
DIỀU con diều
RÊU rêu rao

7606  *ĐẤU* đấu võ
GIẤU giấu giếm

7607  *MIẾN* canh miến
MÌ bột mì

7608  *KÌNH* cá kình

7609  *ĐẢNG* lập đảng

7610  SAM đuôi sam

21 nét

7611  PHẢN phân bón

7612  BÚN làm bún

7613  *NHAN*
NHĂN nhăn nhó
NHẴN cẳn nhẳn
NHĂNG lăng nhăng

7614  DẶNG dặng tiếng

7615  GIỠN nói giỡn

7616  TRÓM ăn tróm trém

7617  LẪY lừng lẫy

7618  NGỌNG nói ngọng

7619  NHẪU nhanh nhẫu
NHÉO nheo nhéo

7620  *THUỘC* phụ thuộc

7621  TRÒN tròn trặn

7622  RẪY phát rẫy

7623  RỂ con rể

7624 THẮM đỏ thắm

7625 *NGUY* nguy nga

7626 NGÔNG cao ngông ngồng

7627  NẾN đèn nến

7628  RỘNG rộng rãi

7629 BAY bay lượn

7630 *GIỠN* chơi giỡn

7631 *HUỀ* đề huề

7632  GIÂM giâm khoai
TRÚM đánh trúm

7633  *NHIẾP* nhiếp chính
NHÉP nhãi nhép
NẾP nề nếp
XẾP xếp bút nghiên

7634 LÀY lày quày
LẢY lẩy nỏ
RẼ chia rẽ

7635  MÒ mò mẫm

7636  PHÓC nhảy phóc

7637  RẠP rạp xuống

7638  RẠP rạp xuống

7639  TƯỚC qùét tước

7640  *LẠN* xán lạn

7641  KHUYA đêm khuya

7642 
NẴNG
NÁN nán lại
NẮNG trời nắng
NẶNG nặng nhọc

7643  NẮNG trời nắng

7644  SỚM hôm sớm

7645 
LAN cây mộc lan
LANG lớp lang
LƠN bao lơn

7646  NHIỀU rất nhiều

7647  ĐỊA đầm địa

7648  NHĂN nhăn nheo

7649  DẤN dấn thân

7650  CẤN cấn nước

7651  NẮNG nắng khô

7652
NHƯỠNG
NHÁNG nhấp nháng

7653 SÉM cháy sém

7654  RỘNG rộng rãi

7655  RUỘNG ruộng nương

7656 
LỊCH
LỆCH lệch thếch

7657  ĐẮNG đắng cay

7658 
DIM lim dim
DÒM dòm ngó

7659 NHÌN nhìn thấy

7660
LƯ
LỜ lờ đờ

7661  TRỒM trồm mắt

7662  GẠCH lát gạch

chiến

7663 石戰 CHÉN nàng chén

7664 礻賤 RẺ đắt rẻ
CHẢNG chẳng hảng

7665 韁 CHẠNG chạng vạng

7666 簫 NỪNG cái nừng

7667 簸 PHÁCH dịp phách

7668 箬 CHỒI sao chồi

7669 糠 PHEO tre pheo

7670 簧 *LỖ*
RỖ rỗ mặt
RỒ rồ cá

7671 節遠 TÍT xa tít

7672 糠 TOI toi lờ

7673 糕 PHÈN đường phèn

7674 續 *TỤC* kế tục

7675 緆 *MẠC* mắc bẫy

7676 纘 CHẶT bền chặt

7677 纏 *TRIỀN* triền miên
DỜN xanh dờn

7678 糸石 RỐI làm rối
TRÓI trói lại

7679 糸魯 LỤA lụa là

7680 糸番 VÁ vá áo

7681 月豈 GÁY sau gáy

7682 舟寬 KHOANG khoang thuyền

7683 舟魯 GHE ghe bầu

7684 舟黎 GHE ghe bầu

7685 魯色 LỒ loang lổ

7686 虌号 KHOAI khoai lang

7687 燄 *LIỄM*
LÉM mọc lém đém

7688 蘬 ỬNG ửng đỏ

7689 蘩 MUỐNG rau muống

7690 蘭 GIỀN rau giền

7691  RÊU rêu rong

7692  *LÃI* Phạm Lãi

7693  *XUẨN* ngu xuẩn
XOẮN hết xoắn

7694  CÒNG cua còng

7695  *MIỆT*
MỌT sâu mọt

7696  *MẶC*
MỰC cá mực

7697  *MIỆT*
MÉT tái mét

7698  MẶC ăn mặc

7699  *KHIỂN* khiển trách
KHIẾN sai khiến

7700  *HỘ* ủng hộ

7701  *TANG* tang chứng

7702  TÍM màu tím

7703  *TRÙ* trù trừ

7704  *DƯỢC* dõng dược
VƯỢC cá vược

7705 BÒ bò lê bò la

7706 ĐỦ đủ mặt

7707 ĐUỔI đuổi theo

7708 MÓNG móng chân

7709 NGOẺN ngoẻn ra

7710 GIẠT giạt ra

7711 *LIỆP*
LÁP nói bá láp
RẸP rẹp xuống

7712 VÊU vêu vao

7713 *OANH* oanh liệt
HUÊNH huênh hoang

7714 TỤM tụm năm tụm ba

7715 *BIỆN* biện bạch

7716 KÉO kéo đến

7717 TÓC đầu tóc

7718 *GIÁM*
GIẤM giấm chua

7719  *LIÊM* câu liêm
LẸM lẹm cằm
LIỀM liềm hái

7720  *TRỌC*
ĐỌC đọc rắn
ĐỤC đục lỗ

7721  *THIẾT* thiết diện

7722  *ĐẠC*
ĐÁC lác đác

7723  BUNG nồi bung

7724  HOM đục hom

7725  ĐÀM đâm chết

7726  RỰA đao rựa

7727  *THIÊM*
KẼM tiền kẽm

7728  LẠP lục lạp

7729  NÉN nén vàng

7730  NHỌN nhọn hoắt

7731  *THAO*
THAU màm thau

7732  THOI thoi thóp

7733  MỞ mở hội

7734  MUÔN muôn vạn

7735  NẦN trâu nần

7736  *BÁ* bá chủ

7737  *LỘ*
LÓ lấp ló
LỐ lố lăng
RÒ rò mạ
RỌ - rọ lợn
RỘ rộ lên

7738  RỢP bóng rợp

7739  LỚN to lớn

7740  *CỐ* chiếu cố

7741  BAY bay lượn

7742  *SOẠN* thịnh soạn

7743  *CƠ* cơ hàn

7744 *NHIÊU*
NHAU cùng nhau
NHEO nheo nhéo
NHIỀU nhiều ít

7745  *Ế* ế ẩm

7746  CHUI chui vào

7747  *KHU*
XÚI xúi giục

7748  RÔM rôm rả

7749  CHỎM chỏm tóc
CHÓP chóp núi

7750  RÂU râu ria

7751  GÁY tóc gáy

7752  *MA* ma quỉ

7753  TRƠI ma trơi

7754  CHẠCH con chạch

7755  SÒ sò huyết

7756  BƠN thờn bơn

7757  CHÁY cá cháy

7758  BỐNG cá bống

7759  *CHÍCH*
CHẠCH cá chạch
GIẾC cá giếc

7760  VẢY vảy cá

7761  MÈ cá mè

7762 BƠN thờn bơn

7763  SẶT cá sặt

7764 *OANH* oanh yến

7765  *HẠC* cưỡi hạc

7766 *SÔ*
SÒ sò sẻ

7767  *KÊ*
KE cò ke

7768  *DAO*
DIÊU
DIỀU diều hâu

7769  CÚT chim cun cút

7770  CHÀ chà chiện

7771  CHOÈ chim chích choè

7772 鵨 *KHA* GÀ gà trống

7773 鳥侯 HÂU diều hâu

7774 鳥逆 HỊCH con chim hịch

7775 鵭 LE chim le le

7776 鵰 SÁO chim sáo

7777 鵪 SÁO chim sáo

7778 鵲 SÍT chim sít

7779 鵴 TU chim tu hú

7780 麝 *XẠ* xạ hương

7781 黯 *ẢM* ảm đạm

7782 鼻每 MŨI cái mũi

7783 齒夾 LỢI lợi, răng

7784 竜清 TRONG trong veo

7785 竜望 TRÔNG trông chờ

22 nét

7786 穢 TUỔI tuổi tác

7787 儼 *NGHIỄM* nghiễm nhiên

7788 囂 *HIÊU* HÊU cạn hêu HIU hiu hắt

7789 囉雚 *LA* la mắng

7790 囊 *NANG* cầm nang

7791 咔禁 CÂM câm điếc GẶM chuột gặm

7792 嚂 THÈM thèm thuồng

7793 嚪艷 DỄM nói dễm

7794 嚆轎 GHẸO trêu ghẹo

7795 叫懷 HOAI hoai mùi

7796 嚷隹 NÀN phàn nàn NĂN ăn năn NẴN nắn ni

7797 咦穩 ỔN ổn ẻn

7798  NẶN nặn tượng

7799  TO to lớn

7800  TO to lớn

7801  ĐỐI đối chác

7802  VỠI vỡi việc

7803  RÈM rèm the

7804  QUẠT cái quạt

7805  KHÍT dày khít

7806  *THAN*
NẮN nắn tay, nắn chân
NẶN nặn tượng

7807  *KHỎA*
RÀ rà rẫm

7808  UỐN uốn câu

7809  *HOAN* hoan hỉ

7810  GIÀN giàn bí
GIẦN giần sàng
NHÃN cây nhãn

7811  CHÀM màu chàm
TRÀM trái trám

7812  *QUYỀN* quyền bính
QUÀN quàn người chết
QUÀNG quàng xiên

7813  QUE que củi

7814  GÀU gàu tát nước

7815  RỄ rễ cây

7816  TRẢI trải qua

7817  *SÁI*
RỢI mới rợi

7818  RAM ram thịt

7819  NHÍM con nhím

7820  MỀM mềm mại

7821  MỀM mềm mại

7822  CHUỖI chuỗi tiền

7823  RẠN rạn nứt

7824  LẤM lấm ruộng

7825 龍 *LUNG*
LỒNG lồng chim
RUỒNG ruồng rẫy

7826 籠 *LU*
LỜ cái lờ
LỪ lừ đừ

7827 餧 NÔI cái nôi

7828 縼 NỐI nối tiếp

7829 綩 BỆN bện dây

7830 纏 DÓC dóc tóc

7831 纔 *LỊCH*
RÁCH rách rưới

7832 紈 THÊU thêu thùa

7833 縈 TÍA tía, hồng

7834 葉 ĐẸP đẹp đẽ

7835 薕 RƯỜM rườm rà

7836 聽 *THÍNH* thính tai

7837 離 LOE loe ra

7838 叢 *TÙNG*
LÙM lùm cây

7839 蘑 MO mặt mo

7840 蘟 NGỒNG cao ngồng

7841 蘸 RẠP rậm rạp

7842 蟴 GIỜI con giời

7843 蟢 HẾN con hến

7844 蝶隹 ĐIU rắn liu điu

7845 蠷 RÓM sâu róm

7846 蠷 SAM con sam

7847 蠙 TRAI ngọc trai

7848 蜴 VÍCH con vích

7849 變 *BIẾN* biến mất
BÉN sắc bén

7850 衲 RÁCH đói rách

7851 言賣 *ĐỘC*
ĐỌC đọc sách

7852 龍衣 *TẬP* tập kích

7853 禪戔 CHẼN áo chẽn

7854 贖 *THỤC* thục mạng
CHUỘC mua chuộc

7855 審赤 THẮM thắm hồng
THẪM thẫm mầu

7856 赤審 THẮM thắm hồng

7857 踅贊 XƠM chạy xơm tới

7858 躪 LẺN lẻn vào
LÉN lén lút

7859 踏石 LỎI lẻn lỏi
LỐI lối đi
LỘI bơi lội
LỦI lủi mất
RUỒI ruồi giong

7860 趿尞 LEO leo lên trên

7861 躖 RỐ rố tới

7862 釜隻 *HOẠCH*
VẠC vạc dầu

7863 釜衆 *CỰ*
CỬA cắt cửa

7864 鑻 *MỘNG*
MUỖNG cái muỗng

7865 釜蒙 MUỖNG cái muỗng

7866 鑠 *VÀNH* vành đai

7867 釜標 VẾU vếu vào, sứng vếu lên

7868 鑢 BĂM băm vằm

7869 靈石 KHUYA khuya khoắt

7870 靈遙 RÀO mưa rào

7871 靈音 ẦM tiếng ầm ầm

7872 靈夢 MỐNG đóng mống

7873 靈稟 SẤM sấm sét

7874 革畺 *CƯƠNG* cương ngựa

7875 革雍 *UNG*
ỦNG chín ủng

7876 革枼 DÉP dép da

7877 馬開 MỞ mở miệng

7878 馬喬 *KIÊU* kiêu ngạo

7879 鬚 *TU*
TUA sao tua

7880 風愈 GIÓ gió mưa

7881 首會 CÚI cúi đầu
GỐI chăn gối

7882 尾鬼 VÍA hồn vía

7883 魚章 CHÁNG cá cháng

7884 魚既 *KỲ*
GÁY cá gáy

7885 魚婁 *LÂU*
LẤU cá lấu

7886 魚立 LẸP cá lẹp

7887 魚茶 DỪA cá dừa

7888 魚連 *LIÊN*
LƯƠN con lươn

7889 魚叟 MẮM nước mắm

7890 魚匿 *NẶC*
NƯỢC cá nược

7891 魚都 RÔ cá rô

7892 魚族 SỐC cá sốc

7893 魚立 SỘP cá sộp

7894 魚折 THỆ cá bống thệ

7895 魚責 TRÍCH cá trích

7896 鳥昆 CUN chim cun cút

7897 國鳥 CUỐC con chim cuốc

7898 鳥國 CUỐC con chim cuốc

7899 堆鳥 CHOI choi choi

7900 鶚 QUẠCH chim chốc quạch

7901 鶚 *THỐC*
SẠT sạt nghiệp

7902 鶅鳥 RI gà ri

7903 堅鳥 KÊN con kên kên

7904 參鳥 SẤM chim sấm

7905 鶃鳥 *TÍCH*
CHÍCH chim chích

7906  VẠC con vạc

7907  CÔI mồ côi

7908  MẶN mặn mà

7909  MẶN mặn mà

7910  ĐEN đen đũi

7911  NGHIẾN nghiến răng

7912  *KHÁM* KHẮM khắm lặm

23 nét

7913  NHAU cùng nhau

7914  KHUYÊN khuyên răn

7915  NGHIẾN nghiến răng

7916  NGHÈO nghèo khổ

7917  CHẬU cái chậu

7918  LÀN làn lưới

7919  *NHAM* NGỒM NHEM NHOM nham hiểm bò lồm ngồm lem nhem gầy nhom

7920  *LUYẾN* luyến tiếc

7921  BUỒNG buồng riêng

7922  MƯỚN thuê mướn

7923  DANG dang tay

7924  SỞN sởn tóc

7925  CỪ ở cừ

7926  *THAN* NẠNG cái nạng

7927  VEO trong veo

7928  NÉN nén hương

7929  THẮP thắp đèn

7930  *ĐIỆP* trùng điệp

7931  *UNG* ung nhọt

7932  NGỢM người ngợm

7933  NGÓNG ngóng trông

7934  MÙ mù mắt

7935  NHEO nheo mắt

7936  VẮN vắn dài

7937  GẠCH gạch ngói

7938  TRÀNG cái tràng

7939  *TIÊM*
TĂM ngậm tăm

7940  TRẠC ky trạc

7941  NÉO buộc néo

7942  NẦN béo nần

7943  *LA*
LÁ lá cây

7944  MÒNG mòng gà

7945  *NAN*
NĂN củ năn

7946  LUỒNG thuồng luồng

7947  *THÙ* kẻ thù

7948  ĐỎ đỏ lòm lòm

7949  ĐỎ đỏ lòm lòm

7950  LÔM lôm xôm

7951  ĐỦ đầy đủ

7952  ĐỦ đầy đủ

7953  RUỘNG đi ruộng

7954 *SÁN* sán đến

7955  SỊCH chạy sình sịch

7956 SO so sánh

7957  *LA*
LẠ lạ lùng

7958 *KHOÁNG*
KHOAN khoan lỗ

7959  *THƯỚC* quắc thước

7960 KẼM mỏ kẽm

7961  KHOAN khoan lỗ

7962  GIŨA mài giũa

7963  *THÍCH*
THIẾC mỏ thiếc

7964  XẺ mỏ xẻ

7965  *CHẤT*
CHẶT chặt cây

7966  LUI lui ra

7967  MỊT mù mịt

7968 LOI lễ loi

7969  *HIỂN* vinh hiển

7970  TRÁN trán vuông

7971  BÒ bánh bò

7972  ĐÓI đói kém

7973  CHỌI chọi gà

7974  XOÁY xoáy trên đầu, nước xoáy

7975  *NGHIỆM* nghiệm thấy

7976  *KINH* kinh sợ

7977  *DỊCH* quán dịch

7978 TU chim tu hú

7979  *TỦY* xương tủy

7980  *THỂ* thân thể

7981  CHÈO cá chèo bẻo

7982  VÂY vây cá

7983  *KHOÁI*
GỎI gỏi cá

7984  TRẮM cá trắm

7985  NHEO cá nheo

7986  *MIẾT*
BÉT nát bét

7987 *ÁO*
ÚC cá úc

7988  LEO cá leo

7989  *ÁC* bóng ác, con ác
Ó con ó

7990  ĐỦI đen đủi

7991  KEO keo là chim vẹt

7992 KHƯỚU chim khướu

7993  ỤT chim ụt ịt

7994  *LÂN* con kỳ lân

7995  RĂNG răng nanh

24 nét

7996  NÁN nán lại

7997  RỘT đi rột rạt

7998  *CHÚC* di chúc

7999  NHAO lao nhao

8000  *LAN*
LƠN van lơn
RỢN rùng rợn

8001  XỎN nói xỏn xẻn

8002  NHÉP lép nhép

8003 LỜN hư lờn

8004  TRÁI trái cây

8005 TRÁI trái cây

8006  XỒN nước chảy xồn xồn

8007  LUỘC luộc chín

8008 LƯỢN cá lượn
TRÀN tràn trề

8009  CHẢ chả nem

8010  MÚA múa hát

8011 *ĐIÊN* điên cuồng

8012  NHỨC nhức nhối

8013 VUI vui vầy

8014  MÂM mâm cơm

8015  GHẸO trêu ghẹo

8016 *CỐNG, CẢM CHƯỚNG*
CHẢNG chảng hảng
CHẠNG chạng vạng

8017  XỎ xỏ mũi

8018  GHI ghi chép

8019  MO mo cau

8020  LIẾP cửa liếp

8021  NẾP gạo nếp

8022  NHÃO cơm nhão

8023  KHUỶU khuỷu tay

8024  RA ra vào

8025  PHÈO phèo phổi

8026  *DIỆM*
RƯỜM rườm rà

8027  GIỀN rau giền

8028  RÁC rác rưởi

8029  RẠM con cua, con rạm

8030  RĒ con rē run

8031  *CỪ*
CÒ cò rò

8032 VAY vay mượn

8033  VẠT vạt áo

8034  VIỀN viền áo

8035 NẾP nền nếp

8036  *NHƯỢNG* khiêm nhượng
NHẰNG lằng nhằng
NHƯỜNG nhường nhịn

8037  *SẤM* lời sấm
XỚM xẳng xớm

8038  CHÈN chèn ép

8039 SÓM sóm rọm

8040 MÂY dây mây

8041 ẤM ấm chè

8042  *TẠC* ghi tạc
TOẠC toạc đầu

8043 ĐẢNG chân đảng

8044  ĐÚC rèn đúc
ĐỤC đục khoét

8045  DÚI dùi lô

8046  XUỒNG cái xuồng

8047  LÕM lõm vào

8048  CỬA cửa ngõ

8049  CỬA cửa ngõ

8050  *LỊCH*
RÍCH mưa rả rích

8051  *LINH*
LANH lanh lẹ
LENG leng keng
LẺNG lẻng kẻng
LÊNH công lênh
LIÊNG thiêng liêng
LÌNH thình lình

8052  LỜ lờ mờ

8053  *MIỆT* mài miệt

8054  VÍA hồn vía

8055  MÂM mâm cơm

8056  MÂM mâm cơm

8057 SỎ sỏ lợn

8058  TRÁN trên trán

8059  BÃO bão táp

8060  *SẬU* nói sậu

8061  MỜN màu mờn mợt

8062  *ĐẤU* đấu võ

8063  *DIÊM* diêm sinh

8064  *SỰC* sực nhớ
NÚC bếp núc
XÚC xúc dầu

8065  TRÔI cá trôi

8066  VÂY giương vây

8067  *ƯNG* chim ưng

8068  CƯỞNG chim cà cưởng

8069  LÔI gà lôi

8070 CÙI tốt mã rẻ cùi

8071 QUẠ quạ đen

8072 鸗鳥 MÒNG chim mòng

8073 鸗鳥 QUẮM bẻ quắm tại, con quắm

8074 鸗鳥 YỂNG chim yểng

8075 鳦越 VỆT chim vệt
VỊT con vịt

8076 越鳦 VỊT con vịt

8077 鹵禁 MẮM mắm cá

25 nét

8078 嗎喬 KÊU tiếng kêu

8079 日曩 NẮNG trời nắng

8080 木欒 LƯỜN lườn ghe
TRANG cái trang ; trang thóc

8081 木曩 NÉN nén hương

8082 火曩 NƯỚNG nướng cá

8083 鸞 HƯƠU hươu nai

8084 爾理 NHĒ nhē ra

8085 癭箋 GÀY gầy còm

8086 癬 NGHỆT nghẹt thở
NGHỊT nghịt mũi

8087 礎蘇 TÒ tô nước

8088 籍 GIẬM đánh giậm

8089 籠隹 NAN nan tre

8090 篤屋 NÓC nóc nhà

8091 糸羅 *LA*
LÀ dải là

8092 莧曩 NÉN củ nén

8093 糸蠻 *MAN*
MÁN người Mán
MƠN mơn trớn

8094 躡聶 *NHIẾP*
DÉP guốc dép
NÉP nép xuống

8095 躥 KHỤY khụy xuống

8096 躥鬼 NGOẸO ngoẹo xuống

8097 躥 CHỒM chồm lên
TRỢM trì trợm

8098  ỐNG ống chân

8099  XOẢNG loảng xoảng

8100  ÚP nói úp mở

8101  *HẤN* gày hấn
HẰN hằn ta

8102  KÈM liền kềm

8103  RÈN lò rèn

8104  SẤM sấm sét

8105  *QUAN* quan sát

8106  NÓC nóc nhà

8107  RỒI chạy rồi
RUỒI giong ruổi

8108  SỌ sọ người

8109  SÓI sói đầu

8110  ĐỐI cá đối

8111  ĐUỐI cá đuối

8112  CHÉP cá chép

8113  SẶC cá sặc

8114  TRÁM cá trám

8115  BỒ bồ câu

8116  CHÍCH chim chích

8117  VẠC chim vạc

8118  SÁO con sáo

8119  CỪI con giẻ cùi

8120  VẸT chim vẹt

26 nét

8121  CHÚM cười chúm chím

8122  NHÀM nhàm tai

8123  GIÈM gièm pha

8124  THÒ thẹn thò

8125  BẾN bến đò

8126  LẢY lảy bắp

8127  LỆCH chếch lệch

8128  NẠNG cọc nạng

8129  THUỐC thuốc men

8130  BẾN bến đò
BIỂN biển cả

8131  NHEO nheo mắt

8132  SIỀNG hòm siềng

8133  LỚM lởm chởm

8134  BẪY đánh bẫy

8135  NÁNG đi cáng náng

8136  BAY bay lượn

8137  HẾN con hến

8138  *TÁN* tán dương

8139  *LƯ*
LỪA con lừa

8140  *THIỀM*
THÈM thèm thuồng

8141 LẸP cá lẹp

8142  SẤU cá sấu

8143  LŨI cá lũi

8144 SỦ cá sủ

27 nét

8145  GÙ chim gù

8146  GIẤU giấu giếm

8147 BÉN lửa bén

8148 NẴN nắn sơn

8149  NÍP tủ níp

8150 TRÔNG trông mong

8151  *SÀM*
SÒM om sòm
XÀM nói xàm

8152 *LAN*
LẬN
LEN len lỏi

8153 *LA* thanh la

8154  SỦNG sủng soảng

8155  SẤM sấm sét

8156  TRƠI ma trơi

8157  XOÀM ...u ria xồm xoàm

8158  *NGẠC* ...nh ngạc

8159  *LỊCH* con lịch con lươn

LỆCH chênh lệch

8160  QUỲNH cá linh quỳnh

8161  *LƯ*

RÔ cá rô

8162  RUỐC mắm ruốc

28 nét

8163  MÀN mân mó

8164  NGOM nhìn ngom ngóm

8165 BÉN lưỡi bén

8166  *TÀM*

TẰM tơ tằm

8167  SẤU cá sấu

8168  *ANH* chim anh vũ

8169  ÉN chim én

8170  LƯƠN con lươn

29 nét

8171  THẺ rút thẻ

8172 LƯỠI miệng lưỡi

8173  NÉN nén vàng

8174  LÒA trăng lòa

8175  CỤT xương cụt

8176  UẤT sầm uất

30 nét

8177  LÂU lâu dài

8178  NẶNG nặng nề

8179  NẴNG nuôi nấng

8180  *LOAN* loan phượng

8181  LẠ lạ lùng

31 nét

8182  MEN men rượu

8183  NUÔI nuôi nấng

8184  NHEO lông nheo

8185  ĐEN đen đủi

32 nét

8186  OẮT bé oắt

35 nét

8187  RÙA con rùa

PHẦN THỨ NHÌ

CÁCH VIẾT CHỮ NÔM

(GHI Ở PHẦN THỨ NHẤT)

A

A 28
À 1324
Ả 1008
— 2592
Ạ 2489
ÁC 3307
— 5805
— 7382
— 7989
ẠC 3171
— 5224
ÁCH 109
— 701
ẠCH 109
AI 1409
— 1912
— 1943
ẢI 4505
— 6146
— 6634
ÁI 4002
AM 2635
— 3702
— 6243
ẢM 7781
ÁM 4083
AN 391
ÁN 1515
— 2118
ANG 983
— 1438
— 2231
ẴNG 983
ÁNG 2231
ANH 1751
— 6411
— 8168
ÀNH 3186
ẢNH 5323
ÁNH 1552
— 4081
AO 754
— 961
— 1227
ÀO 567
— 961
— 1227
ÁO 2362
— 3959
— 5920
ẠO 567
— 961
ÁP 1100
— 6368
ÁT 3
— 4466
AU 1227
ÁY 4002
— 5835
— 5926
— 6458

Ă

ẮC 3
ĂM 995
ẴM 3346
ĂN 1401
ẮP 1100
ẮT 3
— 253
— 309

Â

ẢM 1802
— 3117
ẦM 315
— 7871
ẦM 4524
— 6029
ẤM 4689
— 7141
— 8041
ẬM 1802
ẤN 2008
— 2140
— 4693
ẪN 6712
ẤN 349
ẤP 842
— 2040
— 3336
ÂU 6075
ẪU 4661
ẤU 250
— 1143
— 1590
— 1756
ẪY 5941
ẤY 31
— 75
— 1833
— 3999
— 5927

B

BA 613
— 661
— 1211
BÀ 1963
— 2586
— 3541
BÃ 707
— 4287
— 4288
BẢ 707
— 5163
BÁ 217
— 468
— 509
BÁ 1566
— 2124
— 7736
BẠ 707
— 5371
BÁC 201
— 509
— 3157
— 5160
BẠC 795
— 1206
— 3713
— 4489
BÁCH 468
— 1056
BẠCH 298
— 1788
BAI 2692
— 3177
— 5261
— 5402
BÀI 2692
— 3523
BÃI 2300
— 3958
— 4156
— 5614
— 6806
BÁI 1507
BẠI 2748
BÀM 2247
— 3938
BÁM 4260
— 5965
BAN 2209
— 5523
BÀN 1893
— 2326
— 4784
— 5536
— 6770

BẢN 269
— 1170
BÁN 203
BẠN 211
— 1374
BÀNG 676
— 2092
— 3132
— 3896
— 3991
— 4017
BẢNG 1244
— 4780
BÁNG 5528
— 6666
BANH 1098
BÀNH 3300
— 5472
— 6174
BẢNH 1268
— 1644
— 6612
BÁNH 3781
— 4454
— 5159
— 5775
BẠNH 2224
BAO 200
BÀO 547
— 944
— 1731
— 1858
— 3046
— 4499
BÃO 5414
— 7328
— 8059
BẢO 1033
— 1350
— 2520
— 3181

BẢO 7411
BÁO 2370
— 3235
BẠO 5414
BẠP 1589
BÁT 13
— 217
— 259
— 2977
— 4490
— 5356
— 5459
BẠT 1137
— 4483
BÀU 944
— 991
— 1210
BẢU 3181
BÁU 1033
— 7411
BẠU 1814
BAY 1804
— 1481
— 4715
— 5030
— 5618
— 6830
— 7565
— 7629
— 7741
— 8136
BÀY 2692
BẢY 805
— 3654
— 6611
BẮC 201
— 1147
BĂM 7868
BẮM 6067
BẮM 2247

BẮM 4248
BẶM 4260
— 5189
— 6383
BĂN 276
— 339
— 2209
— 2644
— 3910
BẮN 1075
BẮN 721
— 1085
— 4717
BẮN 1058
— 5293
BẮN 5294
BĂNG 276
— 339
— 3765
BẰNG 249
— 666
— 888
— 1165
— 3743
— 5915
— 7381
BẰNG 888
— 1165
— 4140
BẮP 2127
— 3445
BẶP 962
BẮT 259
— 695
BẶT 1137
— 2461
— 3297
BẤC 201
— 1766
BẬC 201

BẬC 1327
— 3234
— 3297
— 3778
— 7017
BÂM 3751
BẦM 6620
BẮM 4260
BẤM 4256
— 4260
— 5965
BẦN 3069
— 4717
BẦN 2171
— 6733
— 7444
BẤN 2974
— 6733
BẬN 2644
— 2974
— 4315
BÀNG 276
— 339
— 2080
— 4034
BẤP 175
BẬP 5493
BẤT 67
BẬT 3297
BẦU 944
— 3046
— 4403
— 6661
BẦU 1350
— 2460
— 5664
— 6072
— 7512
BẤU 3181
— 3365

BẤU 4020
BẬU 1814
BÂY 3304
— 5977
BẦY 796
— 1844
— 3304
— 3846
— 4049
BẪY 7176
— 8134
BẤY 3107
BẬY 165
— 931
— 2748
BE 5261
— 5764
— 5995
BÈ 2327
— 2939
— 5435
BẼ 1887
— 2545
— 2669
— 5114
BẺ 2517
— 2706
BÉ 2409
— 2616
— 3107
— 5133
— 5134
— 5135
BẸ 2798
— 3135
BEN 7326
BÈN 108
— 503
— 504
BẼN 1506
BÉN 4185
— 7849
— 8147
— 8165
BẸN 1291
— 2313
BEO 2370
— 3747
— 7011
BÈO 7512
BÉO 4353
BÉP 962
— 1649
BẸP 3030
— 3938
BÉT 545
— 2998
— 3588
— 4331
— 7986
BÊ 1325
BỀ 229
— 797
BỄ 3446
BỀ 2849
— 4251
— 8130
BẾ 3107
— 5895
BỆ 2410
— 3049
BỆCH 1741
— 5876
BỀN 499
— 7366
BỀN 1697
— 2286
— 6340
BẾN 3251
— 3488
BẾN 8125
— 8130
BỆN 696
— 2286
— 2974
— 7491
— 7553
— 7829
BỆNH 536
BỆNH 1216
— 3685
BỆNH 2224
BẾP 1649
BẾT 545
BỆT 545
BỀU 5369
— 5427
BỀU 7185
BỄU 3490
BỆU 5262
BI 3304
BÌ 229
— 2218
BĨ 569
BỈ 5114
BÍ 1767
— 2261
— 5036
BỊ 3049
— 3135
BIA 4248
BÌA 3523
PỊA 4248
— 4607
— 5252
BÍCH 4921
— 6901
BỊCH 5876
— 6902
BIẾC 4921
BIẾM 3751
BIÊN 499
— 5593
— 7326
BIỀN 1339
BIỂN 1506
BIỂN 3488
— 3489
— 8130
BIẾN 7849
BIỆN 6274
— 7715
BIÊNG 2780
BIẾNG 170
— 1089
— 1896
BIẾT 545
BIỆT 545
BIỂN 1773
BIẾU 2520
— 5251
BIM 2247
— 5649
BỈM 5263
BỊN 2286
BINH 536
BÌNH 249
— 1468
— 2891
— 3237
— 3649
— 3743
— 4892
BĨNH 2313
BÍNH 1565
BỊP 6354
BÍT 2045
BỊT 545
— 1993
— 2450

BỊT 3575
— 4331
— 5760
BÌU 5682
BĨU 2520
BÍU 5058
BỊU 5682
BO 790
— 1941
— 3013
— 3084
BÒ 1240
— 1366
— 2201
— 2876
— 4401
— 7018
— 7705
— 7971
BÕ 2047
— 4407
— 5836
BỎ 4407
— 6998
BÓ 958
— 1148
— 3458
BỌ 4395
— 4401
— 6217
— 6656
BÓC 1861
BỌC 86
— 6953
— 6997
— 7493
BÒI 2566
BỎI 7538
BÓI 829
— 1781

BÕM 960
BỎM 960
BON 1000
— 2522
— 5715
BÒN 3364
BÓN 2136
BỌN 960
BONG 2729
— 5641
— 6573
BÒNG 4732
— 5641
— 6840
— 7182
BỎNG 4168
BÓNG 1810
— 2595
— 3400
— 3676
— 6323
— 7071
BỌNG 3418
— 3676
BOONG 4369
BÓP 2701
BỌT 2163
— 3468
BÔ 248
— 789
— 1941
— 3084
BỒ 2308
— 3686
— 5017
— 8115
BỖ 1904
BỒ 4407
BỐ 248
— 789

BỐ 1073
BỘ 749
— 3098
BỐC 19
— 257
— 6772
BỘC 4531
— 5414
BỒI 1167
— 1682
— 3177
BỒI 2566
— 2646
BỒI 1726
— 2566
— 4690
BỐI 829
— 1726
— 4310
— 5728
BỘI 1725
— 1814
BỒM 3938
BỐM 5038
BỒN 1000
BỒN 1683
BỐN 2136
BỘN 269
— 4315
BỒNG 817
— 1303
— 3440
— 4263
— 4369
BỒNG 4732
— 5641
— 6573
— 6840
BỖNG 1810
BỒNG 1810

BỒNG 2681
— 7555
BỐNG 7365
— 7758
BỘNG 3418
BỐP 1140
— 2518
BỘP 2518
BỘT 1363
— 2163
BỘT 3468
— 4290
BƠ 128
— 613
— 660
BỜ 977
BỠ 707
— 3049
BỞ 1060
— 1890
BỢ 3135
BƠI 5402
BỜI 2692
— 3344
BỞI 5521
— 5612
— 7458
BỚI 3344
BƠM 2247
BỜM 2247
BỢM 513
— 1007
— 4536
BƠN 2326
— 7756
— 7762
BỠN 1244
— 1728
BỢN 1215
— 2171

BỢN 3469
BỢP 5789
BỚT 217
— 259
— 695
— 4550
— 6454
BỢT 217
BU 1904
BÙ 4407
— 5017
BỦ 958
— 1904
— 2492
BỤ 1904
BUA 663
— 1662
— 1993
BÙA 2951
BỦA 2047
— 2968
— 4407
BÚA 1151
— 4492
BỤA 749
— 1814
BÙI 5059
BỦI 829
BÚI 829
BỤI 2566
— 3957
— 4164
— 5021
— 5659
BỤM 4260
— 5965
BÙN 3246
— 3486
BỦN 269
BÚN 6144

BÚN 7612
BUNG 7723
BÙNG 6715
— 6777
— 7346
BỦNG 3676
— 4224
BÚNG 3418
BỤNG 3676
BUỘC 1272
— 2288
— 2725
— 5374
— 5608
— 6953
— 7493
BUỒI 829
— 2762
— 4773
BUỒM 399
BUỒN 1000
— 5704
BUỒN 1683
— 3315
BUỒNG 2711
— 2729
— 2966
— 4369
BUỒNG 399
— 1094
— 5641
— 7921
BUỐT 257
— 3559
— 6058
BÚP 1299
BÚT 1299
— 3611
BỤT 646
— 1348

BỤT 2795
— 4363
BỰ 3049
BỪA 2308
— 2986
BỮA 707
— 2761
— 6338
BỬA 5757
— 5825
BỨA 2124
BỰA 6774
BỨC 1788
— 3288
— 4458
BỰC 2432
— 2561
— 3234
— 3326
— 4458
— 6263
BỪNG 1132
— 2080
— 2170
— 4030
— 4034
BỪNG 1216
— 1229
— 1647
— 2092
— 3743
BỬNG 1170
— 4780
BỨNG 2080
— 4780
BỰNG 1954
BƯỚC 201
— 3778
BƯƠI 5402
BƯỞI 7176

BƯỚM 962
— 3030
— 6989
BƯƠN 5090
BƯƠNG 844
— 2799
— 4272
BƯỚNG 203
BƯỚP 6347
BƯƠU 2370
— 3032
BƯỚU 5533
— 6079
— 6545
BỨT 695

C

CA 4822
CÀ 1754
— 3044
— 4816
— 4822
— 5023
— 6636
CẢ 996
— 1925
CÁ 27
— 1813
— 5169
— 5792
CÁC 361
CẠC 1380
CÁCH 2114
— 4504
CẠCH 5197
CÀI 2714
— 3351
CÃI 728
— 1923

CÃI	1939	CÁNH	2935	CAY	3914	CẮT	1534
CẢI	728	—	4327	—	5842	—	3146
—	3021	—	4328	—	6638	CẤC	853
—	4303	CẠNH	2784	CÀY	2714	CÂM	2477
CÁI	68	—	2935	—	4991	—	7791
—	1813	—	7481	CÁY	2355	CẦM	711
—	5020	CAO	2421	—	5633	—	3539
CAM	290	—	5002	—	6657	—	4257
—	1568	CÀO	4035	CẠY	678	—	5939
CẢM	3383	—	4756	—	2082	CẦM	2477
—	4003	—	6472	CẮC	361	—	6295
CÁM	4003	CÁO	589	—	943	CẤM	4256
—	7237	—	2199	—	1380	—	6473
CAN	62	CẠO	1360	—	3710	CẦN	61
—	809	—	4035	CĂM	579	—	142
CÀN	3915	—	5758	—	1079	—	3616
—	4758	CÁP	362	—	2672	CẦN	1305
CAN	487	CẠP	578	CẮM	1290	—	1704
—	2046	CÁT	363	—	1734	—	2275
CÁN	736	—	1436	—	6175	—	3156
—	5943	—	1620	—	6176	—	3865
CẠN	1601	—	3146	CẮM	5961	—	6430
—	2424	—	4165	CĂN	2113	—	6938
CANG	81	—	6036	CẮN	2523	CẬN	6664
CÀNG	2641	CAU	2229	—	5232	—	7005
—	5910	—	3677	—	6879	CẤN	7650
CẢNG	3473	—	5431	CẮN	1420	CẬN	1312
CÁNG	1183	—	5990	CẶN	1312	CẤP	1488
—	4964	—	6568	—	1601	—	2293
CANH	735	CÀU	2954	—	2510	—	3632
—	1053	CẢU	2954	—	2817	CẬP	111
—	2306	—	5583	CĂNG	415	—	2272
—	4255	CÁU	589	—	1695	CẤT	1534
CANH	4294	—	948	—	4549	CẬT	2315
—	5696	—	1434	CẮNG	311	—	4420
—	7261	—	3890	—	4449	CÂU	1145
CÀNH	2784	—	6406	CẮP	697	—	3801
CẢNH	3391	CẠU	1445	—	4042	—	5780
—	4638	CAY	1417	—	4543	—	6350
—	7566	—	2345	CẶP	2272	CẦU	752

CẦU	2814	CỎI	3248	CỖ	5156	CỐNG	2373
—	2793	—	3943	—	6726	—	4167
—	2886	CÓI	3813	CỒ	209	CỘNG	337
—	5985	—	5024	CỐ	973	CỒÔNG	57
CẦU	1248	—	6630	—	1545	CỐP	3911
CẤU	4020	CỌM	5000	—	3825	CỘP	578
—	4760	CỌM	5000	—	7740	CỐT	2420
CẬU	4266	CON	1157	CỘ	2671	—	3141
CẦY	2135	—	2597	—	3433	CỘT	4818
—	4793	CÒN	4323	—	4196	—	6011
CẦY	2880	CONG	57	CỐC	584	—	6152
CẤY	4750	—	64	—	5563	CƠ	445
—	6112	—	373	—	7113	—	2576
—	6613	—	1478	—	7114	—	3124
CẬY	678	—	1479	CỘC	652	—	5988
—	2028	—	1716	CỐI	1022	—	7743
CO	1022	—	3104	—	5558	CỜ	3416
—	1124	CÒNG	1848	—	7907	—	4252
—	2716	—	2379	CỖI	7263	—	4771
—	2717	—	3718	—	7298	CỠ	4276
—	3791	—	5130	CỐI	485	—	6186
—	5716	—	7226	—	5886	CỚ	5950
CÒ	5716	—	7694	—	6469	CƠI	2135
—	7385	CÕNG	1510	—	6925	CỜI	2714
—	7386	—	5705	CỘI	6469	CỞI	5956
—	7387	CÓNG	2373	CỒM	6677	—	5964
—	8031	CÓP	362	CỐM	7238	—	7253
CỎ	5631	—	2293	CỘM	6473	—	7298
—	5662	CỌP	782	CÔN	2619	CƠM	5158
CÓ	973	—	3068	—	3417	CỢM	5185
CỌ	2719	—	4428	CỒN	5887	—	6460
—	3697	CÓT	6134	—	5888	CƠN	62
CÓC	4394	CỌT	2420	CÔNG	57	—	736
CỌC	2790	—	6011	—	93	—	3119
COI	5558	CỒ	1016	—	197	CỠN	3102
—	6915	—	1022	—	729	CỢN	1601
CÒI	5558	—	3483	—	5804	CỢP	6343
—	5865	CỖ	209	CỒNG	4790	CỢT	4573
—	7530	—	882	CỒNG	4790	CU	1809
CỖI	3248	—	1277	—	4951	—	6350

CÙ 558
— 657
— 1576
— 1772
CŨ 4678
— 6188
— 7412
— 7413
CỦ 2242
CÚ 210
— 6350
CỤ 882
CUA 5055
— 5056
CỬA 3756
— 5703
CÚC 3683
— 6721
CỤC 652
CUI 5558
CÙI 5558
— 6455
— 8070
— 8119
CỮI 6856
CỦI 6469
CÚI 5184
— 5778
— 5819
— 5820
— 7542
— 7881
CỤI 6469
— 7542
CÙM 1568
— 4805
CỤM 6473
— 6639
CUN 7896
CỦN 3156
CỦN 4855
CUNG 64
— 876
— 1973
— 2009
— 2379
CÙNG 337
— 1510
— 5566
— 5866
CŨNG 1510
CỦNG 1510
— 5760
CỦNG 876
CỤNG 337
CUỐC 2557
— 2702
— 5759
— 6288
— 6649
— 7332
— 7897
— 7898
CUỘC 652
CUỐI 5301
— 6469
— 6870
— 7414
CUỐN 910
— 2684
CUỘN 1838
— 2043
— 4855
— 5610
— 6597
CUỒNG 781
CUỐNG 3015
CỤP 502
CÚT 2420
CỦT 7769
CỤT 124
— 2790
— 8175
CƯ 1036
CỨ 3466
CỮ 1558
— 2758
CỮ 3408
— 4276
— 6186
— 6452
— 7925
CỬ 3381
— 6186
CỨ 2683
— 5940
CỰ 246
— 1136
— 3766
CỪA 1859
— 6289
CỬA 3381
— 6311
— 6312
— 8048
— 8049
CỨA 6289
— 7863
CỰA 246
— 3766
CỰC 4100
CỬI 4303
CỪNG 2302
— 4216
CỨNG 311
— 900
— 1362
— 5826
CƯỚC 2988
CƯỜI 2516
CƯỜI 7091
CƯỜI 4666
— 5288
— 6414
CƯỜM 2246
— 6070
CƯƠNG 7203
— 7247
— 7869
CƯỜNG 2641
— 5910
CƯỠNG 2641
CƯỞNG 8068
CƯỚP 546
— 897
CỨT 3628
— 5300
CƯU 4526
CỬU 87
— 4405
CỮU 1578
CỬU 8
— 32
CỨU 775
— 806
— 2746
CỰU 6972

CH

CHA 353
CHÀ 4810
— 7589
— 7600
CHÀ 7770
CHÃ 3464
— 4850
— 5482
CHẢ 3181

CHẢ 3464
— 7589
— 7599
— 7600
— 8009
CHÁ 6705
CHẠ 173
— 945
— 5080
— 6374
— 6975
CHÁC 906
— 2474
— 2534
— 2885
CHÁCH 3904
CHẠCH 3723
— 6736
— 7754
— 7759
CHAI 5552
CHÀI 1710
— 5168
— 6594
CHẢI 698
CHÁI 913
— 3129
CHAM 4076
CHÀM 205
— 6976
— 7811
CHÃM 5799
CHẢM 2406
CHẠM 2453
— 3343
CHAN 2039
— 2233
— 3008
— 4142
CHÁN 2039

CHÁN 5860
— 5929
— 6827
CHANG 2233
— 3008
— 6889
CHÀNG 264
— 5062
— 5366
CHẢNG 7665
— 8016
CHÁNG 7883
CHẠNG 3404
— 7665
— 8016
CHANH 2640
— 3438
— 3442
— 5987
CHÀNH 2784
CHÁNH 1759
— 3735
CHẠNH 5737
— 6832
CHAO 1612
CHÀO 3413
— 5205
CHÃO 6606
CHẢO 2970
CHÁO 2959
— 3627
— 4291
CHẠO 6345
CHẠP 6855
CHÁT 3937
— 5701
CHAU 1397
— 1604
— 1796
— 2207

CHAU 2901
— 3905
CHÂU 1025
— 5289
CHAY 4624
— 6765
CHÀY 1513
— 4103
— 4105
— 5449
— 6474
— 7592
CHẢY 772
CHÁY 2189
— 6737
— 7757
CHẠY 828
— 5082
— 5087
— 5097
CHẮC 2310
— 3929
— 4015
— 5701
— 7265
CHĂM 205
— 1209
— 2466
— 4016
— 6096
— 6826
— 7466
CHẮM 686
— 770
— 2067
— 4060
CHẢM 1173
CHẮM 1173
CHĂM 3343
— 4163

CHĂN 4065
— 4882
— 6230
CHẴN 4882
CHẴN 2039
CHẮN 2039
— 7059
CHẶN 2039
CHĂNG 402
CHẲNG 3647
CHẴNG 402
— 1509
CHẶNG 1509
CHẮP 697
— 2565
— 3335
— 6593
CHẶP 2565
CHẮT 3937
— 6782
— 6819
CHẶT 2265
— 3150
— 4069
— 5692
— 6364
— 6841
— 7676
— 7965
CHÂM 345
— 2406
— 4076
CHẬM 4076
CHẤM 1650
— 3522
— 6764
CHẬM 6268
CHÂN 2233
— 6266
— 7019

CHẦN	1733	CHẤY	2189	CHẸO	216	CHÌ	3804
—	2221	—	3720	CHÉP	4557	—	6706
—	3737	—	4393	—	4572	Chỉ	159
CHẤN	2039	CHE	3829	—	4944	—	214
CHẬN	7059	CHÈ	2332	—	8112	—	432
CHẤP	279	—	5035	CHÉT	1927	—	1304
—	419	—	5665	—	4397	—	2285
—	2565	CHẼ	5061	—	6159	—	2295
—	5505	CHẺ	698	CHẸT	714	CHỈ	484
—	6659	—	6303	CHÊ	586	—	681
CHẬP	2565	CHÉ	2974	CHỀ	139	—	5070
—	2984	CHẸ	2295	—	2391	CHỊ	1012
—	4326	CHẺM	6348	—	4823	—	1013
—	6647	CHÉM	549	CHẾ	892	CHIA	1153
CHẤT	3075	—	550	—	5061	—	1154
—	5701	—	2752	CHẾCH	714	CHÌA	3804
CHẬT	2265	CHEN	418	—	2417	CHĨA	3803
CHÂU	398	—	2380	—	7433	CHỊA	3803
—	1612	—	2980	CHỆCH	714	CHÍCH	894
—	2207	—	5960	—	2417	—	7905
—	3714	—	6493	CHÈM	1103	—	8116
CHẦU	3413	—	6694	—	7296	CHIẾC	2417
—	4542	—	7260	CHỄM	205	CHIÊM	205
—	4778	CHÈN	8038	—	937	—	2268
—	6282	CHẼN	7853	CHÈMH	1062	—	6914
CHẪU	3034	CHÉN	4231	—	6694	CHIẾM	205
—	3714	—	5860	CHỀNH	5970	CHIÊN	7260
—	5050	—	5885	CHẾNH	272	CHIỀN	5314
—	6654	—	7663	—	3794	CHIẾN	1505
CHẦU	441	CHẸN	7423	CHỆNH	5575	—	5933
—	2487	—	7514	—	5970	CHIỆN	6749
CHẤU	2354	CHEO	1146	CHẾT	714	CHIÊNG	4484
—	3026	—	1253	—	4131	—	6302
—	5679	CHÈO	2690	—	4132	CHIỀNG	573
CHẬU	988	—	3427	CHI	73	—	1922
—	3241	—	5391	—	139	CHIẾT	714
—	7917	—	6004	—	1179	CHIỀU	5345
CHẦY	1787	—	7981	—	1278	—	5975
—	2381	CHÉO	3053	—	1297	—	5976
—	5733	—	6999	CHÌ	1513	CHIẾU	1645

CHIẾU 3742
— 4174
— 6940
CHIM 6352
CHÌM 770
CHỈM 937
— 2244
CHÍM 205
— 937
CHÍN 507
— 1641
CHINH 1062
— 4484
CHÌNH 1945
— 6346
— 7371
CHĨNH 1945
— 2571
— 4318
CHỈNH 5970
CHÍNH 272
— 1546
CHÍT 1903
— 1927
— 6159
CHỊT 714
CHIU 2509
CHỊU 216
— 3919
— 4192
CHO 441
CHÒ 2112
CHÕ 441
— 963
— 981
— 1106
— 1214
— 2978
— 7142
CHỎ 1106

CHÓ 1252
— 4205
CHÕA 7056
CHOÁC 3928
— 4808
CHOAI 3130
— 7092
CHOÀI 2854
CHOÁI 913
CHOẠI 7248
CHOÁN 4136
— 6121
CHOANG 2640
— 2835
CHOÀNG 3635
— 5309
CHOẢNG 5390
CHOÁNG 2312
— 2902
— 3532
— 4686
CHOẠNG 7311
CHOÀNH 5093
CHOẮT 1123
CHÓC 2251
CHỌC 2251
— 3928
CHOÈ 7771
CHOÉ 2546
CHOẸ 1451
CHOÈN 2610
CHOI 892
— 3431
— 6219
— 7899
CHÒI 3431
— 6429
— 6939
CHỎI 2189
— 3898

CHỎI 6057
CHỌI 4452
— 6839
CHỌI 7301
— 7973
CHÔM 937
— 2940
— 2949
— 6135
CHÕM 937
— 7749
CHON 2972
— 5268
— 5305
CHÕN 1853
CHỌN 5373
CHONG 1105
— 1638
— 4734
— 5504
CHÒNG 5129
CHÕNG 4932
CHỎNG 4932
CHÓNG 7020
CHÓP 7345
— 7749
CHỚT 907
— 1867
— 2073
— 2478
— 2623
— 4106
— 7096
CHỌT 2478
— 2708
CHỒ 981
CHỖ 981
CHỐC 2251
— 5532
CHỒI 2134

CHỒI 2335
— 6640
CHỔI 4452
— 7482
CHỒI 2273
— 2335
— 3625
— 4941
— 7668
CHỐI 1419
— 5238
CHÔM 1750
CHỒM 3779
— 8097
CHỔM 3779
CHỒM 3779
CHÔN 5272
CHỒN 129
— 1660
— 2899
CHỒN 1853
CHỐN 1853
— 4136
CHỘN 5373
CHÔNG 5643
CHỒNG 1798
— 4482
— 4925
— 7494
— 7495
CHỒNG 4932
CHỐNG 2084
— 3739
— 4738
CHỘP 419
CHỐT 2073
— 3435
CHỘT 2708
— 3435
— 4912

CHƠ	6245	CHÚ	1214	CHỦN	4136	CHỦY	4786
CHỜ	2002	—	3738	CHUNG	2972	CHUYÊN	2610
—	2415	CHUA	1184	—	6704	CHUYỀN	3843
—	5102	—	1604	—	7563	CHUYỀN	7043
CHỞ	1793	—	2207	CHÚNG	2909	CHUYẾN	2610
—	4470		4475	CHUỐC	2251	CHUYỆN	3833
—	5617	CHỪA	392	—	2399	—	5857
—	6281	—	5313	CHUỘC	7854	CHƯ	6245
—	7575	CHỮA	1651	CHUỒI	5452	CHỪ	2415
CHỚ	3464	CHỨA	171	—	5454	CHỮ	388
—	6022	CHỨC	2181	CHUỖI	4300	—	2598
CHỢ	3154	—	2251	—	7822	—	2599
CHƠI	892	—	6678	CHUỐI	2122	—	3267
—	3790	—	7998	—	2346	CHỨ	5240
CHỚI	892	CHỰC	3086	—	5996	CHỨA	3464
—	2867	—	4471	—	7366	—	3529
—	4180	—	4472	CHUỒM	6003	—	4809
CHƠM	5786	CHUI	2579	CHUỒN	3722	—.	6245
CHỞM	2624	—	7021	CHUỒNG	7563	—	6571
—	4681	—	7746	CHUỒNG	2125	—	6572
—	6703	CHÙI	1535	—	4634	CHỬA	2002
CHỚM	1103	—	7164	—	5264	—	2415
CHỜN	5314	CHỦI	1419	CHUỘNG	1034	CHỮA	5389
CHỚN	3987	—	4452	—	1798	CHỬA	4352
—	7333	CHUM	980	—	3325	—	6501
CHỚP	3420	—	5277	—	6418	CHỨA	3468
—	6092	—	7410	—	6419	—	3748
—	7345	CHỦM	1765	CHỤP	2565	CHỨA	7307
CHỢP	2565	—	3424	—	7015	—	7541
—	6855	CHỮM	1173	CHUỐT	2708	CHỨC	2310
CHỢT	907	—	2535	—	2843	—	7254
—	1867	—	6866	CHUỘT	1251	—	7265
—	2265	—	7066	CHÚT	1035	CHỰC	1261
—	6782	CHỦM	1107	—	1123	CHỬI	587
CHU	441	CHÚM	6764	—	1463	CHƯNG	2179
—	936	—	8121	CHÚT	2615	—	5018
—	3785	CHỤM	3343	—	3360	—	5326
CHÙ	5313	—	3779	—	3378	CHỪNG	5471
CHỦ	171	CHỦN	1385	CHỤT	2478	—	7157
CHÚ	934	CHỦN	1853	CHỦY	3431	CHỪNG	1509

CHỨNG 2222
— 3739
— 7302
CHƯỚC 42
— 777
— 2401
CHƯƠNG 2640
— 2936
— 3655
CHƯỜNG 573
— 2025
CHƯỚNG 4686
— 5141
— 6078

D

DA 2319
— 2904
— 4091
DÀ 354
— 994
— 1564
— 2800
— 4091
DÃ 34
— 354
— 538
— 3101
— 6874
DẠ 34
— 994
— 1738
— 2525
— 3184
— 3675
DÁC 63
— 420
— 5067
DẠC 63
— 824
DẠC 1473
DAI 382
— 4500
DÀI 4501
DÃI 451
— 2871
— 3494
— 4183
DẢI 7249
— 7297
DÁI 439
— 966
— 6077
DẠI 2031
— 2200
— 3563
— 4123
— 4289
DÀM 5594
DÁM 3383
— 5225
DẠM 4748
DAN 670
— 1533
— 7420
DÀN 2604
— 7420
DÃN 4832
DÁN 4832
DẠN 2670
— 4832
DANG 670
— 1533
— 3337
— 7420
— 7923
DÀNG 415
— 1533
— 3337
— 3816
DÀNG 4092
— 7423
DÁNG 2822
— 5087
— 5430
DẠNG 2822
— 5430
DANH 365
DÀNH 596
— 1922
— 2191
— 2430
— 4528
— 4628
— 5706
DÁNH 6110
DAO 15
— 2405
— 4889
— 6670
DÀO 5484
— 6037
DÁO 1691
— 2744
— 5117
DẠO 4467
— 5903
— 6675
— 7022
DÁP 924
DÁT 1003
— 5346
— 7060
DẠT 4050
— 4861
DÀU 1200
DẢU 3174
DÁU 846
DAY 911
— 2622
DAY 2929
— 4744
DÀY 1746
— 6973
— 6974
DÃY 49
— 374
DÁY 1610
DẠY 966
DẶC 63
DẶM 5570
DẮM 3434
DẶM 3538
— 5742
— 7054
DẮN 4737
— 5407
DẶN 599
— 1729
— 2524
— 3191
— 6771
DẶNG 975
DẮNG 238
— 1130
DẮNG 2604
— 3777
— 3970
— 7023
DẮNG 5776
— 6934
DẮNG 957
— 6672
DẶNG 402
— 1389
— 7614
DẤT 420
— 3789
— 4739
— 6595

DẮT 6841
DẶT 3789
DẦM 2829
— 5655
— 5768
DẦM 2829
— 6880
— 7347
DẤM 4479
— 5118
DẦN 274
DẦN 2604
— 6576
DẪN 133
DẪN 702
— 2039
— 6879
— 7059
— 7649
DẬN 1729
DẦNG 5534
— 5535
DẬP 804
— 1129
— 2984
— 4326
— 4627
— 4729
— 6596
DẬT 527
— 1195
— 3789
DẦU 1002
— 1573
— 3258
— 5439
DẦU 1200
DẪU 967
— 1200

DẪU 1924
— 3174
DẤU 1924
— 2422
— 3080
— 3561
— 5089
DẬU 846
DẦY 2929
— 3648
— 4314
DẪY 451
— 7543
DẤY 439
— 4446
— 6258
— 6259
DẬY 358
— 966
— 4433
— 4446
— 6258
— 6259
DÈ 3334
— 5217
DẼ 355
— 374
DẺ 374
DẺO 1691
DÉO 1786
DẺM 7793
DÉP 6260
— 7876
— 8094
DẸP 3367
— 5968
DÊ 2979
DỀ 1225
— 1613

— 1622
— 4859
— 5217
— 5481
DỄ 1163
— 4930
— 4931
DỀ 1163
— 2533
DẾ 5678
DỆN 4737
DỆNH 1241
— 1684
— 2053
— 2657
— 3485
DỆNH 3345
DỆT 5607
— 6161
DỀU 7496
DI 382
— 2929
— 4412
— 6278
DÌ 1443
DĨ 59
— 186
DÍ 5287
DÌA 1531
— 6738
DĨA 1264
DỊA 1204
DỊCH 677
— 1163
— 1675
— 7534
— 7977
DIỆC 1163

DIỆC 6757
DIÊM 8063
DIỄM 7264
DIỄN 4832
DIỆN 1801
DIẾP 4358
DIỀU 3916
— 5172
— 7605
— 7768
DIỆU 641
DIM 7658
DÌM 6320
DIN 3283
DÍN 957
DĨNH 6110
DÍNH 1076
— 6110
DỊP 6457
DÌU 580
— 641
— 1786
— 1882
— 2066
— 5107
— 5687
— 6283
— 7499
DÍU 580
— 1526
— 1691
— 1715
— 6955
DỊU 641
— 4404
— 7499
DO 295
DÒ 2961

DÒ 3924
— 4048
— 4160
DÓ 1573
— 4099
— 6476
— 6641
DÓA 2038
DỌA 1881
— 2038
— 6376
DOÃN 126
DOANH 1684
DÓC 6122
— 7830
DỌC 1282
— 2549
DOI 478
— 2579
DÕI 2471
— 2868
DÓI 2471
DOM 6475
DÒM 3581
— 3971
— 4241
— 4919
— 6922
— 7658
DON 6043
DÒN 389
— 2100
DÕN 6328
DÓN 52
— 7313
DỌN 706
— 4051
— 5373
— 5406
— 5950

DỌN 6450
DONG 1978
DÒNG 1226
DÕNG 1349
— 3214
— 7504
DỐ 1926
— 3174
— 5073
DỐC 2251
— 3470
— 4599
— 6122
— 7143
— 7150
DỘC 2882
DỒI 1535
— 1599
— 3626
— 4029
— 4844
— 4856
DỖI 5221
— 6831
DỐI 6377
DỘI 1599
— 3820
— 5476
— 5550
DỒN 129
— 706
— 765
— 1517
DÔNG 1588
— 1978
DÒNG 990
DỘNG 1606
DỘP 6892

DỐT 1458
— 3063
— 4121
DỘT 1458
— 2013
— 3318
— 3484
— 4141
DƠ 755
— 2156
— 7187
DỜ 522
DỠ 5867
— 5962
DỞ 2709
— 5867
DỢ 7257
DƠI 1661
— 2881
— 3716
— 5677
DỜI 2929
— 6650
— 7024
DỜN 7489
— 7677
DỚN 4606
— 6547
— 6934
DỢN 133
— 2850
— 3121
— 3499
— 4843
DU 4459
— 4463
DÙ 967
— 1047
— 1200
— 2521

DỰ 3996
— 3174
— 5073
— 6237
DỪA 2081
— 3353
DỤC 1282
— 2549
— 2809
— 5333
DUỀNH 3485
DỦI 3431
— 4786
— 6292
— 7058
— 7335
— 7438
— 8045
DÚI 2471
DỤI 2065
— 3820
DŨM 3247
DỤM 937
— 3424
DUNG 1978
DÙNG 292
— 1131
— 3772
— 4734
DŨNG 1364
DỤNG 292
DUỘI 2471
— 4451
DUỐI 6859
DÚT 907
DỰT 3789
— 4181
DUYÊN 1203
— 4488
— 5592

DUYỆT 5762
DU 6337
DỮ 26
— 2658
— 4354
DỰ 4520
— 6251
— 7536
DỪA 288
— 3007
— 3542
— 3543
— 6207
— 7101
— 7515
— 7887
DỪA 2778
— 2800
— 4091
— 5031
DỨA 1563
— 4520
DỰA 4520
DỨC 1422
— 3929
— 6610
DỪNG 5534
DỪNG 84
— 2271
— 2430
— 3777
— 7023
DỬNG 238
DỰNG 1130
— 2271
DƯỢC 4366
— 7276
— 7704
DƯỚI 841
— 3549
DƯỚI 4684
DƯỢI 439
DƯƠNG 472
— 1596
— 3337
— 3816
— 4092
DƯỜNG 2822
DƯỠNG 1961
— 5776
DƯỢNG 181
DỨT 2650
— 3861
— 4738
— 6595

Đ

ĐA 380
— 2132
ĐÀ 1138
— 1197
— 3760
— 5783
ĐÃ 172
ĐẢ 261
ĐÁ 2925
— 4448
ĐÁC 1473
— 2952
— 3467
— 3784
— 7722
ĐẠC 1473
ĐAI 2632
— 4636
— 6233
ĐÀI 220
— 1746
— 5009
ĐÃI 1482
— 3494
ĐẠI 49
— 184
— 744
— 966
ĐAM 1692
ĐÀM 5689
ĐẢM 1128
— 1725
— 5936
— 6618
ĐÁM 980
— 1052
— 2231
— 2560
— 3706
ĐAM 2826
ĐAN 72
— 3228
ĐÀN 5322
— 5879
— 5993
— 6466
ĐÁN 266
ĐẠN 6559
ĐANG 394
— 4213
ĐÀNG 1936
ĐÃNG 6199
ĐẢNG 1846
— 7609
ĐÁNG 4213
— 5937
ĐANH 791
— 2404
ĐÀNH 84
— 255
— 2430
— 3200
ĐÀNH 3324
ĐẢNH 3122
ĐÁNH 261
— 3361
ĐAO 15
— 254
ĐÀO 861
— 1441
— 2117
— 2395
— 2691
— 2824
— 6499
ĐẢO 1825
— 1988
— 4025
— 7477
ĐÁO 890
ĐẠO 3577
— 4467
ĐÁP 3618
ĐẠP 1194
— 5710
ĐÁT 1074
ĐẠT 3784
ĐAU 212
— 254
— 792
ĐÁU 890
— 1391
ĐAY 517
— 3014
— 3444
ĐÀY 220
— 1746
— 3359
ĐÃY 1045
— 1046
— 3045
— 5684

ĐẢY	1482	ĐẮP	5358	ĐẤU	2422	ĐEN	8185
ĐÁY	1051	ĐẮT	979	—	2751	ĐÈN	1643
—	1949	—	5702	—	7606	—	6042
—	2852	—	6317	—	8062	ĐẺN	5052
—	6824	ĐẶT	3784	ĐẬU	743	ĐÉN	2857
ĐẮC	2645	—	5220	—	826	ĐẸN	4221
ĐẶC	2190	—	5362	—	3088	—	5397
ĐĂM	191	ĐẦM	345	—	3555	—	5948
—	1692	—	1107	ĐÂY	517	ĐEO	15
—	4845	—	1359	ĐẦY	1746	—	258
ĐẮM	5465	—	2730	—	3487	—	3126
ĐẪM	770	—	3798	—	6979	ĐÈO	258
ĐẮM	770	—	5936	ĐẪY	1482	—	1042
—	4155	—	7725	—	4342	ĐẼO	3126
—	4845	ĐẦM	5465	ĐẦY	1482	—	3862
ĐẮN	5322	ĐẪM	3773	—	2721	—	4025
ĐẪN	1128	ĐẤM	1107	—	3357	—	4753
—	5751	ĐẬM	5465	ĐẤY	1470	—	7025
ĐẮN	266	ĐẦN	84	ĐẬY	1045	ĐÉP	4193
—	1128	—	2731	—	1046	ĐẸP	3323
ĐẶN	5337	—	4717	—	1482	—	5929
—	6559	ĐẬN	5337	ĐE	2243	—	6960
ĐĂNG	462	—	6556	ĐÈ	3334	—	7834
—	3568	ĐÂNG	7564	ĐẼ	1051	ĐÉT	1003
—	6042	—	8043	—	1999	—	1259
—	6935	ĐẤNG	3612	—	2014	ĐẸT	1447
ĐẮNG	1936	—	4213	ĐẺ	3667	ĐỀ	3231
—	5247	—	4545	—	4215	—	3817
—	7275	ĐẬP	697	—	7154	ĐỀ	3334
—	7584	—	2572	ĐÉ	1051	—	4101
ĐẴNG	5736	—	2722	—	4368	ĐỄ	2014
—	6199	ĐẤT	979	ĐEM	164	ĐỀ	1051
ĐẮNG	3612	—	4649	—	191	ĐẾ	1470
ĐẮNG	6196	ĐẬT	3784	—	1107	—	4368
—	6857	ĐÂU	310	—	1794	—	6261
—	7123	—	2442	—	3100	ĐỆ	673
—	7657	ĐẦU	710	ĐÉM	1665	—	2953
ĐẶMG	5736	—	6329	—	6764	—	3097
ĐẮN	4031	ĐẦU	141	ĐEN	7357	—	5108
—	5270	ĐẤU	141	—	7910	ĐÊM	3401

ĐÊM	3664	ĐIẾC	1259	ĐÌNH	5765	ĐOÀN	4633
—	3961	—	4995	ĐĨNH	2404	ĐOẢN	3590
ĐẾM	6764	—	7268	—	5746	ĐOÁN	3389
ĐỆM	2949	ĐIỀM	1502	—	6293	—	6850
—	4641	ĐIỂM	1650	ĐỈNH	3122	ĐOẠN	1373
—	7000	—	6764	—	4527	—	3389
ĐỀN	986	ĐIẾM	980	ĐÍNH	1776	—	5590
—	3953	—	1052	—	2404	—	6850
—	4128	—	2663	ĐỊNH	1030	ĐOẢNG	1491
—	5889	ĐIỆM	980	ĐÍT	1259	ĐOẠT	4657
—	6906	—	1052	—	6177	ĐỌC	7720
ĐẾN	266	ĐIÊN	7357	ĐIU	6651	—	7851
—	883	—	8011	—	7844	ĐỌI	3820
—	2999	ĐIỀN	294	ĐÌU	5687	—	5221
—	3775	—	515	ĐÍU	597	—	5283
—	5011	—	3953	ĐO	3793	—	5350
ĐÊNH	278	ĐIỄN	883	—	5401	—	7315
ĐỆT	787	ĐIỆN	4128	—	6284	ĐỎI	5609
ĐÊU	2643	ĐIẾNG	218	—	6285	—	6956
ĐỀU	5687	—	4128	ĐÒ	2003	ĐÓI	241
ĐI	2582	ĐIỆP	3870	—	3467	—	5777
ĐÌ	1740	—	4193	—	4160	—	7972
—	5217	—	5668	—	5640	ĐỌI	6557
ĐĨ	122	—	6238	—	6190	ĐOM	1237
—	638	—	7930	ĐỎ	743	—	1739
—	2594	ĐIÊU	16	—	5084	ĐỎM	1648
ĐỊA	459	—	861	—	6256	ĐÓM	1648
—	5481	—	7383	—	7308	—	5051
—	7647	ĐIỀU	2785	—	7948	—	6764
ĐĨA	1955	—	5687	—	7949	ĐON	3385
—	2923	ĐIẾU	132	ĐÓ	1019	ĐÒN	1185
—	2924	ĐIỆU	2655	—	4955	—	1677
—	3650	—	2934	ĐỌ	1473	ĐÓN	1313
—	4253	ĐINH	4	ĐÓA	443	—	4521
ĐỈA	5053	—	218	ĐỌA	5269	—	5226
ĐỊA	379	—	2404	ĐOÁC	2126	ĐONG	1105
ĐÍCH	1259	ĐÌNH	84	ĐOÁI	533	—	1547
—	4662	—	671	—	3584	—	1792
ĐỊCH	2938	—	1332	ĐOAN	4940	—	2713
—	5408	—	2009	ĐOÀN	1373	ĐÒNG	886

ĐÒNG	2344	ĐỒI	1536	ĐỜ	1197	ĐỦA	4279
—	2931	—	6451	ĐỠ	1138	ĐỨC	4067
—	5121	—	7801	ĐỜ	1138	—	7143
ĐỎNG	4356	ĐỐI	241	—	1357	—	7450
—	4696	—	4679	—	2925	—	8044
—	5837	—	8110	ĐỢ	1138	ĐỤC	6020
ĐÓNG	2713	ĐỘI	3820	ĐỜI	184	—	7720
—	3422	ĐỐM	1648	—	1818	—	8044
ĐỌNG	1606	ĐỒN	3385	ĐỢI	1482	ĐUỀNH	3324
—	3858	—	5268	ĐƠM	191	ĐUI	6094
—	4854	ĐỒN	129	—	1107	ĐÙI	5632
ĐÓT	3443	—	581	—	3380	—	7026
ĐỌT	4264	—	3062	ĐỜM	4218	—	7501
—	4372	ĐỐN	581	ĐƠN	3228	ĐŨI	6956
—	5674	—	706	ĐỚN	2220	—	7497
ĐÔ	3793	—	4521	ĐỚP	3618	ĐỦI	7990
ĐỒ	2003	ĐỒNG	192	—	5260	ĐỤI	3820
—	3087	—	1168	ĐỚT	1003	—	5265
—	3275	—	1857	—	5220	—	5269
—	3950	ĐỒNG	364	ĐỢT	3784	ĐÙM	3051
—	4632	—	1437	ĐU	3793	—	5383
—	4807	—	3610	—	6010	—	6957
ĐỖ	743	—	3615	—	7079	ĐÚM	980
ĐỒ	743	—	4537	ĐÙ	1473	ĐUN	5396
—	6254	—	5121	—	5845	—	6043
ĐỐ	637	—	6549	ĐỦ	1473	ĐÙN	581
—	1019	ĐỒNG	2573	—	4907	—	653
ĐỘ	1473	—	3422	—	5092	—	1238
ĐỐC	4233	ĐỘNG	1606	—	6010	—	2353
ĐỘC	1190	—	2457	—	6267	—	5277
—	1656	ĐỐT	1640	—	7706	—	5673
—	6064	—	1753	—	7951	ĐỤN	669
ĐỒI	2579	—	3507	—	7952	ĐÙNG	364
ĐỒI	1041	—	4045	ĐÚ	1019	—	1400
—	1664	—	4184	ĐUA	3783	—	1606
—	2579	—	4377	—	5230	ĐŨNG	4356
—	5276	ĐỘT	1458	—	5401	ĐỦNG	4356
—	7151	—	1703	—	7316	ĐÚNG	4356
ĐỔI	3820	—	5606	ĐÙA	4755	ĐỤNG	530
—	5276	ĐƠ	380	—	5230	—	2457

ĐUỐC	6512	ĐƯỢC	2645			GẠCH	7472
—	7450	ĐƯỜI	5009			—	7662
ĐUỘI	6823	—	6530	È	1421	—	7937
ĐUỖI	4434	ĐƯỢM	2826	—	4229	GAI	2345
—	7048	ĐƯỜN	5881	Ế	5209	—	6151
—	7707	ĐƯỠN	1725	—	6015	GÀI	2714
ĐUỐI	2154	ĐƯƠNG	394	—	7745	—	7165
—	6502	—	4213	ẾCH	6222	GÃI	2079
—	7209	ĐƯỜNG	1936	ÊM	2839	GÁI	640
—	8111	—	2577	ẾM	2700	GẠI	2926
ĐUỒM	5231	—	3951	—	4563	GAN	809
ĐUỖN	3590	—	6140	—	6368	GÀN	2641
ĐUÔNG	6991	ĐỨT	552	ỄNH	2425	GÁN	5943
—	7289	—	979	—	3186	GẠN	1398
ĐUỘT	1703	—	2967	ỆN	4608	—	1516
ĐỤP	2967	—	3861	ÊU	598	—	1601
ĐÚT	3348					GANG	2724
—	5707	**E**		**G**		—	3975
ĐƯ	1609	E	1309			—	4560
ĐỪ	1197	—	1421	GÀ	7601	—	5755
ĐƯA	2392	—	1514	—	7772	—	6290
ĐỪA	2392	—	3308	GÃ	1008	GÀNG	2641
ĐỬA	4	È	1399	—	1026	GANH	628
—	84	—	1421	—	4214	—	1241
—	857	É	6631	GẢ	1008	—	7481
—	2305	EM	1811	—	2593	GÀNH	4246
ĐỨC	5325	—	2587	—	3966	GÁNH	2083
ĐỰC	2190	ÉN	6047	GÁ	1008	GÀO	1883
ĐƯNG	3568	—	8169	—	1563	—	6371
ĐỪNG	84	EO	119	GẠ	1008	GÁO	2775
—	878	—	397	—	2483	GẠO	4291
—	2430	—	1442	GÁC	1539	—	7239
—	5192	—	4335	—	5131	GẠT	1137
ĐỨNG	6570	ẺO	1189	—	6444	—	4420
—	7314	ÉO	1442	—	6860	GÀU	2172
ĐỰNG	5736	—	3355	GẠC	361	—	5990
—	6808	ÉP	1100	—	4416	—	6120
ĐƯỚC	2190	—	2515	GẠCH	791	—	6943
—	6007	—	7424	—	5520	—	7814
ĐƯỢC	2190	ẸP	1100	—	7144	GAY	1432

GÃY 703
— 2079
— 4761
GẢY 703
— 2079
GÁY 594
— 4626
— 5165
— 7681
— 7751
— 7884
GĂM 2406
GẮM 5547
GẮM 6295
— 6916
GẶM 568
— 2477
— 5827
— 7791
GẮN 3071
— 4629
GẮN 1420
GẮNG 311
— 858
— 900
— 901
GẮP 697
— 3356
GẶP 111
— 1318
GẮT 121
— 895
— 5849
GẶT 475
— 1534
— 2932
— 5693
— 6569
GẤC 3421
GẦM 1929
GẦM 5245
— 5834
GẪM 568
— 5827
GẤM 6295
GẬM 1951
GẦN 3616
GẦN 2374
— 3071
GẤP 697
— 1488
— 4546
GẬP 654
— 3078
GẶT 361
— 422
— 1534
— 2315
— 3836
— 5773
GẤU 4204
— 6234
— 7250
GÂY 1432
— 1528
— 2714
— 4476
— 5741
— 6698
— 7487
GẢY 2714
— 4230
— 6970
— 8085
GẬY 2788
GHE 3874
— 5561
— 6775
— 7507
— 7683
GHE 7684
GHÈ 6405
GHẼ 703
GHẺ 793
GHÉ 4752
— 6095
— 7272
GHẸ 4400
GHÉM 5198
— 6470
— 7282
GHEN 4701
GHÈN 6091
GHẸO 932
— 5216 5246
— 6776
— 7794
— 8015
GHÉP 697
— 2715
GHÉT 1503
— 5244
— 5347
GHẾ 3874
— 5259
— 5561
— 6775
GHỀ 7409
GHẾ 14
— 2449
— 4112
— 4118
— 5432
GHẾCH 2114
— 6440
GHỀNH 2570
— 2627
— 2628
— 2856
— 4246
GHỀNH 4554
— 5721
GHI 2369
— 6139
— 7487 ~~8487~~
— 8018.
GHÌ 1513
— 2714
GHIẾC 1504
GHIM 1320
GHÍM 7368
GO 1016
GÒ 2569
— 4644
— 4980
GÕ 1142
— 2719
— 3342
— 5014
GÓA 4465
— 4669
GÓC 584
— 824
— 2756
— 4425
— 5069
GỎI 6179
— 6739
— 7983
GÓI 5964
— 7243
— 7298
GỌI 5258
GOM 4038
GON 3417
GÒN 3417
GỌN 2360
— 5692
— 6597
GONG 337

GÓP 362
— 3632
— 5378
GÓT 6679
GỌT 196
— 3149
— 4052
GÒ 7387
GÒ 4815
GỖ 1561
— 3133
— 4114
— 4815
GỐC 2781
GỘC 2781
GỐI 7298
— 7881
GỘI 5462
— 6016
GỒM 3856
— 5821
— 6439
— 6766
GỐM 5890
GỘNG 748
GỒNG 57
GỘP 362
GỘT 4144
GỠ 3792
— 7166
GỞ 7159
— 7432
GỢ 1983
GỢI 2079
— 4736
— 5394
GỚM 6778
GỢN 2850
GỢT 2808

GU 1809
— 4644
GÙ 822
— 6350
— 8145
GỤ 3433
— 5991
GÚA 6538
GỤC 652
GÙNG 1891
— 6779
GỪNG 2373
GUỐC 2790
— 5433
— 5718
GUỘC 3567
GUỐT 7072
GỨT 2420
GUY 662
GỬA 3466
GỬI 728
— 1923
— 2079
— 2603
— 3021
— 4752
GỪNG 2301
— 5663
— 6632
— 7279
GƯƠM 5198
— 7064
GƯỜM 4240
— 5547
GƯỢM 4240
— 6085
GƯƠNG 4986
GƯỢNG 2641

GI

GIA 198
— 1977
GIÀ 525
— 1577
— 6171
GIÃ 34
— 354
— 2811
— 3184
— 5640
GIẢ 1275
GIÁ 318
— 1104
— 1563
— 2816
— 3966
— 4971
— 5180
— 5646
— 5781
— 6574
— 7348
GIẠ 4077
— 5571
GIÁC 7528
GIAI 862
— 1680
— 3821
GIÃI 828
— 2871
— 3188
— 4193
— 4413
GIẢI 828
— 4685
— 4413
— 5604
— 5675

GIẢI 6065
— 6156
— 7249
— 7287
GIAM 4906
— 6445
GIẢM 3465
GIẠM 713
— 6375
GIAN 384
— 1446
— 3809
— 6626
GIÀN 667
— 2121
— 6008
— 7810
GIẢN 6934
GIÁN 5676
— 6241
GIANG 458
— 748
— 3621
— 3816
GIÀNG 3337
GIẢNG 6668
GIÁNG 2416
— 3330
GIẠNG 1477
GIÀNH 1241
— 2529
— 3438
— 4943
— 6130
GIAO 312
— 3715
— 5621
GIẢO 3630
GIÁO 1653

GIÁO 2744
— 4785
— 7336
GIÁP 296
— 636
— 1989
GIÁT 2680
GIẠT 1195
— 2823
— 4050
— 7710
GIÀU 5648
— 6426
GIÀY 4904
— 5770
— 6265
— 7080
GIÃY 3776
— 6264
GIẠY 4068
— 4726
GIẶC 4431
GIẮM 4046
GIẪM 6268
GIẶM 1538
— 3477
GIĂNG 458
— 1533
— 4968
GIẰNG 402
— 415
— 1477
— 7288
GIẮNG 957
GIẶP 2984
GIẶT 5480
GIẤC 2310
— 3929
— 7265
GIẦM 7632

GIẦM 4762
— 6002
GIẪM 3461
GIẤM 6287
— 7559
— 7718
GIẬM 5605
— 6268
— 6500
— 8088
GIẦN 7810
GIẬN 1493
— 2023
— 2413
— 3887
— 4014
GIẬNG 1738
GIẤP 5658
GIẬP 2565
— 4759
GIẬT 1789
— 2265
GIÂU 2112
GIẤU 69
— 2054
— 7049
— 7606
— 8146
GIẬU 2792
— 2945
— 3017
— 5448
— 6861
— 7230
GIẦY 73
— 2099
GIẦY 1513
— 5589
GIẪY 423
— 698

GIẪY 1603
— 2077
GIẦY 423
GIẤY 4314
— 7251
GIẺ 4309
— 5310
— 6756
— 7388
GIẺ 2930
GIỀM 8123
GIEO 1146
— 1540
— 4027
GIÉO 932
GIẸO 216
GIẸP 296
— 2613
— 5654
GIÊ 2274
GIỄ 1705
GIẾC 6743
— 7102
— 7103
— 7759
GIẾM 205
— 2704
GIỀN 4379
— 7278
— 7690
— 8027
GIÊNG 1560
— 6114
GIỀNG 1684
— 2439
— 3485
— 4302
GIẾNG 756
— 3059
GIỀNH 1062

GIẾT 714
— 5959
— 7425
GIỆT 1418
GIỄU 932
GÌ 73
— 382
— 1405
GÌN 5314
— 6446
— 7423
GÍT 714
GỊT 7246
GIÒ 5007
— 6133
— 6681
GIỎ 2948
GIÓ 4459
— 6696
— 7880
GIÓC 2251
GIÒE 2471
GIOÈN 2241
GIỜI 3727
— 7842
GIỎI 5550
GIỚI 1536
— 2471
GỌI 2471
— 2868
— 5383
GION 3385
GIÒN 1677
GIỎN 572
GIONG 1792
— 2972
— 3771
— 4139
— 5784
GIÒNG 1226

GIỎNG 5088
GIÓNG 1857
— 1978
— 3530
— 4738
GIỌNG 928
— 3199
— 4609
GIÓT 2575
GIỌT 2530
— 3484
GIÒ 6945
GIỖ 963
— 7175
GIỜI 1535
GIỒI 2134
— 6862
GIÔN 6043
GIÔNG 3724
— 4139
— 7358
GIỒNG 176
— 990
— 1435
GIỐNG 2267
— 4932
— 4934
— 5743
— 6981
GIỘP 2565
GIỐT 907
GỊO 1104
— 2081
GIỜ 2002
— 2763
— 4777
GIỞ 2505
— 5867
— 5962
GIỚ 3758

GIỚI 5049
GIỚI 89
— 694
— 1671
— 2804
— 2867
— 4180
GIỚM 4906
GIỢM 4906
GIỠN 133
— 4832
— 6934
GIỖ 7615
— 7630
GIỢT 6881
GỈU 6448
— 6476
GÍU 1214
GIỦA 4115
GIỮA 5749
— 7962
GIỤC 2809
— 3086
— 4612
GIỦI 7048
GIỤI 1535
GIỦM 292
— 5277
GIUN 2353
— 6991
GIỦNG 3280
GIUỘC 42
GIUỐNG 2416
GIÚP 2565
— 3867
— 4036
— 4759
— 6807
GIỮ 874
— 1133

GIỮ 1532
— 2598
— 2599
— 2600
— 2709
GIỮA 1460
— 1979
GIƯƠNG 1533
— 2640
— 2913
GIƯỜNG 667
— 1243

H

HA 1913
— 4569
HÀ 964
— 1198
— 3031
— 5666
HẢ 964
— 4080
HÁ 964
— 3885
— 5255
HẠ 25
— 1958
— 3758
— 4080
HẠC 7765
HÁCH 370
— 5085
HẠCH 902
HAI 600
HÀI 1454
— 5770
— 6240
— 6341
HÃI 1500

HÃI 6369
HÁI 3352
— 4061
— 5029
— 6306
— 7065
HẠI 1975
HAM 4517
— 5874
— 5930
HÀM 571
— 1929
— 2547
— 4340
— 6330
HÃM 3115
HÁM 4517
— 5225
— 5838
— 5916
HẠM 2205
— 7506
HAN 3936
— 4566
HÀN 3264
HÃN 808
— 2015
HÁN 4836
HẠN 730
— 1800
HANG 4938
— 6252
— 6336
HÀNG 494
— 2109
— 2325
— 2416
HẢNG 3830
HÁNG 3830
— 4836

HẠNG 3830
HANH 508
— 7583
HÀNH 494
— 2109
— 2338
— 3010
— 6229
HÃNH 1826
— 2654
HẢNH 2869
HẠNH 494
— 740
— 1050
HAO 1902
— 2307
— 4147
HÀO 2812
— 5081
— 6371
— 6404
HÃO 385
HẢO 385
HÁP 561
HÁT 1396
— 3171
— 3900
HẠT 1556
— 1708
— 1714
— 2818
— 6024
— 6689
HAU 6373
HÀU 6264
— 7521
HÁU 385
HAY 965
— 1406
— 3451
HÃY 1417
— 1912
— 6339
HÁY 5544
HẮC 3835
HẶC 902
HĂM 4517
— 5930
HẮM 1929
— 5930
HẲM 3115
HẮN 1433
— 1493
— 5348
HẮN 531
— 1353
— 8101
HĂNG 5638
— 5930
— 6187
HẮNG 1381
— 7127
HẮT 3
— 39
— 121
— 839
HẮC 356
HÀM 4190
— 6514
HẦM 1929
— 1953
— 2866
— 6514
HẦM 5874
— 6952
HẤM 5874
HẬM 5874
HÂN 1187
HẤN 3035
— 5136
HẤN 8101
HẬN 1493
HẤP 578
— 1068
— 3652
— 5208
HẤT 356
— 2367
HẬU 6759
— 7773
HẦU 1333
— 1831
— 3166
— 3531
HẤU 5026
— 6074
HẬU 366
— 1371
— 1485
HẢY 4172
HẢY 2158
— 4061
— 4874
HE 644
— 7109
HÈ 1958
— 3159
— 3955
— 3956
— 4652
HÉ 6438
— 6833
HỆ 4376
HEM 3967
HÈM 6143
— 7240
HẺM 6316
HỆM 4676
HEN 2384
— 3936
HEN 5531
HÈN 3849
— 5697
— 6822
— 6828
HẸN 1420
— 1800
— 2884
— 3210
— 4593
HÈO 6477
HẺO 4605
— 5218
— 5418
— 5974
HÉO 2870
— 3565
HẸP 2193
HÉT 3171
— 5861
HÊ 664
HỀ 95
— 609
— 1340
— 1962
— 3933
HỄ 1340
HỀ 1340
HỆ 807
HẾCH 422
— 902
HẾN 4387
— 7848
— 8137
HỀNH 2987
HẾT 3171
— 4125
— 5419
HÊU 7788
HỀU 5974

HẾU 385
HI 1911
— 5207
HÌ 1911
— 3602
HỈ 799
HÍ 1911
HIA 6327
— 7353
HỊCH 6467
— 7774
HIỀM 3967
HIỀM 6316
HIẾM 6316
HIỆM 7537
HIÊN 2384
HIỀN 5697
HIỀN 7969
HIẾN 4195
— 5917
— 7455
HIỆN 2884
HIẾNG 4918
HIẾP 2314
HIỆP 908
— 1345
HIẾU 385
— 645
HIỆU 228
— 899
— 2089
— 4381
HIM 6917
HÌNH 344
— 675
HỈNH 2987
— 6449
HÍP 2900
HÍT 3171
— 4125

HIU 1382
— 7788
HY 664
HO 942
HÒ 942
— 3211
— 5683
HÓ 4569
HỌ 136
— 1092
HOA 1300
— 2740
— 3687
— 4360
HÒA 946
HỎA 157
HÓA 102
— 3070
HỌA 1267
— 3551
— 4927
HOÁC 6318
— 6403
HOẠCH 1256
— 3551
— 4555
— 6531
— 7228
HOẠI 627
— 7139
— 7795
HOÀI 2854
— 7158
HOẢI 627
— 7139
HOẠI 627
— 7139
HOAN 447
— 7809
HOÀN 29

HOÀN 649
— 6695
HOÁN 3169
HOẠN 2651
— 4426
HOANG 2341
HOÀNG 1681
— 3302
— 3320
— 3834
— 6561
HOẢNG 1083
— 1491
— 4006
HOÀNH 5989
HOẢNH 3483
HOẠT 1614
HOÁY 1673
HOẮC 1091
— 6318
HOẶC 1091
— 3305
HOẮT 6300
HOẮM 3115
HOĂN 5001
HOẴN 4351
HOẴNG 5173
HÓC 435
HỌC 5899
HOE 4789
HÒE 4789
HOẺM 131
HOÉT 493
HOẸT 929
HOI 351
— 464
— 1654
HỒI 1475
— 1483
— 1654

HỒI 1889
HÓI 1616
— 5469
— 6016
HOM 4126
— 7724
HÒM 889
— 2776
— 3452
— 4113
HỎM 3115
HÓM 5916
— 5919
HON 3520
HÒN 29
— 375
HỎN 4622
HONG 2178
— 3410
HÒNG 1611
— 2539
— 3217
— 4012
HỎNG 120
— 5136
HÓNG 1236
— 2178
HỌNG 1413
— 3217
HÓP 1426
HỌP 362
HÓT 2540
— 6378
HÔ 942
— 1038
— 4210
HỒ 174
— 1247
— 3249

HỒ	3528	HỒNG	2997	HƠN	1187	HỦI	6908
—	4365	—	3244	HỜN	1493	—	6909
—	5586	—	4891	—	6828	HỰI	2016
—	5667	HỒNG	1611	HỚN	4836	—	4679
HỖ	78	—	1713	—	6379	HUM	4126
HỒ	78	—	6746	HỚP	578	HÙM	2205
—	1307	HỒNG	120	HỢP	362	—	5694
—	2673	—	585	HỚT	39	HUN	3520
—	3537	—	5136	—	356	—	4865
HỘ	136	HỐNG	585	—	4070	—	6890
—	7700	HỘP	561	HỢT	6689	HÙN	5167
HỐC	4623	—	905	HU	352	HUNG	97
HỘC	2749	—	1426	—	1879	—	199
HỒI	464	—	2905	HŨ	376	—	332
—	1416	HỐT	1068	—	3249	—	1492
—	3243	—	2540	—	4982	HÙNG	3823
HỒI	188	—	2661	HỦ	444	—	4864
—	1416	—	2739	—	4996	HÚNG	1761
—	1475	HƠ	2861	HÚ	4569	—	3920
—	1483	—	3025	—	4570	—	4480
—	2397	HỜ	1913	HỦA	699	—	6741
HỒI	2759	—	2415	—	946	HUỐNG	540
HỐI	2016	—	4570	—	6239	HUƠ	2740
—	4430	—	5140	HUÂN	3153	HUƠI	3369
—	5078	HỞ	800	HUẤN	2366	HÚP	578
HỘI	330	—	3066	HÚC	1143	—	1395
—	4088	—	4571	—	2459	—	5207
HỒM	4517	—	4713	—	7529	HỤP	5477
—	6462	HỚ	3066	HỤC	2459	HÚT	578
HỒM	4517	HƠI	664	—	7529	—	2540
—	7027	—	1911	HUỀ	5365	HỤT	1714
HỒN	1162	—	6495	—	7631	—	2540
—	2678	HỜI	873	HUẾ	102	HUY	3369
—	5054	—	1454	HUỆ	3306	—	5727
HỒN	5167	HỠI	440	—	6195	HỦY	4126
HỖN	2836	—	1417	HUỀNH	7713	HÚY	6242
HỒN	2886	—	1912	HUỲNH	3038	HUÝCH	7099
HỘN	2836	HỞI	1912	HUI	351	HUYỀN	3173
HỒNG	1630	HỢI	313	—	1416	—	4079
—	1723	HỢM	1929	HÙI	1475	HUYỀN	286

HUYỄN 131
HUYỆN 6149
HUYẾT 493
HUYỆT 306
HUYNH 187
HUỲNH 4866
— 6213
HƯ 3025
HỪ 4569
— 4570
HỮ 3066
HỬ 4570
HỨ 941
— 4570
— 4571
HỰ 4570
HƯA 3025
HỨA 3066
HỰC 3521
— 4875
HƯNG 537
— 5638
— 6187
HỪNG 7449
HỮNG 5157
— 5254
HỬNG 2869
— 6187
HỨNG 7172
— 6 87
HƯỚC 6665
HƯƠM 2866
HƯỢM 5694
HƯƠNG 1806
— 4474
HƯỜNG 1713
HƯỞNG 855
— 1381
— 7121
HƯỚNG 369

HƯƠU 1655
— 4427
— 8083
HƯU 328
HỮU 112
— 226
HY 664
— 7454
HỸ 802
HỶ 3170

I

Ì 323
ỈA 5588
ÍCH 2230
ỊCH 109
IM 2635
— 2700
— 2839
IN 349
INH 3186
— 7398
ÍNH 5603
ÍT 167
ỊT 1383
IỦ 119

K

KE 7767
KÈ 2714
KẼ 14
— 703
— 1778
KẺ 14
— 101
— 1778
KÉ 2603
KẸ 66

KẸ 2426
— 2603
KÉC 6752
— 6753
KEM 1847
KÈM 1847
— 3797
— 4487
KẼM 3797
— 7727
— 7960
— 8102
KÉM 5198
KÈN 6137
— 6138
— 6707
KÉN 823
— 2062
— 2884
— 4307
— 7244
KẸN 6589
KENG 2578
KẺNG 7331
KEO 5621
— 7991
KÈO 5399
— 5985
KẼO 5216
— 6554
KẺO 6554
KÉO 1110
— 2063
— 4308
— 4485
— 5399
— 7426
— 7716
KẸO 6951
KÉP 296

KÉP 1488
— 4976
KẸP 697
KÉT 1396
KẸT 2808
— 4742
— 6104
KÊ 1778
— 3277
— 3617
KỀ 2714
— 3414
— 4990
KỀ 703
— 1778
— 2448
KẾ 1778
— 4295
— 7490
KỆ 66
— 2426
KẾCH 5197
KỆCH 5197
KÊN 7903
KÊNH 2162
— 4848
KỀNH 7364
KỄNH 3526
KẾT 3628
KÊU 215
— 5216
— 8078
KI 5988
KIA 4945
KÌA 4945
KÍCH 3296
— 6019
KỊCH 5197
KIÊM 1847

KIỀM 4487
KIẾM 5198
KIỆM 5185
KIÊN 2541
— 2578
KIỀN 4802
KIẾN 823
— 1474
— 4387
KIỆN 317
— 2431
KIÊNG 856
— 2578
— 2660
— 4580
— 4650
KIỀNG 4977
— 6301
— 6707
KIỄNG 6674
KIỂNG 3391
KIẾP 897
KIẾT 3628
KIỆT 1171
— 2115
— 2808
— 3133
— 4939
KIÊU 7878
KIỀU 4530
— 5284
KIỂU 1180
— 4533
— 5186
— 6554
KIẾU 589
KIỆU 7324
KIM 88
— 1320
— 2406
KÌM 3797
— 4487
— 5793
KÌN 2349
KÍN 6664
KỊN 317
KINH 856
— 2660
— 7976
KÌNH 7364
— 7608
KÍNH 4075
— 7331
KÍP 111
— 1488
— 4187
KỊP 111
KỊT 2808
KÍU 215
KỲ 881
— 996
— 3414
— 7390
KỸ 14
— 324
— 638
— 703
— 1709
KỶ 14
— 60
— 1709
KÝ 2369
KỴ 678
— 7091

KH

KHA 1871
KHẢ 219
KHÁ 219
— 964
KHÁC 1501
KHẠC 3219
— 1380
KHÁCH 1456
KHAI 3808
KHẢI 3143
KHÁI 1417
— 4206
— 4699
— 4886
KHẠI 6575
KHAM 3232
— 3282
KHẢM 625
KHÁM 1368
— 2458
KHAN 1694
— 2424
KHẢN 1694
KHANG 2638
KHẢNG 81
— 685
— 4704
KHÁNG 712
KHẠNG 3082
KHANH 1868
KHẢNH 3391
KHÁNH 5332
— 6102
— 6608
KHAO 4147
— 4783
— 5560
KHÀO 6380
KHẢO 430
— 477
— 1511
— 2180
KHẠO 213
KHẠP 905
KHÁT 3474
KHÁU 2607
KHAY 5994
— 6205
KHẢY 4736
KHÁY 3885
KHẮC 532
— 895
— 2543
KHĂM 625
KHẮM 7912
KHĂN 61
KHẢN 4962
KHẮN 5872
— 6431
KHĂNG 2638
— 4704
KHẲNG 1280
— 3453
KHẮNG 5873
KHẮP 1212
— 2153
— 3335
KHẮT 33
— 895
KHẤC 895
KHÂM 2363
— 3455
— 3802
KHÂN 61
KHẦN 4970
— 5875
— 6431
KHẤN 3918
— 6431
— 7400
KHẬP 905
KHẤT 33
KHẬT 356
— 1890

KHÂU 416
KHẦU 45
KHẤU 213
— 416
— 2607
KHE 4138
KHÈ 1440
KHẼ 5561
KHẺ 5561
KHÉ 1440
KHEM 3891
— 4820
— 7401
KHÉM 757
KHEN 926
— 3221
KHEO 169
KHÉO 3606
— 6554
KHÉP 1082
— 2715
— 2723
— 4009
KHÉT 4189
KHÊ 4138
— 6671
KHỀ 1440
— 3227
— 4811
KHỀNH 7531
KHÊU 1126
— 1519
— 4440
KHỀU 1519
KHỀU 4440
KHI 3454
KHỈ 4206
KHÍ 2143
— 5203
— 5829

KHÍA 1440
KHỊA 3227
KHỊCH 4506
— 6019
KHIÊM 6667
KHIẾM 148
KHIỀN 3995
KHIỀN 5110
— 7699
KHIẾN 5110
— 7699
KHIÊNG 1183
— 2703
— 5395
— 6441
KHIẾP 1082
KHIẾT 5460
KHIÊU 1519
KHIẾU 215
— 6932
KHÍN 7492
KHINH 5105
KHỈNH 1931
— 3123
KHÍT 1440
— 3317
— 5460
— 7805
KHỊT 3227
KHÍU 6932
KHO 1997
— 3293
— 4178
— 4179
KHÒ 1561
KHÓ 1306
— 1997
— 7156
— 7280
KHOA 383

KHOA 1701
— 4424
KHỎA 5060
— 5686
— 6722
KHÓA 5126
— 5686
— 6291
— 7056
KHOÁC 7167
KHOẠCH 4604
KHOAI 377
— 815
— 7686
KHOẢI 2695
— 4399
KHOÁI 684
— 5832
— 6179
KHOAN 3973
— 5292
— 7958
KHOẢN 2810
— 3456
KHOANG 2120
— 3681
— 6416
— 7682
KHOẢNG 2605
— 7173
KHOÁNG 7173
— 7470
KHOANH 3848
KHOẢNH 3123
KHOÁT 1508
KHOẮC 4587
KHOĂN 3973
— 5792
— 6781

KHÓC 1901
KHOE 4424
KHỎE 904
— 4438
KHÓE 1490
— 2911
— 3931
— 4415
— 4908
— 5546
KHOEN 2556
KHOEO 1736
KHOÈO 6269
KHOÉT 705
— 3800
— 4556
KHỎI 3943
KHÓI 4876
— 6515
— 6518
KHOM 3232
— 3802
— 6539
— 6667
KHÒM 6667
KHÓM 625
— 3018
— 6473
KHỌN 783
— 2198
KHỎNG 120
— 1270
KHỖ 1561
KHỖ 1306
— 1749
KHỐ 1997
— 3730
— 6231
KHỐC 5116
KHỐI 2906

KHÔI 5166
KHỐI 3943
KHÔN 978
KHỐN 617
KHÔNG 1270
KHỒNG 120
KHỐNG 2699
KHỜ 1674
— 1676
— 2217
— 3025
— 3466
KHƠI 2526
— 3808
— 5388
— 5400
— 5478
KHỞI 2377
KHỚI 2526
— 4588
KHỜN 3995
KHỚP 2293
KHU 2465
KHÙ 2465
— 5631
KHỦ 947
— 1749
KHỤ 1378
— 2225
— 6118
KHUA 1126
— 4733
KHUÂN 972
— 2043
KHUÂNG 3848
KHUẤT 1037
KHUẤY 2026
— 6645
KHUẤY 684
KHÚC 438
KHUÊ 5132
KHUI 2526
— 3808
KHUM 1269
KHÚM 625
— 7514
KHUNG 816
KHÙNG 5566
KHỦNG 120
— 2005
— 2539
— 3920
KHÚNG 2527
KHUÔN 348
— 972
— 978
— 6479
KHUỐNG 1518
KHỤY 8095
KHUYA 403
— 731
— 733
— 6645
— 7641
— 7869
KHUYÊN 2556
— 7396
— 7914
KHUYỀN 162
KHUYẾN 7396
KHUYẾT 2298
KHUYNH 3848
KHUỲNH 3848
KHUỶU 2423
— 6621
— 8023
KHỪ 2415
KHỬ 208
KHỨ 208
KHỨA 1127
KHỨA 4571
KHỪNG 1280
KHỨNG 1280
KHƯỚC 563
— 1319
— 2400
KHƯỚT 810
KHƯỚU 6353
— 7992

L

LA 1274
— 7259
— 7789
— 8153
LÀ 1274
— 4978
— 7259
— 8091
LÃ 2148
LẢ 591
— 2148
LÁ 7943
LẠ 3091
— 7957
— 8181
LÁC 1403
— 3901
— 4357
— 5855
— 6478
— 6920
LẠC 1605
— 3631
— 5127
— 7728
LÁCH 7503
— 7516
LẠCH 7184
LAI 658
— 864
— 2819
— 4261
— 5522
LÀI 3689
— 3847
LÃI 469
— 3601
— 7692
LÁI 1347
— 2802
LẠI 20
— 367
— 2648
LAM 2591
— 6976
LÀM 158
LÃM 6235
LẢM 4631
LẠM 6500
LAN 7645
LÀN 813
— 6711
— 7442
— 7918
LẠN 7640
LANG 1795
— 2194
— 2639
— 3989
— 4779
— 7645
LÀNG 2639
— 3989
LÃNG 1795
LẢNG 2151
— 2770
— 7028
LÁNG 2639

LÁNG	2764	LÁT	6459	LẮM	5904	LÂM	2820
—	3853	—	6853	—	7225	—	6322
—	3989	LẠT	3165	—	7824	LẦM	1175
—	4829	—	5106	LĂN	1855	—	2499
—	5738	—	5822	—	4837	—	2580
LẠNG	501	—	6503	—	5738	—	2664
LẠNH	185	—	7208	—	5957	—	2820
—	512	LAU	2072	—	6279	LẪM	5196
—	776	—	3016	—	6842	—	5904
—	1009	—	3152	LẮN	3564	—	6023
—	1078	—	5359	—	4385	—	6471
—	5086	—	6946	—	7290	LẪM	5904
—	8051	LÀU	4568	LẶN	1352	—	6383
LÀNH	185	—	4831	—	2152	LẤM	2820
—	1744	LẢU	476	LĂNG	1855	—	6322
—	6381	—	3653	—	2770	—	6407
—	6382	LÁU	476	—	3112	—	7147
LÃNH	539	LAY	658	—	3688	LẦN	5738
—	2975	—	864	LẮNG	5048	—	6045
LẢNH	5150	—	4040	LẴNG	2267	—	6560
LẢNH	211	LÀY	7634	LẲNG	2770	—	7994
LẠNH	539	LẢY	7634	LẮNG	3189	LẦN	566
LAO	648	—	8126	—	4013	—	5095
—	1940	LÁY	1266	—	4579	—	6783
—	3152	—	3043	—	4829	LẪN	566
—	5204	—	4909	—	6173	—	2024
—	5304	—	7317	LẶNG	2151	LẦN	566
—	5341	LẠY	469	—	2152	—	1880
—	5359	—	2710	—	2770	—	5692
—	5756	—	3601	—	4829	LẤN	566
—	6537	—	5557	LẮP	933	—	2064
LÀO	648	—	6928	—	976	—	5692
LÃO	476	LẮC	2456	—	1129	—	6279
LẢO	476	LẶC	2318	LẶP	933	LẬN	566
—	5341	LĂM	1175	LẮT	4037	—	6279
LÁO	1377	—	2399	LẶT	2111	LẰNG	1855
—	1988	—	3437	—	4037	—	2848
LÁP	7711	LẮM	2499	—	5140	LẤNG	6682
LÁT	4357	LẪM	6023	—	6503	LẤP	804
—	5106	LẮM	5279	LẤC	2456	—	976

LẤP	1129	LẼ	6109	LEO	7988	LỀ	6928
LẬP	307	LẺ	469	LÈO	6009	LỆ	513
—	1634	—	2256	—	6954	—	867
LẤT	3930	—	3040	LẼO	280	—	1093
LẬT	2111	—	6109	LẺO	103	—	1196
—	2456	—	6928	—	280	—	2330
—	4005	LÉ	3587	—	1785	—	2825
—	4037	LẸ	5201	—	5219	—	6366
LÂU	3256	LEM	2820	—	5464	—	7391
—	4568	LÈM	3988	—	5483	LẾCH	6014
—	5425	—	7558	LÉO	9	—	7656
—	8177	LÉM	6456	—	222	LỆCH	6014
LẦU	5425	—	7687	—	5219	—	8127
LẤU	7885	LẸM	6456	LẸO	4665	—	8159
LẬU	1799	—	7719	—	6548	LÊN	6692
—	4831	LEN	3096	LÉP	2950	LÊNH	185
LẢY	2528	—	6692	—	2955	—	539
—	2819	—	7029	—	6582	—	776
LẢY	281	—	8152	—	6855	—	1222
—	2819	LÈN	4740	LẸP	7886	—	4512
—	4148	—	6105	—	8141	—	8051
—	5479	LẺN	6614	LÉT	2176	LỀNH	1744
LẪY	469	—	7858	LẸT	347	LỀNH	1224
—	6928	LÉN	5599	—	2176	LỆNH	185
—	7617	—	6614	—	4441	—	1078
LẦY	469	—	7468	LỀ	2805	LỆP	7095
—	6928	—	7858	—	3415	LẾT	4441
LẤY	2257	LẸN	5599	—	5519	LỆT	4441
—	3043	LENG	776	—	5807	LỀU	5369
LE	2260	—	8051	—	6363	LỀU	491
—	3917	LẺNG	776	LỀ	867	—	5030
—	7343	—	8051	—	1808	—	5320
—	7775	LEO	103	—	5128	—	6941
LÈ	3917	—	5369	LỄ	469	LỀU	9
—	4040	—	6044	—	6928	LẾU	9
—	4148	—	6954	LỆ	469	—	222
—	7343	—	7186	—	867	LÌ	7343
LẼ	2887	—	7318	—	1404	LÌA	7343
—	3040	—	7860	—	3039	LỈA	5094

LÍA	1347	LIÊU	4671	LỖA	4655	LỢI	2188
LỊA	847	LIỀU	2276	—	5060	—	2927
LỊCH	5973	LIỄU	9	—	6504	—	7194
—	6014	—	1580	LÓA	1234	LOM	1175
—	8159	LIỆU	2276	—	5502	—	6963
LIẾC	2239	—	6536	LOÀI	7084	—	7124
—	2912	LIM	1175	LOẠI	7084	LÒM	5438
—	3512	—	6491	LOAN	6747	LÕM	6505
—	5539	—	6918	—	8180	—	8047
—	6920	—	6919	LOÀN	506	LỎM	6235
LIÊM	7719	LINH	539	—	3839	LỌM	6963
LIỀM	7719	—	776	LOẠN	506	LON	5725
LIỄM	6456	—	1572	—	813	—	7061
LIẾM	7402	LÌNH	185	—	3839	LÒN	5692
LIỆM	6492	—	8051	LOANG	1795	—	7319
LIÊN	3096	LĨNH	1064	LOÁT	893	LỎN	869
LIỀN	3096	—	5150	LOẠT	1129	LỌN	5692
—	6614	LỈNH	5150	LÓC	601	LONG	3819
LIỄN	6614	LÍNH	211	—	620	—	3838
LIẾN	3096	—	3216	—	3481	—	4063
—	4611	LÍT	346	—	7134	—	4149
LIÊNG	776	LỊT	346	—	7369	—	6361
—	8051	LIU	6992	LỌC	3481	—	7163
LIỀNG	539	LÍU	9	—	4830	—	7445
—	3769	—	222	—	5494	LÒNG	2676
LIẾNG	211	LỊU	222	—	6040	LÕNG	5091
—	1663	LO	925	LOE	7837	LỎNG	2084
—	2982	—	1070	LOÈ	5502	—	6035
LIỆNG	2982	—	5330	—	7193	—	6361
—	2983	—	7160	LOI	6038	—	7546
—	5153	LÒ	1232	—	7968	LÓNG	672
—	5774	—	1635	LÒI	478	LỌNG	1992
LIẾP	2950	—	7447	—	1430	—	2084
—	7488	LÓ	7737	—	1659	LÓP	933
—	8020	LỌ	4439	—	6066	LÓT	1484
LIỆP	7456	—	5883	LÕI	2134	—	3349
LIỆT	347	LÒA	2910	—	7177	LỌT	1484
—	2176	—	5502	LỎI	1263	—	3349
—	6742	—	8174	—	7859	LÔ	6083
LIỀU	4532	LÕA	1894	LỌI	478	—	6212

LÒ	6986	LÒNG	5178	LƠI	2819	LŨ	4678
—	7183	—	6169	LỜI	548	—	7183
LỒ	4439	—	7441	—	1344	LỨ	4678
LỖ	5794	—	7484	—	1808	LỤ	3850
—	7142	LỒNG	672	—	1888	LỪA	4731
LỒ	5794	—	6126	—	1938	LÚA	7478
—	7685	—	7437	—	1998	LỤA	6588
LỐ	7469	—	7825	LỢI	548	—	7252
—	7737	LỒNG	2789	—	1344	—	7679
LỘ	4429	LỘNG	672	—	7783	LUÂN	1840
LỐC	4929	—	2150	LƠM	191	—	5725
LỘC	3127	LỐP	6896	LỜM	2629	LUẬN	5692
—	4929	—	7281	LỠM	6235	LUẬT	1484
LỜI	2445	LỘP	6896	LỞM	6235	LÚC	94
—	4513	LỐT	3303	—	6422	—	1160
—	5856	—	3721	—	7152	LỤC	94
—	5934	LỘT	3349	—	8133	—	3116
—	8069	—	5674	LỢM	6412	—	4963
LỒI	478	—	7503	LƠN	7645	LUI	7545
—	1430	LƠ	1764	—	8000	—	7966
—	1599	—	6083	LỜN	7161	LÙI	2201
—	2910	—	7197	—	8003	—	4451
LỒI	4250	—	7436	LỚN	1959	LỦI	7283
—	5550	LỜ	7660	—	3209	—	7859
LỐI	1408	—	7826	—	6816	LÚI	8143
—	5550	—	8052	—	7739	LỤI	4262
—	6809	LỠ	50	LỢN	2196	LỦM	1175
—	7859	—	591	LỚP	976	—	6210
LỘI	1599	—	1971	—	1129	—	7838
—	2830	—	2029	—	1212	LỦM	7404
—	7859	—	6564	—	2192	LÚM	7404
LỜM	7950	—	6565	LỢP	1129	LUN	4966
LỒM	5714	LỞ	1946	—	1757	LŨN	869
—	6262	—	2414	—	2950	LỦN	869
LỐM	3519	—	6564	LỚT	4842	LÚN	1854
—	7448	—	6565	LỢT	6503	—	2828
—	7451	LỚ	4285	LU	6083	—	3284
LỒN	869	LỢ	5330	LŨ	3850	—	5475
LỐN	869	LƠI	658	—	4541	LỤN	5692
LỘN	5692	—	864	—	4670	LUNG	2538

LUNG 3819
— 4063
— 6126
— 6361
— 7162
LÙNG 2150
— 3090
— 4714
— 7120
LŨNG 7140
— 7340
LỦNG 6117
— 7340
LÚNG 3902
— 4507
— 6361
LUỐC 4963
— 5595
LUỘC 3513
— 4177
— 6513
— 6878
— 8007
LUỖI 7460
LUỒN 5725
LUỒN 1840
— 4763
LUỒNG 672
— 6361
— 7946
LUỐNG 2212
— 4507
— 7340
LUỐT 5602
LỤP 307
— 2950
— 3055
— 4514
LÚT 3482
LỤT 3482

LỤT 3484
LỮY 6805
LỤY 1093
— 2825
— 2964
LUYẾN 2032
— 7920
LUYỆN 4171
— 5599
— 6702
LU 1232
— 1635
— 6083
— 7447
LÙ 6083
— 6314
— 7826
LŨ 1337
— 2093
— 6767
LỦ 591
LÚ 6212
LỤ 5330
LỪA 1070
— 5161
— 7125
— 8139
LỮA 591
— 2860
LỬA 2860
LỨA 1337
— 6083
LỰA 2059
— 4439
— 6838
LỰC 17
LƯNG 3661
— 3871
— 5723
— 6622

LỪNG 1855
— 2538
— 3506
LỮNG 2770
— 7028
LỨNG 2770
— 6683
LƯỢC 2894
— 6578
LƯỜI 1817
— 2528
LƯỠI 367
— 3598
— 3679
— 8172
LƯỚI 4306
LƯỢI 1624
LƯỜM 6919
LƯỢM 7427
LƯƠN 6653
— 7104
— 7888
— 8170
LƯỜN 8080
LƯỢN 4325
— 5153
— 8008
LƯƠNG 812
— 1852
— 2773
— 2856
— 4280
— 5424
— 6950
LƯỜNG 3795
LƯỠNG 501
LƯỢNG 3795
— 5691
LƯỚT 346
— 1598

LƯỚT 2387
— 2696
— 5106
LƯỢT 3638
— 5106
— 6150
LƯỚU 6754
LỨT 2111
LƯU 2167
— 2213
— 2888
— 3552
— 3591
LỰU 4374
— 4782
— 5984
LY 1370
— 3544
— 5457
— 7053
— 7343
LÝ 739
— 847
— 1347
— 1874
— 2887
LỴ 3557

M

MA 7752
MÀ 2636
— 4852
— 5613
— 6427
MÃ 2419
— 4890
MẢ 3944
MÁ 3140
— 3965

MÁ 5003
— 5028
— 5565
— 7269
MẠ 5565
— 5613
— 7062
— 7479
MÁC 3023
— 3157
— 4496
— 4835
— 7337
MẠC 4835
MÁCH 3058
— 4785
MẠCH 1732
— 3128
MAI 1944
— 2774
— 3403
— 6299
MÀI 1944
— 2388
— 3585
— 4073
— 4249
— 5027
— 5555
— 6101
MÃI 3753
MẢI 5698
MÁI 4565
— 5286
— 6413
MẠI 5698
— 5944
MAN 821
— 2767
— 3721
MAN 4838
— 6090
— 7006
— 8093
MÀN 4683
— 5645
— 6425
MÃN 4826
MÁN 8093
MANG 821
— 2060
— 2197
— 2331
— 2996
MÀNG 405
— 1915
— 2017
— 2331
— 2996
— 3585
— 6333
MÃNG 6987
MẢNG 300
— 4574
MÁNG 5444
MẠNG 918
— 4301
MANH 1191
— 1260
— 3690
— 5538
MÀNH 3690
— 4212
— 5013
— 5312
— 6076
— 6958
— 6968
MÃNH 2877
— 5215
MẢNH 300
— 3525
— 3690
— 6103
MÁNH 3690
MẠNH 1020
MAO 153
— 5164
MÀO 153
— 1284
— 1302
— 1356
— 2142
— 4133
MÃO 3286
MẠT 268
MAU 153
— 602
— 3081
MÀU 465
MÁU 1623
— 3036
MAY 1050
— 1177
— 2614
— 4973
— 5884
— 5998
— 6165
— 6811
MÀY 1693
— 2437
— 4134
— 4916
— 4917
— 5587
MẢY 2981
— 3272
— 3753
— 6253
MÁY 5385
— 5992
— 6550
MẠY 3753
MẮC 6360
— 6599
— 6846
— 7168
— 7675
MẶC 3054
— 5267
— 6360
— 7698
MẮM 7889
— 8077
MẮN 4735
MẮN 4838
— 6583
— 6584
MẮN 2745
— 4697
MẶN 4647
— 4838
— 7052
— 7908
— 7909
MĂNG 1707
— 2804
— 4278
— 4301
— 7105
MẮNG 4574
— 5215
— 5613
MẶP 175
MẮT 2240
— 6089
MẶT 4794
MÂM 5451
— 7338

MÂM	8014	MÂY	8040	MÉP	2553	MỊ	7155
—	8055	MẦY	4350	—	3672	MỈA	1717
—	8056	—	7323	MÉT	7697	—	3180
MẦM	5451	MẤY	329	MÊ	2388	MÍA	4117
—	5629	—	534	—	4812	MÍCH	3058
MẪM	5629	—	3753	—	6663	MỊCH	4667
MẦM	4708	ME	4097	MỀ	4349	MIÊN	753
MẬM	5451	MÈ	4097	MẾ	2388	—	2234
MẢN	8163	—	5587	MẾCH	3058	—	4969
MẦN	4975	—	7591	—	4585	MIỀN	753
MẪN	2745	—	7761	MỀM	3960	MIẾN	534
—	3997	MẼ	1717	—	4920	—	1865
—	5339	—	3180	—	6923	MIẾN	5806
MẦN	4707	MẺ	1717	—	7582	—	7607
MẤN	4687	—	2454	—	7821	MIỆN	2443
—	6662	—	3180	—	7822	—	3392
MẬN	5446	—	3242	MÊN	7560	MIỀNG	7567
MẤP	175	—	7223	MỀN	3056	MIẾNG	968
—	1186	MÉ	912	—	4969	—	970
—	3204	—	3180	MỀN	1865	—	2555
MẬP	1288	—	4565	MẾN	534	—	3893
MẤT	859	MẸ	273	—	1865	MIỆNG	968
—	860	—	3260	—	2030	—	969
—	1192	MEM	4846	—	2555	MIẾT	5647
—	1193	MÈM	4581	—	2677	MIỆT	5647
—	2119	—	4846	MÊNH	1851	—	7210
—	4265	MÉM	3751	—	2831	—	7459
MẬT	2606	MEN	4969	—	4137	—	8053
—	5040	—	8182	MỆNH	917	MIÊU	3333
—	5630	MEO	1747	MỆT	5647	MIẾU	1055
—	6964	MÈO	3527	—	7210	—	3514
MẪU	302	MẼO	2550	—	7459	MỈM	2555
MẦU	465	MÉO	206	MẾU	3187	—	4615
—	870	—	1407	MI	1693	—	4581
MẪU	206	—	6428	—	2437	MÍM	4581
—	273	MẸO	206	—	3276	MIN	5810
—	2215	—	2550	MÌ	7607	—	6384
MẤU	302	MÉP	603	MÍ	4350	MỊN	300
MẤY	7073	—	2551	—	4915	—	1865
—	7577	—	2552	MỊ	3263	MINH	1161

MINH 1851
MÌNH 918
— 5104
— 5724
MỈNH 4478
MÍT 5647
— 7179
MỊT 7467
— 7967
MO 5429
— 7003
— 7464
— 7839
— 8019
MÒ 4728
— 5357
— 5413
— 6882
— 7635
MÕ 4116
MỎ 3179
— 3240
— 4107
MÓ 3340
— 4728
— 7602
MỌ 4728
— 5429
— 5644
MÓC 147
— 715
— 1181
— 3019
— 3807
— 5766
MỌC 147
— 437
— 1562
MOI 1177
MÒI 2537

MÒI 7370
MỎI 3566
— 3586
MÓI 5384
MỌI 750
— 2195
MÒM 6086
MÕM 4581
— 5509
MỎM 4646
MÓM 4581
MON 3710
MÒN 4228
MÓN 1322
— 1815
MỌN 498
— 3108
— 3109
— 5296
— 5297
MONG 5015
— 5923
— 6435
— 7217
MÒNG 5034
— 7522
— 8072
MỎNG 5015
— 6420
— 6527
— 6894
MÓNG 6524
— 6525
— 6895
— 6962
— 7708
MỌNG 4654
MÓP 4764
MỌP 1288
— 7031

MÓT 6843
MỌT 4384
— 7695
MÒ 3503
— 5174
— 5429
— 7003
MỒ 256
— 1223
— 1629
— 4642
— 6480
— 7195
MỖ 1567
MỒ 2455
— 3179
MỘ 3863
— 4642
— 5327
MỐC 147
MỘC 147
MỒI 1177
— 2537
— 2774
— 3257
— 4345
MỜI 2537
— 3257
— 4208
— 4621
— 5214
— 6724
— 7086
MỖI 751
MỐI 3257
— 4298
— 4398
MỘI 1554
— 3009
MÔM 6863

MÒM 2536
— 4581
MÒN 1322
MÒNG 6461
— 6497
— 6962
MỒNG 4653
— 4654
— 5015
— 6461
— 7944
MỖNG 7217
MỐNG 4653
— 6854
— 7578
— 7872
MỘNG 4653
— 6864
MỐT 768
— 7174
MỘT 768
MƠ 2388
— 2636
— 4102
— 4720
— 5417
— 5437
— 7007
MỜ 4720
— 5501
— 6088
— 7349
MỠ 5003
— 6184
MỞ 4071
— 4987
— 7733
— 7877
MỚ 3081
MỢ 3965

MỜI	2531	MỤC	147	MUỖNG	7865	MƯỜNG	821
—	2532	—	301	MUỐNG	5015	—	1915
—	6693	—	4234	—	5894	—	2017
MỚI	3753	MUI	2774	—	6209	—	2197
—	7539	—	4954	—	6904	—	3963
MỢI	5698	—	5012	—	7689	MƯỚP	784
MỚM	4581	—	5214	MÚP	1186	—	1186
MƠN	5645	—	6944	MÚT	6784	—	3708
—	8093	MÙI	267	—	6786	MƯỠU	5315
MỜN	8061	—	939	MỤT	301	MƯỚU	3753
MỞN	4615	MŨI	7782	—	3020	MỨT	5040
—	4826	MỦI	750	—	3559	MƯU	6249
—	5645	MÚI	4298	—	3560	MỸ	1717
—	7212	MUN	3439	MƯA	3500		
MỚN	4838	MÙN	3439	—	6716	**N**	
MỚP	603	MỦN	6298	MỬA	3881		
MU	5429	MỤN	3671	MỨA	2419	NA	1966
MÙ	2238	—	5530	MỰA	2419	—	2037
—	7070	MUNG	7486	—	5613	—	2787
—	7934	MÙNG	6644	MỨC	5267	NÀ	843
MŨ	3286	MỦNG	7486	—	7180	NÃ	2036
—	3290	MUỐI	1177	MỰC	5267	NẢ	843
MỦ	3501	MUỒI	1177	—	7696	—	2036
—	5680	—	2388	MỰNG	1851	—	4277
MÚ	7593	—	4173	MỪNG	1161	NÁ	843
MỤ	1444	MUỖI	4398	—	2675	—	1057
—	2440	MUỐI	1950	—	3309	—	1937
—	3257	—	7116	MỬNG	6883	—	2037
MUA	5429	MUỘI	1004	MƯƠI	1315	—	2787
—	6785	—	1554	—	1317	NẠ	2036
—	7003	—	2232	MƯỜI	1315	—	3137
MÙA	2259	MUỐN	3110	—	1317	NẠC	5624
—	3589	—	7734	MƯỚN	3852	NÁCH	1286
—	4776	MUỐN	3814	—	4584	—	3675
MÚA	3340	MUỘN	3814	—	7922	—	5625
—	6847	MUỒNG	6532	MƯỢN	4584	—	5626
—	8010	MUỜNG	3439	—	4735	—	7270
MÚC	766	—	6863	MƯƠNG	497	NAI	989
—	1149	MUỖNG	3581	—	2145	—	1141
—	1527	—	7864	—	7189	—	1250

NÀI	917	NAO	1087	NẮM	2687	NẶNG	3927
—	997	—	1981	—	3370	—	4033
—	1718	NÀO	818	NĂN	2107	NẶNG	2107
—	2481	NÃO	3310	—	4008	—	8179
—	2686	—	4209	—	7796	NẮP	2281
NÃI	6	—	4333	—	7945	—	7074
NẢI	6	—	5932	NẴN	5859	NẬP	2281
—	997	NÁO	2544	—	7796	—	6684
NÁI	237	—	4502	NẴN	8148	NÂU	2791
—	285	NẠO	3799	NẴN	7806	—	4800
—	1308	—	5363	NẶN	4033	—	7106
NẠI	2686	NẠP	2281	—	7798	NẪU	6206
NAM	790	NÁT	3954	—	7806	NẬU	4872
—	1367	NẠT	1914	NĂNG	2107	—	7453
NÀM	2441	—	2160	NẮNG	2107	NÀY	1736
—	4348	—	3889	NẮNG	6463	NẤY	6
NÁM	3511	—	3903	—	7642	—	916
NẠM	3436	NAU	1928	—	7643	NẺ	510
NAN	2418	—	2097	—	7651	NÉ	510
—	7342	—	6172	—	8079	NEM	4348
—	8089	NÁU	4062	NẶNG	6926	—	5622
NÀN	2418	—	4502	—	7642	—	6180
—	7345	—	5022	—	8178	NÉM	2687
—	7796	—	6172	NẮP	3145	NEN	2133
NẴN	7342	NAY	1465	—	5037	—	3624
NÁN	7642	NÀY	242	—	7063	NẾN	2137
—	7996	—	2481	NẮC	4586	NÉN	3624
NẠN	7342	NÃY	6	—	6787	—	6926
NANG	7790	NẢY	6	NẤM	2563	—	7729
NÀNG	1965	—	446	—	3709	—	7928
NÁNG	8135	—	461	NẬM	2563	—	8081
NẠNG	7926	—	801	—	4258	—	8092
—	8128	NÁY	6	NẴN	7735	—	8173
NANH	4887	NẠY	997	—	7942	NẸN	1537
—	6900	NẶC	2464	NẴN	4033	NEO	2791
NÀNH	6113	—	6248	—	7342	NẺO	4402
NẠNH	519	NĂM	400	NẤN	1541	—	5881
—	4716	—	3872	—	3759	—	6748
NAO	818	—	5200	NẶNG	716	NÉO	2282
—	940	NẴM	6369	—	2107	—	7941

NÉP	2281	NẾT	4011	NỊT	6166	NON	5907
—	3139	NÈU	2791	NIU	1928	NÕN	4664
—	4010	—	5427	—	1981	NỎN	4664
—	8094	—	6481	—	2075	NÓN	7233
NẸP	1698	NẾU	4402	—	4754	NONG	4457
—	4813	—	5840	NÍU	2075	—	7231
NÉT	1678	—	5853	—	5953	NÒNG	6482
—	2160	—	6748	NĨU	1928	—	7291
NẸT	1914	NI	242	NO	236	NÓNG	5503
NÊ	242	—	523	—	5154	—	6517
—	917	—	1001	NÒ	2946	NỌNG	6619
NỀ	1213	NÌ	917	NÕ	940	NÓP	5037
—	1718	NỈ	917	—	1057	—	6125
NỀ	235	—	956	NỎ	940	NÔ	236
—	510	—	1088	—	1057	—	1044
—	1088	—	2963	NÓ	236	NỒ	6725
NỆ	510	NIA	2947	—	524	NỘ	1497
—	1213	NÍCH	5852	NỌ	236	NỐC	2359
NÊM	3163	NỊCH	3675	NOA	1023	NÔI	2074
—	3370	NIÊM	1103	NÓC	5022	—	3005
—	4095	—	6762	—	7267	—	5416
NẾM	2548	NIỀM	1067	—	7268	—	6127
NỆM	5064	NIỆM	1067	—	8090	—	7827
NÊN	400	NIÊN	400	—	8096	NỒI	626
—	3328	NIỀN	3636	NỌC	1190	NỐI	92
NỀN	1429	NIỀNG	3636	—	4104	—	2074
—	5882	NIỄNG	879	—	4801	NỒI	2074
NẾN	519	NIỆT	6166	—	6227	—	2174
—	5125	NIÊU	1947	NOI	5103	—	7190
—	6516	—	6410	NÒI	92	NỐI	1295
—	7627	—	6609	—	314	—	4304
NỆN	1537	NÍN	5253	—	1455	—	4305
—	5397	NÍNH	879	NÓI	92	—	5113
—	5949	—	1950	—	576	—	6164
NẾP	6141	NỊNH	519	—	577	—	7828
—	7633	—	879	—	3063	NỘI	92
—	8021	NÍP	7149	NỌI	1287	—	626
—	8035	NÍT	2160	NOM	3971	NÔM	3163
NẾT	2022	—	3976	—	4910	NỒM	6717
—	2160	—	4860	NON	4664	NỘM	1824

NỘM 3709
NÔN 4457
— 5907
— 7138
NỒN 4664
NỘN 4664
NÔNG 4457
— 5182
NỒNG 6021
— 6619
— 7554
— 7557
NỒNG 5906
NỐNG 5954
NỐT 3063
— 6081
NỠ 50
— 820
— 1970
NỞ 820
— 1877
NỚ 50
NỢ 50
— 2376
— 5897
NƠI 242
NỚI 6
NỚM 5584
NỚP 2281
NỚT 2160
NỚU 2311
NU 818
NỤ 1758
— 4371
NUA 1023
NỦA 1497
NÚC 1910
— 1948
— 8064
NỤC 687
NỤC 2359
NỦI 2562
NÚI 656
NỤI 92
NÚM 1067
— 2563
— 2687
NÙN 6642
NUNG 6517
— 7452
NỦNG 5182
NŨNG 3214
— 5828
NỦNG 7546
NÚNG 4457
NUỘC 4313
— 6148
NUÔI 6335
— 7361
— 8183
NUỐI 690
NUỐT 1916
— 2281
— 2478
— 3063
— 4614
— 5234
NÚP 2281
NÚT 3195
— 6708
NƯ 1937
NỮ 50
NỬA 3006
NỮA 50
NỬA 1010
— 1011
NỨA 1706
— 2787
NỨC 2160
— 4586
NỨC 6787
NỰC 4586
— 5508
NỪNG 7666
NỰNG 3927
— 5736
NƯỚC 3497
— 4359
NƯỢC 7890
NƯƠM 3498
NƯỜM 3498
NƯƠNG 1952
— 1965
— 2048
NƯỚNG 8082
NƯỢP 2281
NỨT 4749
NỮU 786

NG

NGA 1872
— 1967
— 7111
NGÀ 161
— 1255
— 2874
NGÃ 693
NGẢ 693
NGÁC 1411
— 5798
NGẠC 3327
— 7588
— 8158
NGÁCH 3926
NGẠCH 7082
NGAI 4883
NGÀI 1828
— 4388
— 5047
— 5814
NGẢI 490
NGÁI 6865
— 7221
NGẠI 4345
— 7221
NGÀM 7397
NGÀN 1040
— 1043
— 3278
NGÁN 848
— 2542
— 3182
— 7087
NGẠN 6246
NGANG 207
— 1156
NGÀNG 207
— 1156
NGÃNG 315
— 1156
NGÁNG 1156
— 3372
— 5379
NGÀNH 494
— 2784
NGẢNH 1311
NGẠNH 1905
— 2784
— 3592
— 6730
NGAO 2091
— 4583
— 4888
— 5511
— 5729
NGÀO 2091
— 4056
— 4583
NGÁO 2583
— 7044

NGẠO	3842	NGẶT	149	NGẤT	1271	NGHỄ	4235
NGÁP	1426	—	356	—	1797	NGHỆ	7
NGÁT	356	NGẮC	422	NGẬT	1271	—	490
—	604	NGẦM	568	NGẦU	1293	—	7274
—	1380	NGẪM	771	—	3004	NGHẾCH	2396
—	1742	—	1900	NGẪU	2435	NGHỆCH	2396
—	5851	NGẪM	568	NGẦU	2435	—	7082
NGẠT	149	—	2477	—	4719	NGHỄN	2485
—	604	—	5827	NGẤU	5491	NGHẾN	3278
—	5851	—	6295	NGẬU	5248	NGHÊNH	1311
NGAU	6788	—	7128	NGẦY	7207	—	2485
NGÀU	4853	NGẦM	2477	NGẤY	5921	NGHỀNH	1311
NGÁU	4610	NGẤM	760	NGẬY	6623	—	2485
NGAY	3974	—	2149	NGHE	4994	NGHÊU	5218
NGÀY	1159	NGẬM	568	NGHÈ	1816	—	6993
—	3406	—	1929	—	5181	NGHỄU	3233
—	3407	—	5827	—	5811	—	4533
NGÁY	1384	NGẦN	1433	NGHÉ	5515	NGHỆU	3842
—	4245	—	2897	—	6529	NGHI	1032
—	5850	—	5119	NGHỆ	2182	—	2625
NGẮC	3176	NGẪN	487	NGHÉN	2993	—	4893
—	3666	—	2336	—	4090	—	5181
NGĂM	568	—	2897	NGHẸN	3182	—	6321
NGẮM	770	—	4515	NGHÈO	4682	—	6324
NGẮM	6916	—	4710	—	6812	—	7272
NGĂN	487	—	5119	—	6813	NGHÌ	4324
—	568	NGẤN	487	—	7916	NGHĨ	425
—	1433	—	1433	NGHẺO	3233	—	6443
—	1541	—	2897	NGHẸO	4533	—	7535
—	5119	—	4435	NGHÉT	7508	NGHỈ	871
NGẮN	2897	NGẰNG	5074	NGHẸT	7508	—	5181
NGẮN	487	NGẤP	654	—	8086	—	6443
—	6971	NGẬP	452	NGHẺ	1832	NGHÍ	5355
NGẰNG	5354	—	654	—	2486	NGHỊ	5456
NGẴNG	315	—	1895	—	2878	—	7535
NGẴNG	315	—	2155	—	3449	NGHĨA	4324
NGẮT	39	NGẤT	125	—	7367	NGHÍA	6095
—	277	—	395	—	7389	NGHỊCH	2396
—	422	—	422	NGHỀ	7274	NGHIÊM	7397
—	717	—	474	NGHỄ	490	NGHIỄM	7787

NGHIỆM 7975
NGHIỀN 2922
— 3593
NGHIỀN 2922
— 3593
NGHIẾN 1899
— 3182
— 7911
— 7915
NGHIỆN 3182
— 3319
NGHIÊNG 1311
NGHIỆP 4098
NGHIỆT 7508
NGHIÊU 3233
NGHÌN 3299
NGHỊT 7508
— 8086
NGO 574
— 588
NGÒ 3004
— 3022
NGÕ 107
— 605
— 1096
— 3810
NGỎ 107
— 605
NGÓ 1294
— 1689
— 7273
NGỌ 107
NGOA 607
— 3060
— 6789
NGỎA 289
NGỎA 3060
NGOÀI 232
NGOẢI 232
— 2994

NGOẢI 5627
NGOÁI 232
NGOẠI 232
NGOÀM 5594
NGOẢM 5225
NGOẠM 4613
— 4618
NGOAN 4519
NGOÃN 848
— 1906
NGOẠN 1254
NGOÀNG 5246
NGOẢNH 3391
— 6551
NGOÁO 2583
NGOAY 350
— 1108
NGOÁY 1108
— 3770
NGOẮT 718
NGÓC 592
NGỌC 287
NGOE 350
NGOÉ 4383
NGOEN 3935
NGOÈN 7709
NGOEO 5218
NGOÉO 5363
NGOẸO 562
— 8096
NGOI 5865
— 5947
— 6039
NGỒI 1220
— 6039
— 6494
— 6518
NGÓI 289
— 985
— 1672

NGỚI 5278
— 6905
NGOM 8164
NGỎM 3582
NGÓM 2995
NGON 1930
— 3545
NGÒN 5847
NGỎN 825
NGÓN 848
— 2741
— 3003
— 3379
— 5380
NGỌN 3003
NGÕNG 4122
— 7085
NGÓNG 5545
— 7085
— 7933
NGỌNG 7085
— 7618
NGỌT 884
NGÔ 574
— 605
— 3002
NGỖ 316
— 683
NGỒ 1294
— 5032
— 7284
NGỐ 2019
NGỘ 2019
— 4462
NGỐC 592
NGỒI 3982
— 7415
— 7587
NGỜI 3252
— 3253

NGỜI 3254
— 7416
NGỒM 7919
NGỒN 825
NGỒN 825
— 1986
NGỒN 487
— 825
— 3050
— 4855
NGỐN 3907
— 4625
— 6397
NGỘN 825
— 3907
NGÔNG 7626
NGỒNG 2333
— 7840
NGỖNG 7111
— 7603
NGỒNG 3279
NGỐT 2385
NGỘT 38
NGƠ 3125
— 4718
— 5169
— 6082
NGỜ 4893
— 5797
— 6385
— 6740
NGỠ 5074
— 6386
NGỚ 3125
— 6386
NGỢ 5074
NGƠI 1032
NGỜI 3508
NGỢI 5862
— 6790

NGỢI 7535
NGỢM 7932
NGƠN 1448
NGỚN 3734
NGỜP 2021
NGỢP 654
NGỚT 761
NGU 4000
NGỦ 2813
NGŨ 79
— 325
NGỦ 1686
— 1689
NGỤ 3265
NGÚC 652
NGỤC 4885
NGÙI 3982
— 3986
— 5865
— 5931
NGUỊCH 3926
NGŨM 3161
NGỤM 3161
NGÙN 4880
NGỦN 825
NGÚN 2862
NGÙNG 5344
— 7085
NGÚNG 4902
NGUỒI 3982
— 5931
NGUỘI 998
— 1220
— 3982
NGUỒN 4135
NGỤP 6334
NGÚT 243
— 357
— 3120
NGỤT 453

NGỤT 3120
NGUY 350
— 662
— 7625
NGỤY 2436
— 4538
NGUYÊN 91
— 1870
— 4135
NGUYỀN 4692
— 7356
NGUYỄN 848
NGUYỆN 4692
— 7356
NGUYỆT 146
NGƯ 3125
— 4827
NGỬ 3125
— 5797
NGỰ 2649
— 6108
NGỪA 3833
— 4751
— 6108
NGỬA 5074
— 7394
NGỰA 7211
NGỰA 3833
— 5162
NGỰC 1285
— 4346
NGỬI 1384
— 4324
— 5862
NGƯNG 5823
NGỪNG 5823
NGƯỚC 1768
— 3207
— 4914
NGƯỢC 1768

NGƯƠI 2228
— 7213
NGƯỜI 1828
— 1829
NGƯỠNG 315
NGƯỢNG 2641

NH

NHA 161
— 590
NHÀ 2334
NHÃ 3824
NHẢ 951
— 5235
NHÁ 590
— 1235
— 2352
NHÁC 63
— 406
— 2680
— 4357
— 5067
— 5423
— 5925
— 6829
— 7528
NHÁCH 606
NHAI 2491
NHÀI 3450
— 3700
— 5660
NHÃI 479
— 4881
NHẢI 479
NHÁI 2356
— 3717
NHẠI 971
— 997
— 1933

NHAM 1039
— 3281
— 4923
— 7919
NHÀM 1039
— 2490
— 6436
— 8122
NHẢM 1424
NHÁM 115
— 7373
NHAN 7083
NHÀN 3812
NHÃN 2908
— 7439
— 7810
NHẢN 2908
NHẠN 3822
NHANG 1806
NHÀNG 5285
NHÃNG 6668
NHÁNG 4873
— 7652
NHANH 512
NHẢNH 6110
— 6791
NHÁNH 1759
NHAO 7999
NHÀO 7245
NHÃO 5473
— 8022
NHÁO 4502
— 6280
— 6792
NHẠO 6792
NHÁP 296
NHẠP 12
NHÁT 2680
— 7208
NHẠT 5106

NHAU 1731
— 7744
— 7913
NHÀU 2487
— 7245
NHẢY 2383
— 3077
— 3776
NHÁY 2236
NHẠY 956
NHẮC 420
— 2382
— 3375
— 4039
— 5209
NHĂM 115
— 1827
NHẮM 115
— 689
— 993
— 1690
NHẴM 1602
NHẶM 1690
— 2917
NHẶM 2903
— 6258
NHĂN 2317
— 2898
— 4979
— 6093
— 7613
— 7648
NHẴN 371
— 903
— 1383
— 2898
— 5227
— 7613
NHẪN 4857
— 5754

NHẴN 781
NHẮN 1934
NHĂNG 90
— 458
— 1301
— 7613
NHẰNG 5763
— 7399
— 8036
NHẰNG 90
— 4311
NHẰNG 2488
NHẶNG 6793
— 7288
NHẮP 223
— 797
NHẮT 1
— 644
— 5209
— 6897
NHẶT 144
— 719
— 734
— 762
— 5381
NHẮC 63
NHẦM 319
— 689
NHẦM 319
— 1424
NHẤM 608
NHÂN 11
— 83
— 371
— 1449
— 2324
— 6624
NHẪN 679
— 1934
— 5754

NHẦN 1934
NHẤN 41
— 2087
NHẬN 41
— 417
— 2087
— 5071
NHÂNG 952
— 2488
NHẤP 260
— 654
— 797
NHẬP 12
NHẤT 1
NHẬT 144
NHẦU 5218
NHẦU 710
— 6836
NHẦU 7619
NHẦY 971
NHẪY 6506
NHẦY 6768
NHE 1425
— 2612
— 2918
NHÈ 2486
— 2918
NHẼ 3039
— 6071
— 8084
NHẺ 956
— 2612
NHÉ 956
NHẸ 215
— 1476
— 2208
— 7552
NHEM 1750
— 5787
— 7919

NHÈM 1222
NHẺM 190
— 953
NHẸM 190
— 1569
NHEN 3504
— 5295
— 5518
— 6041
NHEO 6372
— 7590
— 7744
— 7935
— 7985
— 8131
— 8184
NHẺO 7327
NHÉO 5363
— 7619
NHẸO 932
NHÉP 7633
— 8002
NHẸP 260
NHÉT 714
— 5498
NHẸT 5498
NHỄ 3600
— 6506
NHẾCH 4825
NHỆN 5672
NHÊNH 7214
NHẾU 7129
NHI 880
NHÌ 3755
NHĨ 479
NHỈ 1619
NHÍ 1425
— 2090
NHỊ 10
— 3755

NHỊ	6194	NHO	5809	NHỌN	5893	NHỐT	4067
—	6198	—	6982	—	7148	—	4949
—	7511	NHÕ	4242	—	7730	—	5209
NHÍCH	4825	NHỎ	2611	NHONG	412	NHƠ	386
NHIẾC	1418	—	2855	NHÒNG	872	—	1600
—	3909	—	6028	NHÕNG	96	—	2916
NHIỄM	1569	—	6877	NHỎNG	412	NHỜ	1452
NHIỆM	190	—	6886	NHÓP	223	—	1498
—	319	NHÓ	7218	NHỚT	4347	—	1600
NHIÊN	3504	—	7219	—	5720	NHỠ	50
NHIẾP	7633	NHỌ	6415	NHỢT	4347	—	1971
NHIỆT	5498	NHÒA	5502	—	4899	—	4445
NHIỀU	6836	NHOAI	3311	NHỒ	7120	NHỞ	457
—	6955	NHOANG	3635	NHỒ	368	—	1394
NHIỀU	6814	NHOÁNG	2103	—	424	NHỚ	407
—	6815	NHOẠNG	6464	—	963	—	457
—	7646	NHÓC	3925	—	2056	—	1498
—	7744	NHỌC	2386	—	2707	NHỢ	3646
NHÍM	1249	—	3155	—	2732	NHƠI	2491
—	6533	—	5529	—	6844	NHỞI	457
—	6898	—	6148	NHỐ	3906	—	3776
—	7819	NHOÈ	5502	NHÔI	4844	NHỞM	2490
NHÌN	3583	NHOẺN	5233	NHỒI	1535	NHƠN	3504
—	3599	NHOI	2579	—	6652	—	5353
—	4911	NHÕI	4243	NHỐI	4679	NHỜN	4503
—	7659	NHOM	7919	NHÔM	1424	—	5138
NHÍN	1934	NHÒM	1690	NHỒM	608	—	5342
NHỊN	679	—	4237	NHỒM	960	—	5343
—	2027	NHỎM	2237	—	3779	NHỞN	2908
NHỈNH	4617	NHÓM	937	NHÔN	3268	—	4582
NHÍNH	2493	—	1122	NHỐN	5226	—	4843
NHÍP	2408	—	2183	NHỘN	3811	—	6934
NHỊP	3215	—	2467	—	5863	NHỚN	1499
—	3230	NHÒN	1385	—	5872	—	2027
—	5846	NHỎN	6098	NHÔNG	4450	—	2604
—	5968	NHÓN	7032	NHỒNG	6755	—	4659
—	6260	NHỌN	1980	NHỘNG	3028	—	4913
NHÍT	714	—	3806	—	4386	—	7300
—	2160	—	5306	—	4296	NHỢN	5226
NHÍU	1257	—	5744	NHỐT	2558	—	5227

NHỚP 282
— 1219
NHỚT 4861
— 5209
NHỢT 4861
— 5106
— 5972
— 6884
NHU 1570
— 5809
NHÙ 3201
NHỦ 2492
— 3174
— 7047
NHÚ 1907
— 6415
— 7075
NHỨA 6498
NHỰA 6415
— 6498
NHUẦN 3811
— 5139
— 5463
NHỨC 2386
— 3925
— 6226
— 6685
NHỤC 480
— 2386
NHUỆ 5744
NHỦI 1276
— 2188
NHỦI 4941
NHÚI 1276
NHUM 1182
NHỦM 2328
NHÚM 1538
NHŨN 2187
NHÚN 129
— 4521

NHÚN 5386
— 5863
NHUNG 1423
— 3633
NHÙNG 96
— 4450
NHŨNG 96
— 240
NHỦNG 2316
NHÚNG 1608
— 5387
NHUỐC 2386
— 4019
NHUỐM 1569
NHUỘM 1569
NHỨT 4372
NHỰT 4019
NHỰY 7511
NHUYỄN 3083
NHƯ 386
NHỨ 74
— 1600
— 2186
NHỨ 457
NHỨ 457
— 2507
— 4520
NHỰA 2334
— 3707
— 4166
— 6629
NHỨC 358
— 2310
— 8012
NHƯNG 90
NHỮNG 90
— 679
NHƯỢC 1748
— 2001
NHƯỜI 2815

NHƯỜI 4616
NHƯỜNG 7421
— 8036
NHƯỠNG 7408
NHƯỚNG 4839
— 7421
NHƯỢNG 8036
NHƯỚT 6203

O

O 1016
— 2177
— 3883
Ỏ 3883
Ó 7989
Ọ 3883
OA 1388
— 3194
— 3259
ÒA 938
— 1355
OÁC 7131
OẠC 1614
OAI 1453
OẢI 1842
— 4219
— 4244
OÁI 2502
— 3183
OAM 1774
— 3818
OÀM 5256
OAN 1850
OẢN 1743
— 3660
— 4959
OÁN 1489
OANG 1415
— 3908

OANH 7713
— 7764
OẠP 1919
OĂM 6417
OĂN 1125
OẮT 8186
OẶT 1614
— 2693
ÓC 764
— 1876
— 4344
— 7090
ỌC 1467
— 3495
OE 3183
OÈ 7222
OẸ 938
— 5864
OI 3496
— 5489
ÒI 3162
— 4898
ỎI 3162
— 4191
ÓI 3162
ỌM 3167
— 3238
ỎN 7227
— 7797
ÓN 7227
ỌNG 4390
— 6215
ÕNG 5004
ỎNG 5004
ÓNG 3894
— 5146
ỌP 842
ỌP 2147
ỌT 3273
ỌT 3185

Ô

Ô 455
— 738
— 2177
Ồ 3883
— 4146
— 4815
— 6033
Ố 455
— 3307
— 6540
ỐC 1467
— 3470
— 5671
ỘC 3185
ÔI 2428
— 3162
— 5636
ỒI 4124
ỐI 2428
ÔM 2700
— 3346
ỐM 4897
— 6910
ÔN 3478
— 4896
— 5524
ỒN 3206
— 3478
— 5213
ỔN 3478
— 5213
— 7227
ÔNG 2303
ỒNG 2303
ỐNG 5004
— 6132
— 6903
— 8098
ỐP 842
— 2040
— 7107
ỘT 3175

Ơ

Ơ 1152
Ở 1152
Ớ 2494
Ợ 2494
ƠI 1421
ỚI 3999
ỠM 4524
ƠN 2008
ỚN 3897
ỚT 271
— 293
— 4466
— 6483

PH

PHA 1325
— 1666
PHẢ 2501
— 5843
PHẢ 7304
PHÁ 2248
PHÁC 442
— 5982
PHÁCH 1134
— 1667
— 5790
— 7667
PHẠCH 1529
PHAI 1615
PHẢI 1218
PHÁI 1615
PHÀM 40
PHẠM 284
— 5564
PHAN 5308
PHẢN 570
— 6794
PHẢN 113
— 1170
— 1244
— 1314
PHÁN 544
PHANG 720
— 4140
PHÀNG 3132
PHẢNG 321
— 676
— 2291
PHẠNG 7055
PHANH 1098
— 1520
— 2858
PHÀNH 2858
— 4745
PHAO 727
PHẢO 727
— 1908
— 5853
PHẢO 1860
PHÁO 1637
— 2250
PHÁP 1207
PHÁT 3569
PHẠT 327
— 4983
PHAU 727
— 3571
PHAY 551
— 4343
— 6304
— 6319
PHẢY 2
PHẢY 5523
PHÁY 1218
— 1615
— 5767
— 6325
PHẮC 442
— 7132
PHĂNG 339
— 5371
PHẲNG 321
— 622
— 676
— 888
— 1466
PHẶP 175
— 4495
PHẮT 1102
— 3569
PHẦM 1410
PHẦN 98
— 629
— 2292
— 6580
— 7611
PHẦN 98
— 320
— 619
— 5271
PHẦN 1069
— 5338
PHẤN 2277
— 5892
PHẬN 98
PHẤP 842
— 1207
PHẬP 175
— 2553
— 4702
PHẤT 252
— 1061

PHẤT	1102	PHI	387	PHÒ	699	PHỒNG	6573
—	1199	—	1329	—	1326	PHỔNG	1836
—	1752	—	1804	—	1904	PHỒNG	1836
—	5788	PHÌ	1279	—	5782	PHỐP	175
PHẬT	528	—	2842	PHÓ	182	—	4998
—	1081	PHỈ	165	—	947	PHƠ	977
PHẦU	2299	—	1866	—	1777	—	982
PHẦY	5375	—	2652	—	1782	—	1099
PHE	700	—	3387	—	2451	—	1117
PHÈ	2842	—	4989	—	3131	—	1754
—	5831	PHÍ	3754	PHÓC	86	—	3690
PHÉ	5490	PHỊ	4227	—	7636	PHỜ	920
PHEN	3550	PHÍA	3138	PHONG	71	PHỞ	5148
—	6192	—	3754	—	110	—	6387
PHÈN	7471	PHỊCH	3613	—	1461	PHỚ	3895
—	7673	—	7271	—	1803	PHƠI	1099
PHEO	7669	PHIẾM	456	—	4093	—	1557
PHÈO	8025	—	1208	—	4894	—	1631
PHÉP	1207	PHIÊN	3550	—	7009	—	3409
PHÉT	5871	—	5616	PHỎNG	849	—	3517
PHỆT	3613	—	6192	—	1094	—	3518
—	5871	PHIỀN	4175	PHỎNG	1836	PHỚI	1218
PHÊ	700	—	6592	—	3064	—	1615
PHẾ	1730	PHIẾN	160	—	3516	—	2402
—	5318	—	2033	PHÓNG	1150	—	3289
PHẾCH	1134	—	4862	PHỐ	1148	PHỚM	1414
—	7463	—	5616	—	5748	PHỚT	921
PHÊN	6063	PHIỆN	160	PHỒ	3390	—	1061
—	6942	PHIẾT	2	PHỐ	5637	—	1102
PHỆN	696	—	5356	—	5748	PHU	118
—	4746	PHIÊU	4828	PHỐC	257	PHÙ	2157
PHỀNH	1216	—	7581	PHỐI	2402	—	2357
—	3685	PHÍM	1186	—	3177	—	2951
PHẾT	2	—	1208	PHỒI	1730	PHŨ	3363
—	3569	PHÌNH	1216	—	5005	—	5317
—	5356	—	3685	PHỐI	2402	PHỦ	569
PHỄU	4828	PHỈNH	970	PHỒM	5611	—	1054
—	6398	PHO	1904	PHỒN	6192	—	1151
PHỄU	471	—	2451	—	6592	—	3658
PHẾU	4660	—	5748	PHỒNG	5641	—	5317

PHỦ 5370
PHÚ 182
— 3262
— 5700
PHỤ 1780
— 2590
PHÚC 4336
— 4928
PHỤC 326
— 1166
— 4336
PHỦI 4055
PHUN 5833
PHÙN 6885
PHÚN 5833
— 6885
PHUNG 3362
— 4894
PHÙNG 3095
PHỨNG 1157
— 6244
— 6255
PHỤNG 999
— 3705
PHÚP 175
PHỤP 175
— 693
PHÚT 2
— 3569
PHỨC 3178
— 3312
— 7089
PHƯNG 1150
PHỪNG 1233
— 1647
— 6048
PHỬNG 888
PHƯỚN 665
— 6273
— 6851

PHƯƠNG 143
PHƯỜNG 624
— 1823
PHƯỢNG 5171

Q

QUA 135
— 288
QUÀ 3684
— 3752
— 5157
QUẢ 1178
— 3426
— 4669
— 7375
QUÁ 838
— 4465
QUẠ 5801
— 5802
— 8071
QUÁC 6388
QUÁCH 3099
— 3429
— 4688
QUẠCH 5800
— 8000
QUAI 850
— 1592
— 6310
QUÁI 1077
QUẠI 2502
— 4437
QUAN 1028
— 1775
— 3073
— 3428
— 5137
— 7339
— 8105

QUÀN 3460
— 7812
QUẢN 4947
— 7372
QUÁN 1354
— 3073
— 4698
— 6189
— 6723
QUANG 335
— 2120
— 3635
QUÀNG 1415
— 1542
— 3635
— 4443
— 7812
QUÃNG 5319
— 6408
QUÁNG 2096
— 2914
— 5145
— 7196
QUẠNG 6162
QUANH 2398
— 4414
— 6145
QUÀNH 6558
QUÁNH 7473
QUẠNH 1803
— 5409
— 7202
QUÁO 2085
QUÁT 1508
— 3888
— 3213
QUẠT 4723
— 7884
QUẢU 6124
QUẠU 3890

QUAY 850
— 2712
— 6310
QUÀY 1135
— 7547
QUẢY 1077
— 1135
— 1530
— 2695
— 2712
QUẮC 2915
— 3405
— 5500
— 7465
QUẮM 4256
— 8073
QUẶM 5924
— 6916
QUĂN 1281
— 7097
— 7362
QUẮN 3892
— 4323
— 5866
QUẴN 6601
QUẶN 2399
— 5227
QUĂNG 1281
— 1542
QUẮNG 1542
— 5319
QUẮP 1488
— 1559
QUẶP 1559
QUẮT 2736
QUẶT 2504
— 2693
QUẦN 565
— 623
— 1784

QUẦN 4323
— 3788
— 4406
QUẪN 3608
QUẦN 2399
— 3608
— 5211
QUẤN 2399
— 2907
— 5615
— 6163
— 6601
QUẬN 2399
QUẰNG 4082
— 7202
QUẤT 1037
— 1508
— 2693
QUẬT 2693
QUẨY 2559
QUẪY 1783
— 2695
— 3331
QUẤY 1077
— 1121
— 2503
— 2695
— 2720
QUẬY 1679
— 3331
— 4437
QUE 377
— 1530
— 7893
QUÈ 4437
— 7310
QUÊ 2423
— 3331
QUẺ 909
— 3837

QUẺ 7100
QUÉ 788
— 3931
QUEN 2020
— 2166
— 3073
— 4698
QUÈN 2034
QUÉN 3332
QUEO 4440
QUÉO 6932
QUẸO 4747
— 6270
QUẸP 5968
— 7548
QUÉT 705
— 2049
— 5405
QUẸT 705
— 5398
QUÊ 377
QUẾ 2116
QUỆ 4438
— 7310
QUỆCH 5398
QUÊN 2166
— 3350
— 4018
— 4161
— 4706
QUẾNH 2907
QUẾT 5398
— 5405
QUỆT 5398
QUỀU 4530
QUỈ 4437
QUỈ 1783
— 4562
QUỈ 2423
QUÍ 1021

QUÍ 3750
QUỊ 4437
QUỈNH 5734
QUÍT 5398
— 5986
— 6994
QUỊT 2693
QUỐC 974
— 2557
QUƠ 135
— 722
— 5952
QUỜ 135
QUỞ 2482
QUỚ 4465
— 5952
QUY 3057
QUỲ 4367
QUỲNH 7202
— 8160
QUỶNH 5409
— 7202
QUYỀN 2034
— 7812
QUYỀN 910
QUYẾN 2907
— 5610
QUYỆN 1838
— 3332
QUYẾT 342
QUYỆT 7303

R

RA 4321
— 4322
— 8024
RÀ 7807
RÃ 2148
RẢ 591

RÁ 4276
— 4942
— 4953
— 6574
RẠ 814
— 1738
— 1763
— 2958
— 3711
RÁC 4357
— 5068
— 5652
— 7528
— 8028
RẠC 63
— 3631
— 4357
RÁCH 3637
— 3638
— 5063
— 6871
— 7831
— 7850
RẠCH 6017
— 7169
— 7184
RẢI 2819
RÃI 1482
RẢI 1597
RÁI 2204
— 4203
— 7200
RAM 7818
RÁM 6891
RẠM 7525
— 8029
RAN 7405
RÁN 1632
RẠN 6541
— 7823

RANG	2185	RÀO	5450	RẶC	1605	RẬM	2783
—	4879	—	6006	RĂM	3691	—	4380
RÀNG	2865	—	7576	—	5655	RẦN	274
—	3857	—	7870	RẮM	3437	—	3208
—	4296	RẢO	831	—	3663	—	5859
—	5497	—	4444	RẮM	2499	RẦN	3113
RẢNG	5753	—	5096	—	5904	—	3208
RÁNG	555	—	5719	RĂN	927	RẬN	4385
—	5657	—	7540	—	5859	—	5046
—	7350	RÁO	6465	—	7133	—	6224
RẠNG	2770	—	6510	RẮN	3301	RẬP	933
—	2822	RẠO	5436	RẪN	566	—	976
—	4879	RÁP	4031	RẮN	4705	—	1129
—	5497	—	5358	RẮN	1365	—	1212
—	5507	RẠP	2950	—	2245	—	3767
—	5815	—	5202	—	4385	RẤT	2933
—	5816	—	7518	RẶN	1365	—	4005
—	5817	—	7637	RĂNG	6362	RẬT	2111
—	6060	—	7638	—	7393	—	3930
RANH	365	—	7841	—	7995	RÂU	7098
—	512	RÁT	2680	RẮNG	1897	—	7750
—	930	—	4871	—	2151	RẦU	3994
—	2794	—	5506	RẪNG	6795	—	5848
—	3438	RAU	5648	RẮNG	6602	RẪU	1174
—	6344	—	6625	RẶNG	3985	RẤY	3623
RÀNH	512	RÀU	3994	RẮP	933	—	6123
—	1572	—	5205	—	1086	—	6160
—	4087	RẢU	476	—	1129	—	7235
—	4176	—	1377	—	1212	RẦY	3203
RÃNH	539	RÁU	2544	RẦM	115	—	6225
—	1224	—	3193	—	3691	RẪY	7622
—	7145	RAY	2528	—	3828	RẦY	423
—	7191	RÀY	3402	RẦM	2499	—	3316
RẢNH	512	—	4775	—	2793	—	3341
—	2760	RẢY	1597	—	3208	—	6928
RẠNH	1633	RÁY	2337	—	4598	RÈ	609
RAO	1379	RẠY	7393	—	5717	—	7476
—	1940	RẮC	420	RẨM	2159	RỄ	423
—	6055	—	1539	RẤM	2820	—	1524
RÀO	2824	—	3371	—	6051	—	2256

RẼ	7634	RỀN	6796	RỊCH	5973	RÒ	4048
—	8030	RỀNH	1390	—	7169	—	7737
RẺ	2659	RỀNH	1918	RIỆN	7293	RÕ	7197
—	7664	RỆP	7523	RIÊNG	1779	RỌ	4819
RÈM	1049	RẾT	4397	—	3757	—	6484
—	5908	—	5669	—	6114	—	7232
—	7229	—	6223	—	6115	—	7737
—	7299	RỆT	4869	RIỀNG	4379	RÓC	3373
—	7803	RỀU	1441	RIẾT	3638	RỌC	2737
REN	5642	—	5217	—	4141	ROI	6485
RÈN	4188	—	6211	RIÊU	6211	RÒI	478
—	6702	—	7605	RIẾU	4993	—	1535
—	7406	—	7691	RIM	4870	RỎI	6839
—	8103	RỀU	6009	RỊN	3493	RÓI	4679
RÉN	5599	—	6211	—	4171	—	7374
REO	3208	RỆU	1621	—	5599	RỌI	2868
—	5219	—	6389	RINH	3366	—	3510
RẺO	2407	RI	2484	—	4512	—	6183
—	4493	—	3877	RÌNH	512	ROM	3514
RÉO	222	—	5803	—	1338	RÒM	3663
—	5219	—	6750	—	1922	RÕM	7500
RẸP	7711	—	6751	—	2434	RỎM	6235
RÉT	887	—	7902	—	3579	—	7136
—	1598	RÌ	2342	RĨNH	2235	RÓM	4906
—	3142	—	2714	RỈNH	3670	—	6655
—	5128	—	5733	RÍT	1598	—	7845
RÊ	5176	RĨ	355	—	5669	RÓN	7313
RỀ	3334	RỈ	355	RỊT	346	—	7320
—	6507	—	451	—	3638	RONG	1762
RỄ	2343	RỊ	1525	RIU	6044	—	5019
—	3703	—	2175	RÌU	142	—	7517
—	7815	RIA	7586	—	4494	RÒNG	541
RỀ	3250	RÌA	6598	—	4558	—	1225
—	7623	RỈA	1938	—	6061	—	4139
RẾ	5591	—	2484	—	7562	RÕNG	7192
RẾCH	5973	—	3876	RÍU	1462	RÓT	2708
RÊM	6911	RÍCH	4825	—	4442	—	2843
RÊN	3192	—	5973	—	5099	—	3349
—	5859	—	7122	RO	2329	—	3482
RỀN	5314	—	8050	—	7252	RỒ	7890

RÔ	8161	RỐT	6116	RỢP	6468	RUNG	4058
RÒ	5525	RỘT	7997	—	6718	—	4063
RỖ	7461	RỜ	4066	—	7738	—	4703
—	7670	—	7170	RỚT	4159	—	4734
RỒ	4952	RỠ	2029	RU	967	—	7171
—	7670	—	2658	—	6872	RÙNG	292
RỐ	7861	—	2860	RŨ	4678	—	541
RỘ	7737	—	3515	—	5946	—	1521
RỐC	3093	—	3934	—	6080	—	5670
RỘC	2851	—	6893	RỦ	967	RỦNG	4578
—	7205	RỞ	1875	—	3174	—	4696
RỜI	478	RỚ	1563	—	3996	RỨNG	1131
RỖI	6780	—	4971	—	4670	—	1857
RỒI	8107	—	5967	—	6390	—	3041
RỐI	7497	RỢ	554	—	6448	—	4696
—	7678	—	2202	RÚ	1571	RỤNG	1226
RỘI	2985	—	2203	—	6983	—	1760
RỒM	5525	—	3868	RUA	4774	—	2446
—	6976	—	4520	RỦA	7292	—	2789
—	7500	RƠI	2444	—	7294	RUỐC	8162
—	7748	—	2710	—	8187	RUỜI	3727
RỐN	3284	—	2819	RỦA	6769	RUỖI	7859
—	6181	RỜI	2168	RÚC	1909	—	8107
RỘN	581	—	2819	—	3940	RUỒNG	7953
—	4460	—	4769	—	7135	RUỒNG	1131
—	5731	—	5376	RỤC	6020	—	1226
—	5872	—	5735	RUI	5454	—	7163
RỒNG	5670	RỢI	2819	—	6485	—	7825
—	6220	—	7817	RỦI	1495	RUỘNG	3548
RỖNG	4356	RƠM	1750	—	5550	—	6820
—	5567	—	3695	—	6780	—	7206
RỒNG	5837	—	4937	—	7474	—	7655
RỐNG	3875	—	5564	RỤI	7177	RUỘT	2323
—	4578	—	6633	RỦM	6867	RÚT	1484
—	5236	RỜN	2604	RUN	2674	—	2708
RỘNG	1226	RỞN	3923	—	4703	—	3435
—	7206	—	4832	—	5352	RỤT	1484
—	7628	RỢN	8000	—	7171	—	3348
—	7654	RỢP	1757	RỦN	4767	RỬ	3580
RỐT	907	—	4514	RUNG	1105	RỬA	2148

RỬA 2992
RỬA 2148
— 6030
RỰA 591
RỰA 4497
— 7726
RỰC 3521
— 4186
RƯNG 1855
RỪNG 1628
— 2626
— 3425
— 5303
RƯỚC 3787
RƯƠI 5041
RƯỜI 2815
RƯỠI 3040
— 3873
RƯỞI 3040
RƯỚI 1597
— 3341
RƯỢI 184
— 2815
RƯỜM 4380
— 6976
— 7262
— 7286
— 7509
— 7835
— 8026
RƯỚM 4157
— 4824
— 4833
— 6084
RƯỚN 1365
— 3655
— 7008
RƯỢN 408
— 426
RƯƠNG 3292
— 5569
RƯỜNG 5424
RƯỢT 2378
— 5709
RƯỢU 2403
— 6699

S

SA 759
— 2284
SÀ 759
— 2332
SÃ 1071
SẢ 3701
— 4373
— 4498
— 6355
SÁ 353
— 875
— 1376
— 4419
SÁC 7277
SÁCH 189
— 2297
— 3619
SẠCH 4143
— 7184
SAI 1990
— 4293
— 5911
SÀI 1581
— 2371
— 4901
SÃI 179
SẢI 179
SÁI 1615
SÁI 1990
SAM 1298
— 2470
— 5650
— 5044
SAM 6216
— 7610
— 7846
SÀM 7119
SẠM 7419
SAN 55
— 194
— 543
— 1668
SẢN 1243
— 2633
— 3423
SẢN 2892
SÁN 2039
— 7059
— 7330
— 7954
SẠN 6559
— 6562
SANG 1795
— 3147
— 3989
— 4064
— 5113
— 5739
SÀNG 667
— 1243
— 4270
SẢNG 2872
SÁNG 463
— 3147
— 5507
— 5815
— 5816
— 6060
SANH 291
— 1583
— 6013
SÀNH 987
— 2211
SÀNH 2249
SẢNH 1372
— 6356
SÁNH 3092
— 4330
— 4656
— 5195
SAO 648
— 704
— 1231
— 2768
— 2797
— 4198
— 4675
— 5901
SÀO 2421
— 2630
— 6120
SẢO 575
SÁO 4274
— 5237
— 6136
— 6358
— 6947
— 7115
— 7776
— 7777
— 8118
SẠO 2690
— 4619
— 7041
— 7108
SÁP 4339
— 7523
SẠP 6868
SÁT 2141
— 4668
— 6442
SẠT 7901
SAU 2585

SAU	5281	SẤM	7419	SẬY	2941	SI	1990
—	5282	—	7873	—	4788	—	2358
—	6272	—	7904	SE	5415	—	3602
—	6818	—	8037	—	6054	—	7207
SÁU	2304	—	8104	SÈ	1745	SÌ	179
SAY	6700	—	8155	—	3602	—	4293
SẢY	179	SẬM	3343	SẼ	179	—	6359
—	1109	SẦN	3882	—	949	SĨ	47
—	1646	—	7146	SẺ	179	SỈ	2007
—	2227	SẦN	3506	—	1109	—	2358
SẮC	488	—	3665	—	4498	SỈA	3768
—	896	—	4225	—	6357	SỊA	2943
—	1864	—	4997	SÉM	7653	SỊCH	7955
—	2747	SẤN	3761	SEN	5642	SIỀM	5688
—	6752	—	7059	SẺN	2840	SIÊNG	291
SẶC	488	—	7068	—	4712	—	556
—	8113	SẤP	1722	SEO	6966	—	7204
SĂM	4985	SẬP	307	SẸO	2226	SIỀNG	5581
—	5290	—	542	—	7392	—	8132
SẮM	6845	—	1586	SÉT	887	SIẾT	99
—	7419	SẤT	221	—	3949	—	714
SĂN	468	—	297	—	5144	—	1418
—	6068	SẬU	4849	—	7076	SIÊU	3762
SẴN	2892	—	6646	SỆT	1403	SIM	1584
SẮN	5651	—	6990	SỀ	2942	—	2130
—	6202	SẦU	3994	—	4199	—	5442
SĂNG	3425	—	6487	SỂ	179	SINH	291
—	6486	SẦU	691	SỆ	2322	—	1652
SẮNG	6208	SẤU	69	—	4823	—	2249
SẮP	1129	—	7594	SÈN	3029	SÌNH	2169
—	3335	—	8142	SỀN	1724	SÍNH	3092
SẮT	4211	—	8167	—	4284	—	4330
—	4491	SẬU	8060	SẾN	2796	SÍT	2141
—	7067	SẦY	3602	—	3423	—	7778
SẶT	6129	—	3964	—	7178	SỊT	1927
—	7763	SẦY	866	SỀNH	2937	—	2141
SẦM	2470	—	3768	SỆT	1496	—	6797
SẦM	655	SẤY	1646	—	4007	SO	2329
SẦM	5290	SẬY	1585	—	4151	—	3782
SẤM	7351	—	1745	SÈU	5212	—	3968

SO	4032	SÓN	52	SỒI	3645	SỢ	1072
—	4733	—	4847	—	6331	—	2665
—	6673	SONG	114	—	7352	SỚI	2227
—	6690	—	616	SỒN	129	SỢI	2962
—	7956	—	3607	SỒNG	4149	SỜM	4924
SÒ	6218	—	7574	—	7445	—	7119
—	7292	SÒNG	1226	SỒNG	1987	SỚM	7643
—	7755	—	2618	—	2789	SƠN	55
SỎ	6727	—	4577	—	5443	—	745
—	8057	—	5443	SỐNG	3546	SỜN	5470
SỌ	8108	—	6097	—	3547	SỞN	2892
SOA	30	SÕNG	6191	—	4410	—	6542
SOÁi	1471	—	6969	—	6342	—	7573
SOẠN	5373	SỐNG	7568	—	6534	—	7924
—	6181	SÓNG	2150	—	6731	SỚN	3761
—	7742	SÓT	1080	—	6760	—	5470
SOẠT	3972	—	2883	—	7344	SỚT	221
SỌC	891	SỌT	5573	SỘP	5453	SU	4819
—	5543	—	5582	—	7893	SỦ	1594
SOI	6519	SÔ	2329	SỐT	3507	—	5428
—	6921	—	4411	SỘT	1703	SỦ	8144
SÔI	7440	—	4972	—	3507	SÚ	6835
SÕI	5550	—	6147	—	3910	SỤ	4992
SỎI	5550	SỒ	2956	SƠ	898	SUA	6131
—	5809	—	3962	—	2807	SỦA	6769
—	6927	—	6168	—	3553	—	6798
—	7474	—	7766	—	3554	SUẤT	2883
SÓI	5550	SỔ	1926	—	4411	SÚC	747
—	6899	—	5410	—	5967	—	2214
—	7177	—	7197	SỜ	2734	—	3940
—	8109	SỐ	2701	—	3553	—	4804
SỌM	8151	—	5410	—	3554	SỤC	35
SÓM	8039	SỘ	5410	—	4162	—	3940
SỌM	7422	SỐC	801	—	6924	—	4170
SON	2620	—	4170	SỠ	1095	SUI	5898
—	4544	—	7892	SỞ	4094	SÙI	1408
—	4814	SỘC	6020	SỞ	1095	—	1599
—	4956	SỎI	1228	—	4094	SỦI	7545
—	6423	—	2863	SỚ	1035	SUM	3424
SỒN	389	—	6519	—	3553	—	5404

SUM	6210	SỤT	1123	SƯƠI	1990	TẠ	1128
SÙM	655	—	1427	—	6185	—	6669
—	3424	—	1484	SƯỞI	1646	TÁC	529
SỤM	7321	—	3195	SƯƠN	454	—	2297
SÚN	5210	—	3484	SƯỜN	811	TẠC	1072
SỤN	6181	SUY	2361	—	5424	—	8042
SỤNG	333	SÚY	1471	—	6182	TÁCH	450
—	2131	SUYỄN	3168	SƯƠNG	6714	—	1863
SÙNG	1986	SƯ	1991	—	7430	—	2832
—	2618	—	4201	SƯỜNG	667	—	4825
—	4577	SỬ	225	SƯỚNG	4772	TAI	778
—	6658	—	863	—	6409	—	779
—	6988	SỨ	863	SƯỢNG	1034	—	4332
SŨNG	4153	—	1587	—	2500	—	5620
—	4334	—	2890	—	2872	—	7081
—	7153	—	3441	SƯỚT	2141	TÀI	65
SỦNG	7153	SỰ	852	SƯỢT	3878	—	2372
—	8154	SƯA	6701	SỨT	221	TẢI	4453
SÚNG	2348	—	6701	—	5249	TÁI	338
—	5120	SỮA	2847	SỰT	17	TẠI	372
—	6204	SỬA	863	—	224	TAM	23
—	6984	—	1095	SƯU	4028	TÁM	4960
SUỐI	4792	—	2733	SỬU	69	—	6581
SUỐI	6887	—	3869			TẠM	5412
SUỒN	3448	SỨA	5045	T		TAN	3384
SUỒNG	4961	—	7376			—	5474
SUỒNG	3813	SỰA	922	TA	854	TÀN	3134
SUỐT	1484	SỨC	17	TÀ	845	—	3459
—	2478	—	404	—	2750	TẢN	3384
—	2708	—	4253	TÃ	1217	TÁN	3134
—	2735	SỰC	17	—	3052	—	3388
—	2883	—	1261	—	6874	—	8138
—	4119	—	3205	—	6975	TANG	2123
—	5199	—	8064	TẢ	244	—	3226
—	5914	SƯNG	4226	—	3052	—	4432
SỤP	1129	SỪNG	5685	—	5291	—	5008
—	3767	SỮNG	2872	—	6874	—	7701
—	7015	—	7016	TÁ	520	TÀNG	5008
SÚT	2843	—	7033	—	854	—	5298
—	2883	SỬNG	2872	—	1834	—	6977

TẢNG 3226
— 3384
— 4361
— 5551
TÁNG 3226
— 4362
TẠNG 6961
TANH 4337
TÀNH 2657
— 3393
— 5486
TẠNH 3393
— 7077
TAO 2351
— 3136
— 5005
— 5732
— 6157
— 7585
TÀO 2766
— 4567
TẢO 433
— 2688
TÁO 774
— 3420
— 6510
— 7480
TẠO 3094
TẢP 130
— 959
— 5152
— 105
— 7069
TẢT 5367
— 6978
TẠT 2650
TÀU 5421
— 6627
TÁU 1439
— 2811

TÂU 3420
— 4111
TAY 2088
— 4053
TẢY 5175
TÁY 338
— 2041
TẮC 1357
— 3952
— 5559
TẶC 4431
TĂM 610
— 763
— 7939
TẦM 2350
— 6995
— 8166
TẤM 764
— 2159
TĂN 835
TẦN 6332
— 6873
TĂNG 3396
— 4534
— 5266
TẶNG 7306
TẮP 3826
— 5493
TẮT 1639
— 4863
— 5441
— 5499
— 7034
TẤC 3270
TÂM 134
TẦM 610
— 3269
— 5468
TẤM 134
— 610

TẤM 763
— 1090
— 1242
— 2279
— 4194
— 4283
— 4960
— 5510
— 6581
TẦN 835
4078
— 5083
TẦN 6051
— 6332
— 6888
— 7513
TẦN 1486
— 6888
TẬN 397
— 4905
TẢNG 3396
TẦNG 5298
TẤP 202
— 204
— 2984
— 5493
TẬP 2984
— 3826
— 7852
TẤT 253
— 2893
— 7580
TẬT 2223
TẬU 1439
— 3193
TẦU 831
TẤU 1439
TẬU 7012
TẢY 496
— 803

TẢY 2873
TẦY 1603
TẤY 1657
TE 950
TÈ 5175
TẺ 303
— 1974
— 2957
— 5562
— 6142
TÉ 2965
TÉM 4535
TEN 5122
TEO 2164
— 2991
TÈO 5487
TÉO 1917
TẸO 3866
— 4660
TÉP 7595
TÉT 5572
— 5576
TÊ 2873
— 4217
— 5206
— 6543
TỀ 431
TỄ 5824
TỀ 1974
TẾ 2928
— 2965
— 7035
TỆ 3386
— 5310
— 5321
TẾCH 1164
— 5712
TÊM 1522
TÊN 1480
— 2919

TÊN	2920	TIÊN	3524	TINH	3394	TOẠI	4461
—	2921	TIỀN	1361	—	3530	TOAN	4275
—	3144	—	6294	—	4958	—	4946
—	3622	TIẾN	2340	TÌNH	2657	TOÀN	336
—	5568	—	3786	TỈNH	80	TOÁN	4275
TÊNH	4958	TIỆN	1339	—	1688	—	4946
TẾT	5572	—	2452	—	6286	TOÀNG	7001
—	5598	—	3651	TÍNH	868	TOẠNG	2438
TI	227	—	5699	—	1017	TOÁT	5372
TỈ	152	TIẾP	2698	—	1076	TÓC	4473
TÍ	51	TIỆP	2685	—	1812	—	7717
—	2965	TIẾT	493	TÍT	5572	TỌC	2755
TỊ	58	—	1204	—	7671	TOE	2991
—	152	—	1610	TỊT	3629	TOẺ	6617
—	6691	—	5572	—	5572	TOÉ	1917
TIA	6508	TIỆT	3629	TIU	2164	—	4590
TỈA	1974	—	4724	—	5745	TOÉT	4589
—	4059	TIÊU	2012	—	7334	—	6552
TÍA	2960	—	2164	TÍU	3398	TOẸT	3629
—	7833	—	3432	TO	2262	—	5229
TÍCH	1164	—	5427	—	2956	TOI	5905
—	2389	—	6193	—	7395	—	6912
—	2498	—	6937	—	7510	—	7224
—	4436	TIỀU	5336	—	7799	—	7672
—	6111	—	5981	—	7800	TÒI	4047
—	6591	TIỄU	3860	TÒ	1063	—	5372
—	7040	TIỂU	53	TỎ	3736	—	7475
TỊCH	48	TIM	1283	—	4867	TỎI	5016
—	1995	—	2011	—	4868	—	6200
—	2602	—	2290	—	6049	TỐI	6158
TIẾC	2662	TÌM	3269	TÓ	4816	—	6959
TIỆC	1995	TÍM	4535	TỌ	4992	TOM	2290
—	3969	—	7702	—	6686	TÓM	6603
TIỀM	393	TIN	1351	TOÀ	1996	—	7431
TIỀM	5491	—	5193	—	2864	TON	3268
TIẾM	4535	TỈN	80	TỎA	4878	—	3385
—	7305	—	6709	TOÁC	6388	—	5223
TIỆM	1052	TÍN	1351	TOẠC	7526	TÒNG	2004
TIỆN	183	TINH	1551	—	8042	TỔNG	6590
—	334	—	2754	TOÁI	4247	TỌNG	5077

TÓP 1721
TỌP 959
TÓT 1544
— 2708
— 2879
— 5720
TỌT 1703
— 5720
TÔ 2262
— 5553
— 8087
TỒ 2973
TỐ 2294
— 3736
— 7360
TỘ 2255
TỐC 3093
— 7039
TỘC 2755
TỒI 3507
— 4247
— 6049
TỒI 4727
— 6331
TỐI 3398
— 5980
— 6552
TỘI 4319
TÔM 5795
TỒN 1972
— 3268
TỒN 389
TỒN 4021
TỐN 3284
— 4021
— 5210
TÒNG 1027
— 5713
TỒNG 6590
TỐNG 647
TỐNG 2394
TỐP 959
TỘP 52 9
TỐT 907
— 2608
— 5057
TỘT 907
TƠ 3640
TỜ 2258
— 3745
TỚ 230
— 526
TỢ 514
TƠI 1412
— 4364
— 4378
— 5580
— 7234
TỚI 7036
TỞM 3913
TƠN 835
— 3396
TỞN 3384
TỚN 3388
TỢN 3651
TỘP 3826
TU 1343
— 6012
— 7779
— 7978
TÙ 229
— 1205
TỦ 2463
— 4821
— 6577
TÚ 802
— 4292
TỤ 3047
— 4992
TUA 3832
— 7879
TÙA 1063
— 4469
TỦA 4864
TÚA 3736
TUẢN 6275
TUẦN 434
— 659
TUẪN 2138
TUẤN 1342
— 4511
— 6728
TUẤT 410
TÚC 381
— 832
— 2601
TỤC 1346
— 3202
— 7674
TUẾ 396
— 4127
TUỆ 5328
TUẾCH 1402
TUỆCH 3912
TÙI 4721
TỦI 5351
— 5839
— 5922
— 6025
TÚI 4679
— 6635
— 6959
— 7002
— 7253
— 7255
TỤI 3398
— 5813
TUM 630
TÙM 3269
TÙM 6197
TÚM 6603
TỤM 7714
TUN 3268
— 5223
TỦN 4021
TUNG 1027
— 3199
— 3981
— 6586
— 7014
TÙNG 1169
TÚNG 5329
— 6586
TỤNG 3061
— 4518
— 5077
TUỔI 7418
— 7786
TUỒM 4700
— 5969
TUỒN 4150
TUỐN 7428
TUỒNG 3981
— 6437
TUỒNG 2647
— 3854
TUỐT 2708
— 2735
TUỘT 1543
— 5720
TUY 6713
TÙY 6315
TỦY 6617
— 7979
TÚY 4957
— 5740
TỤY 2653
— 4222
TUYÊN 1457

TUYỀN 336
— 1595
TUYỀN 6277
TUYẾT 3118
TUYỆT 3629
TỰ 227
— 230
— 803
— 1450
— 1487
— 2301
TỪ 483
— 2002
— 2258
— 3745
— 4001
— 4456
— 7325
TỬ 51
— 178
— 449
— 467
— 2777
TỨ 230
TỰ 388
— 392
— 483
— 1375
— 2743
— 3884
TỪA 3640
TỬA 1771
TỨA 767
TỰA 514
— 668
— 2057
TỨC 564
— 2010
TỪNG 3396
— 5298
TƯỚC 1358
— 3117
— 6528
— 7639
TƯỢC 1358
TƯƠI 4341
— 4378
— 6735
— 7506
TƯỞI 4453
TƯỚI 1597
— 1607
— 3341
TƯƠM 7446
TƯƠNG 1685
— 3476
— 5458
— 7051
TƯỜNG 4422
— 5880
— 6526
TƯỞNG 3993
— 4658
— 5512
TƯỚNG 1685
— 2609
TƯỢNG 3746
— 4529
TƯỚT 1204
— 1543
TƯỢT 4817
TƯỜU 611
TỬU 2403
TỰU 3271
TY 3640
TỲ 2219
— 2589
— 3540
TỶ 2656
TỶ 1012
— 1013
— 7201

TH

THA 180
— 1139
— 3076
— 4023
— 5548
— 6676
THÀ 180
— 2098
— 4085
THẢ 166
THÁ 168
— 2701
THÁC 414
— 1617
— 2368
— 3374
THÁCH 1164
— 4597
— 5554
— 5730
— 6799
THẠCH 304
THAI 1727
THÀI 1581
— 5033
THÃI 758
THẢI 758
THÁI 117
— 1862
— 2041
— 2144
— 2642
THÁI 4694
THAM 2470
— 3072
THÀM 4591
THẢM 3463
— 4695
— 4741
THÁM 2697
THAN 1636
— 4566
— 5455
THẢN 979
THÁN 5455
THANG 2969
— 3479
THẢNG 1830
THÁNG 3662
THANH 633
— 1328
— 2838
— 6307
— 6616
THÀNH 413
— 692
— 1431
— 5075
THẢNH 2838
— 5690
THÁNH 231
— 4329
— 6800
THAO 4145
— 6153
— 7256
— 7354
THẢO 4145
THẢO 489
— 2339
— 2365

THÁO 586
— 5938
— 7540
THẠO 1960
— 5938
THÁP 3335
— 3945
— 4031
— 5270
THẠP 2907
— 3945
THAU 6710
— 7731
THÁU 489
— 2339
THAY 220
— 965
— 1819
— 1820
— 4602
THÁY 1581
THẢY 758
THẮC 80
— 688
THĂM 2479
— 2697
— 2833
— 4575
THẨM 5290
— 6875
THẮM 5290
— 7624
— 7855
— 7856
THĂN 1720
— 4566
— 5455
THẮN 3033
— 7288
THĂNG 106
THĂNG 1158
— 2411
THẮNG 1034
— 1822
— 7242
THẮNG 1830
— 3977
— 4130
— 5188
— 5722
— 2902
— 6099
THẮNG 1724
— 1807
— 3151
THẮP 5358
— 6059
— 7929
THẮT 234
— 1114
— 2976
THẮC 1657
THẤM 2159
— 2833
THẨM 686
— 3196
— 4575
— 4596
— 6247
THẨM 6875
— 7855
THẤM 5290
THẤM 763
— 2159
— 3477
— 5290
— 6875
THẢM 1670
THẢN 833
6236
THẦN 482
— 1932
— 2252
— 2765
THẦN 599
— 1696
THẤN 1696
— 3761
THẬN 3657
— 4004
THẤP 5579
— 6496
— 7341
THẬP 18
— 82
— 1512
— 5
— 104
— 234
— 1459
THẬT 3266
THÂU 429
THẦU 1386
THẤU 2347
THẤU 3085
THÂY 54
— 1469
THẦY 1581
THẤY 5066
THE 1548
— 5600
THÈ 180
— 1548
— 3190
— 6391
THẺ 923
— 4271
— 8171
THÉ 168
— 955
THÊM 5843
— 5844
— 7792
— 8140
THEN 746
— 6005
THẸN 5228
— 5349
THEO 7037
THÈO 7126
THẺO 123
THẸO 557
— 3866
THÉP 2496
— 6308
THẸP 4600
THÉT 954
— 4491
THÈ 1005
— 2110
— 2656
— 2821
— 3604
THỀ 5072
THỀ 168
— 521
— 7980
THẾ 168
— 559
— 3397
— 3864
THỆ 7894
THẾCH 5730
THÊM 2841
THỀM 2564
— 5877
THÈNH 1328
— 2838
THẾP 1048
— 1627

THẾP 2845
— 6308
THẾT 3065
— 5155
THÊU 3642
— 6955
— 7832
THỀU 5147
THỀU 123
— 575
THI 54
— 1548
— 4418
THÌ 2098
THĨ 923
THỈ 303
— 827
— 923
— 1548
THÍ 1548
— 3295
— 4417
— 7533
THỊ 154
— 247
— 305
— 1555
— 1582
— 3733
THIA 1548
— 7377
THÌA 2462
— 4561
— 4851
THÍA 6026
— 7533
THÍCH 2659
— 2679
— 5334
— 5730

THỊCH 7561
THIẾC 99
— 4491
— 6296
— 7963
THIÊN 43
— 116
— 5170
— 6276
THIỀN 6567
THIẾN 1839
— 3148
— 4559
THIỆN 3164
THIÊNG 4877
— 5769
— 6616
THIẾP 1006
— 1048
— 2845
— 4054
THIỆP 2165
THIẾT 99
— 3065
— 4491
— 7721
THIỆT 486
— 3266
THIÊU 6046
THIỀU 5147
THIỀU 123
— 3322
THIẾU 123
THÍM 6817
THÌN 836
THÍN 5690
THINH 2838
— 6616
THÌNH 413
— 3576

THỈNH 5690
THÍNH 595
— 4282
— 4286
— 7836
THỊNH 3578
THÍT 6796
THỊT 3669
— 3680
THIU 6046
THỈU 123
THO 429
— 3698
— 4375
THÒ 429
— 2689
— 4043
— 4481
— 8124
THỎ 535
— 3535
THÓ 2701
— 6297
THỌ 650
— 4651
THOA 2052
— 3105
THÕA 643
— 3261
THỎA 643
— 5686
THÓA 2473
THỌA 1956
THOAI 3112
THOẢI 500
THOÁI 2393
THOẠI 4421
THOÁN 6121
THOẢNG 1830
THOÁNG 1830

THOÁT 2989
— 4743
THOẠT 2989
— 4086
THOĂN 2018
THOẮNG 1830
THOẮT 2989
— 4576
THÓC 801
— 6930
THỌC 2070
THOEN 2108
THOI 2621
— 2786
— 5452
— 6837
— 7732
THÒI 2621
— 3841
— 4601
THỎI 4247
— 5752
— 6062
THÓI 2393
— 4694
— 4999
— 5112
— 7329
— 7359
THOM 3196
— 6247
THỎM 1065
— 6801
— 6875
THON 195
— 741
THONG 3089
THÒNG 2055
— 6604
THÕNG 1957

THÕNG 4334
— 7038
THÓP 4576
— 5270
THỐT 747
— 4576
— 5079
— 6378
THỌT 2478
— 3348
THÒ 2956
THỒ 46
— 368
THỐ 2701
THỘ 6297
THỐC 414
— 1878
THỔI 3841
— 5841
THỒI 3939
THỐI 2393
— 7556
THÒN 741
THỒN 1916
THỖN 2990
THỒN 195
— 409
THỐN 52
THỘN 2990
THÔNG 1169
— 2772
— 3089
— 5445
— 6615
THỐNG 3556
— 3639
— 5273
THỘP 1512
THỐT 5079
THƠ 180
THƠ 898
— 4418
THỜ 2258
— 3597
— 4391
— 5191
THỞ 919
THỚ 340
THỢ 4984
— 5812
THƠI 220
THỜI 732
— 2098
— 6128
— 3749
THƠM 5656
THỚM 2697
THỚT 4797
— 6001
— 6802
THU 429
— 1700
— 6744
— 7597
THÙ 2139
— 4481
— 7947
THỦ 137
— 915
— 1805
THỦ 411
— 1805
— 2584
— 5708
— 7199
THỤ 916
— 5983
THUA 6271
THÙA 2139
— 3643
THỪA 4292
THUẦN 2283
— 4525
THUẪN 1687
THUẤN 3682
THUẬN 3831
THUẬT 1791
— 3037
THÚC 914
— 1341
THỤC 2596
— 4637
— 5495
— 7854
THUÊ 5250
THUẾ 3603
THUI 6049
— 6050
THỦI 2393
— 3939
— 6687
THỤI 4057
THUM 2833
THÙM 4596
THỦM 5290
— 6875
THUN 741
— 4297
THÙN 129
— 6155
THUNG 3000
THÙNG 2772
— 4595
— 4709
THŨNG 4334
THỦNG 2647
— 3639
— 4334
— 5422
— 7403
THÚNG 4273
— 6948
THỤNG 3639
THUỐC 3011
— 8129
THUỘC 5495
— 7620
THUỒN 52
— 4334
THUỐN 421
THUỒNG 4386
— 4594
— 4703
— 4711
THUỒNG 7569
— 7570
THUỞ 448
— 3399
— 5686
THỤP 1512
THÚT 747
— 2497
THỤT 1543
— 3484
THÙY 984
THỦY 155
— 1014
THÚY 4988
THUYÊN 2895
THUYỀN 3001
THUYẾT 5079
THƯ 1015
— 2104
— 2216
— 3668
— 5143
THỬ 4391
THỬ 4417
THỨ 340
— 2006

THỨ 2637
THỰ 4639
THỪA 3554
— 4592
THỬA 308
— 1097
— 1807
THỬA 448
— 863
— 1095
THỨC 404
— 1494
— 7532
THỰC 3266
— 3430
— 4672
THƯNG 106
THỬNG 7242
THỮNG 599
— 3777
— 6189
THỬNG 1696
THƯỚC 2050
— 2051
— 7367
— 7939
THƯỢC 819
THƯƠNG 2475
— 3845
— 4787
— 7057
THƯỜNG 2633
— 4663
THƯỞNG 5695
THƯỢNG 24
— 1034
THƯỚT 99
— 414
THƯỢT 3644
— 4922

TR

TRA 1576
— 5619
TRÀ 2332
TRÃ 1946
TRẢ 591
— 1275
— 7604
TRÁ 3741
TRÁC 906
TRẠC 3620
— 6858
— 7940
TRÁCH 3074
— 7498
TRẠCH 5935
TRAI 862
— 3129
— 3536
— 5041
— 5190
— 5522
— 6765
— 7847
TRÀI 3732
TRẢI 828
— 3160
— 7816
TRÁI 3844
— 4796
— 6985
— 7417
— 8004
— 8005
TRẠI 828
— 4673
TRÀM 7811
TRÁM 6936
TRÁM 8114
TRẠM 2270
TRÀN 3492
— 4142
— 4158
— 4840
— 8008
TRÁN 5149
— 6326
— 7970
— 8058
TRANG 402
— 642
— 3008
— 4408
— 8080
TRÀNG 5062
— 7938
TRÁNG 631
TRẠNG 1246
TRANH 1241
— 1779
— 2634
— 3287
— 3712
— 4943
TRÀNH 1843
— 6309
TRÁNH 211
— 2581
— 2694
TRẠNH 4392
— 6834
— 7117
— 7598
TRAO 2072
TRÀO 5205
— 5467
TRÁO 890
TRÁP 905
TRÁT 138
— 270
— 2629
— 2885
TRẠT 138
TRAU 2072
— 4024
TRÀU 3433
— 6745
TRẢU 159
TRÀY 1821
TRẢY 7236
TRẮC 85
— 2102
— 2433
— 3321
— 3171
— 4120
TRẶC 2265
— 2433
— 3764
TRĂM 4795
TRẮM 770
TRẤM 6936
— 7984
TRĂN 5738
— 6215
— 6648
TRẮN 3113
— 5738
TRẶN 2413
TRĂNG 3601
— 4968
— 5307
— 5913
TRẮNG 3570
TRẤP 4944
TRẬT 2433
— 3930
TRẦM 5999

TRÂM 6936
TRẦM 771
TRẪM 2106
— 2159
TRẬM 2270
TRÂN 1669
— 5537
TRẦN 3113
— 4635
TRẦN 1984
TRẤN 2012
— 7059
— 7333
TRẬN 2413
TRẰNG 5537
TRẤP 44
TRẬP 44
— 3725
TRẬT 2265
— 3764
TRÂU 3534
— 4197
— 5514
TRẦU 1296
— 3704
— 4374
— 5648
— 6201
— 7181
TRẤU 5577
— 5818
— 6980
TRẦY 459
— 1513
TRẦY 3042
— 4509
— 6628
TRE 3447
— 3693
— 4948

TRẼ 5963
TRẺ 2254
— 4259
— 4936
— 5025
TRẸ 4823
TRÈM 980
— 1209
TRỄN 3923
TREO 1146
— 5369
TRÈO 5450
— 7312
TRẺO 791
— 1202
TRÉO 1785
TRÉT 1523
— 3949
TRẸT 5324
TRÊ 5324
— 5796
— 7378
— 7379
TRỀ 459
— 6803
TRỄ 828
— 1266
— 1310
— 4509
— 4823
— 5556
TRỆ 4823
TRỆCH 3338
TRÊN 840
— 5111
TRẾT 1903
TRỆT 5324
TRÈU 932
— 2509
— 3886

TRÊU 5219
— 5369
— 6804
TRỀU 3413
TRỆU 1428
TRI 1262
— 1729
TRÌ 1513
— 1787
— 5733
TRĨ 2896
— 4259
— 4509
— 5434
TRÍ 2090
— 3395
— 4320
TRỊ 1201
— 1837
TRÌA 5733
TRÍCH 4725
— 7004
— 7895
TRỊCH 3338
TRIỀN 7677
TRIỆN 5575
TRIÊNG 3239
TRIỀNG 573
TRIỆNG 2434
— 2753
TRIẾT 1903
TRIỆT 5324
— 5361
TRIÊU 3413
TRIỀU 3413
— 5467
TRIỆU 331
TRINH 1779
— 2434
TRÌNH 573

TRÌNH 2753
— 3605
TRÍNH 4096
TRỊNH 5737
TRÍT 1903
— 5541
TRỊT 5324
TRÌU 263
TRĨU 580
TRÍU 263
TRỊU 216
TRO 1635
— 2184
— 2468
— 2469
— 3457
— 6520
— 7447
TRÒ 2003
— 3924
— 4439
TRỎ 2086
— 6844
TRỌ 518
— 4439
— 5869
TRÓC 2044
TRỌC 801
— 6020
TRƠI 1408
TRỚI 3634
— 6959
— 7678
TRỢI 5550
TRÒM 772
— 5364
TRÕM 7661
TRÓM 7616
TRÒN 7013
— 7621

TRỌN 2972
— 4552
TRONG 57
— 70
— 341
— 769
— 5177
— 5179
— 6509
— 7784
TRÒNG 4169
— 6549
TRỌNG 1798
TRÓT 1484
— 1484
— 4121
TRỌT 1113
— 3348
TRÒ 1063
TRỖ 6844
TRỒ 6844
TRỐ 4239
— 4239
— 7469
TRỐC 2044
— 2474
— 6119
TRÔI 6038
— 8065
TRỖI 1408
TRỐI 2495
— 6780
TRỘI 1408
— 6839
— 6000
TRỘM 6773
— 7118
— 7216
— 7443
TRÔN 3668

TRÔN 3674
— 6178
TRỐN 4460
— 7309
TRÔNG 5540
— 6087
— 7785
— 8130
TRỒNG 2129
— 4799
— 6931
— 7437
TRỐNG 3298
— 3573
— 5567
— 6367
— 6821
— 7434
TRỘNG 1798
— 1921
TRƠ 3529
TRỞ 591
— 1323
— 2519
— 3079
— 3377
— 4470
— 6267
TRỚ 3744
TRỢ 554
TRƠI 3129
— 5791
— 6765
— 7753
— 8156
TRỜI 634
TRỢM 3477
— 8097
TRƠN 2447
TRỚN 7059

TRỚN 7333
TRỢN 4238
— 5542
TRỚT 270
TRU 4423
TRÙ 6392
— 7703
TRỦ 5596
TRÚ 518
— 5779
TRỤ 1029
— 1106
— 1579
— 1719
TRUÂN 1313
TRUẤT 6763
TRÚC 470
— 3614
— 6119
TRỤC 3086
— 3780
TRUI 3507
TRÙM 177
TRŨM 2106
— 2940
TRÚM 5578
— 7632
TRỤM 1120
— 3477
TRUN 3694
— 5042
TRÙN 5673
TRUNG 70
— 1066
TRÙNG 492
— 1798
— 4169
— 6988
TRŨNG 1849
TRỤNG 4136

TRỤNG 1798
— 4169
TRUỒI 865
TRUỒNG 70
— 1176
TRUỒNG 3796
TRUỘT 1084
— 6763
TRÚT 1123
— 1464
— 3349
— 3726
TRỰT 6763
TRUY 2390
TRỤY 5265
TRUYỀN 3843
TRUYỆN 3843
TRỪ 2415
— 7541
TRỮ 239
— 709
— 3748
TRƯA 5978
— 5979
— 7435
— 7436
TRỰC 1261
TRƯNG 5326
— 6553
TRỪNG 6546
— 6553
— 6825
— 7157
TRỨNG 4884
TRƯỚC 2894
— 3578
— 6535
— 7045
— 7046
— 7457

TRƯỜN 1321
— 3113
TRƯƠNG 2640
TRƯỜNG 1321
— 3236
— 3419
— 4640
TRƯỚNG 2634
— 4839
TRƯỢNG 22
— 742
TRƯỢT 138
— 3764
TRỪU 1101
— 6167
TRỨU 3696

U

U 1472
— 3294
Ù 1472
— 2511
— 3197
Ú 6585
ÙA 1355
ỦA 5870
ÚA 6540
— 7285
UẤT 8176
UẦY 2512
ÚC 7987
ỤC 3175
— 6018
UẾ 6929
UI 4084
UỈ 4645
— 4898
— 5331
ỦI 5496
UM 4190
ỦM 3167
— 3491
ŨM 6719
UN 4182
ÙN 4182
ỦN 7227
UNG 7931
ỦNG 4510
— 6913
— 7875
ỦNG 4510
UỐN 1031
— 3347
— 3368
— 7808
UỒNG 1172
UỐNG 612
— 1898
— 2513
— 2846
ÚP 2040
— 8100
ỤP 2040
ÚT 76
— 1330
ỤT 1331
— 7993
UY 1453
ỦY 1018
ÚY 1673
— 5331
UYÊN 2837
— 3480
— 6349
UYỀN 1031
— 2588

Ư

Ừ 2494
Ứ 2494
— 2827
— 4220
— 7188
ƯA 1152
— 2666
ỨA 2827
— 4220
ỰA 4220
ỨC 708
— 5183
— 5918
ỰC 356
— 708
— 7407
ƯNG 8067
ỬNG 7712
— 7688
ỨNG 4630
ƯỚC 1711
ƯƠI 3533
— 4202
— 4798
ƯỞI 7088
ƯƠM 2839
— 5601
ƯỚM 4563
— 6394
— 6433
— 7527
ƯƠN 2320
ƯỠN 2738
ƯƠNG 233
— 1593
— 2264
— 6351
ƯỚP 1100
— 2147
ƯỚT 156
— 6024
— 6034
ƯU 5335

V

VA 2728
— 5403
— 5912
VÀ 401
— 613
— 1968
— 2718
— 3285
— 5148
— 6424
VÃ 707
— 2146
— 3464
— 4677
VẢ 707
— 919
— 1116
— 2782
— 3274
— 5371
VÁ 4316
— 5371
— 7680
VẠ 4927
VÁC 2561
— 4022
VẠC 7862
— 7906
— 8117
VÁCH 5876

VẠCH	1134	VANG	6393	VẶC	1642	VÂN	3827
—	1256	VÀNG	666	—	2561	VẦN	4464
—	3551	—	3132	—	2844	—	4516
—	4555	—	3834	—	3222	—	7355
—	5392	—	6544	—	3509	VẪN	343
VAI	5634	—	7572	—	4722	—	723
—	5635	VÃNG	1059	—	6522	VẦN	343
—	7505	VẢNG	1059	VĂN	140	—	583
VÀI	401	VÁNG	1856	VẮN	674	—	773
—	613	—	4223	—	786	—	2476
—	3840	—	4981	—	2280	—	4464
VÃI	651	VẠNG	1059	VẮN	2476	—	4834
—	1334	—	3411	—	6100	VẤN	2476
—	1964	VANH	3376	—	6370	—	6587
—	2078	—	6453	—	6555	VẬN	4464
—	2742	VÀNH	2128	—	7936	—	7355
VẢI	2782	—	4781	VẶN	723	VẮNG	844
—	3980	—	7866	—	4074	—	1935
—	4317	VÁNH	275	—	4757	—	3158
—	4547	VẠNH	3740	—	5955	VẰNG	4082
—	5311	VÀO	560	VĂNG	276	VẤP	3078
—	6153	—	6072	—	2080	VẬP	111
—	7176	VÁO	5951	—	4044	—	1111
VÁI	1507	VÁT	3763	VẮNG	5194	VẤT	100
—	1920	VẠT	8033	VẲNG	275	—	145
VẠI	3245	VAY	3505	—	343	VẬT	100
—	4648	—	5222	—	935	—	773
VÀM	456	—	5403	—	3740	—	1245
VẠM	2826	—	5513	—	4574	VẦU	2944
—	6620	—	8032	VẮNG	275	—	4269
VAN	3932	VẢY	2078	—	2476	VẤU	1239
VÀN	21	—	7110	—	3815	VÂY	3229
—	4355	—	7760	VẮT	724	—	7982
VÃN	2757	VÁY	2742	—	773	—	8066
VÁN	1170	—	3012	—	1112	VẪY	165
—	1244	—	4409	—	3728	—	1115
VẠN	21	VẠY	2769	VẶT	100	—	3229
—	4355	—	2803	—	583	—	3354
VANG	4781	—	3979	VÂN	77	—	3880
—	4903	VẮC	6313	—	2280	—	4072

VẦY	6396	VẸT	6761	VỊ	267	VINH	4781
VẪY	2078	—	8075	—	516	VĨNH	275
—	2146	—	8120	—	939	VỊNH	935
—	2742	VỀ	3729	—	3172	VÍT	145
VẤY	3472	—	6228	—	3472	—	2289
VẬY	165	VỄ	5628	VỈA	3946	VỊT	8075
VE	5274	—	7093	—	5597	—	8076
—	6563	VỆ	6228	VÍA	3572	VÍU	2726
—	6996	VỆCH	4455	—	7882	—	5058
VẺ	3229	VÊN	4791	—	8054	VO	428
VẼ	2078	VỆN	2280	VÍCH	5942	—	614
—	2617	—	2412	—	7519	VÒ	378
—	7149	—	5142	—	7524	—	428
VẺ	2617	VÊNH	4781	—	7848	—	1712
—	5299	VỀNH	275	VIỆC	677	—	1769
—	7149	—	1144	VIÊM	1230	—	2381
VẸM	5043	—	3781	VIÊN	618	VÕ	390
VEN	499	VẾT	145	—	2375	—	473
—	3932	—	436	—	3941	—	1188
—	4488	—	1678	—	3942	—	1258
—	7326	VỆT	3551	VIỀN	6232	VỎ	3574
VÈN	1591	VÊU	4027	—	8034	—	4407
VẺN	3382	—	7712	VIỄN	1316	VỎ	2968
VÉN	3382	VẾU	1773	—	5109	—	3774
VẸN	2412	—	7868	VIỀN	1316	—	6579
—	3382	VI	3229	VIỆN	2412	VỌ	7112
VEO	3490	—	3992	—	3382	VÓC	442
—	4553	—	4468	VIẾNG	275	—	481
—	4828	—	7591	—	935	—	1272
—	7927	VÌ	516	—	1221	—	1369
VÈO	2520	—	3505	—	2554	—	6953
VẺO	2726	VĨ	2427	VIẾT	145	VỌC	257
VÉO	2520	VỈ	1920	VIỆT	3763	VOI	3532
VẸO	1773	—	2427	—	4489	—	5516
—	5065	—	4268	VỊM	2567	VÒI	4338
VÉT	725	VÍ	1393	—	4232	—	5623
—	7295	—	3172	VIN	3382	—	6949
VẸT	3763	—	3212	—	4021	VỌI	1884
—	5966	—	3229	VÌN	3942	—	1985
—	6498	—	4108	VIN	3382	—	3983

VÒM	1770	VỐC	19	VỜN	2859	VUI	8013
—	4690	VỐI	464	—	4152	VỦI	1682
VỌM	2061	—	4926	—	4465	—	2566
VON	140	VỐI	5021	VỞN	1059	—	3502
—	817	—	5653	VỢN	7549	—	3957
—	2375	VỒN	1683	VỚT	725	—	4858
—	3984	—	3198	—	1544	VỦI	7220
VỎN	269	VỐN	269	—	5966	VŨM	1885
VONG	37	VỒNG	3440	—	6032	VUN	619
—	682	—	6489	VỢT	7258	—	2711
VÒNG	2210	VỒNG	3106	VỤ	36	—	3364
—	3106	—	5891	—	352	VÙN	3486
—	3641	VỒNG	3418	—	378	VỤN	1119
—	3621	VƠ	3505	—	737	VUNG	2729
—	4299	—	5403	—	837	—	5891
—	5123	—	5513	—	5079	VÙNG	4643
VÕNG	1273	VỜ	3505	VỬ	352	—	4732
—	4965	—	5222	VỮ	390	—	4841
—	5726	—	5403	—	473	—	6031
VÓNG	885	VỠ	3594	—	1188	—	6810
—	2853	—	3596	—	1699	—	6846
VỌNG	2771	—	4254	—	5010	VŨNG	2834
VÓT	436	—	5124	VÚ	851	—	6876
—	2058	—	6566	—	2875	VỤNG	1810
—	4026	VỞ	3594	—	3673		3667
—	5302	—	6421	VỤ	2259	VUÔNG	143
VỌT	2058	VỚ	5371	—	5010	—	2094
—	4109	VỢ	1969	—	5426	—	2095
—	5098	—	5896	VUA	662	—	4522
VÔ	151	VƠI	5492	—	1662	—	5411
—	3503	VỜI	4603	—	1994	VUỐT	159
—	4551	—	5403	VỦA	378	—	2708
VỒ	5997	—	5492	—	699	—	2879
—	7316	—	5945	VÚC	798	—	5377
VỖ	707	VỠI	7802	VỤC	257	—	5517
—	2727	VỚI	829	—	283	—	6073
—	5257	—	2068	—	726	VÚT	646
—	5340	—	3172	—	5374	—	5466
—	5360	VỢI	3472	VUI	1682	VỤT	2058
—	6847	—	5492	—	3314	—	2795

VỤT 5098
– 6488
– 7322
VỪA 299
– 1549
– 1550
VỮA 2173
VỰA 3135
– 3358
– 4110
– 4691
VỨC 2561
VỰC 2561
– 2844
VỪNG 3990
– 6490
– 6637
– 6643
VỮNG 888
– 1845
VỬNG 888
– 1845
VƯỢC 7380
– 7704
VƯƠN 1591
VƯỜN 618
– 3941
– 5878
VƯỢN 4200
– 4207
– 6069
VƯƠNG 163
– 2287
VƯỞNG 2296
VƯƠNG 163
– 2287
– 2296
– 4974
VƯỢNG 1155
VƯỢT 3763

VƯỢT 6032
– 7550

X

XA 834
– 3255
XÀ 1575
– 2889
– 3027
XÃ 1265
XẢ 698
– 2680
XÁ 1292
– 3076
XẠ 1982
– 7780
XÁC 1886
– 3462
– 5549
– 6107
– 6297
– 6434
– 6732
XẠC 632
– 4357
– 5549
– 7137
XÁCH 127
– 2071
XẠCH 2071
XÀI 3879
XẢI 7462
XÁI 3978
XÀM 7119
– 8151
XÁN 6511
XANG 2472
– 3659
– 5113

XANH 1328
– 2249
– 6013
– 6307
– 7571
XANH 7579
XÀNH 5115
XAO 704
– 4035
– 4620
– 6395
XÀO 1231
– 4770
– 6395
– 7198
XẢO 245
XÁO 1118
– 1626
– 2339
– 3094
– 5938
XẠO 3094
XÁP 636
– 2042
– 4339
XẠP 2506
– 7069
XÁT 5868
– 6442
XÀU 5205
XÁU 615
XẠU 216
– 1428
XAY 3948
– 4023
– 4766
– 4788
XẢY 866
XẮC 2069
– 6364

XẮC 7265
XĂM 1336
– 2697
– 5585
– 5747
– 6096
– 6729
XĂN 4065
XẮN 2039
– 4768
– 5958
XĂNG 3659
XẮNG 1892
– 3899
– 4296
– 6399
XẮNG 2472
– 4539
XẮP 2565
– 6027
XẮT 3146
XẮC 1841
XÂM 1336
XẦM 3223
– 6247
XẦM 2309
XẤM 3223
XẦNG 6720
XẤP 2565
– 3335
– 4540
XẬP 933
– 2984
XẤU 4028
– 6600
XẤU 69
– 4895
– 6697
XÂY 3948
– 4023

XÂY	5548	XẾ	892	XÍA	3329	XÍT	4382
—	7241	—	3329	XÍCH	127	—	4397
XE	834	—	3412	—	265	XỊT	1927
XÈ	1873	—	6521	—	830	XÌU	3851
—	7520	XỆ	3067	—	3805	—	4900
XẺ	5824	XỆCH	593	—	4312	XỈU	1691
—	6365	—	2417	—	5100	—	3322
—	7964	—	5100	—	6296	—	3851
XÉ	6365	XỆCH	127	XỊCH	127	XÍU	1462
—	6521	—	265	—	265	XO	7042
—	7429	—	2417	XIÊM	3048	XÒ	3922
XỆ	3067	XÊN	1625	—	5971	XỎ	4041
XEM	2237	—	6056	—	7296	—	6835
—	2253	XỀN	1688	XIẾM	5688	—	8017
XEN	418	—	7573	XIÊN	418	XÓ	1869
—	2980	XÊNH	291	—	1335	—	2206
—	3855	—	2508	—	2429	—	3947
XẺN	635	—	2937	—	3855	—	4508
XÉN	3103	—	5360	—	7260	—	6933
—	7573	—	6013	XIỀNG	5750	XOA	30
XẺNG	6567	XẾP	3335	XIỀNG	1338	—	427
—	7573	—	7633	XIÊU	4440	—	2361
XẺNG	3859	XỆP	4680	—	4828	XÒA	460
—	7330	XỆU	2276	XIẾT	714	XÕA	5368
XEO	4730	—	4440	—	892	XÓA	427
XÈO	5467	XI	582	—	2035	—	1292
XẺO	553	XỈ	587	—	3329	—	3076
—	1202	—	866	XIN	359	XOÀI	2779
—	4828	—	1514	—	3882	XOẢI	3558
XÉO	3220	—	2358	XỈN	6400	XOÀM	8157
XẸO	641	—	5808	XINH	291	XOAN	1553
XÉP	5243	XÍ	322	—	5360	—	4089
XÉT	4668	—	866	—	6013	XOÀNG	4477
—	6523	—	2466	—	5115	XOẢNG	6106
—	7215	—	3291	XĨNH	1688	—	8099
XẸT	7551	—	5909	XỈNH	1688	XOAY	2779
XÊ	139	XIA	3291	XÍNH	595	—	3948
—	2480	XỈA	5808	—	1922	—	4023
—	5101	—	6848	XÍP	2845	—	5548
XẾ	127	XÍA	3291	XÍT	714	XOÁY	7974

XOẮN 7693
XOẮN 3103
XOẮT 4447
XÓC 2105
— 7529
XỌC 4389
XOE 582
XÒE 2076
XOEN 1702
XOÉT 2321
XOẸT 4236
XOI 2076
XÒI 3609
— 4727
XÓI 4452
XOM 2697
XÓM 4950
XON 3225
XÒN 2364
XỎN 8001
XONG 5681
— 7574
XÕNG 1364
XÓNG 3630
XÓT 1080
— 1427
— 2653
XÔ 4733
— 5428
— 6401
— 6673
XỒ 2956
— 6447
XỒ 4041
— 6697
XỐ 4154
XỐC 2044
— 7529
XỘC 2105
— 7529

XÒI 582
— 1228
— 2278
— 4281
XỒI 1419
— 3224
— 5550
— 6780
XỐI 1618
— 5485
— 5488
— 7078
XỒM 6852
XỒM 3463
— 7363
XỒM 3779
XỒN 360
— 1392
— 2668
— 3385
— 5226
XỒN 581
XỒN 2835
— 8006
XỐN 52
— 409
XỘN 765
— 2836
— 5280
XÔNG 5681
— 6680
XỒNG 5681
XỒNG 4356
— 6402
XỐNG 341
— 2373
XỐP 1574
— 6849
— 6868
XƠ 834

XƠ 3553
XỜ 2415
— 3554
XỞ 3024
XỚ 3024
— 4630
XƠI 582
XỞI 621
— 6848
XỚI 698
— 2077
XƠM 1336
— 7857
XỜM 655
— 2949
— 7483
XỚM 7483
— 8037
XỚT 5761
— 6442
XỢT 5711
XU 6673
XŨ 2206
— 5428
— 6697
XỦ 4992
XÚ 2206
XỤ 4992
— 5428
XUA 4733
XUẢN 1553
XUẦN 3998
— 7693
XUẤT 193
XÚC 1341
— 7529
XUÊ 582
XÙI 582
— 6734
XỦI 2568

XÚI 7747
XỤI 582
— 5101
XUM 4674
XÚM 937
— 980
— 3424
— 4548
XUN 3385
XUNG 341
— 5681
XÙNG 2618
XÚNG 5681
XỤNG 6605
XUỐI 2161
— 1942
XUỒNG 6967
XUỒNG 6395
— 8046
XUỐNG 841
— 5900
XÚP 2565
XỤT 907
XUYÊN 56
— 1702
XUYẾN 505
— 3103
— 5933
— 6607
XUYẾT 2546
XUÝT 2546
XỬ 3024
XỬ 3024
XỰ 5241
XƯA 898
— 4411
XỨC 4039
— 8064
XƯNG 2266

XỪNG	4935	XƯỞNG	4564	Ỷ	1833	YẾT	1383
—	5471	—	5316	—	7010	—	3339
XỬNG	6688	—	6970	Ý	3999	—	6250
XỨNG	2263	XƯỚNG	1835	YỀM	4563	YÊU	639
—	4933	—	2472	YẾM	7527	—	1289
XƯỚC	3692			YÊN	391	—	3313
XƯỢC	2534	**Y**		—	5447	—	4335
—	4967			—	5771	YỀU	752
XƯỜI	3732	Y	323	YẾN	1976	YỀU	119
—	6660	—	495	—	2101	—	1189
XƯƠNG	7094	—	877	—	6047	—	2269
—	7095	—	7050	YỀNG	8074	YẾU	1442

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Phần thứ nhất : CÁCH ĐỌC CHỮ NÔM	11
Phần thứ hai : CÁCH VIẾT CHỮ NÔM *(ghi ở phần thứ nhất)*	150

★

Biên tập : TUYẾT MAI — SONG MAI
Trình bày : HOÀNG TRƯỜNG
Viết chữ Nôm : HUỲNH LỨA
Chữa bản in : HUỲNH LONG
Bìa : HOÀNG TRƯỜNG

In 6300 cuốn. Khổ sách 14,5×21. Nhà in Văn Hữu 59/6 Phan Đăng Lưu, Thành phố Hồ Chí Minh. Số xuất bản 5/KHXH 76
In xong tháng 7-1976. Lưu chiểu tháng 8-1976

ĐÍNH CHÍNH

BẢNG TRA CHỮ NÔM

Trang	Cột	Chữ số	In là	Sửa là
7	dòng 2	L.G.T.	nghĩa	nghĩa *phù*
29	1	408	RƯỢU	*RƯỢN*
35	2	563	khước trừ	khước *từ*
51	2	930	ráp ranh	*rắp* ranh
59	2	1108	ngoảy cổ	*ngoảy đuôi*
65	1	1226	RÔNG : rông cá	*Rộng : rộng cá*
79	1	1564	DA	DÀ
100	2	2073	CHẤT	*CHỐT : chốt* chặt cửa
120	2	2551	mép sống	mép *sông*
137	2	2950	LÉP	thêm ví dụ : *lúa lép*
143	2	3089	(thông là « đủ »)	Xin bỏ
166	1	3929	từ tiệt	*trừ* tiệt
168	2	3990	manh nhà	manh *nha*
192	2	4285	LƠ	*LỚ*
201	2	4511	tuấn gút	tuấn *tú*
211	2	4749	nức thứng	nức *thúng*
234	1	5317	phũ phong	phũ *phàng*
276	1	6360	(mặc là « để mà »)	Xin bỏ
304	1	7070	trời mù	*trời* mù
329	1	7728	LẠP	*LẠC :* lục *lạc*
341	1	8045	dùi lô	dùi *lỗ*
427	MỤC LỤC		CÁCH VIẾT CHỮ NÔM tr. 150	CÁCH VIẾT CHỮ NÔM tr. 347

Giá tiền Bắc : 2đ50
Giá tiền Nam : 2đ00